

# THƯ MỤC QUỐC GIA THÁNG 04 NĂM 2026

## THÔNG TIN HỌC VÀ TÁC PHẨM TỔNG QUÁT

1. Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Cần Thơ - 20 năm xây dựng & phát triển (2005 - 2025) / B.s., tuyển chọn: Nguyễn Thái An, Võ Thị Lộc, Võ Ngọc Hiền, Trà Đức Phô. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 124 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b s624660

2. Trần Huiền Ân. Văn hóa văn nghệ trên Tạp chí Bách khoa / Trần Huiền Ân. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 231 tr. ; 24 cm. - 15000đ. - 1000b  
Tên thật tác giả: Trần Sĩ Huệ. - Thư mục: tr. 225-226 s624192

## TIN HỌC, TRI THỨC VÀ HỆ THỐNG

3. Bài tập Tin học 6 / Hà Đăng Cao Tùng (ch.b.), Nguyễn Hải Châu, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 100 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 15000đ. - 160449b s624362

4. Bài tập Tin học 8 / Hà Đăng Cao Tùng (ch.b.), Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 120 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18000đ. - 157419b s624363

5. Bài tập Tin học 10 / Phạm Thế Long, Đào Kiến Quốc (ch.b.), Bùi Việt Hà... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 147 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 20000đ. - 21000b s624364

6. Bài tập Tin học 11 - Định hướng khoa học máy tính / Phạm Thế Long (ch.b.), Bùi Việt Hà, Nguyễn Hoàng Hà... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 132 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 22000đ. - 8000b s624365

7. Bài tập Tin học 12 - Định hướng khoa học máy tính / Phạm Thế Long (ch.b.), Bùi Việt Hà, Dương Quỳnh Nga... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 120 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 20000đ. - 4000b s624366

8. Bài tập Tin học 12 - Định hướng tin học ứng dụng / Phạm Thế Long (ch.b.), Bùi Việt Hà, Dương Quỳnh Nga... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 112 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 19000đ. - 4000b s624367

9. Bùi Đức Tiến. Giáo trình Học máy và ứng dụng : Lý thuyết và thực hành / Bùi Đức Tiến, Đỗ Trung Tuấn. - H. : Tri thức, 2025. - 312 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 50b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội. - Phụ lục: tr. 295-310. - Thư mục: tr. 311 s626392

10. Chọn : Tuyển tập / Nguyên Cấn, Lê Học Lãnh Vân, Nguyễn Văn Tuấn... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 24 cm. - 120000đ. - 500b  
T.4. - 2025. - 229 tr. : ảnh s625540

11. Chuyên đề học tập Tin học 11 - Định hướng Khoa học máy tính / Phạm Thế Long (tổng ch.b.), Bùi Việt Hà (ch.b.), Nguyễn Hoàng Hà... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 71 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13000đ. - 10000b s624591

12. Chuyên đề học tập Tin học 11 - Định hướng Tin học ứng dụng / Phạm Thế Long (tổng ch.b.), Bùi Việt Hà, Đào Kiến Quốc (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 75 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 14000đ. - 21000b s624592

13. Chuyên đề học tập Tin học 12 - Định hướng Tin học ứng dụng / Phạm Thế Long (tổng ch.b.), Đào Kiến Quốc (ch.b.), Ngô Văn Thứ, Đặng Bích Việt. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 92 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18000đ. - 8000b s624593

14. Dung Nguyễn. Bình dân học vụ số - Học công nghệ từ con số 0 / Dung Nguyễn. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 219 tr. ; 21 cm. - 1000b s624094

15. Dung Nguyễn. Trí tuệ nhân tạo về làng / Dung Nguyễn. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 199 tr. ; 21 cm. - 1000b s624095

16. Đoàn Thị Hương Giang. Giáo trình Trí tuệ nhân tạo và ứng dụng trong tự động hóa / Đoàn Thị Hương Giang. - H. : Công Thương, 2025. - 343 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 200000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Điện lực. Khoa Điều khiển và Tự động hóa. - Thư mục: tr. 339-343 s625359

17. Đồ Tử Bái. Bộ não thứ hai : Tương lai của sự kết hợp giữa não bộ và công nghệ / Đồ Tử Bái ; Lê Minh Châu dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 295 tr. : minh họa ; 21 cm. - 179000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Trung: 第二大脑 : 脑机协作如何改变个人发展和家族传承 s626065

18. Giáo dục năng lực số và trí tuệ nhân tạo lớp 6 / Huỳnh Ngọc Thanh (ch.b.), Tô Thị Vân Anh, Nguyễn Trí Dũng... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 63 tr. : minh họa ; 27 cm. - 29000đ. - 500b s624714

19. Giáo dục năng lực số và trí tuệ nhân tạo lớp 7 / Huỳnh Ngọc Thanh (ch.b.), Tô Thị Vân Anh, Nguyễn Trí Dũng... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 63 tr. : minh họa ; 27 cm. - 29000đ. - 500b s624715

20. Giáo dục năng lực số và trí tuệ nhân tạo lớp 8 / Huỳnh Ngọc Thanh (ch.b.), Tô Thị Vân Anh, Nguyễn Trí Dũng... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 63 tr. : minh họa ; 27 cm. - 29000đ. - 500b s624716

21. Giáo dục năng lực số và trí tuệ nhân tạo lớp 9 / Huỳnh Ngọc Thanh (ch.b.), Tô Thị Vân Anh, Nguyễn Trí Dũng... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 63 tr. : minh họa ; 27 cm. - 29000đ. - 500b s624717

22. Giáo dục phát triển năng lực số lớp 6 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Vương Quốc Anh, Đào Ngọc Chính... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 67 tr. : minh họa ; 27 cm. - 45000đ. - 3000b s624712

23. Giáo dục phát triển năng lực số lớp 7 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Vương Quốc Anh, Đào Ngọc Chính... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 71 tr. : minh họa ; 27 cm. - 45000đ. - 3000b s624713

24. Giáo trình Cấu trúc dữ liệu và giải thuật = Data structures and algorithms / B.s.: Phạm Thủy Tú (ch.b.), Trương Đình Hải Thủy, Trương Xuân Hương... - H. : Tài chính, 2025. - 402 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 210000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Bộ Tài chính. Trường Đại học Tài chính - Marketing. - Thư mục cuối mỗi chương s624158

25. Giáo trình Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin / Nguyễn Thị Hội (ch.b.), Nguyễn Quang Trung, Bùi Quang Trường, Trần Thị Nhung. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 459 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 218000đ. - 250b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thương mại. - Thư mục cuối mỗi chương s624146

26. Giáo trình Tin học đại cương / Dương Thanh Linh (ch.b.), Nguyễn Chí Thanh, Lê Trung Hậu, Nguyễn Hoàng Khởi. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 365 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 250000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Bình Dương. Phân hiệu Cà Mau. - Phụ lục: tr. 363-365 s623947

27. 25 đề luyện thi đánh giá năng lực theo cấu trúc đề của Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh / Nguyễn Mạnh Hưởng, Vũ Thị Dung, Trịnh Phương Dung... - H. : Dân trí, 2025. - 638 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Sách ID - Một cuộc cách mạng Sách). - 250000đ. - 5000b s624012

28. Hướng dẫn ôn thi tốt nghiệp Trung học phổ thông môn Tin học năm học 2025 - 2026 / Trần Văn Hưng, Hồ Vĩnh Thắng (ch.b.), Lê Hiếu... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 204 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 90000đ. - 2000b s624670

29. Kỹ yếu Diễn đàn khoa học sinh viên 2025 / Nguyễn Bảo Ngọc, Hoàng Văn Lực, Hoàng Dinh Viet Anh... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 873 tr. : minh họa ; 30 cm. - 250000đ. - 120b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Ngoại ngữ. - Thư mục cuối mỗi bài s626569

30. Kỹ yếu Hội nghị khoa học giảng viên, học viên và sinh viên Trường Luật và Quản lý phát triển năm 2025 / Trần Thị Anh Thư, Đỗ Mạnh Tuấn, Huỳnh Thị Kim Dung... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 635 tr. : minh họa ; 24 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủ Dầu Một. Trường Luật và Quản lý phát triển. - Thư mục cuối mỗi bài s626329

31. Mỹ thuật 12 - Thiết kế mỹ thuật đa phương tiện / Đinh Gia Lê (tổng ch.b.), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (ch.b.), Nguyễn Thị Minh Thúy. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 6000đ. - 12000b s624780

32. Nguyễn Phúc Hưng. Giáo trình Thực hành phát triển ứng dụng web / Nguyễn Phúc Hưng, Võ Ngọc Tấn Phước (ch.b.), Lê Ngọc Sơn. - Tái bản lần 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 105 tr. : minh họa ; 28 cm. - 90000đ. - 500b

Phụ lục: tr. 97-104. - Thư mục: tr. 105 s624025

33. Nguyễn Thị Bắc Thái. Bí kíp sinh tồn cho trẻ - Bí kíp sử dụng Internet hiệu quả - An toàn / Lời: Nguyễn Thị Bắc Thái ; Minh họa: Hoàng Thùy. - H. : Văn học, 2025. - 63 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 50000đ. - 5000b s623640

34. Nguyễn Tiến Ban. Giáo trình An toàn mạng thông tin / Nguyễn Tiến Ban (ch.b.), Phạm Anh Thư. - H. : Khoa học - Công nghệ - Truyền thông, 2025. - 455 tr. : minh họa ; 24 cm. - 248000đ. - 520b

ĐTTS ghi: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông. - Thư mục cuối chính văn s626305

35. Ôn luyện thi tốt nghiệp THPT môn Tin học : Theo Chương trình GDPT mới / Nguyễn Thanh Hùng, Vũ Hữu Ninh, Thiều Thị Ngọc. - H. : Dân trí, 2025. - 158 tr. : bảng ; 27 cm. - 120000đ. - 5000b s626517

36. Phillips, Anna. Moving into Information Technology : Course book : A2 - B1+ / Anna Phillips, Terry Phillips ; Ed.: Vo Thi Lien Huong. - Hue : Hue University, 2025. - 232 p. : ill. ; 28 cm. - (Garnet education). - 3000 copies s625097

37. Proceeding of the fifth scientific conference for students 2024 / Phan Thi Khanh Nguyen, Nguyen Ngoc Thanh Truc, Nguyen Phuoc Bao Thien... - H. : Economic - Finance, 2025. - 481 p. : ill. ; 29 cm. - 50 copies

At head of title: Vietnam National University - Ho Chi Minh City. International University. - Bibliogr. at the end of the paper s625191

38. Taleb, Nassim Nicholas. Thiên nga đen : Xác suất cực nhỏ, tác động cực lớn / Nassim Nicholas Taleb ; Dịch: Cam Thảo, Hoàng Trung ; Huyền Anh Tú h.đ. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Thế giới, 2025. - 627 tr. : minh họa ; 24 cm. - 299000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: The black swan s625673

39. Thùy Trang. 10 vạn câu hỏi vì sao - Cuộc sống quanh ta / S.t., b.s.: Thùy Trang, Thanh Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 79 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Những điều bí ẩn trẻ em thích khám phá nhất). - 55000đ. - 7000b s626161

40. Tin học 6 / Nguyễn Chí Công (tổng ch.b.), Hà Đăng Cao Tùng (ch.b.), Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 75 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 245000b s624589

41. Tin học 6 / Quách Tất Kiên (tổng ch.b.), Quách Tất Hoàn, Hồ Thị Hồng, Đào Thị Thò. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 80 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 12500đ. - 58580b s624587

42. Tin học 11 - Định hướng Khoa học máy tính / Phạm Thế Long (tổng ch.b.), Bùi Việt Hà, Đào Kiến Quốc (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 147 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 20000đ. - 41706b s624590

43. Tổng ôn cấp tốc luyện thi đánh giá năng lực theo cấu trúc đề thi của Đại học Quốc gia Hà Nội: Khoa học : Hệ thống kiến thức và phương pháp kỹ năng theo chuyên đề... / Nguyễn Thành Công, Thiều Thị Dung, Nguyễn Thị Tuyết Trinh... - H. : Công Thương, 2025. - 200 tr. : minh họa ; 27 cm. - 250000đ. - 4000b s625363

44. Tớ đến với lập trình ScratchJR - Tập thu âm và lồng tiếng / Lời: Tracy Gardner, Elbric de Kock ; Minh họa: Hannah Marks ; Nam Hoàng dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Dân trí, 2025. - 31 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 55000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Get set go coding ScratchJR speech and sounds s623982

45. Trần Thị Vân Anh. Tập bài giảng Tiếng Anh chuyên ngành : Dành cho đào tạo trình độ đại học, ngành Công nghệ thông tin và ngành Kỹ thuật CAND / Trần Thị Vân Anh. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 295 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 55b

ĐTTS ghi: Bộ Công an. Học viện Kỹ thuật và Công nghệ an ninh. - Lưu hành nội bộ s626263

46. Tuyển tập các công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên năm 2025 / Trần Văn Tôn, Nghiêm Ngọc Hoài, Phùng Thị Thanh Huyền... - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 321 tr. : minh họa ; 30 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Mở - Địa chất. - Thư mục cuối mỗi bài s623903

47. Vũ Duy Yên. Mấy vấn đề nhận thức mới / Vũ Duy Yên. - H. : Tri thức, 2025. - 263 tr. ; 21 cm. - 115000đ. - 100b s625786

## TRIẾT HỌC

48. Bài tập Giáo dục công dân 6 / Đinh Phương Duy, Đào Thị Ngọc Minh, Huỳnh Văn Sơn (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 56 tr. : bảng ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 10000đ. - 52000b s624341

49. Bài tập Giáo dục công dân 7 / Nguyễn Thị Toan (ch.b.), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 55 tr. : băng ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 80401b s624342

50. Barlow, Don. Khi ái kỷ đội lột tình yêu : Nhận diện thao túng tâm lý và thiết lập ranh giới an toàn / Don Barlow ; Eve La Lune dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 175 tr. ; 20 cm. - 119000đ. - 2000b s625249

51. Berger, Carole. Ho'oponopono : Sống như người Hawaii: Chấp nhận, biết ơn và tha thứ / Carole Berger ; Hoàng Lan dịch. - In lần 6. - H. : Công Thương, 2025. - 158 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 109000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: Ho'oponopono : The ancient Hawaiian practice of gratitude and forgiveness. - Thư mục: tr. 157 s626058

52. Bloom. Giá như có ai đó dạy tôi trưởng thành : Trưởng thành theo hệ 4.0 / Bloom. - Tái bản lần 4. - H. : Văn học, 2025. - 214 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 96000đ. - 1000b s623772

53. Boethius. Sự an ủi của triết học / Boethius ; Tạ Thành Tấn dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 230 tr. : hình vẽ, ảnh ; 21 cm. - 115000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: The consolation of philosophy. - Tên thật tác giả: Anicius Manlius Severinus Boethius s625639

54. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Giáo dục công dân 7 / Trần Thị Mai Phương, Nguyễn Thị Toan, Phạm Khuê Anh, Vũ Thị Lan Anh. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 tr. : băng ; 24 cm. - 37000đ. - 5000b s624343

55. Butler, Kristen. Giải mã vùng an toàn = The comfort zone : Đòn bẫy để làm ít hưởng nhiều / Kristen Butler ; Dịch: Phạm Trang Nhung, Ngô Thanh Tâm. - H. : Công Thương, 2025. - 275 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 199000đ. - 1500b s626039

56. Canfield, Jack. Người nam châm : Bí mật của Luật hấp dẫn / Jack Canfield, D. D. Watkins ; Dịch: Thu Huyền, Thanh Minh. - In lần 34. - H. : Công Thương, 2025. - 194 tr. : băng ; 21 cm. - 99000đ. - 4000b

Tên sách tiếng Anh: Jack Canfield's key to living the law of attraction s626046

57. Carnegie, Dale. Đắc nhân tâm = How to win friends & influence people : Cuốn sách hay nhất mọi thời đại đưa bạn đến thành công / Dale Carnegie ; Nguyễn Văn Phước dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 391 tr. ; 17 cm. - 68000đ. - 5000b

Phụ lục: tr. 380-387 s626324

58. Carnegie, Dale. Quảng gánh lo đi và vui sống = How to stop worrying and start living : Bí quyết cho bạn cuộc sống thanh thản và hạnh phúc / Dale Carnegie ; Mai Thị Thu Huyền dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 299 tr. ; 21 cm. - 98000đ. - 10000b s623787

59. Chang Hui Tzu. Hội chứng con gái cả / Chang Hui Tzu ; Hà Dung dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 287 tr. ; 21 cm. - 129000đ. - 3000b s625637

60. Christensen, Clayton M. Thước đo nào cho cuộc đời bạn? = How will you measure your life? / Clayton M. Christensen, James Allworth, Karen Dillon ; Trần Thị Ngân Tuyền dịch. - In lần thứ 5. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 252 tr. ; 21 cm. - 105000đ. - 1000b s624229

61. Duprée, Ulrich E. Ho'oponopono - Phục hồi tự nhiên, chữa lành cuộc sống, hoàn thiện cuộc đời / Ulrich E. Duprée ; Ngọc Minh dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 86 tr. : ảnh ; 21 cm. - 66000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Ho'oponopono : The Hawaiian forgiveness ritual as the key to your life's fulfillment s626064

62. Đại Tướng Quân. Bên chí thành nhân 2 / Đại Tướng Quân. - H. : Văn học, 2025. - 206 tr. ; 21 cm. - 250000đ. - 5000b s623671

63. Đại Tướng Quân. Bên chí thành nhân 2 / Đại Tướng Quân. - H. : Văn học, 2025. - 206 tr. ; 21 cm. - 350000đ. - 10000b s623672

64. Đào Xuân Khương. Con đường nâng tâm nhận thức và hành vi : Dẫn lối tới thành công trong công việc và bình an trong cuộc sống / Đào Xuân Khương. - H. : Công Thương, 2025. - 190 tr. : minh họa ; 19 cm. - 109000đ. - 2000b s626043

65. Định luật Murphy - Dạy trẻ mỉm cười trước những rắc rối : 23+ bài học giúp trẻ rèn tâm tính. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 160 tr. : minh họa ; 21 cm. - 168000đ. - 10000b s625901

66. Đức Thành. Thông thư / Đức Thành b.s. - H. : Hồng Đức, 2026. - 151 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - (Tinh hoa văn hóa Việt). - 70000đ. - 5000b s625857

67. Đừng lo, cậu đã làm rất tốt rồi : Truyện tranh / Tâm Lý Đơn Giản ; Bé Đào dịch. - H. : Văn học, 2025. - 126 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 132000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 这一次,让我紧紧抱住你 s623682

68. Farabi, Al. Luận thuyết về sự cần thiết: Phải phấn đấu vì một quốc gia xuất sắc : Quan điểm của [công dân] của các quốc gia xuất sắc và những quốc gia đối lập / Al Farabi ; Nguyễn Văn Chiến dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 571 tr. : tranh vẽ ; 25 cm. - 500b

Thư mục trong chính văn s626009

69. Fenwick, Ali. Cờ đỏ, cờ xanh = Red flags, green flags : Tâm lý học hiện đại, giải mã drama cuộc sống / Ali Fenwick ; Phạm Thùy Linh dịch. - H. : Thông tấn, 2025. - 422 tr. ; 24 cm. - 230000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 395-419 s625684

70. Fredriksen, Katia. Tư duy khác biệt - Rối loạn tăng động giảm chú ý - ADHD / Katia Fredriksen, Yael Rothman ; Đăng Ngọc dịch ; Minh họa: Jennifer Ball Cordero. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 39 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 39000đ. - 2000b s626140

71. Fredriksen, Katia. Tư duy khác biệt - Tự kỷ / Katia Fredriksen, Yael Rothman ; Đăng Ngọc dịch ; Minh họa: Jennifer Ball Cordero. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 39 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 39000đ. - 2000b s626141

72. Gadamer, Hans-Georg. Chân lý và phương pháp = Wahrheit und methode / Hans-Georg Gadamer ; Dịch: Nguyễn Sỹ Nguyên... ; Bùi Văn Nam Sơn h.đ. - H. : Tri thức, 2025. - 684 tr. ; 24 cm. - 600000đ. - 1000b s625803

73. Genova, Lisa. Mình định làm gì ấy nhỉ? : Nghệ thuật khai phá sức mạnh não bộ và sử dụng trí nhớ / Lisa Genova ; Phạm Thư dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 268 tr. ; 20 cm. - (Tủ sách Sống khác). - 115000đ. - 2000b

Phụ lục: tr. 252-266 s625244

74. Giáo dục công dân 7 / Nguyễn Thị Toan (ch.b.), Trần Thị Mai Phương, Nguyễn Hà An... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 63 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9000đ. - 369195b s624723

75. Giáo dục công dân 8 / Nguyễn Thị Toan (ch.b.), Trần Thị Mai Phương, Nguyễn Hà An... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 71 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9000đ. - 216000b s624724

76. Giáo dục công dân 9 / Nguyễn Thị Toan (ch.b.), Trần Thị Mai Phương, Nguyễn Hà An... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 55 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 8000đ. - 359742b s624725

77. Goleman, Daniel. Trí tuệ xã hội = Social intelligence : Vũ điệu thần kinh kết nối mọi bộ não / Daniel Goleman ; Dịch: Nguyễn Trang, Hồng Việt. - H. : Thế giới, 2026. - 447 tr. ; 24 cm. - 249000đ. - 3000b

Phụ lục: tr. 428-447 s623775

78. Goleman, Daniel. Trí tuệ xúc cảm : Lý giải tại sao người kém thông minh lại thành công hơn những người thông minh / Daniel Goleman ; Dịch: Nguyễn Lê Phương, Phạm Thị Thu Hà. - Tái bản lần thứ 13. - H. : Công Thương, 2026. - 396 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 199000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Emotional intelligence : Why it can matter more than IQ. - Phụ lục: tr. 365-390 s626059

79. Hà Huy Thanh. DISA - Học thuyết về tình thương = DISA - The philosophy of compassion / Hà Huy Thanh ; Thảo Đan dịch. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 268 tr. ; 24 cm. - 5000b s626308

80. Hà Minh. Nói thế nào để được chào đón, làm thế nào để được ghi nhận / Hà Minh b.s. - H. : Văn học, 2025. - 283 tr. ; 21 cm. - 90000đ. - 2000b s623632

81. Hà Vĩnh Thọ. Muôn mặt của yêu thương / Hà Vĩnh Thọ ; Nhóm dịch Học viện Eurasia chuyển ngữ. - In lần 2. - H. : Công Thương, 2025. - 213 tr. ; 23 cm. - 159000đ. - 1500b s626052

82. Hà Yên. Hiếu thảo / Hà Yên b.s. ; Minh họa: Hoài Phương. - In lần thứ 18. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 86 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Gieo mầm tính cách). - 32000đ. - 3000b s625732

83. Hà Yên. Tự tin / Hà Yên b.s. ; Minh họa: Hoài Phương. - In lần thứ 20. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 82 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Gieo mầm tính cách). - 32000đ. - 3000b s625667

84. Hawkins, David R. Power vs force : Trường năng lượng và những yếu tố ảnh hưởng quyết định hành vi của con người / David R. Hawkins ; Phạm Nguyên Trường dịch. - In lần 19. - H. : Thế giới, 2025. - 417 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 179000đ. - 2000b

Phụ lục: tr. 351-365. - Thư mục: tr. 403-418 s625675

85. Hirigoyen, Marie-France. Quấy rối tinh thần : Bạo lực đồi bại trong cuộc sống hàng ngày / Marie-France Hirigoyen ; Trần Thị Châu Hoàn dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 327 tr. ; 21 cm. - 136000đ. - 1200b

Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp: Le harcèlement moral : La violence perverse au quotidien s625895

86. Hoàng Mạnh Hải. 50 câu hỏi về nhân sinh quan / Hoàng Mạnh Hải. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Thế giới, 2025. - 342 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 180000đ. - 1500b s625664

87. Học Tử Tiểu Đào. Bản chất tình yêu : Tình yêu là bản năng, hạnh phúc cần bản lĩnh / Học Tử Tiểu Đào ; Vân Khánh dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 320 tr. ; 21 cm. - 146000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 不要在想象的爱里沉沦 s625870

88. Hồ Thúy Mi. 25 tuyệt chiêu để thay đổi / Hồ Thúy Mi, Trần Đình ; Phạm Thanh Hương dịch. - Tái bản lần 6. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 269 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Rèn luyện kỹ năng sống dành cho học sinh). - 110000đ. - 3000b s625315
89. Hồng Quang. Cá tính học : Để hiểu mình và hướng dẫn các bạn trẻ / Hồng Quang. - H. : Hồng Đức, 2025. - 151 tr. : bảng ; 21 cm. - (Tủ sách Nước Mặn). - 50000đ. - 500b  
Tên thật tác giả: Huy Lê Văn Quang. - Thư mục: tr. 151 s626087
90. Hy Trương. Nhân tướng học / Hy Trương. - H. : Tri thức, 2025. - 487 tr. : bảng, tranh vẽ ; 24 cm. - 250000đ. - 5000b s625805
91. IR MAP - Bản đồ tới tự do : Chia khóa giải mã tâm trí. Giải phóng cảm xúc. Kết nối mọi mối quan hệ / Nicole Vu (ch.b.), Nguyễn Phương Lan, Trịnh Ngọc Minh Châu, Nguyễn Gia Bảo. - H. : Thế giới, 2025. - 243 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 159000đ. - 2000b s625630
92. Khai sáng tư duy trẻ em : Truyện tranh thiếu nhi / Hùng Tinh Triền ; Cao Phương Thảo dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 120 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 109000đ. - 5000b  
Tên sách tiếng Trung: 作品:漫画儿童变通思维 s625806
93. Khởi Hàng. Tính cách quyết định số phận, khí chất thay đổi cuộc đời / Khởi Hàng ; Thu Trang dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 399 tr. ; 21 cm. - 222000đ. - 1000b s626082
94. Kishimi Ichiro. Dám hạnh phúc / Kishimi Ichiro, Koga Fumitake ; Nguyễn Thanh Vân dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 297 tr. ; 21 cm. - 125000đ. - 1500b  
Dịch từ nguyên bản tiếng Nhật: 幸せになる勇氣 s625232
95. Lanir, Zvi. Tư duy kiểu " cáo " = Thinking like a fox : Ra quyết định bằng trí tuệ thực tiễn / Zvi Lanir ; Hà Kim Ngân dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 215 tr. : hình vẽ ; 20 cm. - 100000đ. - 1500b  
Phụ lục: tr. 206-215 s624200
96. Lần này, hãy để tớ ôm cậu thật chặt : Truyện tranh / Tâm Lý Đơn Giản ; Bé Đào dịch. - H. : Văn học, 2025. - 172 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 166000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Trung: 这一次,让我紧紧抱住你 s623681
97. Lê Nhật Nam. Điều bạn tìm cũng đang tìm kiếm bạn / Lê Nhật Nam. - H. : Văn học, 2025. - 223 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 120000đ. - 1000b s623620
98. Lê Thị Nam An. Logic hình thức / Lê Thị Nam An. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 259 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 150000đ. - 300b  
Thư mục: tr. 258-259 s624302
99. Liêu Vỹ. Giải mã mọi hành vi của trẻ = Child psychology mindmap : 42 sơ đồ tư duy giúp cha mẹ thấu hiểu tâm lý và hành vi của con... / Liêu Vỹ ; Hiểu Minh dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 223 tr. : hình vẽ, sơ đồ ; 24 cm. - 139000đ. - 5000b  
Tên sách tiếng Trung: 儿童心理学思维导图 s625809
100. Lý Tịnh. Phong thủy nhập môn : Con đường ngắn nhất để tìm hiểu và ứng dụng phong thủy / Lý Tịnh ; Phạm Hồng dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 334 tr. : minh họa ; 27 cm. - 160000đ. - 2000b s623839
101. Makoff, Jeffrey. Tư duy ra quyết định / Jeffrey Makoff, Rhoda Makoff ; Nguyễn Ngọc Yên dịch. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 270 tr. ; 21 cm. - 185000đ. - 1000b s625502

102. Maxwell, John C. 15 nguyên tắc vàng về phát triển bản thân = The 15 invaluable laws of growth / John C. Maxwell ; Nguyễn Hương Giang dịch. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Thế giới, 2025. - 399 tr. ; 21 cm. - 189000đ. - 3000b s625662
103. 12 nguyên tắc nhìn người - Đọc vị người thấu hiểu bất kỳ ai để nắm kiểm soát / Weupbook. - H. : Dân trí, 2025. - 167 tr. : minh họa ; 21 cm. - 180000đ. - 5000b s625234
104. Newton, Michael. Hành trình của linh hồn / Michael Newton ; Thanh Huyền dịch. - In lần 18. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 425 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 169000đ. - 1500b  
Tên sách tiếng Anh: Journey of souls s625727
105. Ngô Lượng. Tự hỏi ta đã sống như thế nào? / Ngô Lượng. - H. : Văn học, 2025. - 244 tr. ; 20 cm. - 183000đ. - 1000b s623619
106. Nguyễn Anh. Đứa trẻ hiểu chuyện thường không có kẹo ăn / Nguyễn Anh ; Nguyệt Lạc dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 366 tr. ; 21 cm. - 148000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Trung: 拥抱内在的小孩 s623791
107. Nguyễn Danh Khoa. Giáo dục đạo đức, văn hóa ứng xử trong trường học và ngoài xã hội / Nguyễn Danh Khoa b.s. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 231 tr. ; 24 cm. - 250000đ. - 9500b  
ĐTTS ghi: Viện Khoa học An toàn Việt Nam s626298
108. Nguyễn Đoàn Kim Sơn. Lãnh đạo chính mình : Những câu nói hay thay đổi cuộc đời / B.s.: Nguyễn Đoàn Kim Sơn (ch.b.), Nhóm dự án Tủ sách Tinh hoa. - H. : Khoa học - Công nghệ - Truyền thông, 2025. - 241 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 170000đ. - 2000b s626316
109. Nguyễn Hạnh. Tình chị em : 12+ / Nguyễn Hạnh, Trần Thị Thanh Nguyên. - In lần thứ 8. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 98 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - (500 câu chuyện đạo đức). - 40000đ. - 2000b s625486
110. Nguyễn Phi Vân. Go global : Cảm nang Sống, làm việc & tỏa sáng toàn cầu / Nguyễn Phi Vân. - H. : Thế giới, 2025. - 479 tr. : minh họa ; 24 cm. - 288000đ. - 3000b  
Thư mục: tr. 478-479 s625648
111. Nguyễn Thu Nga. Thiên mệnh giàu sang : Sơ cấp / Nguyễn Thu Nga. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 303 tr. ; 27 cm. - 399000đ. - 2000b s626566
112. Nguyễn Văn Dũng. Hành trình trở về với chính mình : Viết cho chính mình, viết cho những ai đang tìm lối ra / Nguyễn Văn Dũng. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 117 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 500b s625859
113. Nguyễn Viết Hiền. Vấn đề đạo đức trong thực hành tâm lý lâm sàng / Nguyễn Viết Hiền (ch.b.), Lê Ngọc Trâm. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 277 tr. : bảng ; 21 cm. - 800b  
Thư mục: tr. 267-277 s626338
114. Nguyễn Viết Hiếu. Hạnh phúc để thành công / Nguyễn Viết Hiếu. - H. : Tri Thức, 2025. - 259 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 180000đ. - 2000b s625782
115. Những câu chuyện bồi dưỡng chỉ số EQ - Chỉ số cảm xúc : Những câu chuyện hay - Những thói quen tốt : Dành cho trẻ em 4+ / UTOP ; Tạ Văn Đạt dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 127 tr. : tranh màu ; 25 cm. - 75000đ. - 2000b s625958
116. Nielsen, Cynthia R. Chú giải đa âm về Chân lý và Phương pháp của Gadamer = Gadamer's truth and method - A polyphonic commentary / Ch.b.: Cynthia R. Nielsen, Greg Lynch ; Dịch: Nguyễn Sỹ Nguyên, Hoàng Phú Phương ; Bùi Văn Nam Sơn h.đ. - H. : Tri thức, 2025. - 467 tr. : bảng, sơ đồ ; 22 cm. - 360000đ. - 1000b s625802

117. Peck, M. Scott. Con đường chẳng mấy ai đi : Tâm lý học kinh điển về tình yêu, phẩm giá và hành trình trưởng thành tinh thần / M. Scott Peck ; Lâm Đặng Cam Thảo dịch. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Dân trí, 2025. - 343 tr. ; 21 cm. - 165000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: The road less traveled : A new psychology of love, traditional value and spiritual growth s625225

118. Phạm Thu Trang. Nhân cách dưới góc độ Mác-xít: Nghiên cứu lý luận và thực tiễn trong bối cảnh Việt Nam hiện nay : Sách chuyên khảo / Phạm Thu Trang. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 199 tr. ; 21 cm. - 800b

Thư mục: tr. 189-199 s625778

119. Phan Thị Thanh Hương. Giáo trình Tâm lý học nhận thức / Phan Thị Thanh Hương (ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc, Minh Thị Lâm. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 209 tr. : minh họa ; 24 cm. - 120000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Sài Gòn. - Thư mục: tr. 208-209 s626345

120. Ruiz, Miguel. Hành trình làm chủ cuộc đời = The mastery of life: A Toltec guide to personal freedom / Don Miguel Ruiz Jr. ; Thái Dương dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 239 tr. ; 21 cm. - 180000đ. - 1000b s626066

121. Sand, Ilse. Bạn còn đang vương vấn một người? / Ilse Sand, Thủy An dịch. - H. : Văn học, 2025. - 218 tr. : hình vẽ ; 20 cm. - 105000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Do you miss someone? How to heal a damaged relationship - or let it go. - Thư mục: tr. 215-216 s623621

122. Sandel, Michael. Phải trái đúng sai = Justice: What's the right thing to do? / Michael Sandel ; Hồ Đắc Phương dịch. - In lần thứ 28. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 401 tr. ; 20 cm. - (Cánh cửa mở rộng). - 155000đ. - 1500b s624227

123. Sanders, Jess. Em chính là món quà tuyệt vời nhất : Dành cho độ tuổi 6+ / Jess Sanders ; Nhã Nam dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Bí quyết để yêu thương bản thân). - 20000đ. - 2000b s624217

124. Sanders, Jess. Không có gì là quá khó : Dành cho độ tuổi 6+ / Jess Sanders ; Nhã Nam dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Bí quyết để yêu thương bản thân). - 20000đ. - 2000b s624210

125. Sanders, Jess. Lòng bao dung là sức mạnh : Dành cho độ tuổi 6+ / Jess Sanders ; Nhã Nam dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Bí quyết để yêu thương bản thân). - 20000đ. - 2000b s624211

126. Sanders, Jess. Tự tin là sức mạnh : Dành cho độ tuổi 6+ / Jess Sanders ; Nhã Nam dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Bí quyết để yêu thương bản thân). - 20000đ. - 2000b s624212

127. Schwarz, Susan E. Ảnh hưởng từ sự thiếu vắng người cha lên cuộc đời con gái = The absent father effect on daughters : Theo tâm lý học phân tích của Carl Jung / Susan E. Schwarz ; Rubi dịch. - H. : Công Thương, 2026. - 343 tr. ; 24 cm. - (Tủ sách Tâm lý học ứng dụng). - 159000đ. - 2000b

Thư mục cuối mỗi chương s625356

128. Shiratori Haruhiko. Suy nghĩ ngược : Cuốn sách cải thiện suy nghĩ giúp bạn sống chủ động, tích cực và thành công / Shiratori Haruhiko ; Yên Châu dịch. - H. : Dân trí, 2026. - 178 tr. ; 19 cm. - 50000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Nhật: 頭がよくなる逆説の思考術 s625665

129. Tăng Quốc Phiên. Trí tuệ Bǎng Giám / Tăng Quốc Phiên ; Ngọc Vân dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 547 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 175000đ. - 1000b s626105
130. Thu Giang Nguyễn Duy Cần. Lão Tử - Đạo đức kinh = 老子道德经 / Thu Giang Nguyễn Duy Cần dịch, bình chú. - In lần thứ 19. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 405 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 130000đ. - 1500b  
Tên thật tác giả: Nguyễn Duy Cần s625484
131. Thu Giang Nguyễn Duy Cần. Một nghệ thuật sống / Thu Giang Nguyễn Duy Cần. - In lần thứ 18. Tái bản, sửa chữa cẩn thận theo bản in 1960 và bổ sung thêm phần chú thích. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 161 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - 75000đ. - 1500b  
Tên thật tác giả: Nguyễn Duy Cần. - Phụ lục: tr. 115-161 s625483
132. Thu Giang Nguyễn Duy Cần. Thuật yêu đương : Ấn phẩm kỷ niệm 60 năm xuất bản lần đầu / Thu Giang Nguyễn Duy Cần. - In lần thứ 17. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 335 tr. ; 19 cm. - (Tủ sách Nguyễn Duy Cần). - 120000đ. - 1500b  
Tên thật tác giả: Nguyễn Duy Cần s625485
133. Thuật đọc tâm / Firebooks. - H. : Văn học, 2025. - 164 tr. ; 21 cm. - 135000đ. - 2000b s623660
134. Tình Thiên Oa Oa. Đời ta do ta làm chủ / Tình Thiên Oa Oa ; Phạm Hồng Yến dịch. - H. : Văn học, 2026. - 339 tr. : ảnh ; 21 cm. - 120000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Trung: 你的存在值得世界青睐 s623649
135. Típ công sở 1 - Khả năng tư duy : Nắm bắt siêu tốc 49 mẹo tư duy / Instant Research Institute ; Ngọc Anh dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 267 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 95000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Trung: 快速收获49个思考锦囊 s625882
136. Tống Khánh Thượng. Thần số học - Thấu hiểu nhân tâm / Tống Khánh Thượng. - In lần 13. - H. : Công Thương, 2025. - 227 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - (Tủ sách Newme). - 109000đ. - 1500b s626048
137. Trần Hiểu. Tâm lý học ứng dụng = 什么心理:我们为何这样想,那样做 : Tại sao chúng ta lại có suy nghĩ như vậy? / Trần Hiểu ; Calia Nguyễn dịch. - H. : Văn học, 2025. - 340 tr. : minh họa ; 24 cm. - 169000đ. - 2000b s623686
138. Trần Húc. Thiên cơ = Secret : 99 câu châm ngôn xử thế mở ra cánh cửa giác ngộ, dẫn dắt con người từng bước trưởng thành... / Trần Húc ; Hiểu Minh dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 207 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 109000đ. - 5000b s625796
139. Trần Khải Thiên. Nhân tướng học ứng dụng : Sách tham khảo / Trần Khải Thiên. - H. : Hồng Đức, 2026. - 279 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 218000đ. - 2000b s626096
140. Trần Việt Quân. Góc nhìn AQ : Những góc nhìn khác về cuộc sống: Đa chiều - Phản biện - Sâu sắc / Trần Việt Quân. - Tái bản lần 2. - H. : Khoa học - Công nghệ - Truyền thông, 2025. - 302 tr. : hình vẽ, ảnh ; 21 cm. - (Tủ sách Tinh hoa). - 165000đ. - 3000b s626289
141. Trần Xuân Tiến. Gạn đục khơi trong : Tuyển tập những bài báo phản biện về đạo đức truyền thông / Trần Xuân Tiến. - H. : Tri thức, 2025. - 159 tr. ; 21 cm. - 125000đ. - 1000b s625789
142. Võ Thị Minh Huệ. Nói chuyện giới tính không khó / Võ Thị Minh Huệ. - In lần thứ 3. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 290 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 89000đ. - 1500b s625858

143. Vô Anh. Ta là ai? / Vô Anh. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 129 tr. ; 21 cm. - 10000đ.  
- 1000b s625372

144. Vũ Bích Ngọc. Hãy yêu bằng lý trí : Đừng ngu dại muộn, đừng yêu quá nhiều / Vũ Bích Ngọc b.s. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 248 tr. ; 21 cm. - (Cốt cách phụ nữ). - 138000đ.  
- 10000b s623757

145. Vũ Bích Ngọc. Tâm kể phụ nữ : Trái tim phụ nữ là những đóa hồng gai / Vũ Bích Ngọc b.s. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 261 tr. ; 21 cm. - (Cốt cách phụ nữ). - 138000đ. - 20000b s623758

## TÔN GIÁO

146. Bạch Liên Tiên Trường. Lời vàng sen trắng / Bạch Liên Tiên Trường ; S.t.: Đạt Linh... ; H.đ., kết tập, chú thích: Huệ Khải. - In lần thứ 3, có sửa chữa, tăng bổ. - H. : Hồng Đức, 2025. - 159 tr. : ảnh ; 21 cm. - 500b

Tên khác của tác giả: Phan Thanh. - Phụ lục: tr. 135-153 s626086

147. Bát Nhã Ba La Mật Đa / Hải Triều Âm toát yếu. - H. : Tôn giáo, 2025. - 118 tr. ; 21 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Chùa Dược Sư s625575

148. Bốn bộ luật tiêu / Hải Triều Âm toát yếu. - H. : Tôn giáo, 2025. - 122 tr. ; 21 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Chùa Dược Sư - Đức Trọng - Lâm Đồng s625581

149. Chân Quang. Tâm lý đạo đức / Chân Quang. - H. : Thế giới. - 21 cm. - 130000đ. - 1000b

T.1. - 2025. - 430 tr. s625633

150. Chân Quang. Tâm lý đạo đức / Chân Quang. - H. : Thế giới. - 21 cm. - 130000đ. - 1000b

T.2. - 2026. - 389 tr. : tranh màu s625634

151. Chân Quang. Tâm lý đạo đức / Chân Quang. - H. : Thế giới. - 21 cm. - 130000đ. - 1000b

T.3. - 2026. - 347 tr. : tranh màu s625635

152. Chuyên đề Don Bosco : Gia đình SaLêDiêng Don Bosco Việt Nam : Chuyên đề Giáo dục dành cho mọi gia đình / Nguyễn Xuân Quang, Ngọc Yến, Viêt Ân... ; Chuyển ngữ: Hoàng Việt... ; B.s.: Nguyễn Trí Dũng... - H. : Hồng Đức. - 27 cm. - 18000đ. - 2000b

T.93: Dám tin vào thế giới tươi đẹp. - 2025. - 47 tr. : ảnh, tranh màu s623814

153. Công đồng Vaticanô II / Ủy ban Giáo lý Đức tin dịch. - H. : Tôn giáo, 2025. - 1043 tr. ; 21 cm. - 160000đ. - 2000b s625612

154. David Tô. Giáo lý Kinh thánh qua những câu chuyện trong Tân Ước : Tài liệu dành cho Tân Tín Hữu / David Tô. - H. : Tôn giáo, 2025. - 83 tr. : bảng ; 20 cm. - 40000đ. - 500b s625607

155. David Tô. Kinh Thánh về các chủ đề khác nhau / David Tô. - H. : Tôn giáo, 2025. - 315 tr. ; 20 cm. - 70000đ. - 500b s625566

156. David Tô. Niềm tin minh họa / David Tô. - H. : Tôn giáo, 2025. - 318 tr. ; 20 cm. - 40000đ. - 500b s625571

157. David Tô. Quyền năng của những lời cầu nguyện dựa trên lời Chúa / David Tô. - H. : Tôn giáo, 2025. - 87 tr. ; 20 cm. - 40000đ. - 500b s625570
158. David Tô. Tăng trưởng thuộc linh : Tài liệu môn đồ hóa / David Tô. - H. : Tôn giáo, 2025. - 99 tr. ; 29 cm. - 70000đ. - 500b s626554
159. David Tô. Xung nhận lời Đức Chúa Trời : Khai phóng quyền năng của Đức Chúa Trời vào mọi hoàn cảnh trong đời sống bạn / David Tô. - H. : Tôn giáo, 2025. - 62 tr. ; 20 cm. - 40000đ. - 500b s625552
160. Diệu Nguyên. Kỹ năng Phổ Tế : Sách bồi dưỡng chuyên môn Phổ Tế / Diệu Nguyên. - H. : Hồng Đức, 2026. - 144 tr. : minh họa ; 21 cm. - (Tủ sách Hành trang Phổ Tế). - 2000b ĐTTS ghi: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. - Thư mục: tr. 137-138 s626073
161. Đỉnh núi tuyết = The white peak : Truyện tranh / Chân Quang b.s. ; Hoạ sĩ: Hữu Tâm. - H. : Thế giới. - 20 cm. - (Bộ truyện tranh song ngữ Việt - Anh về cuộc đời Đức Phật). - 160000đ. - 500b  
T.9: Khổ hạnh = Austerity. - 2025. - 104 tr. : tranh màu s625642
162. Đỉnh núi tuyết : Tập này dành cho những ai đã có bề dày tu hành = The white peak : This episode is intended for those with extensive spiritual cultivation / Chân Quang b.s. ; Hoạ sĩ: Hữu Tâm. - H. : Thế giới. - 20 cm. - (Bộ truyện tranh song ngữ Việt - Anh về cuộc đời Đức Phật). - 160000đ. - 500b  
T.22: Đại sự nhân duyên = The great event. - 2025. - 160 tr. : tranh màu s625643
163. Đỉnh núi tuyết = The white peak : Truyện tranh / Chân Quang b.s. ; Hoạ sĩ: Hữu Tâm. - H. : Thế giới. - 20 cm. - (Bộ truyện tranh song ngữ Việt - Anh về cuộc đời Đức Phật). - 190000đ. - 500b  
T.60: Ẩn sĩ ven rừng = The hermit at the edge of the forest. - 2025. - 269 tr. : tranh màu s625644
164. Giáo trình Luận thành thật = 教程大綱論成實 / Thích Trí Hải biên dịch. - H. : Tôn giáo, 2025. - 350 tr. ; 21 cm. - 1000b  
ĐTTS ghi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội. - Thư mục: tr. 349-350 s625567
165. Giáo trình Luận Tịnh Duy thức = 教程論淨唯識 / Thích Trí Hải biên dịch. - H. : Tôn giáo, 2025. - 382 tr. ; 21 cm. - 1000b  
ĐTTS ghi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội. - Thư mục: tr. 381-382 s625568
166. Giới Hương. Sự đóng góp cho hòa bình thế giới và an toàn xã hội của hoàng đế A-Dục và vua Trần Nhân Tông = The great contribution to world peace and social harmony of Emperor Ashoka and Emperor Trần Nhân Tông : Song ngữ Anh - Việt / Giới Hương. - H. : Tôn giáo, 2025. - 175 tr. : minh họa ; 22 cm. - (Tủ sách Bảo anh lạc; 101). - 99000đ. - 1000b  
Thư mục: tr. 163-165 s625573
167. Hải Triều Âm. Kinh Nhật tụng / Hải Triều Âm b.s. - H. : Tôn giáo, 2025. - 315 tr. ; 24 cm. - 3000b  
ĐTTS ghi: Chùa Linh Sơn s625598
168. Hạnh Khai. Hoa đàm trên cao nguyên / Hạnh Khai ch.b. - H. : Hồng Đức, 2025. - 214 tr. ; 24 cm. - 1000b s624184
169. Hoàng Kiều Hưng. Gặp chính mình : Sống trong tinh thức - Cuộc đời tự do / Hoàng Kiều Hưng. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 208 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 250000đ. - 500b s626310

170. Hoàng Mộc Lan. Mối quan hệ giữa tôn giáo, tâm linh và sức khỏe tinh thần của con người trong xã hội hiện nay / Hoàng Mộc Lan, Ngô Mai Trang, Trần Hà Thu. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 298 tr. : bìa ; 21 cm. - 800b  
Thư mục: tr. 292-298 s626341

171. Huệ Khải. Con đường hạnh phúc theo Cao Đài và Công giáo = The path of happiness as viewed by Caodaism and Catholicism / Huệ Khải. - H. : Hồng Đức, 2026. - 47 tr. : ảnh ; 21 cm. - (Tủ sách Đối thoại liên tôn). - 2000b s626071

172. Huệ Khải. Thánh thi Cao Đài minh họa / Huệ Khải. - H. : Hồng Đức, 2025. - 39 tr. : hình vẽ, ảnh ; 21 cm. - 2000b s626070

173. Hương Sơn Trí Hữu. Toàn tập Hương Sơn Trí Hữu / Thích Chúc Phú ch.b. ; S.t.: Thích Chúc Phú... - H. : Hồng Đức, 2025. - 673 tr. : ảnh ; 24 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam. Trung tâm Dịch thuật Trí Tịnh. Môn phong Tở đình Linh Ứng s626103

174. Kin Cheung Lee. Tham vấn tâm lý trên nền tảng Phật giáo / Kin Cheung Lee ; Dịch: Đồng Khôi, Diệu Ngọc ; H.đ.: Thiện Khánh, Gia Hoàng. - In lần 2. - H. : Thế giới, 2025. - 369 tr. : hình vẽ, bìa ; 24 cm. - (Phật học tinh hoa thế giới). - 259000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: The guide to Buddhist counseling. - Thư mục cuối mỗi chương s625674

175. Kinh Diệu Pháp liên hoa : Trọn bộ / Dịch: Cư Ma La Thập, Thích Trí Tịnh. - H. : Tôn giáo, 2025. - 595 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 45000đ. - 1000b s625614

176. Kinh Dược Sư / Tuệ Nhuận dịch. - H. : Tôn giáo, 2025. - 81 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam s625610

177. Kinh Đại Bảo Tích / Thích Trí Tịnh dịch. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Tôn giáo. - Trọn bộ 9 tập. - 23 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam

T.1. - 2024. - 686 tr. : ảnh, tranh vẽ s625621

178. Kinh Đại Bảo Tích / Thích Trí Tịnh dịch. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Tôn giáo. - Trọn bộ 9 tập. - 23 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam

T.2. - 2024. - 693 tr. : ảnh, tranh vẽ s625622

179. Kinh Đại Bảo Tích / Thích Trí Tịnh dịch. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Tôn giáo. - Trọn bộ 9 tập. - 23 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam

T.3. - 2024. - 799 tr. : ảnh, tranh vẽ s625623

180. Kinh Đại Bảo Tích / Thích Trí Tịnh dịch. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Tôn giáo. - Trọn bộ 9 tập. - 23 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam

T.4. - 2024. - 757 tr. : ảnh, tranh vẽ s625624

181. Kinh Đại Bảo Tích / Thích Trí Tịnh dịch. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Tôn giáo. - Trọn bộ 9 tập. - 23 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam

T.5. - 2024. - 652 tr. : ảnh, tranh vẽ s625625

182. Kinh Đại Bảo Tích / Thích Trí Tịnh dịch. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Tôn giáo. - Trọn bộ 9 tập. - 23 cm. - 500b

- ĐTTS ghi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam  
T.6. - 2024. - 637 tr. : ảnh, tranh vẽ s625626
183. Kinh Đại Bảo Tích / Thích Trí Tịnh dịch. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Tôn giáo. - Trọn bộ 9 tập. - 23 cm. - 500b  
ĐTTS ghi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam  
T.7. - 2024. - 718 tr. : ảnh, tranh vẽ s625627
184. Kinh Đại Bảo Tích / Thích Trí Tịnh dịch. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Tôn giáo. - Trọn bộ 9 tập. - 23 cm. - 500b  
ĐTTS ghi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam  
T.8. - 2024. - 680 tr. : ảnh, tranh vẽ s625628
185. Kinh Đại Bảo Tích / Thích Trí Tịnh dịch. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Tôn giáo. - Trọn bộ 9 tập. - 23 cm. - 500b  
ĐTTS ghi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam  
T.9. - 2024. - 860 tr. : ảnh, tranh vẽ s625629
186. Kinh Địa Tạng : Bản in: 2569 - 2025 / Trí Quang dịch. - H. : Tôn giáo, 2025. - 358 tr. ; 21 cm. - 2000b s625586
187. Kinh Địa Tạng Bồ Tát bản nguyện / Dịch: Pháp Đăng, Thích Trí Tịnh. - H. : Tôn giáo, 2025. - 254 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 24000đ. - 2000b s625608
188. Kinh Nhân Quả ba đời / Thích Thiên Tâm dịch. - H. : Tôn giáo, 2025. - 61 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 12000đ. - 3000b  
ĐTTS ghi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam s625579
189. Kinh Pháp Cú = Dhammapada / Thích Minh Châu dịch. - H. : Tôn giáo, 2025. - 160 tr. ; 20 cm. - 20000đ. - 2000b s625580
190. Kinh Pháp Hoa : Trọn bộ / Dịch: Cư Ma La Thập, Thích Trí Tịnh. - In lần 4. - H. : Tôn giáo, 2025. - 539 tr. ; 24 cm. - 700b  
ĐTTS ghi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam s625604
191. Kinh Phổ Môn nghĩa / Thích Trí Tịnh dịch. - H. : Tôn giáo, 2025. - 48 tr. ; 20 cm. - 12000đ. - 3000b s625578
192. Kinh Phúc Họa / Sakya Minh Quang soạn dịch. - H. : Tôn giáo, 2024. - 107 tr. ; 21 cm. - 5000b s625583
193. Kinh Quan Âm chiêu tài / S.t.: Trần Huyền Nhã, Tuệ Minh Hạnh. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 32 tr. ; 21 cm. - 65000đ. - 3000b s625919
194. Kinh Thánh cho giới trẻ (Cựu Ước và Tân Ước) : Kinh Thánh của Giáo hội Công giáo cho giới trẻ / Bayard Việt Nam dịch. - H. : Tôn giáo, 2025. - 427 tr. : hình vẽ, ảnh ; 23 cm. - 245000đ. - 2000b  
Nguyên tác tiếng Anh: Bible. - Phụ lục: tr. 409-427 s625603
195. Kinh Thánh Cựu Ước và Tân Ước = The Parallel net Bible Old and New Testaments : Song ngữ Việt - Anh. - H. : Tôn giáo, 2025. - 1965 tr., 7 tr. bản đồ ; 24 cm. - 600000đ. - 10000b s625605
196. Kinh Thánh Tân ước : Bản dịch mới = The Net Bible : New testament : Song ngữ Việt - Anh. - H. : Tôn giáo, 2025. - 704 tr. ; 21 cm. - 80000đ. - 10000b  
Phiên dịch từ nguyên bản Hy-bá-lai và Hy Lạp s625565
197. Kinh Trường Thọ Diệt Tội / Dịch: Tam Tạng Sa môn Phật Đà Ba Ly, Thích Thiện Thông. - H. : Tôn giáo, 2025. - 74 tr. ; 21 cm. - 2000b s625584

198. Kinh Trường Thọ Diệt Tội Hộ Chư Đồng Tử Đà La Ni / Dịch: Tam Tạng Sa môn Phật Đà Ba Ly, Thích Thiện Thông. - H. : Tôn giáo, 2025. - 72 tr. ; 20 cm. - 12000đ. - 3000b s625585
199. Kinh Tứ thập nhị chương : Bốn mươi hai chương Kinh (âm - nghĩa) / Dịch: Phụng Chiêu, Đoàn Trung Côn ; Nguyễn Minh Tiến chú giải ; Nguyễn Minh Hiền h.đ. - H. : Tôn giáo, 2025. - 71 tr. ; 24 cm. - 30000đ. - 1000b s625609
200. Kinh Vu Lan và Báo Hiếu : Diễn nghĩa / Thích Huệ Đăng dịch. - H. : Tôn giáo, 2025. - 114 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 2000b  
ĐTTS ghi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam s625618
201. Kinh Xưng tán tịnh độ Phật niêp thụ / Minh Thiện dịch. - H. : Tôn giáo, 2025. - 32 tr. : hình vẽ ; 30 cm. - 1000b  
Thư mục: tr. 30 s626555
202. Lama Thamthog Rinpoche. Trí tuệ Đức Phật : Cách đạt được an bình thật sự / Lama Thamthog Rinpoche ; Nhóm Phen De Ling biên dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Dân trí, 2025. - 415 tr. ; 21 cm. - 165000đ. - 3500b s625231
203. Launay, Adrien. Những bức thư của Đức Cha Pallu từ 1654 đến 1684 : Bản văn do cha Adrien Launay thuộc Hội Thừa sai Hải ngoại thiết lập, ông Frédéric Mantiene giới thiệu và bình chú dị bản / Adrien Launay ; Chuyển ngữ: Joseph Ruellen... - H. : Tôn giáo, 2025. - 1071 tr. ; 24 cm. - 230000đ. - 700b  
Nguyên tác: Lettres de Monseigneur Pallu s625615
204. Lhundup Sopa. Chìa khóa vấn đáp vào Mật thừa / Lhundup Sopa ; Ani Biện Trí dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 250 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 108000đ. - 1000b  
Tên sách tiếng Anh: Lectures on Tibetan Religious Culture. - Thư mục: tr. 247-250 s626104
205. Minh An. Sổ tay chép kinh Địa Tạng Bồ Tát bốn nguyện / Minh An b.s. - H. : Tôn giáo, 2025. - 111 tr. ; 29 cm. - 2000b s626559
206. Murphy-Hiscock, Arin. Hành thiền giữa thiên nhiên : Thực hành chánh niệm, nuôi dưỡng kết nối với thế giới tự nhiên để chữa lành và tái sinh năng lượng sống / Arin Murphy-Hiscock ; Nguyễn Hồng Nhung dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 375 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 195000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Anh: The green witch's garden : Your complete guide to creating and cultivating a magical garden space s626107
207. Nghi thức Bồ-tát và Tỳ-kheo-ni giới bốn / Thích Trí Tịnh dịch. - H. : Tôn giáo, 2025. - 118 tr. ; 21 cm. - 1000b s625587
208. Ngô Đạt. Từ Bi Thủy Sát Pháp / Trước thuật: Ngô Đạt ; Thích Huyền Dung dịch. - H. : Tôn giáo, 2025. - 182 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 22000đ. - 1000b  
Tên sách ngoài bìa: Kinh Từ Bi Thủy Sát Pháp s625597
209. Nguyên Tuệ. Hỏi đáp Pháp học Tứ Thánh Đế / Nguyên Tuệ. - H. : Hồng Đức, 2025. - 297 tr. ; 21 cm. - 2000b s624170
210. Nguyên Tuệ. Hỏi đáp Tứ Niệm Xứ - Pháp hành & pháp thành / Nguyên Tuệ. - H. : Hồng Đức, 2025. - 294 tr. ; 21 cm. - 2000b s624169
211. Nguyễn Minh Tiến. Cẩm nang Phóng sinh : Các bài văn hay về giới sát phóng sinh... / Nguyễn Minh Tiến soạn dịch, chú giải. - H. : Hồng Đức, 2025. - 159 tr. ; 21 cm. - 2000b s624168

212. Nguyễn Thế Đăng. Duy thức thấy thẳng bản tánh của tâm / Nguyễn Thế Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 298 tr. ; 21 cm. - 128000đ. - 1000b s624188
213. Như Hạnh. Mật ngôn đức tin / Như Hạnh. - H. : Hồng Đức, 2025. - 111 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Tủ sách Văn học Cao Đài). - 2000b  
ĐTTS ghi: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ s626072
214. Những câu chuyện kể hay nhất trong Kinh thánh = Children's Bible stories: Share the greatest stories ever told / Kể: Sally Tagholm ; Viết: Andrea Mills ; Minh họa: Julian De Narvaez ; Học viện Đa Minh dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Thế giới, 2025. - 322 tr. : tranh màu ; 26 cm. - 450000đ. - 2000b s626336
215. Phạm Đình Ngọc. 10 cách chứng minh Thiên Chúa hiện hữu / Phạm Đình Ngọc. - H. : Tôn giáo, 2025. - 182 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 21 cm. - 65000đ. - 1000b s625564
216. Pháp Hoa - Thông nghĩa / Hám Sơn soạn thuật ; Hải Triều Âm toát yếu. - H. : Tôn giáo, 2025. - 180 tr. ; 21 cm. - 1000b  
ĐTTS ghi: Chùa Dược sư s625574
217. Phật giáo Sri Lanka từ thế kỷ 19 - 21 : Hội thảo Phật học, Colombo, Sri Lanka ngày 16 tháng 07 năm 2023 / Giới Hương, Beligalle Dhammajoti, Taldena Ariyawimala... ; B.s.: Medagama Nandawansa, Giới Hương. - H. : Tôn giáo, 2025. - 217 tr. : minh họa ; 22 cm. - (Tủ sách Báo Anh Lạc; 106). - 140000đ. - 1000b  
Thư mục cuối mỗi bài s625572
218. Phật thuyết Đại thừa Vô lượng thọ trang nghiêm thanh tịnh bình đẳng giác kinh / Hội tập: Hạ Liên Cư ; Việt dịch: Thích Đức Niệm, Minh Chánh. - H. : Hồng Đức, 2025. - 173 tr. ; 23 cm. - 50000đ. - 3000b s624176
219. Phổ Môn - Sám Sáu Căn - Hồng Danh / Hải Triều Sâm soạn dịch. - H. : Tôn giáo, 2025. - 113 tr. ; 21 cm. - 1000b  
ĐTTS ghi: Chùa Dược Sư - Đức Trọng - Lâm Đồng s625582
220. Sách giáo lý của Hội Thánh Công giáo. - Tái bản. - H. : Tôn giáo, 2025. - 1083 tr. ; 24 cm. - 200000đ. - 2000b  
Dịch từ nguyên tác La ngữ: Catechismus catholicae ecclesiae s625620
221. Strong, John S. Toàn cảnh Phật giáo: Đức Phật & Phật pháp / John S. Strong ; Thuần Nguyên dịch. - In lần 2. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 493 tr. : bảng ; 24 cm. - 279000đ. - 1000b  
Tên sách tiếng Anh: Buddhism: An introduction. - Phụ lục: tr. 482-493 s625533
222. Sue Sue (Tâm Bảo Đàn). Garchen Rinpoche: Lạt Ma của nhiều đời kiếp - Chạm vào trái tim sinh động của Thầy / Sue Sue (Tâm Bảo Đàn) ; Dịch: Tiểu Nhỏ... - H. : Tôn giáo. - 20 cm. - 188000đ. - 1500b  
T.1: Ngày tháng đầu đời (1937 - 1958). - 2025. - 379 tr. : ảnh s625602
223. Tạng kinh - Tiểu bộ: Tiểu tụng - Pháp cú - Phật tự thuyết - Phật thuyết như vậy / Indacanda dịch. - H. : Tôn giáo, 2025. - 570 tr. ; 29 cm. - 1000b  
Nguyên tác: Tam tạng Pāli s626557
224. Tạng luật - Bộ hợp phần - Đại phẩm / Indacanda phiên dịch. - H. : Tôn giáo. - 21 cm. - (Tam tạng Việt ngữ; T.4). - 1000b  
Tên sách ngoài bìa: Đại phẩm. - Nguyên tác: Tam tạng Pāli  
T.1. - 2025. - xxvi, 430 tr. s625592
225. Tạng luật - Bộ hợp phần - Đại phẩm / Indacanda phiên dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Tôn giáo. - 21 cm. - (Tam tạng Việt ngữ; T.5). - 1000b

- Tên sách ngoài bìa: Đại phẩm. - Nguyên tác: Tam tạng Pāli  
T.2. - 2025. - xxiii, 348 tr. s625593
226. Tạng luật - Bộ hợp phần - Tiểu phẩm / Indacanda phiên dịch. - H. : Tôn giáo. - 21 cm. - (Tam tạng Việt ngữ; T.6). - 1000b  
Tên sách ngoài bìa: Tiểu phẩm. - Nguyên tác: Tam tạng Pāli  
T.1. - 2025. - xxii, 382 tr. s625594
227. Tạng luật - Bộ hợp phần - Tiểu phẩm / Indacanda phiên dịch. - H. : Tôn giáo. - 21 cm. - (Tam tạng Việt ngữ; T.7). - 1000b  
Tên sách ngoài bìa: Tiểu phẩm. - Nguyên tác: Tam tạng Pāli  
T.2. - 2025. - xxii, 445 tr. s625595
228. Tạng luật - Bộ phân tích giới bốn - Phân tích giới tỳ khuru / Indacanda phiên dịch. - H. : Tôn giáo. - 21 cm. - (Tam tạng Việt ngữ; T.1). - 1000b  
Tên sách ngoài bìa: Phân tích giới tỳ khuru. - Nguyên tác: Tam tạng Pāli  
T.1. - 2025. - xxxi, 600 tr. s625589
229. Tạng luật - Bộ phân tích giới bốn - Phân tích giới tỳ khuru / Indacanda phiên dịch. - H. : Tôn giáo. - 21 cm. - (Tam tạng Việt ngữ; T.2). - 1000b  
Tên sách ngoài bìa: Phân tích giới tỳ khuru. - Nguyên tác: Tam tạng Pāli  
T.2. - 2025. - xxiii, 457 tr. s625590
230. Tạng luật - Bộ phân tích giới bốn - Phân tích giới tỳ khuru ni / Indacanda phiên dịch. - H. : Tôn giáo, 2025. - xxvi, 355 tr. ; 21 cm. - (Tam tạng Việt ngữ; T.3). - 1000b  
Tên sách ngoài bìa: Phân tích giới tỳ khuru. - Nguyên tác: Tam tạng Pāli s625591
231. Tạng luật - Bộ tập yếu - Tập yếu / Indacanda phiên dịch. - H. : Tôn giáo. - 21 cm. - (Tam tạng Việt ngữ; T.8). - 1000b  
Tên sách ngoài bìa: Tập yếu. - Nguyên tác: Tam tạng Pāli  
T.1. - 2025. - xxvi, 357 tr. s625596
232. Tâm Bụt. Đạo đức Trung đạo / Tâm Bụt. - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2025. - 246 tr. ; 21 cm. - 100b  
Phụ lục: tr. 233-240 s624258
233. Tâm Bụt. Pháp hành thường nhật / Tâm Bụt. - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2025. - 558 tr. ; 21 cm. - 100b  
Phụ lục: tr. 541-548 s624259
234. Tâm Bụt. Ý hiển thánh thiện / Tâm Bụt. - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2025. - 215 tr. : ảnh ; 21 cm. - 100b s624260
235. Tập chép kinh Địa Tạng Bồ - tát bốn nguyện / Dịch: Pháp Đăng, Thích Trí Tịnh. - H. : Hồng Đức, 2025. - 158 tr. ; 24 cm. - 4000b s624185
236. Thanh Chi. Ánh sáng tin mừng / Thanh Chi. - H. : Hồng Đức, 2025. - 224 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Nước Mặn). - 65000đ. - 500b s626078
237. Thánh giáo dạy chung. - H. : Hồng Đức. - 21 cm. - (Tủ sách Nghiên cứu Đại đạo). - 500b  
ĐTTS ghi: Hội Thánh Bạch Y Liên đoàn Chơn Lý. Tòa Thánh Ngọc Kinh  
Q.2. - 2025. - 263 tr. s626085
238. Thánh kinh : Bản phổ thông. - H. : Tôn giáo, 2025. - xii, 1394 tr. : bản đồ ; 20 cm. - 10000b s625588

239. Thích Chân Pháp Nguyễn. Chân tình : Cẩm nang chăm sóc người cận tử / Thích Chân Pháp Nguyễn. - H. : Hồng Đức, 2025. - 165 tr. ; 21 cm. - 129000đ. - 1500b  
Thư mục: tr. 164-165 s626063
240. Thích Phước Nhơn. Kim Cang - Yếu giảng / Thích Phước Nhơn. - H. : Tôn giáo, 2025. - 248 tr. ; 20 cm. - 3000b s625562
241. Thích Thắng Giải. Chánh lý luận Thành Duy Thức - Giải nghĩa / Thích Thắng Giải. - H. : Tôn giáo, 2025. - 374 tr. ; 21 cm. - 300b s625557
242. Thích Thắng Giải. Kinh Kim Cang và kinh Bát Nhã - Giải nghĩa / Thích Thắng Giải. - H. : Tôn giáo, 2025. - 185 tr. ; 21 cm. - 300b s625561
243. Thích Thắng Giải. Lời dạy của các bậc thánh nhân trong các ngữ lục, 33 bài kệ và Phẩm Bất nhị trong Kinh Duy-Ma-Cật - Giải nghĩa / Thích Thắng Giải. - H. : Tôn giáo, 2025. - 194 tr. ; 21 cm. - 300b s625560
244. Thích Thắng Giải. Một trăm công án - Bình giải / Thích Thắng Giải. - H. : Tôn giáo, 2025. - 261 tr. ; 21 cm. - 300b s625558
245. Thích Thắng Giải. Niệm - Định - Tuệ hữu lậu và Niệm - Định - Tuệ vô lậu / Thích Thắng Giải. - H. : Tôn giáo, 2025. - 162 tr. ; 21 cm. - 300b s625559
246. Thích Thắng Giải. Tạp A Hàm - Lược giải / Thích Thắng Giải. - H. : Tôn giáo, 2025. - 555 tr. ; 21 cm. - 300b s625556
247. Thích Thiện Hoa. Phật học phổ thông / Thích Thiện Hoa. - H. : Tôn giáo. - 21 cm. - 360000đ. - 1000b  
ĐTTS ghi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam  
Q.1: Khóa I - II - III - IV. - 2025. - 612 tr. s625553
248. Thích Thiện Hoa. Phật học phổ thông / Thích Thiện Hoa. - H. : Tôn giáo. - 21 cm. - 360000đ. - 1000b  
ĐTTS ghi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam  
Q.2: Khóa V - VI - VII - VIII. - 2025. - 842 tr. s625554
249. Thích Thiện Hoa. Phật học phổ thông / Thích Thiện Hoa. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Tôn giáo. - 21 cm. - 360000đ. - 1000b  
ĐTTS ghi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam  
Q.3: Khóa IX - X - XI - XII. - 2025. - 640 tr. s625555
250. Thích Trí Quảng. Bỏ môn Pháp Hoa kinh / Thích Trí Quảng. - H. : Tôn giáo, 2025. - 69 tr. ; 20 cm. - 15000đ. - 3000b s625576
251. Thích Trí Tịnh. Kinh A Di Đà nghĩa / Thích Trí Tịnh. - H. : Tôn giáo, 2025. - 47 tr. ; 20 cm. - 12000đ. - 3000b s625577
252. Tìm hiểu tôn giáo Cao Đài. - Tái bản lần thứ 3, có bổ sung. - H. : Tôn giáo, 2025. - 156 tr. : ảnh ; 21 cm. - 500b  
ĐTTS ghi: Đại đạo Tam Kỳ phổ độ. Cơ quan Phổ thông giáo lý Đại đạo. - Phụ lục: tr. 127-144 s625569
253. Tolle, Eckhart. Hợp nhất với Vũ trụ = Oneness with all life : Inspirational selections from a new earth / Eckhart Tolle ; Lê Thị Ngọc Hà dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 173 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 88000đ. - 1000b s625547
254. Tolle, Eckhart. Trải nghiệm sức mạnh hiện tại = Practicing the power of now / Eckhart Tolle ; Minh Gấm dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 238 tr. ; 17 cm. - 98000đ. - 1000b s626323

255. Trí Huệ. Chú Đại Bi : Sổ tay chép kinh / Trí Huệ b.s. - H. : Tôn giáo, 2025. - 101 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 168000đ. - 1000b s625619
256. Trí Huệ. Dược sư Lưu Ly Quang Vương Phật : Sổ tay chép kinh / Trí Huệ b.s. - H. : Tôn giáo, 2025. - 70 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 158000đ. - 1000b s625617
257. Trí Huệ. Nghi thức tụng kinh và 9 bài kinh tụng hằng ngày / Trí Huệ b.s. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Tôn giáo, 2025. - 320 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 268000đ. - 1000b s626558
258. Trí Huệ. Sám hối : Sổ tay chép kinh / Trí Huệ b.s. - H. : Tôn giáo, 2025. - 85 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 168000đ. - 1000b s625616
259. Trí Huệ. Sổ tay chép kinh Địa tạng Bồ tát bốn nguyện / Trí Huệ b.s. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Tôn giáo, 2025. - 143 tr. ; 29 cm. - 198000đ. - 1000b s626565
260. Tuệ Đức. 3 bài kinh Tịnh Độ căn bản / Tuệ Đức b.s. - H. : Tôn giáo, 2025. - 216 tr. : tranh vẽ ; 25 cm. - 168000đ. - 1000b s625599
261. Tuệ Đức. 14 bài chú phổ biến hằng ngày / Tuệ Đức b.s. - H. : Tôn giáo, 2025. - 91 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 1000b s625600
262. Tuệ Đức. 6 bài kinh tụng hằng ngày phổ biến / Tuệ Đức b.s. - H. : Tôn giáo, 2025. - 394 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 239000đ. - 5000b  
ĐTTS ghi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam s626556
263. Tuệ Quang. Phương pháp mới nghiên cứu Kinh Lăng Nghiêm / Tuệ Quang. - H. : Tôn giáo, 2025. - 541 tr. ; 24 cm. - 240000đ. - 500b s625611
264. Tuệ Quang. Sổ tay chép Chú Đại bi / Tuệ Quang b.s. - H. : Tôn giáo, 2025. - 78 tr. ; 30 cm. - 120000đ. - 1000b s626560
265. Tuệ Quang. Sổ tay chép Kinh A di đà / Tuệ Quang b.s. - H. : Tôn giáo, 2025. - 76 tr. ; 30 cm. - 120000đ. - 1000b s626561
266. Tuệ Quang. Sổ tay chép Kinh Dược Sư / Tuệ Quang b.s. - H. : Tôn giáo, 2025. - 96 tr. ; 30 cm. - 120000đ. - 1000b s626564
267. Tuệ Quang. Sổ tay chép Kinh địa tạng Bồ tát bốn nguyện / Tuệ Quang b.s. - H. : Tôn giáo, 2025. - 150 tr. ; 30 cm. - 150000đ. - 1000b s626562
268. Tuệ Quang. Sổ tay chép Kinh Vu lan báo hiếu / Tuệ Quang b.s. - H. : Tôn giáo, 2025. - 68 tr. ; 30 cm. - 120000đ. - 1000b s626563
269. Tuệ Tâm. Kinh sám Cửu Huyền Thất Tổ : Sách tham khảo / Tuệ Tâm b.s. - H. : Tri thức, 2025. - 63 tr. : tranh vẽ ; 26 cm. - 98000đ. - 5000b s625470
270. Từ bi đạo tràng Lương Hoàng Sám pháp : Trọn bộ / Thích Trí Tịnh hiệu chính ; Thích Viên Giác dịch. - H. : Tôn giáo, 2025. - 555 tr. ; 24 cm. - 70000đ. - 1000b s625606
271. Tỳ kheo giới kinh / Thích Thiện Hoà dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 87 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - 24000đ. - 3000b  
ĐTTS ghi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam s624175
272. Xuân Hy Vọng. 102 chuyện đời - chuyện đạo / Xuân Hy Vọng. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 276 tr. ; 21 cm. - 85000đ. - 1000b  
Tên thật tác giả: Nguyễn Xuân Vinh s626012
273. Youcat cho thiếu nhi : Sách giáo lý Công giáo dành cho thiếu nhi và phụ huynh / Ủy ban Giáo lý Đức tin - Hội đồng Giám mục Việt Nam dịch. - H. : Tôn giáo, 2024. - 239 tr. : hình vẽ ; 23 cm. - 115000đ. - 500b s625601

274. Zannini, François. Passport hộ chiếu nước trời / François Zannini. - H. : Tôn giáo, 2025. - 245 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 1000b  
Nguyên tác tiếng Pháp: Passeport pour le ciel s625563

#### KHOA HỌC XÃ HỘI, XÃ HỘI HỌC, NHÂN LOẠI HỌC, DÂN TỘC HỌC VÀ VĂN HOÁ

275. 77 văn hóa Hàn Quốc trong đời sống thường nhật = 생활속 한국 문화 77 / Lee Hai Young, Kim Eun Young, Shin Kyung Sun... ; Dịch: Trần Thị Hương, Trần Thị Phượng. - H. : Hồng Đức, 2025. - 253 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 21 cm. - 255000đ. - 2000b s624172

276. Cẩm nang phòng chống tin giả, tin sai sự thật trên không gian mạng / B.s.: Lê Quang Tự Do, Nguyễn Thị Thanh Huyền, Lê Thu Hà... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 102 tr. : minh họa ; 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Cục Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử. - Phụ lục: tr. 86-99. - Thư mục: tr. 100-102 s626290

277. Chính sách dân tộc ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn / Lê Ngọc Thắng, Trịnh Quang Cảnh, Đỗ Thị Thu Hiền... ; Ch.b.: Trần Trung... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 278 tr. : bảng ; 24 cm. - 115000đ. - 150b

Thư mục cuối mỗi bài s624075

278. Cơ sở văn hóa Việt Nam / Trần Quốc Vượng (ch.b.), Tô Ngọc Thanh, Nguyễn Chí Bền... - Tái bản lần thứ 21. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 319 tr., 16 tr. ảnh ; 21 cm. - 85000đ. - 1500b

Thư mục: tr. 317-319 s624276

279. Cù Văn Trung. Góc nhìn xã hội / Cù Văn Trung. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 615 tr. ; 24 cm. - 668000đ. - 50b s626270

280. Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Giá trị lý luận và thực tiễn xây dựng, phát triển văn hóa, con người tại Huế / Phan Thanh Hải, Nguyễn Thu Hằng, Phạm Văn Hồ... - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2025. - 460 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Huế. Bảo tàng Hồ Chí Minh thành phố Huế... s625834

281. Đỗ Đình Thái. Giáo trình Quản lý văn hóa nhà trường / Đỗ Đình Thái (ch.b.), Lê Chi Lan. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 144 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 65000đ. - 330b

Thư mục: tr. 142-144 s624277

282. Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống dân tộc Tày vùng Đông Bắc - Bắc Bộ : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Nội (ch.b.), Đỗ Thùy Ninh, Trần Huy Ngọc, Đào Thị Tân. - Thái Nguyên : Đại học Thái Nguyên, 2025. - 259 tr. : minh họa ; 21 cm. - 580b

Thư mục: tr. 221-233. - Phụ lục: tr. 235-259 s624241

283. Glangchai, Cristal. Con gái bản lĩnh : Nuôi dạy con gái trở thành lãnh đạo tương lai = Venture girls : Raising girls to be tomorrow's leaders / Cristal Glangchai ; A Thỏ dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 286 tr. : ảnh ; 21 cm. - 168000đ. - 2000b s626068

284. Hành trình từ di sản đến phát triển công nghiệp văn hóa trong kinh tế sáng tạo : Sách chuyên khảo / B.s.: Trần Thị Ngọc Quyên (ch.b.), Trần Minh Thu, Trần Thu Trang... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 251 tr. : ảnh ; 24 cm. - 250000đ. - 300b

Thư mục: tr. 226-247 s624398

285. Haughton, Chris. Từ bình minh của ngôn ngữ đến thời đại số = The history of information / Chris Haughton ; Loonie Park h.đ. ; Trần Ngọc Anh Dũng dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 143 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 28 cm. - 350000đ. - 2500b s626545

286. Hoàng Kiếm. Từ IT đến AI - Một hành trình vào kĩ nguyên số / Hoàng Kiếm. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 734 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 250000đ. - 2000b s624193

287. Hội thảo khoa học quốc tế: Ngôn ngữ, truyền thông và văn hóa / Duong Hoang An, Nguyen Thanh Ha, Dinh Huu The Anh... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 493 tr. : minh họa ; 30 cm. - 186000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Ngoại ngữ. - Thư mục cuối mỗi bài s626572

288. Hội thảo khoa học: Một số vấn đề, lý luận và thực tiễn về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và xây dựng con người Quảng Ninh trong kỷ nguyên mới / Vũ Hồng Thanh, Nguyễn Thanh Nghị, Bùi Văn Kháng... - H. : Công Thương, 2025. - 596 tr. ; 26 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh... s625369

289. International conference proceedings 30 years of Vietnamese oriental studies: Retrospect and prospect / Le Dinh Chinh, Le Phuong Anh, Momoki Shiro... - H. : Social Science, 2025. - 962 p. : ill. ; 27 cm. - 200 copies

At head of title: Vietnam National University. University of Social Sciences and Humanities, Hanoi. Faculty of Oriental Studies. - Bibliogr. at the end of the paper s625192

290. Khâu Trạch Kỳ. Thói quen của người Trung Quốc / Khâu Trạch Kỳ ; Hoàng Minh Quân dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 336 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 139000đ. - 1000b

Dịch từ bản tiếng Trung: 中国人的习惯 s625891

291. Lê Minh Sơn. Sự hình thành và phát triển các vùng đô thị ở Việt Nam : Sách chuyên khảo / Lê Minh Sơn. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 302 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Tủ sách Khoa học). - 150000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật. - Thư mục: tr. 256-282. - Phụ lục: tr. 283-295 s626348

292. Lê Thị Yến. Giáo trình Văn hóa Anh - Mỹ = British and American culture / Lê Thị Yến. - H. : Tri thức, 2025. - 246 tr. : minh họa ; 27 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội. - Thư mục: tr. 244-246 s626391

293. Lý thuyết về dư luận xã hội : Từ góc nhìn của Wilson, vận dụng cho Việt Nam / Phan Tân giới thiệu. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 219 tr. ; 24 cm. - 300b

Phụ lục: tr. 191-209. - Thư mục: tr. 210-219 s625377

294. Mô hình bảo tồn văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số rất ít người gắn với phát triển du lịch bền vững khu vực miền núi phía Bắc / Nguyễn Ngọc Mai (ch.b.), Hoàng Anh, Đặng Xuân Phi... - H. : Văn hóa dân tộc, 2025. - 159 tr. : ảnh ; 21 cm. - 1500b

ĐTTS ghi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Cục Văn hóa các dân tộc Việt Nam. - Thư mục: tr. 156-157 s625698

295. Nguyễn Đăng Vũ. Dấu xưa lưng chừng núi - Một vùng bản sắc Ca-Dong / Nguyễn Đăng Vũ. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 579 tr. : minh họa ; 24 cm. - 1200b

ĐTTS ghi: Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam. - Phụ lục: tr. 427-524. - Thư mục: tr. 573-579 s626327

296. Nguyễn Hồng Hạnh. Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc / B.s.: Nguyễn Hồng Hạnh, Nguyễn Minh Phương, Ngô Văn Anh. - H. : Văn hóa dân tộc, 2025. - 295 tr. : ảnh màu ; 21 cm. - 3450b  
Thư mục: tr. 289-290 s625701
297. Nguyễn Minh Hiền. Giáo trình Văn hóa Trung Quốc = 中国文化教程 / Nguyễn Minh Hiền ch.b. - H. : Công Thương, 2025. - 79 tr. : ảnh ; 27 cm. - 80000đ. - 1000b  
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo... s623931
298. Nguyễn Thiện Nhân. Việc sinh con trong thế kỷ XXI quyết định vận mệnh quốc gia : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thiện Nhân. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 558 tr. : minh họa ; 21 cm. - 1000b  
Phụ lục: tr. 439-544. Thư mục: tr. 545-551 s624108
299. Nguyễn Thiện Nhân. Việc sinh con trong thế kỷ XXI quyết định vận mệnh quốc gia : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thiện Nhân. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 387 tr. : hình vẽ, bảng ; 23 cm. - 298000đ. - 832b  
Phụ lục: tr. 311-379. - Thư mục: tr. 380-382 s624081
300. Những tấm gương bình dị giữa đời thường năm 2024 / B.s.: Nguyễn Thị Hồng Trang, Trần Nguyễn Thảo Ly, Nguyễn Đức Toàn... - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 390 tr. : ảnh màu ; 24 cm. - 1000b  
ĐTTS ghi: Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Đồng Nai s625529
301. Phát huy tổng hợp hệ giá trị văn hóa trong xây dựng nông thôn mới : Sách chuyên khảo / B.s.: Lê Thị Hiền, Nguyễn Thị Lương Uyên (ch.b.), Nguyễn Thị Kim Dung... - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 220 tr. ; 21 cm. - 1000b  
Thư mục: tr. 209-216 s624079
302. Sổ tay Công tác thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em. - H. : Tri thức, 2026. - 80 tr. : ảnh màu ; 24 cm  
ĐTTS ghi: Hội Liên hiệp phụ nữ xã Thới An Hội s625820
303. Trần Thị Phương Nga. Phát huy vai trò của văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội ở Tây Bắc hiện nay - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn : Sách chuyên khảo / Trần Thị Phương Nga. - H. : Lý luận chính trị, 2025. - 238 tr. ; 21 cm. - 200000đ. - 100b  
Thư mục: tr. 222-235 s625722
304. Tri thức địa phương của các dân tộc thiểu số Tày, Dao, Cao Lan, Pà Thẻn, Sán Dìu tỉnh Tuyên Quang : Sách chuyên khảo / Lê Thị Bích Thủy (ch.b.), Đoàn Thị Cúc, Nguyễn Thị Ứng... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 223 tr. ; 24 cm. - 120000đ. - 180b  
Thư mục: tr. 219-223 s624069
305. Tuổi trẻ Thành phố Hồ Chí Minh: 50 năm cống hiến, trưởng thành, phát triển. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 334 tr. : ảnh ; 26 cm. - 1000b  
ĐTTS ghi: Thành Đoàn Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 334 s624223
306. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng giai cấp công nhân : Sách chuyên khảo / B.s.: Lê Thị Hiền, Trần Thị Huyền (ch.b.), Đinh Quang Thành... - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 228 tr. ; 21 cm. - 1000b  
Thư mục: tr. 217-225 s624098
307. Văn hóa giao thông dành cho học sinh lớp 6 / Đoàn Triệu Long. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 44 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 21000đ. - 2000b  
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s624810

308. Văn hóa học đường : Dành cho học sinh lớp 6 / Huỳnh Văn Sơn (ch.b.), Trần Thị Mai Hương, Nguyễn Thế Huy. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 20000đ. - 10000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s624836

309. Văn hóa học đường : Dành cho học sinh lớp 7 / Huỳnh Văn Sơn (ch.b.), Huỳnh Chí Danh, Nguyễn Anh Tuấn. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 20000đ. - 10000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s624837

310. Văn hóa học đường : Dành cho học sinh lớp 8 / Huỳnh Văn Sơn (ch.b.), Tống Thị Kim Phượng, Đỗ Tất Thiên. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 20000đ. - 10000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s624838

311. Văn hóa học đường : Dành cho học sinh lớp 9 / Huỳnh Văn Sơn (ch.b.), Nguyễn Thị Lý, Lê Duy Hùng. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 20000đ. - 10000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s624839

312. Vi Văn Thảo. Kỹ năng giao tiếp trong công sở và doanh nghiệp / Vi Văn Thảo. - H. : Văn học, 2025. - 194 tr. ; 21 cm. - 159000đ. - 2000b s623651

313. Weber, Florence. Lược sử nhân học = Brève histoire de l'anthropologie / Florence Weber ; Phạm Anh Tuấn dịch. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 347 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 24 cm. - 280000đ. - 500b

Phụ lục: tr. 313-324. - Thư mục: tr. 325-340 s625267

314. Xây dựng bộ chỉ số bảo vệ các nhóm xã hội dễ bị tổn thương : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Thanh Hương (ch.b.), Tăng Văn Khiên, Trần Thị Luyến... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 255 tr. : bảng ; 21 cm. - 158000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. - Thư mục: tr. 228-245. - Phụ lục: tr. 246-255 s625374

315. ລາຍງານເລື່ອງຢາງ. ຊຸກຍູ້ ຂະບວນການ ຫັນເປັນດິຈິຕອນ ແຫ່ງຊາດ / ຄະນະຮຽບຮຽງ: ລາຍງານເລື່ອງຢາງ, ເລເລືອກຮ່າ, ເລມົງຫງວນ ; ຜູ້ແປ: ຫງວນຫົວບຸນ. - ຮ່າໂນ້ຍ : ສຳນັກພິມຈຳໜ່າຍການເມືອງແຫ່ງຊາດ, 2025. - 778 p. : ill. ; 24 cm. - 1000 copies

ໜ້າປົກຂອງປຶ້ມຂຽນວ່າ: ສະຖາບັນຍຸດທະສາດ ການຫັນເປັນດິຈິຕອນ. - ເອກະສານອ້າງອີງ: p. 759-778 s625035

## CHÍNH TRỊ

316. 30 năm quan hệ Asean - Trung Quốc : Sách chuyên khảo / Đàm Huy Hoàng (ch.b.), Quách Quang Hồng, Trương Quang Hoàn... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 335 tr. : bảng ; 24 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Nghiên cứu Đông Nam Á. - Thư mục: tr. 311-335 s625379

317. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng thông qua công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho công nhân các khu công nghiệp ở tỉnh Đồng Nai : Sách chuyên khảo / Phan Xuân Linh, Nguyễn Thị Hải Anh Hà, Trịnh Thị Tình... ; B.s.: Phan Xuân Linh (ch.b.)... - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 277 tr. : ảnh ; 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Chính trị tỉnh Đồng Nai. - Thư mục cuối mỗi bài s625530

318. Bộ câu hỏi thi trắc nghiệm Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam; Xây dựng Đảng; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội / Nguyễn Thị Vân Hằng, Hoàng Thị Kim Thanh (ch.b.), Lê Bích Thủy... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 375 tr. : bìa ; 21 cm. - 500b  
ĐTTS ghi: Trường Chính trị tỉnh Lào Cai s625211

319. Bùi Đình Bôn. Cúc diện Đông Nam Á ba thập niên đầu thế kỷ XXI và tác động đến Việt Nam / Ch.b.: Bùi Đình Bôn, Phạm Anh Vũ. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 200 tr. : bìa ; 21 cm. - 1000b  
Phụ lục: tr. 147-183. - Thư mục: tr. 184-196 s624087

320. Chính sách, pháp luật nhằm phát triển nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo : Sách chuyên khảo / B.s.: Cao Vũ Minh, Nguyễn Huỳnh Bảo Khánh (ch.b.), Nguyễn Nhật Khanh, Trương Thị Tú Mỹ. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 343 tr. : bìa ; 21 cm. - 300000đ. - 100b  
Phụ lục: tr. 250-326. - Thư mục: tr. 327-343 s626260

321. Dữ liệu lớn và xử lý ngôn ngữ tự nhiên trong nghiên cứu diễn ngôn đối ngoại tiếng Trung Quốc = Big data and natural language processing in research on Chinese diplomatic discourse : Sách chuyên khảo / B.s.: Phan Vũ Tuấn Anh (ch.b.), Quách Quang Hồng, Nguyễn Thùy Dương... - H. : Thông tấn, 2025. - 223 tr. : minh họa ; 24 cm. - 189000đ. - 500b  
Thư mục: tr. 166-177. - Phụ lục: tr. 178-223 s625687

322. Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của quần chúng nhân dân vào sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam : Dành chung cho đào tạo trình độ đại học : Sách chuyên khảo / B.s.: Đỗ Đăng Quý (ch.b.), Đỗ Thu Hương, Nguyễn Thị Yến... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 272 tr. : bìa ; 24 cm. - 55b  
ĐTTS ghi: Bộ Công an. Học viện Kỹ thuật và Công nghệ an ninh. - Lưu hành nội bộ. - Thư mục: tr. 264-266 s626262

323. Đào Ngọc Báu. Mô hình phát triển của Trung Quốc và một số gợi mở cho Việt Nam qua nghiên cứu những điểm mới của Văn kiện Đại hội lần thứ XX Đảng Cộng sản Trung Quốc : Sách tham khảo / B.s.: Đào Ngọc Báu (ch.b.), Vũ Quỳnh Phương, Lê Thanh Phương. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 291 tr. : bìa ; 24 cm. - 1000b  
Thư mục: tr. 285-291 s625704

324. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại các trường chính trị cấp tỉnh trong bối cảnh mới : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Thanh Nhân, Hoàng Văn Hoan (ch.b.), Lê Văn Lợi... - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 215 tr. : hình vẽ, bìa ; 21 cm. - 400b s625450

325. Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch về dự thảo văn kiện và công tác nhân sự Đại hội XIV của Đảng : Sách chuyên khảo / B.s.: Nguyễn Bá Hùng, Lê Văn Lợi (ch.b.), Nguyễn Huy Hoàng... - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 560 tr. ; 21 cm. - 1000b s624106

326. Đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong điều kiện mới : Sách chuyên khảo / Nguyễn Minh Tuấn (ch.b.), Lâm Quốc Tuấn, Lê Văn Cường... - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 222 tr. ; 21 cm. - 500b s625451

327. Giáo trình Giáo dục chính trị : Dành chung cho đào tạo trình độ trung cấp / B.s.: Bùi Hoàng Thao (ch.b.), Vũ Linh, Khuất Thị Vang, Vũ Thị Quyên. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 255 tr. ; 24 cm. - 55b  
ĐTTS ghi: Bộ Công an. Học viện Kỹ thuật và Công nghệ an ninh. - Lưu hành nội bộ. - Thư mục: tr. 244-247 s626266

328. Hà Thị Đoan Trang. Chính sách công ứng phó với đại dịch : Sách chuyên khảo / Hà Thị Đoan Trang. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 316 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 66000đ. - 200b  
ĐTTS ghi: Học viện Tài chính. - Thư mục: tr. 283-313. - Phụ lục: tr. 314-315 s624156
329. Hệ thống 80 câu hỏi tìm hiểu lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam / Đoàn Phú Hưng, Châu Hồng Nhiên (ch.b.), Ngô Thanh Danh... - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 262 tr. ; 21 cm. - 70000đ. - 200b  
ĐTTS ghi: Trường Chính trị tỉnh Cà Mau s625456
330. Hồ Chí Minh với công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng : Sách chuyên khảo / Phạm Đức Kiên (ch.b.), Phạm Văn Hồ, Cao Thị Hiệu... - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 318 tr. ; 21 cm. - 400b s625446
331. Khoa học xã hội và nhân văn với sứ mệnh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong kỷ nguyên mới / Ngô Đông Hải, Võ Khánh Linh, Phạm Thị Thúy Nga... - H. : Khoa học xã hội, 2026. - 959 tr. ; 24 cm. - 500b  
ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam s625388
332. Kissinger, Henry. Trật tự thế giới = World order / Henry Kissinger ; Phạm Thái Sơn dịch ; Võ Minh Tuấn h.đ. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 470 tr. ; 24 cm. - 245000đ. - 1000b s625678
333. Kỷ yếu 50 năm cơ quan Thành đoàn Thành phố Hồ Chí Minh (1975 - 2025). - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 229 tr. : ảnh màu ; 29 cm. - 300b s624050
334. Kỷ yếu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đầm Dơi (1945 - 2025) / B.s.: Huỳnh Văn Hiền, Ngô Bá Thành, Huỳnh Trung Quang, Phan Minh Phol ; S.t.: Đỗ Hồng Phúc... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 333 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 400b  
ĐTTS ghi: Đảng bộ tỉnh Cà Mau. Huyện ủy Đầm Dơi s623603
335. Kỷ yếu đại hội đại biểu Đảng bộ xã Cẩm Giàng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030. - S.l. : S.n., 2025. - 215 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 110b  
ĐTTS ghi: Đảng ủy xã Cẩm Giàng s625518
336. Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên phát triển mới / Phùng Hữu Phú, Vũ Văn Phúc, Nguyễn Ngọc Hà... - H. : Công Thương, 2025. - 393 tr. ; 30 cm. - 270b  
ĐTTS ghi: Thành ủy Hà Nội. Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản s625368
337. Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Xây dựng và thực hành chuẩn mực đạo đức cách mạng trong thời kỳ mới - Giải pháp "gốc rễ" xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh / Hoàng Nguyễn Trí Dương, Nguyễn Thị Bình, Trịnh Thị Thu Hiền... - H. : Dân trí, 2025. - 203 tr. ; 30 cm. - 25b  
ĐTTS ghi: Tỉnh ủy Gia Lai. Trường Chính trị. - Thư mục cuối mỗi bài s624009
338. Kỷ yếu Tọa đàm khoa học "Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết các dân tộc trên địa bàn tỉnh Gia Lai trong kỷ nguyên mới của dân tộc" / Ngô Khắc Ngọc, Nguyễn Đức Tốt, Phạm Hiếu Nhơn... - H. : Dân trí, 2025. - 231 tr. : bảng ; 30 cm. - 25b  
ĐTTS ghi: Tỉnh ủy Gia Lai. Trường Chính trị. - Thư mục cuối mỗi bài s623965
339. Lại Tông Thành. Quan hệ Việt Nam - Trung Hoa dưới triều Thanh / Lại Tông Thành ; Nguyễn Duy Chính dịch, giới thiệu ; H.đ.: Huỳnh Trung Kiên... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 823 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 660000đ. - 600b  
Thư mục: tr. 781-818 s626322
340. Lê Duẩn. Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới / Lê Duẩn. - In lần thứ 3. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 207 tr. ; 21 cm. - 145000đ. - 1000b s625546

341. Lê Đăng Tôn. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Đông Anh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 / B.s.: Lê Đăng Tôn, Tô Việt Dũng, Ngô Thị Mai Hoa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 134 tr. : bảng, ảnh ; 27 cm. - 250b  
ĐTTS ghi: Đảng bộ thành phố Hà Nội. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Đông Anh. - Phụ lục: tr. 55-98 s623923
342. Lịch sử quan hệ hai bên biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc từ năm 1945 đến năm 1979 : Sách chuyên khảo / Đinh Quang Hải, Phạm Thị Hồng Hà, Lương Thị Hồng, Phạm Thị Vương. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 487 tr. : bảng ; 24 cm. - 176000đ. - 200b  
ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Sử học. - Thư mục: tr. 470-487 s625378
343. Mô hình, kinh nghiệm về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch ở Việt Nam hiện nay : Sách chuyên khảo / Lê Thị Chiên (ch.b.), Phạm Đức Kiên, Nguyễn Anh Tuấn... - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 183 tr. ; 21 cm. - 300b  
ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh s625713
344. Nguyễn Bá Dương. Trí tuệ và bản lĩnh - Sức mạnh niềm tin chiến thắng : Sách chuyên khảo / Nguyễn Bá Dương. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 420 tr. ; 21 cm. - 1000b s624085
345. Nguyễn Thị Tố Uyên. Nhà nước kiến tạo phát triển - Kinh nghiệm của một số nước trên thế giới và giá trị tham khảo cho Việt Nam : Sách chuyên khảo / B.s.: Nguyễn Thị Tố Uyên (ch.b.), Tăng Thị Thu Trang, Nguyễn Thị Hồng Thúy... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 247 tr. : bảng ; 21 cm. - 100b  
Thư mục: tr. 237-239 s625296
346. Nguyễn Thu Trang. Quan hệ Mỹ - Trung tại Đông Nam Á từ cạnh tranh đến cạnh tranh chiến lược (2009 - 2020) / Nguyễn Thu Trang. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 238 tr. : minh họa ; 24 cm. - 200b  
Thư mục: tr. 220-236 s623607
347. Nguyễn Văn Quân. Nhà nước và pháp luật trong bối cảnh toàn cầu hóa : Sách chuyên khảo / Nguyễn Văn Quân. - Tái bản lần thứ 2, có sửa đổi, bổ sung. - H. : Tư pháp, 2025. - 363 tr. ; 21 cm. - 190000đ. - 500b  
Thư mục: tr. 348-357 s624125
348. Nguyễn Văn Trường. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong quân đội hiện nay : Sách chuyên khảo / Nguyễn Văn Trường. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 228 tr. ; 21 cm. - 1000b  
Thư mục: tr. 222-225 s624091
349. Nhìn lại 30 năm Việt Nam tham gia ASEAN: Thành tựu, thách thức và cơ hội / B.s.: Nguyễn Việt Chi, Quyền Anh Ngọc, Nguyễn Văn Đức... - H. : Công Thương, 2025. - 100 tr. : minh họa ; 23 cm. - 495b  
ĐTTS ghi: Bộ Công Thương. Vụ Chính sách thương mại đa biên. - Phụ lục: tr. 80-94. - Thư mục: tr. 95-100 s626041
350. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết xây dựng tình Đồng Nai phát triển bền vững / B.s.: Phan Xuân Linh, Ngô Minh Vương (ch.b.), Phạm Mạnh Tráng... - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 343 tr. : ảnh ; 24 cm. - 1000b  
ĐTTS ghi: Trường Chính trị tỉnh Đồng Nai. - Thư mục: tr. 339-340 s625527
351. Phát huy truyền thống 60 năm ngành Nội chính Đảng (1966 - 2026): Chung sức, đồng lòng cùng đất nước vững bước tiến vào kỷ nguyên mới / Tô Lâm, Nguyễn Phú Trọng, Lương Cường... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 634 tr. : minh họa ; 24 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Ban Nội chính Trung ương s623609

352. Quá trình phát triển tư duy lý luận và lãnh đạo tổ chức thực hiện của Đảng cộng sản Việt Nam về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế : Sách chuyên khảo / B.s.: Đỗ Đức Quân, Nguyễn Nam Thắng, Trương Bảo Thanh... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 607 tr. ; 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Học viện Chính trị khu vực I. - Thư mục: tr. 595-599 s625219

353. Quá trình phát triển tư duy lý luận và lãnh đạo tổ chức thực hiện của Đảng cộng sản Việt Nam về xây dựng chủ nghĩa xã hội, phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc : Sách chuyên khảo / B.s.: Nguyễn Thị Thanh Huyền, Lê Tuấn Vinh, Đặng Minh Phụng... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 718 tr. ; 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Học viện Chính trị khu vực I. - Thư mục: tr. 707-709 s625220

354. Quy định và hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng và nghiệp vụ công tác đảng viên / Hệ thống: Nguyễn Tài Thành. - H. : Hồng Đức, 2025. - 404 tr. : bảng ; 27 cm. - 395000đ. - 1990b s623840

355. Russell, Bertrand. Quyền lực : Một phân tích tận nền tảng xã hội / Bertrand Russell ; Dịch: Nguyễn Vương Chân, Đàm Xuân Cận. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 353 tr. ; 21 cm. - 155000đ. - 1500b

Dịch từ bản tiếng Anh: Power : A new social analysis s625920

356. Sổ tay Tích hợp nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong chương trình Cao cấp lý luận chính trị : Học phần Triết học Mác - Lênin; Kinh tế chính trị học Mác - Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tư tưởng Hồ Chí Minh / Lê Văn Lợi, Phạm Đức Kiên (ch.b.), Lê Thị Chiên... - H. : Lý luận Chính trị. - 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh  
Q.1. - 2025. - 242 tr. s625714

357. Sổ tay Tích hợp nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong chương trình Cao cấp lý luận chính trị : Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam; Giáo dục quốc phòng và an ninh; Chính trị học; Quan hệ quốc tế; Nhà nước và pháp luật; Pháp luật về quyền con người / Lê Văn Lợi, Dương Trung Ý, Nguyễn Anh Tuấn (ch.b.)... - H. : Lý luận Chính trị. - 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh  
Q.2. - 2025. - 238 tr. s625715

358. Sổ tay Tích hợp nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong chương trình Cao cấp lý luận chính trị : Học phần Khoa học lãnh đạo; Xã hội học và phát triển; Kinh tế phát triển; Quản lý kinh tế; Giới trong lãnh đạo, quản lý; Văn hóa và phát triển; Lý luận về dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam; Tôn giáo và tín ngưỡng / Lê Văn Lợi, Nguyễn Anh Tuấn (ch.b.), Lê Thị Chiên... - H. : Lý luận chính trị. - 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh  
Q.3. - 2025. - 139 tr. s625716

359. Tài liệu hỏi - đáp Nghị quyết Đại hội Đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thanh Hóa lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2025 - 2030 : Dùng cho cán bộ MTTQ xã, phường và Ban Công tác Mặt trận ở khu dân cư và tuyên truyền trong các tầng lớp Nhân dân / Ban Thường trực Ủy

ban MTTQ Việt Nam tỉnh Thanh Hóa b.s. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 36 tr. ; 21 cm. - 4370b

ĐTTS ghi: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thanh Hóa s623613

360. Tập bài giảng Lý luận về nhà nước và pháp luật / B.s.: Nguyễn Thị Ngọc Mai (ch.b.), Đỗ Thanh Trung, Đỗ Minh Khôi... - Tái bản lần thứ 4, có sửa đổi, bổ sung. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 774 tr. ; 21 cm. - 183000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh s626250

361. Thanh niên Việt nam tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng : Sách chuyên khảo / Trịnh Minh Thái, Trần Thị Thúy Ngọc (ch.b.), Phạm Thị Hằng... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 327 tr. ; 24 cm. - 195000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam. - Thư mục cuối mỗi bài s624071

362. Thăm tra, xác minh trong công tác kiểm tra, giám sát của Đảng : Sách chuyên khảo / Lê Thị Minh Hà (ch.b.), Ngô Huy Tiếp, Trịnh Hồng Công... - H. : Lý luận chính trị, 2025. - 136 tr. ; 21 cm. - 130000đ. - 100b

Thư mục: tr. 127-130 s625723

363. Trần Hùng Minh Phương. Quan hệ đối tác toàn diện ASEAN - Liên bang Nga (1996 - 2016) / Trần Hùng Minh Phương. - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2025. - 365 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 175000đ. - 120b

Thư mục: tr. 229-264. - Phụ lục: tr. 265-365 s624261

364. Trần Nhật. Công tác phát triển Đảng viên trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước ở các tỉnh Bắc Trung Bộ giai đoạn hiện nay : Sách chuyên khảo / Trần Nhật. - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 176 tr. ; 21 cm. - 160000đ. - 100b

Thư mục: tr. 161-172 s625453

365. Trần Quốc Tô. Xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, vững bước vào kỷ nguyên phát triển mới / Trần Quốc Tô. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 559 tr. : ảnh ; 24 cm. - 710b

Lưu hành nội bộ s626255

366. Trần Thị Hòe. Bảo đảm Quyền kinh tế, xã hội và văn hóa trong điều kiện hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay : Sách chuyên khảo / Ch.b.: Trần Thị Hòe, Đỗ Thị Thơm. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 229 tr. ; 24 cm. - 105000đ. - 100b

Thư mục: tr. 202-213. - Phụ lục: tr. 214-229 s625302

367. Tuyên giáo Đồng Nai 50 năm xây dựng - trưởng thành (1975 - 2025) / B.s.: Nguyễn Thị Hồng Trang, Nguyễn Anh Đức, Lê Quang Cần... - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 410 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Đồng Nai s625532

368. Tư tưởng của John Locke về quyền con người và giá trị hiện thời của tư tưởng ấy / Đỗ Thị Kim Hoa (ch.b.), Michal Valco, Cao Thu Hằng... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 312 tr. ; 24 cm. - 260000đ. - 200b

Thư mục: tr. 294-312 s625837

369. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ phường Tân Thuận lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 161 tr. : bảng ; 21 cm. - 450b

ĐTTS ghi: Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh. Đảng ủy Phường Tân Thuận s625536

370. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 168 tr. : bảng ; 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh s624330

371. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Cẩm Giàng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030. - S.l. : S.n., 2025. - 106 tr. : bìa ; 21 cm. - 110b

ĐTTS ghi: Đảng ủy xã Cẩm Giàng s625517

372. Văn kiện Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thanh Hóa lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2025 - 2030. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 172 tr. : bìa, ảnh màu ; 21 cm. - 1016b

ĐTTS ghi: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thanh Hóa s623614

373. Vấn đề sử dụng vũ lực của các nước lớn và tầm trung trong quan hệ quốc tế kể từ sau chiến tranh lạnh đến nay : Sách chuyên khảo / B.s.: Nguyễn Hùng Sơn (ch.b.), Nguyễn Thị Bích Ngọc, Ngô Di Lâm... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 311 tr. ; 24 cm. - 268000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Học viện Ngoại giao. - Thư mục: tr. 294-311 s626276

374. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc trong kỷ nguyên mới - Giá trị lý luận và thực tiễn : Sách chuyên khảo / B.s.: Vũ Trọng Hùng (ch.b.), Hoàng Thị Kim Thanh, Dương Thị Huệ... - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 260 tr. ; 21 cm. - 1000b

Phụ lục: tr. 237-254. - Thư mục: tr. 255-257 s624096

375. Vũ Trọng Lâm. Quản trị quốc gia trong thế giới đầy biến động : Sách chuyên khảo / Vũ Trọng Lâm, Đoàn Văn Dũng. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 219 tr. : bìa ; 21 cm. - 1000b

Thư mục: tr. 210-217 s625218

376. ວຽກງານກໍ່ສ້າງພັກໃນດ້ານການເມືອງ, ແນວຄິດ, ຈັນຍາບັນໃນໄລຍະໃໝ່ : ບັນດາບັນຫາທິດສະດີ ແລະ ພຶດຕິກຳຕົວຈິງ / ຄະນະພັກກຸ່ມອົງການສູນກາງ, ຫງວຽນຈ້ອງຈ່ວນ, ແມກກວາງຖັງ... ; ຜູ້ແປ: ເຍືອງວັນຕ່ວຽນ, ດັງວັນຖາຍ. - ຮ່າໂນ້ຍ : ສຳນັກພິມຈຳໜ່າຍການເມືອງແຫ່ງຊາດ, 2025. - 831 p. ; 24 cm. - 1000 copies

ໜ້າປົກຂອງປຶ້ມຂຽນວ່າ: ຄະນະໂຄສະນາສຶກສາສູນກາງພັກ s625033

377. ຫງວຽນວຽດເລີມ. ຄວາມໝັ້ນຄົງດ້ານດິນຟ້າອາກາດໃນການພົວພັນສາກົນ / ຫງວຽນວຽດເລີມ ; ຜູ້ແປ: ຫງວຽນວັນອານ. - ຮ່າໂນ້ຍ : ການເມືອງແຫ່ງຊາດ, ສຶ່ມວນຊົນ, 2025. - 330 p. ; 21 cm. - 1000 copies

ເອກະສານອ້າງອີງ: p. 323-327 s625016

378. ໂງຕວັນເຫງຍ. ລະບອບລະບຽບການ ພັດທະນາບັນດາບັນຫາທິດສະດີ ແລະ ພຶດຕິກຳຕົວຈິງ : ປຶ້ມຄົ້ນຄວ້າຈຳເພາະ / ໂງຕວັນເຫງຍ ; ຜູ້ແປ: ຫງວຽນມິງເຕີມ. - ຮ່າໂນ້ຍ : ສຳນັກພິມຈຳໜ່າຍການເມືອງແຫ່ງຊາດ, 2025. - 750 p. ; 24 cm. - 1500 copies

ເອກະສານອ້າງອີງ: p. 736-744 s625032

## KINH TẾ

379. AI and fintech revolution in shaping sustainable future : Research monograph / Ed.: Le Thanh Ha, Bui Thi Minh Anh (chief), Pham Xuan Nam... - H. : Finance, 2025. - 230 p. : ill. ; 24 cm. - 200 copies

Bibliogr. at the end of the chapter s625018

380. Architecting sustainability: The economic and governance imperatives of responsible artificial intelligence : Research monograph / Ed.: Le Thanh Ha, Bui Thi Minh Anh (chief), Hoang Dang Khanh... - H. : Finance, 2025. - 200 p. : ill. ; 24 cm. - 200 copies

Bibliogr. at the end of the chapter s625019

381. Bài tập Địa lí 11 / Nguyễn Thị Vũ Hà (ch.b.), Trần Thị Thanh Hà, Nguyễn Tú Linh... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 119 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 22000đ. - 23000b s624548

382. Bài tập Địa lí 12 / Phan Văn Phú, Hà Văn Thắng (ch.b.), Huỳnh Ngọc Sao Ly... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 132 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 25000đ. - 7000b s624547

383. Bài tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12 / Nguyễn Minh Đoàn, Trần Thị Mai Phương (ch.b.), Nguyễn Hà An... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 92 tr. : bảng ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 14000đ. - 9000b s624344

384. Báo cáo thường niên 2024. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 203 tr. : minh họa ; 30 cm. - 327b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Tài chính s624058

385. Bộ đề ôn luyện chuyên sâu môn Địa lí : Kỳ thi tốt nghiệp THPT theo Chương trình GDPT mới / Bùi Nghĩa Hoàng (ch.b.), Nguyễn Quỳnh Anh. - H. : Dân trí, 2025. - 167 tr. : minh họa ; 27 cm. - 150000đ. - 10000b s624015

386. Bộ đề ôn luyện chuyên sâu môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật : Kỳ thi tốt nghiệp THPT theo Chương trình GDPT mới... / Hoàng Thúc Lân (ch.b.), Ngô Văn Hiệp, Phạm Thị Vân Anh... - H. : Dân trí, 2025. - 179 tr. ; 27 cm. - 150000đ. - 10000b s623997

387. Cẩm nang Du lịch nông thôn Thái Nguyên = Thai Nguyen rural tourism handbook. - H. : Tri thức, 2025. - 160 tr. : ảnh màu ; 26 cm. - 515b

ĐTTS ghi: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên. Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn s626384

388. Cẩm nang Phát triển du lịch làng nghề truyền thống / B.s.: Nguyễn Xuân Hải, Trần Đức Thanh, Hồ Ngọc Linh... - H. : Văn hóa dân tộc, 2025. - 295 tr. : ảnh ; 21 cm. - 3450b  
Thư mục: tr. 285-289 s625697

389. Chen Lei. Lược sử kinh tế học lầy lội - Khủng hoảng dạy cho ta những gì? : Giải thích những nguyên lý kinh tế học hóc búa theo cách hài hước và dễ hiểu nhất! / Chen Lei ; Bích Thuận dịch. - H. : Hồng Đức. - 21 cm. - 229000đ. - 2000b  
T.1. - 2026. - 325 tr. : tranh vẽ s626083

390. Chi Mai. Tiền và tâm : Cách tiêu tiền mà không tội lỗi, tiết kiệm mà không khắc khổ, đầu tư mà không đánh mất giấc ngủ / Chi Mai. - H. : Thế giới, 2025. - 247 tr. ; 21 cm. - 179000đ. - 1000b

Tên thật tác giả: Đinh Thị Chi Mai s625638

391. Clason, George Samuel. Người giàu có nhất thành Babylon = The richest man in Babylon : Phiên bản mới / George Samuel Clason ; Hàn Băng Vũ dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 205 tr. : ảnh ; 21 cm. - 98000đ. - 10000b s623781

392. Clason, George Samuel. Người giàu có nhất thành Babylon : Tư duy làm giàu hay nhất mọi thời đại / George Samuel Clason ; Lucy Nguyễn dịch. - H. : Văn học, 2025. - 275 tr. : ảnh ; 19 cm. - 96000đ. - 5000b s623803

393. Cohen, Daniel. Lược sử kinh tế / Daniel Cohen ; Phước Hui Bon Hoa dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 188 tr. ; 21 cm. - 106000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Pháp: Une brève histoire de l'économie s625335

394. Cú Thông Thái. 200++ bài học chứng khoán cho nhà đầu tư F0 - Thấu hiểu doanh nghiệp & cổ phiếu / Cú Thông Thái. - H. : Công Thương, 2026. - 431 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 249000đ. - 2000b s626051

395. DRC - 50 năm hành trình "Chinh phục mọi nẻo đường & khát vọng thế kỷ" / Lê Hoàng Khánh Nhật, Hồ Văn Dũng, Nguyễn Chí Công... ; B.s.: Hà Phước Lộc... - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2025. - 197 tr. : ảnh ; 29 cm. - 650b

ĐTTS ghi: Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng s624048

396. Đặng Huỳnh Úc My. Right to win - "Cửa thắng" của nông nghiệp Việt : Cách thức AgriS và Betrimex tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu / Đặng Huỳnh Úc My ch.b. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 248 tr. : hình vẽ, ảnh ; 23 cm. - 350000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 245-247 s625944

397. Địa lí 11 / Lê Huỳnh (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Vũ Hà (ch.b.), Trần Thị Thanh Hà... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 167 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 23000đ. - 170400b s624612

398. Địa lí 11 / Nguyễn Kim Hồng (tổng ch.b.), Mai Phú Thanh, Hoàng Trọng Tuấn (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 164 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 23000đ. - 126000b s624613

399. Địa lí 12 / Nguyễn Kim Hồng (tổng ch.b.), Phan Văn Phú, Hà Văn Thắng (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 176 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 24000đ. - 111000b s624614

400. Điểm, tuyến du lịch - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam / Vũ Đình Hòa (ch.b.), Nguyễn Thị Chi, Trần Thị Mỹ Linh... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 431 tr. : bản đồ, bảng ; 27 cm. - 250000đ. - 700b

Thư mục: tr. 226-229. - Phụ lục: tr. 230-431 s624570

401. Điều chỉnh chiến lược công nghiệp hóa của một số nền kinh tế Đông Á hiện nay và hàm ý chính sách cho Việt Nam : Sách chuyên khảo / Nguyễn Anh Tuấn (ch.b.), Phạm Thị Mai Anh, Nguyễn Vinh Thành... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 395 tr. ; 24 cm. - 1000b

Thư mục: tr. 383-391 s625215

402. English for tourism and hospitality 1 : Student's book / Dang Thi Minh Tam (ed.), Tran Thi Kim Hue, Le Thi Ngoc Ha... - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 207 p. : ill. ; 24 cm. - 40000đ. - 2000 copies

At head of title: Hanoi University of Industry. - Bibliogr.: p. 207 s625028

403. Eric Vương. Quốc gia tích sản - Từ tiêu sản đến tích sản : Thoát khỏi vòng xoáy tiêu dùng xây dựng tự do tài chính từ những điều nhỏ nhất / Eric Vương. - H. : Thế giới, 2025. - 199 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 179000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 198-199 s625640

404. Financial independence by 35: A guide to creating passive income / Weupbook. - H. : Thế giới, 2025. - 143 p. : ill. ; 21 cm. - 250000đ. - 2000 copies s625002

405. Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 / Trần Thị Mai Phương (ch.b.), Nguyễn Hà An, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Toan. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 155 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 21000đ. - 194568b s624721

406. Giáo dục kinh tế và pháp luật 11 / Nguyễn Minh Đoàn, Trần Thị Mai Phương (ch.b.), Nguyễn Hà An... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 147 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 20000đ. - 189771b s624722

407. Giáo trình Kinh tế học đại cương / Trần Nhật Lam Duyên, Nguyễn Việt Khôi (ch.b.), Hà Thị Thu Huế, Đỗ Huy Thương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 327 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 139000đ. - 300b

Thư mục cuối mỗi chương s624073

408. Giáo trình Môi trường và phát triển / Đỗ Thị Lan Chi (ch.b.), Tô Xuân Quỳnh, Nguyễn Thị Tuyền, Trương Thị Yên Nhi. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 195 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 68000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Công đoàn. - Thư mục: tr. 194-195 s624137

409. Giáo trình Quản lý - Kinh tế được : Giáo trình Đào tạo cao đẳng / B.s.: Võ Thị Ngọc Minh (ch.b.), Châu Thị Thúy Hằng, Võ Huỳnh Phương Linh, Bùi Thị Huyền Trân. - H. : Nông nghiệp, 2025. - 177 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 125000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp. - Thư mục cuối mỗi bài s625463

410. Giáo trình Tài chính cá nhân ứng dụng / Nguyễn Quỳnh Anh, Nguyễn Hồng Nhung (ch.b.), Lê Thị Mai Hương... - H. : Công Thương, 2025. - 443 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 118000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Điện lực. Khoa Kế toán - Tài chính. - Thư mục: tr. 441-443 s625354

411. Giáo trình Tài chính công / B.s.: Đinh Thị Hòa (ch.b.), Trần Thế Lữ, Hoàng Thị Minh Châu... - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 386 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 92000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Công đoàn. Khoa Tài chính - Ngân hàng. - Thư mục: tr. 377-382. - Phụ lục: tr. 383-386 s625323

412. Hagstrom, Robert G. Phương pháp đầu tư Warren Buffett = The Warren Buffett way : Những nguyên lý đầu tư của nhà đầu tư vĩ đại nhất thế giới / Robert G. Hagstrom ; Dịch: Vũ Lê Mỹ Hạnh, Mai Thanh Hương. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Công Thương, 2026. - 367 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 169000đ. - 3000b s626044

413. 20 đề Địa lí tuyển chọn : Ôn thi tốt nghiệp THPT năm 2026 / AT School, Địa lí thầy Tùng. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 151 tr. : bảng, biểu đồ ; 27 cm. - 1000b s626454

414. Huỳnh Kim Thừa. Các mô hình liên kết kinh tế trong nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long : Sách chuyên khảo / Huỳnh Kim Thừa. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 239 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 200000đ. - 300b s624190

415. Hướng dẫn ôn thi tốt nghiệp Trung học phổ thông môn Địa lí năm học 2025 - 2026 / Nguyễn Phương Liên (ch.b.), Đỗ Anh, Nguyễn Tú Linh... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 192 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 85000đ. - 6000b s624667

416. Hướng dẫn ôn thi tốt nghiệp Trung học phổ thông môn Giáo dục kinh tế và pháp luật năm học 2025 - 2026 / Trần Thị Mai Phương, Nguyễn Thị Hôi (ch.b.), Phạm Khánh An, Nguyễn Kim Thoa. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 179 tr. : bảng ; 27 cm. - 85000đ. - 2000b s624668

417. Khoa Du lịch học - 30 năm đào tạo và nghiên cứu / Nguyễn Trùng Khánh, Trần Đức Thanh, Phạm Hồng Long... - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 779 tr. : minh họa ; 26 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. - Thư mục trong chính văn s623924

418. Kiến tạo phát triển thị trường cacbon: Kinh nghiệm quốc tế và lộ trình cho Việt Nam : Sách chuyên khảo / B.s.: Hà Huy Ngọc, Nguyễn Thị Liễu, Đào Minh Trang (ch.b.)... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 414 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 1000b

- ĐTTS ghi: Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới. - Thư mục: tr. 396-408 s623601
419. Kinh tế chia sẻ - Thực tiễn triển khai trên thế giới và bài học cho Việt Nam : Sách chuyên khảo / Vũ Thị Thanh Xuân (ch.b.), Nguyễn Thị Tường Anh, Vũ Thị Quế Anh... - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 226 tr. : minh họa ; 21 cm. - 500b  
ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 210-224 s625448
420. Kỹ yếu Hội thảo khoa học Phát triển bền vững và quản lý phát triển bền vững tỉnh Bình Dương trong bối cảnh chuyển đổi số / Trần Thị Anh Thư, Lê Anh Vũ, Trần Hoàng Thị Diễm Ngọc... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 939 tr. : minh họa ; 24 cm. - 100b  
ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủ Dầu Một. - Thư mục cuối mỗi bài s626328
421. Kỹ yếu Hội thảo khoa học Phát triển du lịch nghỉ dưỡng núi ở Việt Nam / Phạm Trung Lương, Nguyễn Văn Bắc, Nguyễn Thị Phương Lan... - H. : Tri thức, 2025. - 296 tr. : ảnh ; 29 cm. - 300b  
ĐTTS ghi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Viện Văn hóa, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam. - Thư mục cuối mỗi bài s623959
422. Le Thanh Ha. Pathways to prosperity: A household examination of inclusive growth in Vietnam : Research monograph / Ed. in chief: Le Thanh Ha, Vu Khanh Linh. - H. : Economic - Finance, 2025. - 147 p. : ill ; 24 cm. - 190000đ. - 200 copies  
Bibliogr. at the end of the chapter s625020
423. Lê Linh Chi. Tiền "đẻ ra" tiền : Con đường dẫn đến tự do tài chính / Lê Linh Chi. - H. : Công Thương, 2025. - 170 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 250000đ. - 2000b s625347
424. Lê Thị Thanh Loan. Hướng dẫn áp dụng kinh tế tuần hoàn trong phát triển kinh tế hộ gia đình tại địa bàn nông thôn, miền núi / Lê Thị Thanh Loan. - H. : Văn hóa dân tộc, 2025. - 295 tr. : minh họa ; 21 cm. - 3450b  
Phụ lục: tr. 232-284. - Thư mục: tr. 285-293 s625700
425. Lê Xuân Diệu. Phát triển nông nghiệp công nghệ cao ở vùng Đồng bằng sông Hồng : Sách chuyên khảo / Lê Xuân Diệu. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 259 tr. ; 21 cm. - 1000b  
Thư mục: tr. 252-257 s624103
426. Lớn lên từ những việc nhỏ : Sổ tay của một người gắn bó 30 năm với Viettel. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 300 tr. ; 23 cm. - 366b  
ĐTTS ghi: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội Viettel s624235
427. Master Q. Bí kíp cứu kiếm Living : Không cần cố thay đổi số phận, không cần kiểm soát kết quả, chỉ cần sống đúng công pháp / Master Q. - H. : Thế giới, 2025. - 180 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 333333đ. - 1000b s625652
428. McClisky, Marie. English for banking in higher education studies : Course book / Marie McClisky ; Ed.: Terry Phillips, Nguyen Bui Thuy Minh. - Hue : Hue University, 2025. - 133 p. : ill. ; 28 cm. - 3000 copies s625084
429. MICCO - 60 năm một hành trình kiến tạo, một tương lai vững tiến / B.s.: Lê Xuân Liệu, Hoàng Ngọc Thại, Nguyễn Văn Đồng... - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 251 tr. : ảnh màu, bảng ; 21x28 cm. - 400b s624124
430. Mol, Hans. English for tourism and hospitality in higher education studies : Course book / Hans Mol, Edward Alden ; Ed.: Nguyen Thi Thanh Loan. - Hue : Hue University, 2025. - 159 p. ; 28 cm. - 3000 copies s625090
431. Mô hình chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước ở Việt Nam : Sách chuyên khảo / B.s.: Đinh Thị Nga, Hoàng Trường Giang, Lê Thạch Anh (ch.b.)... - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 214 tr. ; 21 cm. - 400b

Thư mục: tr. 204-212 s625445

432. Mô hình phát triển du lịch làng nghề truyền thống trong xây dựng nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi / Nguyễn Xuân Hải, Trần Đức Thanh (ch.b.), Hồ Ngọc Ninh, Nguyễn Thị Thùy Ngân. - H. : Văn hóa dân tộc, 2025. - 151 tr. : ảnh ; 21 cm. - 5350b

ĐTTS ghi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Cục Văn hóa các dân tộc Việt Nam. - Thư mục: tr. 147-149 s625320

433. 5 levels and 32 methods to earn money from beginner to advanced : Increase your income immediately after applying! / Weupbook. - H. : Thế giới, 2025. - 143 p. : ill. ; 21 cm. - 250000đ. - 2000 copies s625006

434. 5 ระดับและ 32 วิธีในการสร้างรายได้ จากง่ายไปจนถึงระดับมืออาชีพ เพิ่มรายได้ของคุณได้ทันทีหลังจากนำไปใช้ / Weupbook. - H. : Thế giới, 2025. - 155 p. : ill. ; 21 cm. - 250000đ. - 2000 copies s624998

435. Ngô Thái Hưng. DeFi, Bitcoin và thị trường tài chính các nước Đông Âu : Sách chuyên khảo / Ngô Thái Hưng. - H. : Tài chính, 2024. - 191 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Bộ Tài chính. Trường Đại học Tài chính - Marketing. - Thư mục: tr. 170-191 s624163

436. Nguyen Thi Minh Tien. Labor relations : Textbook / Nguyen Thi Minh Tien, Mai Thuy Duong, Luong Ngoc Minh. - H. : National Economics University, 2025. - 302 p. : ill. ; 24 cm. - 199000đ. - 200 copies

Bibliogr.: p. 282-302 s625064

437. Nguyễn Chu Hồi. Quản lý tổng hợp đại dương, biển và vùng bờ biển : Sách chuyên khảo / Nguyễn Chu Hồi. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 1000b

T.2: Kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn ở Việt Nam. - 2025. - 399 tr. - Phụ lục: tr. 386-395. - Thư mục: tr. 396-397 s625216

438. Nguyễn Duy Phương. Khởi sự kinh doanh 4.0 / Nguyễn Duy Phương (ch.b.), Đỗ Thuần Hải, Lương Thị Kim Ngân. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 446 tr. : bảng ; 28 cm. - 495000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 445-446 s624057

439. Nguyễn Mạnh Hùng. Tăng trưởng kinh tế và thương mại quốc tế của Việt Nam trong 40 năm đổi mới : Sách chuyên khảo / Nguyễn Mạnh Hùng, Phạm Sỹ An, Trần Thị Mai Thành. - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 222 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 400b

Thư mục: tr. 203-219 s625443

440. Nguyễn Thanh Thảo. Di chuyển lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thanh Thảo. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 183 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 66000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Học viện Tài chính. - Thư mục: tr. 172-183 s624159

441. Nguyễn Thị Mỹ Linh. Tài chính và bất động sản : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Mỹ Linh. - H. : Tài chính, 2024. - 212 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Bộ Tài chính. Trường Đại học Tài chính - Marketing. - Thư mục cuối mỗi chương s624157

442. Nguyễn Thị Phương Thùy. Tiếng Việt và chính sách kinh tế - thương mại Việt Nam / Nguyễn Thị Phương Thùy, Phạm Thị Thúy Hồng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 250 tr. : bảng ; 21 cm. - 800b s626339

443. Nguyễn Văn Định. Tài chính doanh nghiệp / Nguyễn Văn Định. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 250 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - (Tủ sách Khoa học). - 120000đ. - 300b  
Đầu bìa sách ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Quốc tế. - Phụ lục: tr. 245-250 s625300

444. Nguyễn Xuân Anh. Lao động di cư Việt Nam - Thái Lan: Chân dung và hành trình xuyên biên giới : Sách chuyên khảo / Nguyễn Xuân Anh. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 270 tr. : minh họa ; 24 cm. - 240000đ. - 250b  
Thư mục: tr. 241-270 s625839

445. Nordhaus, William. Tinh thần xanh : Kinh tế học về sự xung đột và lan tỏa trong một thế giới đông đúc / William Nordhaus ; La Thị Thắm dịch. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 410 tr. ; 24 cm. - 329000đ. - 700b

Tên sách tiếng Anh: The spirit of green: The economics of collisions and contagions in crowded world s625384

446. Petrolimex: Truyền thống đỏ - Khát vọng xanh / B.s.: Trần Trọng Thơ (ch.b.), Võ Văn Bé, Nguyễn Bình... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 503 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam. - Phụ lục: tr. 445-496. - Thư mục: tr. 497-500 s623608

447. Phạm Thị Vân Anh. Quản trị dòng tiền của các công ty xây dựng niêm yết ở Việt Nam : Sách chuyên khảo / Phạm Thị Vân Anh. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 171 tr. : bảng ; 24 cm. - 66000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Học viện Tài chính. - Thư mục: tr. 169-170 s624150

448. Phan Văn Tân. Nhà nông cần biết kinh doanh / Phan Văn Tân (ch.b.), Nguyễn Thanh Tâm, Phan Thị Thủy Trung. - H. : Văn hóa dân tộc, 2025. - 295 tr. : minh họa ; 21 cm. - 3450b  
Thư mục: tr. 289-291 s625706

449. Phát triển nguồn lực con người trong lĩnh vực văn hóa - du lịch tại thành phố Huế theo tinh thần nghị quyết số 54-NQ/TW của Bộ Chính trị : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Châu (ch.b.), Nguyễn Thị Hoài Phương, Lê Thị Hằng... - H. : Công an nhân dân, 2026. - 207 tr. : bảng ; 21 cm. - 110b

ĐTTS ghi: Thành ủy Huế. Trường Chính trị Nguyễn Chí Thanh. - Thư mục: tr. 187-207 s625293

450. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong thời kỳ chuyển đổi số ở Việt Nam hiện nay : Sách chuyên khảo / Lương Công Lý, Nguyễn Thị Lệ Thủy, Nguyễn Thị Thu Hà (ch.b.)... - H. : Công an nhân dân, 2026. - 187 tr. ; 21 cm. - 80000đ. - 200b

Thư mục: tr. 165-184 s626257

451. Phát triển thị trường vốn tại Việt Nam : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Nhung, Đào Hoàng Tuấn (ch.b.), Jonathan Pincus, Nguyễn Tuấn An. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 183 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 129000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Kinh tế. - Thư mục: tr. 156-167. - Phụ lục: tr. 168-183 s626353

452. Proceeding of international conference on sustainable science and technology 2025: Green solutions for climate change adaptation / Trương Thị Giang, Nguyễn Thị Phương Thảo, Lâm Vinh Niên... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 214 p. : ill. ; 28 cm. - 60 copies

At head of title: Trường Đại học Nguyễn Tất Thành. - Bibliogr. at the end of the paper s625194

453. Quán Thị Hoàng Anh. Modulation on English conceptual metaphor via Vietnamese translation of metaphoric expressions in economic discourse = Sự điều biến của ẩn dụ ý niệm tiếng Anh qua bản dịch tiếng Việt các biểu thức ẩn dụ trong diễn ngôn kinh tế : Sách chuyên khảo / Quán Thị Hoàng Anh. - H. : Social Sciences, 2025. - 461 p. : ill. ; 24 cm. - 260000đ. - 200 copies

Bibliogr.: p. 422-431. - App.: p. 432-461 s625065

454. Quốc Thủy. Hướng dẫn thuế hộ kinh doanh 2026 : Từ A - Z theo mô hình thuế mới: Kê khai - Tính thuế - Quản lý hóa đơn - NLP ứng dụng / Quốc Thủy. - H. : Thế giới, 2025. - 104 tr. : bảng ; 18 cm. - 49000đ. - 5000b

Phụ lục: tr. 93-100 s626551

455. Quy hoạch cửa khẩu Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc) và hàm ý đối với Việt Nam = Planning for of the border gate of Guangxi Zhuang Autonomous Region (China) and implications for Vietnam : Sách chuyên khảo / Trần Thị Thủy (ch.b.), Nguyễn Thị Ánh Thuận, Nguyễn Xuân Cường... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 262 tr. : minh họa ; 21 cm. - 138000đ. - 150b

ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. - Thư mục: tr. 240-252. - Phụ lục: tr. 253-262 s625375

456. 60 đề minh họa tốt nghiệp THPT 2026 môn Địa lí : Đề thi được xây dựng chuẩn cấu trúc, ma trận của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2025... / Phương Dung (ch.b.), Quỳnh Hương. - H. : Dân trí, 2025. - 358 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 200000đ. - 5000b s624000

457. Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ và sử dụng CAPI thu thập thông tin phiếu cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể: Tổng điều tra kinh tế năm 2026. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 108 tr. : bảng ; 29 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế năm 2026 Trung ương. - Phụ lục: tr. 81-106 s624060

458. Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ và sử dụng CAPI thu thập thông tin phiếu tổ hợp tác và phiếu cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng: Tổng điều tra kinh tế năm 2026. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 95 tr. : bảng ; 29 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế năm 2026 Trung ương. - Phụ lục: tr. 83-95 s624059

459. Số liệu hiện trạng rừng năm 2024. - H. : Nông nghiệp, 2025. - 196 tr. : bản đồ, bảng ; 21x30 cm. - 350b

ĐTTS ghi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm s626331

460. Tác động xã hội của "Bẫy lao động giá rẻ" - Lý luận và thực tiễn của Việt Nam : Sách chuyên khảo / Phạm Thị Hoàng Hà (ch.b.), Nguyễn Bình Minh, Vũ Thị Phương Hậu... - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 155 tr. : minh họa ; 24 cm. - 150b s625724

461. Thanh niên ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp : Sách chuyên khảo / Cán Thị Thu Hương, Đào Thị Kim Biên (ch.b.), Nguyễn Hải Đăng... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 226 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 110000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam. - Thư mục: tr. 219-226 s624072

462. Theo dõi thu chi dễ hay khó? : Sách dành cho trẻ từ 6 - 12 tuổi / Lời: Lisa Bullard ; Tranh: Mike Byrne ; Lê Ngọc dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Giúp trẻ quản lý tài chính thông minh). - 25000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Kyle keeps track of cash. - Thư mục: tr. 24 s624308

463. Thị trường trái phiếu và phát triển bền vững: Thực trạng tại Việt Nam : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Nhung, Đào Hoàng Tuấn (ch.b.), Trần Hoàng Minh... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 231 tr. : minh họa ; 24 cm. - 149000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Kinh tế. - Thư mục cuối mỗi chương s626351

464. Tổng kết 10 năm thực thi Cộng đồng Kinh tế ASEAN 2025 và hướng tới tương lai / B.s.: Nguyễn Việt Chi, Quyền Anh Ngọc, Cao Thu Hoài... - H. : Công Thương, 2025. - 93 tr. : ảnh, biểu đồ ; 23 cm. - 495b

ĐTTS ghi: Bộ Công Thương. Vụ Chính sách thương mại đa biên. - Thư mục: tr. 93 s626042

465. Tổng ôn Địa lí : Hệ thống kiến thức theo Chương trình Sách giáo khoa mới... / Phương Dung. - H. : Dân trí. - 27 cm. - 200000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 230 tr. : bảng s626512

466. Tổng quan ngành Công Thương năm 2025. - H. : Công Thương, 2025. - 199 tr. : ảnh, biểu đồ ; 24 cm. - 600b

ĐTTS ghi: Bộ Công Thương. - Phụ lục: tr. 176-196 s625362

467. Travel magazine : Du lịch bền vững - Kiến tạo tương lai / Huyền Phan, Đoàn Thị Trang Hiền, Đậu Minh Đức... - H. : Công Thương, 2025. - 90 tr. : ảnh ; 30 cm. - 80000đ. - 10000b

Đầu bìa sách ghi: Viện Phát triển Du lịch châu Á. - Thư mục trong chính văn s624065

468. Trần Du Lịch. Ký ức - niềm tin & khát vọng : Hành trình nhận thức về mô hình phát triển kinh tế Việt Nam / Trần Du Lịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 423 tr. ; 24 cm. - 350000đ. - 2000b s624194

469. Trần Ngọc Anh. Nam Bộ trong tiến trình tháo gỡ khó khăn, đổi mới phát triển kinh tế (1975 - 1996) : Sách chuyên khảo / Trần Ngọc Anh. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 233 tr. ; 24 cm. - 180000đ. - 250b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 213-233 s625838

470. Trần Quang Phú. Giáo trình Lập và thẩm định dự án đầu tư giao thông vận tải : Dành cho ngành Khai thác vận tải (chuyên ngành Quản lý và Kinh doanh vận tải) / Trần Quang Phú (ch.b.), Bùi Quốc An. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 184 tr. : bảng ; 27 cm. - 215000đ. - 500b

Đầu bìa sách ghi: Trường Đại học Giao thông vận tải. - Phụ lục: tr. 157-181. - Thư mục: tr. 182-183 s623897

471. Trần Quốc Hùng. Hướng dẫn xây dựng sản phẩm du lịch văn hóa cộng đồng tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi phía Bắc / Trần Quốc Hùng. - H. : Văn hóa dân tộc, 2025. - 295 tr. : minh họa ; 21 cm. - 3450b

Phụ lục: tr. 256-288. - Thư mục: tr. 289-291 s625705

472. Trần Quốc Hùng. Mô hình phát triển du lịch văn hóa cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi / Trần Quốc Hùng b.s. - H. : Văn hóa dân tộc, 2025. - 159 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 5350b

ĐTTS ghi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Cục Văn hóa các dân tộc Việt Nam. - Thư mục: tr. 158 s625319

473. Trần Quốc Hùng. Phát triển công nghiệp văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi / Trần Quốc Hùng. - H. : Văn hóa dân tộc, 2025. - 295 tr. : ảnh màu, bảng ; 21 cm. - 3450b

Phụ lục: tr. 272-284. - Thư mục: tr. 285-293 s625699

474. Trương Hữu Quỳnh. Chế độ ruộng đất ở Việt Nam thế kỷ XI - XVIII / Trương Hữu Quỳnh. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 480 tr. : bìa ; 24 cm. - 300000đ. - 600b  
Thư mục: tr. 450-475 s624305
475. Trương Quang Vinh. Giáo trình Du lịch tổng quan Việt Nam : 34 tỉnh thành mới - Kỷ nguyên vươn mình / B.s.: Trương Quang Vinh, Lê Tiên Sang, Võ Quang Hiền. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 256 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 259000đ. - 1500b  
Thư mục: tr. 247-249. - Phụ lục: tr. 250-256 s624142
476. Vai trò của mạng xã hội đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thu Hà (ch.b.), Nguyễn Cao Chương, Nguyễn Thị Thu Hương... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 170 tr. : bìa ; 24 cm. - 180000đ. - 50b  
Phụ lục: tr. 163-164. - Thư mục: tr. 165-170 s626301
477. Vay tiền nên hay không? : Sách dành cho trẻ từ 6 - 12 tuổi / Lời: Lisa Bullard ; Tranh: Mike Byrne ; Lê Ngọc dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Giúp trẻ quản lý tài chính thông minh). - 25000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Anh: Brody borrows money. - Thư mục: tr. 24 s624309
478. Võ Văn Bình. Giáo trình Nông nghiệp sạch và bền vững / B.s.: Võ Văn Bình (ch.b.), Châu Thị Anh Thy. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 219 tr. : minh họa ; 24 cm. - 100000đ. - 100b  
Thư mục: tr. 209-219 s625690
479. Vốn con người trong mối quan hệ tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng thu nhập: Bằng chứng thực nghiệm và hàm ý chính sách cho Việt Nam / Võ Hồng Đức, Hồ Minh Chí (ch.b.), Võ Thế Anh, Võ Trần Trúc Quỳnh. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 87 tr. : bìa, biểu đồ ; 29 cm. - 500b  
Thư mục cuối mỗi chương s626460
480. Vốn xã hội cấu trúc - Thông tin phi cấu trúc trên báo cáo thường niên và hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp : Sách chuyên khảo / Mai Ngọc Anh, Nguyễn Lê Cường, Nguyễn Minh Thành (ch.b.)... - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 304 tr. : bìa ; 24 cm. - 300b  
ĐTTS ghi: Học viện Tài chính. - Thư mục cuối mỗi chương s624143
481. Vũ Đức Kiên. Tác động của vị trí địa lý tới các quyết định tài chính cơ bản của doanh nghiệp Việt Nam : Sách chuyên khảo / Vũ Đức Kiên. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 135 tr. : bìa ; 24 cm. - 66000đ. - 200b  
ĐTTS ghi: Học viện Tài chính. - Thư mục: tr. 129-134 s624152
482. Vũ Hương Lan. Lao động trẻ em trong du lịch ở Sa Pa / Vũ Hương Lan. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 279 tr. : minh họa ; 21 cm. - 800b  
Thư mục: tr. 244-254. - Phụ lục: tr. 255-279 s626343
483. Vũ Thị Thúy Hằng. Chuyển đổi số trong kinh doanh du lịch nông thôn tại Việt Nam: Lý luận, thực tiễn và khuyến nghị chính sách / B.s.: Vũ Thị Thúy Hằng (ch.b.), Hoàng Hải Hà, Hoàng Thị Ni Na. - H. : Công Thương, 2025. - 203 tr. : hình vẽ, bìa ; 24 cm. - 120000đ. - 500b  
ĐTTS ghi: Trường Đại học Thương mại. - Thư mục: tr. 194-200 s626055
484. Vũ Trung. Chính sách cho nông dân mới / Vũ Trung s.t., b.s. - H. : Tri thức, 2026. - 92 tr. : bìa ; 21 cm. - (Làm nông kiểu mới: Xanh - Sạch - Bền vững). - 49000đ. - 1000b  
Phụ lục: tr. 76-83. - Thư mục: tr. 87-88 s625743

485. Vũ Trung. Làm du lịch tại vườn nhà / Vũ Trung s.t., b.s. - H. : Tri thức, 2026. - 96 tr. : bảng ; 21 cm. - (Làm nông kiểu mới: Xanh - Sạch - Bền vững). - 49000đ. - 1000b  
Phụ lục: tr. 86-90. - Thư mục: tr. 91-92 s625742
486. Vũ Trung. Nông nghiệp hữu cơ - Nông dân xanh trong xã hội mới, kinh tế tuần hoàn / Vũ Trung s.t., b.s. - H. : Tri thức, 2026. - 118 tr. : bảng ; 21 cm. - 60000đ. - 1000b  
Phụ lục: tr. 95-115. - Thư mục: tr. 116 s625749
487. Xây dựng và phát triển thương hiệu điểm đến du lịch Ninh Bình / Bùi Văn Mạnh, Trần Song Tùng (ch.b.), Phạm Xuân Phong... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 238 tr. ; 21 cm. - 200b  
Thư mục: tr. 229-236 s623606
488. Xử lý khủng hoảng truyền thông khi xảy ra biến động của thị trường trái phiếu ở Việt Nam : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Khuyên, Nguyễn Đức Toàn (ch.b.), Nguyễn Thị Minh Hiền... - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 248 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 168000đ. - 100b  
Thư mục: tr. 232-241 s625454
489. Yuichiro Itakura. Tiền khôn tiền dại ở tay người dùng / Yuichiro Itakura ; Thiên Ngân dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 187 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 80000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Nhật: おりこうさん おばかさんのお金の使い方 s626108
490. ບົດບາດ, ຜົນກະທົບຕໍ່ກັບວິວັດທະນາການຂະຫຍາຍຕົວຂອງໂລກແລະ ການກຳນົດນະໂຍບາຍຂອງຫວຽດນາມ : ປຶ້ມຄົ້ນຄວ້າສະເພາະ / ສິ່ງດັ່ງກ່າວ (ຫົວໜ້າບັນນາທິການ), ຫງວຽນວັນລິກ, ຈິນທິວິງ... ຜູ້ແປ: ຮວ່າງວັນຄາງ. - ຮ່າໂນ້ຍ : ສຳນັກພິມຈຳໜ່າຍການເມືອງແຫ່ງຊາດ, 2025. - 555 p. ; 24 cm. - 1000 copies  
ເອກະສານອ້າງອີງ: p. 541-552 s625034
491. 富寿省 - 潜力与投资机遇. - 富寿省 : S.n., 2025. - 58 页 : 插图 ; 20 cm. - 700 copies  
在标题头: 富寿省投资促进与企业支持中心 s624987

## CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CÁC HỆ THỐNG LIÊN QUAN

492. Bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn trong tình hình mới : Sách chuyên khảo / Đào Thị Minh Thảo (ch.b.), Nguyễn Tuấn Anh, Trần Văn Phòng... - H. : Khoa học xã hội, 2026. - 291 tr. ; 24 cm. - 300b  
ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Triết học. - Thư mục: tr. 246-291 s625381
493. Đặng Quang Định. Triết học Mác - Lênin với sự nghiệp giải phóng và xây dựng xã hội tiến bộ cho nhân loại : Sách chuyên khảo / Đặng Quang Định, Vi Thị Hương Lan. - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 262 tr. ; 21 cm. - 400b  
Thư mục: tr. 257-260 s625449
494. Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin / B.s.: Phạm Văn Dũng, Trần Đức Hiệp (ch.b.), Nguyễn Thùy Anh... - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 358 tr. ; 24 cm. - 128000đ. - 2000b  
ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Kinh tế. - Thư mục: tr. 352-358 s626376
495. Ho Chi Minh. Ho Chi Minh anthología / Trad.: Vu Thi Huong Giang... ; Revisores técnicos de textos: Ruvislei Gonzalez Saez, Nguyen Viet Thao. - H. : Nacional Política. - 24 cm. - 1253 copies

- Vol.2: Acerca de la paz y la amistad entre las naciones. - 2025. - 626 p. s625036
496. Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh anthologie. - H. : Politique Nationale. - 24 cm. - 1204 copies
- Vol.3: Sur la démocratie et le progrès social. - 2025. - 411 p. s624982
497. Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh toàn tập. - Xuất bản lần thứ 3, có sửa chữa. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 618900đ. - 1000b  
T.1: 1912 - 1924. - 2025. - xxxvi, 575 tr. : ảnh. - Phụ lục: tr. 455-568 s623586
498. Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh toàn tập. - Xuất bản lần thứ 3, có sửa chữa. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 618900đ. - 1000b  
T.2: 1924 - 1929. - 2025. - xiv, 649 tr. : ảnh. - Phụ lục: tr. 449-643 s623587
499. Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh toàn tập. - Xuất bản lần thứ 3, có sửa chữa. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 412600đ. - 1000b  
T.3: 1930 - 1945. - 2025. - xii, 699 tr. : ảnh. - Phụ lục: tr. 613-646 s623588
500. Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh toàn tập. - Xuất bản lần thứ 3, có sửa chữa. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 412600đ. - 1000b  
T.4: 1945 - 1946. - 2025. - xii, 651 tr. : ảnh. - Phụ lục: tr. 557-592 s623589
501. Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh toàn tập. - Xuất bản lần thứ 3, có sửa chữa. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 412600đ. - 1000b  
T.5: 1947 - 1948. - 2025. - xiv, 761 tr. : ảnh. - Phụ lục: tr. 667-702 s623590
502. Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh toàn tập. - Xuất bản lần thứ 3, có sửa chữa. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 412600đ. - 1000b  
T.6: 1949 - 1950. - 2025. - 619 tr. : ảnh. - Phụ lục: tr. 541-564 s623591
503. Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh toàn tập. - Xuất bản lần thứ 3, có sửa chữa. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 412600đ. - 1000b  
T.7: 1951 - 1952. - 2025. - xv, 663 tr. : ảnh. - Phụ lục: tr. 539-600 s623592
504. Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh toàn tập. - Xuất bản lần thứ 3, có sửa chữa. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 412600đ. - 1000b  
T.8: 1953 - 1954. - 2025. - 630 tr. : ảnh. - Phụ lục: tr. 557-566 s623593
505. Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh toàn tập. - Xuất bản lần thứ 3, có sửa chữa. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 412600đ. - 1000b  
T.9: 1954 - 1955. - 2025. - xvi, 591 tr. : ảnh. - Phụ lục: tr. 531-536 s623594
506. Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh toàn tập. - Xuất bản lần thứ 3, có sửa chữa. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 412600đ. - 1000b  
T.10: 1955 - 1957. - 2025. - xvi, 703 tr. : ảnh. - Phụ lục: tr. 635-644 s623595
507. Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh toàn tập. - Xuất bản lần thứ 3, có sửa chữa. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 412600đ. - 1000b  
T.11: 1957 - 1958. - 2025. - xii, 682 tr. : ảnh. - Phụ lục: tr. 613-672 s623596
508. Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh toàn tập. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 412600đ. - 1000b  
T.12: 1959 - 1960. - 2025. - xiv, 827 tr. : ảnh. - Phụ lục: tr. 745-754 s623597
509. Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh toàn tập. - Xuất bản lần thứ 3, có sửa chữa. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 412600đ. - 1000b  
T.13: 1961 - 1962. - 2025. - xiv, 612 tr. : ảnh. - Phụ lục: tr. 531-548 s623598

510. Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh toàn tập. - Xuất bản lần thứ 3, có sửa chữa. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 412600đ. - 1000b  
T.14: 1963 - 1965. - 2025. - xii, 830 tr. : ảnh. - Phụ lục: tr. 711-752 s623599
511. Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh toàn tập. - Xuất bản lần thứ 3, có sửa chữa. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 412600đ. - 1000b  
T.15: 1966 - 1969. - 2025. - xvi, 767 tr. : ảnh. - Phụ lục: tr. 633-754 s623600
512. Hướng dẫn học tập học phần tư tưởng Hồ Chí Minh / Hoàng Thị Ngọc Minh (ch.b.), Nguyễn Thị Luyến, Hoàng Diệu Thảo... - Tái bản. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2026. - 206 tr. ; 21 cm. - 56000đ. - 5000b  
Đầu bìa sách ghi: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. - Lưu hành nội bộ. - Phụ lục: tr. 197-203 s625836
513. 100 câu hỏi - đáp nội dung cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin : Sách tham khảo / Phạm Thanh Tâm, Nguyễn Thanh Hồng (ch.b.), Lê Minh Đồng... - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 214 tr. ; 21 cm. - 70000đ. - 200b  
ĐTTS ghi: Trường Chính trị tỉnh Cà Mau. - Thư mục: tr. 200-201 s625455
514. Phạm Thị Thúy Vân. Chủ nghĩa nhân văn trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh : Sách chuyên khảo / Phạm Thị Thúy Vân. - H. : Lý luận chính trị, 2025. - 336 tr. ; 21 cm. - 250000đ. - 100b  
Thư mục: tr. 325-333 s625720
515. Phương pháp tuyên truyền Hồ Chí Minh : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Thu Huyền (ch.b.), Trần Thị Hợi, Lê Thị Thu Hồng, Mai Trung Đức. - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 247 tr. ; 21 cm. - 400b  
ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Viện Hồ Chí Minh và Các lãnh tụ của Đảng. - Phụ lục: tr. 148-240. - Thư mục: tr. 241-246 s625444
516. Sự phát triển sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về biện chứng giữa kinh tế và chính trị ở Việt Nam : Sách chuyên khảo / Nguyễn Minh Hoàn (ch.b.), Lê Thị Thủy, Nguyễn Đức Luận... - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 318 tr. ; 21 cm. - 400b  
Thư mục: tr. 292-314 s625447
517. Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thế Nghĩa (ch.b.), Nguyễn Thị Hương Giang, Công Thị Phương Nga... - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 280 tr. ; 21 cm. - 75000đ. - 1000b  
Thư mục: tr. 267-276 s625212

## PHÁP LUẬT

518. Bích Vân. Hỏi đáp về Luật An toàn giao thông và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông : Tài liệu tham khảo / Bích Vân hệ thống, b.s. - H. : Hồng Đức, 2025. - 353 tr. ; 21 cm. - 1000b s624167
519. Các bài nói, bài viết của lãnh đạo Đảng và Nhà nước về Viện Kiểm sát nhân dân / Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng, Trường Chinh... ; B.s.: Phạm Thanh Tùng... - Xuất bản lần thứ 2, có chỉnh lý, bổ sung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 399 tr. : ảnh ; 28 cm. - 1000b  
ĐTTS ghi: Viện Kiểm sát nhân dân tối cao s623909
520. Cẩm nang Công tác giáo dục mầm non - Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ và phổ cập giáo dục mầm non. - H. : Hồng Đức, 2025. - 400 tr. : bảng ; 27 cm. - 395000đ. - 1000b s623838

521. Cẩm nang Nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật cho báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật và những người làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi : Tài liệu thuộc Đề án "Nâng cao năng lực cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2024 - 2030" theo Quyết định số 279/QĐ-TTg ngày 04/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. - S.l. : S.n., 2025. - 112 tr. ; 21 cm. - 7000b

ĐTTS ghi: Sở Tư pháp tỉnh Bắc Ninh s623611

522. Đinh Khương Duy. Ngoại lệ chung và ngoại lệ an ninh quốc gia trong pháp luật thương mại quốc tế : Sách chuyên khảo / Đinh Khương Duy (ch.b.), Lê Ngọc Khương. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 256 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 180000đ. - 500b

Phụ lục: tr. 181-255 s626252

523. Đinh Văn Quế. Bình luận Bộ luật Hình sự năm 2015 / Đinh Văn Quế. - H. : Thông tin và Truyền thông. - 24 cm. - 300000đ. - 500b

Ph.2: Các tội phạm. Chương XVIII - Mục 3: Các tội phạm khác xâm phạm an toàn công cộng; Mục 4: Các tội phạm khác xâm phạm trật tự công cộng : Bình luận chuyên sâu. - 2025. - 462 tr. s626312

524. Feminism, gender and law international conference proceedings 2024 (ICFGL 2024) / Thai Thi Tuyen Dung, Nguyen Van Lam, Nguyen Van Duong... ; Ed.: Trinh Thuc Hien (chief). - Ho Chi Minh City : VNU-HCM Press, 2025. - 455 p. ; 24 cm. - 500 copies

At head of title: Vietnam National University Ho Chi Minh City. University of Economics and Law; Rosa Luxemburg Stiftung Southeast Asia. Hanoi office. - Bibliogr. at the end of the paper s625022

525. Giáo trình Đảm bảo chất lượng và Luật Thực phẩm 1 / Phạm Minh Tuấn (ch.b.), Lê Nhất Tâm, Đoàn Như Khuê, Nguyễn Thị Hương. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 336 tr. : minh họa ; 28 cm. - 150000đ. - 300b

Thư mục cuối mỗi chương s624023

526. Giáo trình Luật An sinh xã hội / Trần Thị Thúy Lâm, Nguyễn Hiền Phương (ch.b.), Nguyễn Hữu Chí... - Tái bản lần thứ 1, có sửa đổi, bổ sung. - H. : Tư pháp, 2025. - 414 tr. ; 22 cm. - 87000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Hà Nội. - Thư mục cuối mỗi chương s624127

527. Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam : Dành cho hệ đại học / Vũ Thị Hồng Vân (ch.b.), Lê Đình Nghị, Lê Đăng Khoa... - Tái bản. - H. : Công an nhân dân. - 21 cm. - 97000đ. - 510b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kiểm sát

T.2. - 2026. - 447 tr. - Thư mục: tr. 415-418 s626277

528. Giáo trình Luật Đầu tư / Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Ngọc Anh, Trần Thị Bảo Ánh... ; Ch.b.: Nguyễn Quý Trọng, Nguyễn Thị Yên. - Tái bản lần thứ 1, có sửa đổi, bổ sung. - H. : Tư pháp, 2025. - 402 tr. ; 22 cm. - 85000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Hà Nội. - Thư mục cuối mỗi chương s624126

529. Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam. - Tái bản lần thứ 26, có sửa đổi, bổ sung. - H. : Tư pháp, 2025. - 607 tr. ; 22 cm. - 128000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Hà Nội. - Thư mục: tr. 605-607 s624128

530. Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam : Dành cho hệ đại học / Vũ Thị Hồng Vân (ch.b.), Nguyễn Văn Luật, Lê Thu Hà... - Tái bản. - H. : Công an nhân dân, 2026. - 447 tr. ; 24 cm. - 105000đ. - 855b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội. - Thư mục: tr. 436-437 s626280

531. Giáo trình Luật Quốc tế / Hồ Nhân Ái (ch.b.), Lê Khắc Đại, Nguyễn Thị Hà... - H. :  
 Tư pháp. - 24 cm. - 140000đ. - 500b  
 ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật, Đại học Huế  
 Ph.1. - 2025. - 447 tr. - Thư mục: tr. 437-447 s625322
532. Giáo trình Luật Tố tụng dân sự Việt Nam / Nguyễn Công Bình (ch.b.), Nguyễn Triều  
 Dương, Lê Thu Hà... - Tái bản lần thứ 22. - H. : Tư pháp, 2025. - 539 tr. ; 22 cm. - 113000đ. -  
 2000b  
 ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Hà Nội. - Thư mục: tr. 537-539 s624132
533. Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam / Vũ Thị Phương, Đỗ Thị Phương (ch.b.),  
 Đinh Xuân Thảo... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 755 tr. ; 24 cm. - 122500đ. - 800b  
 ĐTTS ghi: Trường Đại học Công đoàn. - Thư mục: tr. 749-755 s625308
534. Giáo trình Pháp luật đại cương / Phạm Hồng Thái (ch.b.), Đặng Thành Chung,  
 Nguyễn Thế Mừng... - H. : Công Thương, 2025. - 279 tr. ; 24 cm. - 145000đ. - 100b  
 ĐTTS ghi: Trường Đại học Điện lực. Khoa Lý luận Chính trị và Pháp luật. - Thư mục: tr.  
 277-279 s625348
535. Giáo trình Tư pháp quốc tế / Trần Minh Ngọc, Vũ Thị Phương Lan (ch.b.), Nguyễn  
 Thái Mai... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Tư pháp, 2025. - 591 tr. ; 22 cm. - 124000đ. - 1000b  
 ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Hà Nội. - Thư mục cuối mỗi chương s624131
536. Hệ thống chính sách và lộ trình giảm phát thải khí nhà kính tiến tới netzero vào năm  
 2050. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 336 tr. ; 30 cm. - 400b  
 ĐTTS ghi: Bộ Tài chính s624055
537. Hệ thống mục lục ngân sách nhà nước : Thông tư số 130/2025/TT-BTC ngày 24  
 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính / Nguyễn Tài Thành hệ thống. - H. : Hồng Đức,  
 2026. - 444 tr. ; 27 cm. - 400000đ. - 1990b  
 Phụ lục: tr. 423-426 s626497
538. Hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội: Những  
 vấn đề lý luận, pháp luật và thực tiễn : Kỷ yếu hội thảo khoa học / Đào Trí Úc, Vũ Công Giao,  
 Lê Lan Chi... - H. : Công an nhân dân, 2026. - 399 tr. ; 27 cm. - 245000đ. - 210b  
 ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Luật. - Thư mục cuối mỗi bài  
 s623948
539. Hoài Thương. Cẩm nang Công tác quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu  
 quân sự trong tình hình mới và những quy định pháp luật cần biết / Hoài Thương hệ thống, b.s.  
 - H. : Hồng Đức, 2025. - 331 tr. : bìa ; 21 cm. - 1000b s624165
540. Hỏi đáp về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các  
 cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 / B.s.: Tạ Thị Yên, Trần Văn Lâm, Bế Trung Anh, Bùi Lê Thu. - H.  
 : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2026. - 303 tr. : bìa ; 21 cm. - 68000đ. - 50000b  
 ĐTTS ghi: Hội đồng Bầu cử Quốc gia. - Phụ lục: tr. 268-280 s625681
541. Huy Thái. Hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra - Những điều cần biết trong hoạt động  
 thanh tra / Huy Thái hệ thống, b.s. - H. : Hồng Đức, 2025. - 331 tr. : bìa ; 21 cm. - 1000b  
 s624164
542. Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp : Theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày  
 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính / Nguyễn Tài Thành hệ thống. - H. : Hồng Đức, 2025.  
 - 725 tr. : bìa, sơ đồ ; 27 cm. - 715000đ. - 1990b s623844

543. Hướng dẫn học tập môn học Pháp luật đại cương / Trần Tuấn Cảnh, Phan Thị Hồng Ân, Nguyễn Thị Mỹ Duyên... ; B.s.: Châu Bảo Anh (ch.b.)... - Tái bản, bổ sung lần 1. - H. : Công an nhân dân, 2026. - 271 tr. : bìa ; 24 cm. - 125000đ. - 310b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Tôn Đức Thắng. Khoa Luật. - Thư mục: tr. 267-271 s626254

544. Hướng dẫn học tập những vấn đề chung về Luật Dân sự / Châu Bảo Anh (ch.b.), Phạm Thị Cẩm Ngọc, Phan Thị Thanh Hậu... - H. : Công an nhân dân, 2026. - 263 tr. ; 24 cm. - 96000đ. - 460b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Tôn Đức Thắng. Khoa Luật. - Thư mục: tr. 259-263 s626253

545. Lê Ngọc Duy. Kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của Viện Kiểm sát nhân dân trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam : Sách chuyên khảo / Lê Ngọc Duy. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 175 tr. ; 21 cm. - 128000đ. - 50b

Thư mục: tr. 172-175 s626259

546. Lê Thị Hằng. Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay : Sách chuyên khảo / Lê Thị Hằng. - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 216 tr. ; 21 cm. - 170000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Chính trị Nguyễn Chí Thanh thành phố Huế. - Thư mục: tr. 210-213 s625717

547. Lê Văn Cẩm. Học thuyết về hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam trong xây dựng Nhà nước pháp quyền : Sách chuyên khảo / B.s.: Lê Văn Cẩm (ch.b.), Nguyễn Thị Phương Hoa, Đinh Hoàng Quang. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 388 tr. ; 24 cm. - 369000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh. Khoa Luật Hình sự. - Thư mục: tr. 371-387 s625303

548. Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi, bổ sung), hệ thống các văn bản quy định chi tiết thi hành. - H. : Hồng Đức, 2026. - 576 tr. ; 27 cm. - 515000đ. - 1990b s626496

549. Luật Đầu tư công, hệ thống các văn bản quy định chi tiết thi hành. - H. : Hồng Đức, 2025. - 450 tr. : bìa ; 27 cm. - 440000đ. - 1990b s623841

550. Luật Giáo dục, Luật Nhà giáo, hệ thống các văn bản quy định chi tiết thi hành. - H. : Hồng Đức, 2026. - 464 tr. ; 27 cm. - 420000đ. - 1990b s626498

551. Lý thuyết và cấu trúc luật tài sản trong nền kinh tế thị trường và nhà nước pháp quyền ở Việt Nam / Trần Kiên (ch.b.), Nguyễn Thị Quê Anh, Nguyễn Bích Thảo... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 399 tr. : bìa ; 21 cm. - 200b

Thư mục: tr. 386-399 s626342

552. Mai Văn Thường. Phương pháp giải nhanh 250 câu A1 và A : Học nhẹ nhàng, đầu dễ dàng với bài giảng : Dựa theo tài liệu Cục Cảnh sát giao thông - Bộ Công an Việt Nam / Mai Văn Thường. - H. : Hồng Đức, 2025. - 159 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 179000đ. - 2000b s624181

553. Một số tình huống trong đấu thầu. - H. : Hồng Đức, 2026. - 123 tr. ; 21 cm. - 130000đ. - 4000b

ĐTTS ghi: Cục Quản lý đấu thầu. Trung tâm Hỗ trợ đấu thầu s626077

554. Nguyễn Thị Thu Hoài. Một số nội dung cơ bản của môn Luật lao động / Nguyễn Thị Thu Hoài. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 351 tr. ; 21 cm. - 145000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Đà Lạt. - Phụ lục: tr. 341-346 s625288

555. Nguyễn Trọng Điệp. Lựa chọn ngành Luật - Hành trình từ niềm tin đến trí tuệ / Ch.b.: Nguyễn Trọng Điệp, Nguyễn Thành Long. - H. : Công Thương, 2025. - 230 tr. ; 19 cm. - 159000đ. - 500b s625328

556. Nguyễn Trọng Điệp. Soạn thảo hợp đồng : Hiểu giao dịch để viết ra sự công bằng / Ch.b.: Nguyễn Trọng Điệp, Nguyễn Thành Long. - H. : Công Thương, 2025. - 178 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 129000đ. - 500b s625327

557. Nguyễn Trọng Minh Quân. Giáo dục pháp luật về an ninh mạng cho thanh niên trên địa bàn đô thị tỉnh Hà Tĩnh / Nguyễn Trọng Minh Quân. - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 156 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 100b

Thư mục: tr. 151-152 s625719

558. Nguyễn Văn Đước. Pháp luật về thuế M&A / Nguyễn Văn Đước. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 123 tr. : bảng ; 24 cm. - 202515đ. - 100b s625301

559. Nguyễn Xuân Quyết. Kiến thức pháp lý ngoại thương cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo / Nguyễn Xuân Quyết. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 259 tr. : bảng ; 24 cm. - 100000đ. - 100b

Đầu bìa sách ghi: Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 258-259 s624147

560. Phạm Mạnh Hùng. Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam : Phần các tội phạm : Dành cho hệ đại học / Ch.b.: Phạm Mạnh Hùng, Lại Việt Quang. - Tái bản. - H. : Công an nhân dân. - 24 cm. - 120000đ. - 560b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội

T.1. - 2026. - 671 tr. s626278

561. Phạm Mạnh Hùng. Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam : Phần các tội phạm : Dành cho hệ đại học / Ch.b.: Phạm Mạnh Hùng, Lại Việt Quang. - Tái bản. - H. : Công an nhân dân. - 24 cm. - 120000đ. - 560b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội

T.2. - 2026. - 551 tr. s626279

562. Phạm Thị Thúy Hằng. Giáo trình Pháp luật đại cương về công tác hậu cần công an nhân dân (HP2) : Dùng cho đào tạo trình độ đại học, ngành Hậu cần Công an nhân dân... / B.s.: Phạm Thị Thúy Hằng (ch.b.), Đinh Thị Hải Yến, Nguyễn Hoài Nam. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 496 tr. ; 24 cm. - 105b

ĐTTS ghi: Bộ Công an. Học viện Khoa học và Công nghệ An ninh. - Lưu hành nội bộ. - Thư mục: tr. 488-492 s626269

563. Phan Văn Tân. Dấu ấn nghề Luật và pháp lý thực hành / Phan Văn Tân. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 223 tr. : ảnh ; 21 cm. - 150000đ. - 1000b s625709

564. Phillips, Anna. Moving into Law : Course book : A2 - B1+ / Anna Phillips, Terry Phillips ; Ed.: Vo Thi Lien Huong. - Hue : Hue University, 2025. - 227 p. : ill. ; 28 cm. - (Garnet education). - 3000 copies s625096

565. Quy định về quản lý chương trình, dự án, phi dự án từ nguồn vốn hỗ trợ nước ngoài. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 300 tr. ; 30 cm. - 400b

ĐTTS ghi: Bộ Tài chính s624056

566. Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng, chống bạo lực gia đình / Hệ thống: Nguyễn Tài Thành. - H. : Hồng Đức, 2025. - 484 tr. ; 27 cm. - 450000đ. - 1990b s623842

567. Sổ tay công tác thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em. - H. : Tri thức, 2025. - 91 tr. ; 21 cm. - 290b

ĐTTS ghi: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Nhu Gia s625795

568. Sổ tay hướng dẫn thủ tục đăng ký hộ kinh doanh. - H. : Tri Thức, 2025. - 91 tr. :  
bảng, sơ đồ ; 24 cm. - 1500b  
ĐTTS ghi: Bộ Tài chính. Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân và Kinh tế tập thể s625797
569. Sổ tay hướng dẫn thực thi nội dung chủ sở hữu hưởng lợi dành cho cơ quan đăng ký  
kinh doanh cấp tỉnh. - H. : Tri Thức, 2025. - 95 tr. : bảng ; 24 cm. - 800b  
ĐTTS ghi: Bộ Tài chính. Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân và Kinh tế tập thể s625798
570. Sổ tay Kiểm sát viên kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự / B.s.:  
Lương Minh Thống, Hoàng Văn Long, Bùi Trung Thành... - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 183 tr.  
: bảng ; 21 cm. - 4500b  
ĐTTS ghi: Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Dự án JICA Pháp luật s626109
571. Sổ tay Kỹ năng thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vụ án hình sự có bị cáo là  
người dưới 18 tuổi / B.s.: Nguyễn Quang Dũng, Lại Viết Quang, Nguyễn Đăng Thắng... - H. :  
Nxb. Hà Nội, 2025. - 185 tr. ; 21 cm. - 4500b  
ĐTTS ghi: Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Dự án JICA Pháp luật s626111
572. Sổ tay Thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết các vụ việc, vụ án hình sự  
tạm đình chỉ / B.s.: Hoàng Thị Quỳnh Chi, Đỗ Văn Thường, Nguyễn Xuân Hà... - H. : Nxb. Hà  
Nội, 2025. - 131 tr. : sơ đồ, bảng ; 21 cm. - 4500b  
ĐTTS ghi: Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Dự án JICA Pháp luật s626110
573. Tài liệu tập huấn Luật Dữ liệu / B.s.: Trần Quốc Toàn, Trần Thế Hùng, Dương Hoàng  
Long... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 379 tr. ; 21 cm. - 1010b  
ĐTTS ghi: Bộ Công an. Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp s626251
574. Tập hợp các văn bản hướng dẫn bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội  
đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 : Tài liệu phục vụ Hội nghị toàn quốc triển khai  
công tác bầu cử ngày 15 tháng 11 năm 2025 / Hội đồng Bầu cử quốc gia b.s. - H. : Quân đội  
nhân dân, 2025. - 400 tr. : bảng ; 27 cm. - 30000b s624026
575. Thanh Bình. Cẩm nang hướng dẫn thực thi pháp luật về tổ chức chính quyền địa  
phương hiện nay / B.s.: Thanh Bình, Phạm Sơn. - H. : Văn hóa dân tộc, 2025. - 295 tr. : ảnh  
màu, bảng ; 21 cm. - 3450b  
Phụ lục: tr. 198-293 s625702
576. Tìm hiểu Luật Thương mại điện tử / B.s.: Lê Hoàng Oanh (ch.b.), Hoàng Ninh, Bùi  
Thị Thanh Hằng... - H. : Công Thương, 2025. - 199 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 299000đ. - 10000b  
s625345
577. Tranh chấp đất đai - Phương thức và thủ tục giải quyết / B.s.: Mai Văn Sinh (ch.b.),  
Đình Xuân Nam, Trần Thị Thu Hương... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 219 tr. : bảng  
; 24 cm. - 130000đ. - 200b  
Phụ lục: tr. 157-219 s624074
578. Trần Linh Huân. Pháp luật về bảo vệ động, thực vật rừng nguy cấp quý hiếm và vấn  
đề thực thi Công ước CITES tại Việt Nam : Sách chuyên khảo / Trần Linh Huân (ch.b.), Thượng  
Quang Uyên Nhi, Trần Phước. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 275 tr. : bảng ; 21 cm. - 200000đ.  
- 200b  
Phụ lục: tr. 243-267. - Thư mục: tr. 268-271 s626258
579. Trần Thị Hồng Lê. Xây dựng nền công lý tiếp cận dựa trên quyền của nạn nhân :  
Sách chuyên khảo / Trần Thị Hồng Lê. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 298 tr. ; 24 cm.  
- 1000b  
Thư mục: tr. 282-295 s623602

580. Trần Thị Quang Vinh. Hệ thống bài tập môn Luật Tố tụng hình sự Việt Nam / B.s.: Trần Thị Quang Vinh (ch.b.), Lê Kim Dung, Phạm Ngọc Minh Tú. - H. : Công an nhân dân, 2026. - 448 tr. ; 24 cm. - 203500đ. - 160b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Tôn Đức Thắng. Khoa Luật. - Thư mục cuối mỗi chương s626275

581. Trần Văn Hà. So sánh Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 - 2025 và hỏi - đáp về Luật Tổ chức chính quyền địa phương / Trần Văn Hà b.s. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 431 tr. : bảng ; 21 cm. - 150000đ. - 9500b s626311

582. Tuyển tập văn bản hướng dẫn của Trung ương về bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026 - 2031. - H. : Hồng Đức, 2026. - 383 tr. ; 27 cm. - 136000đ. - 3200b s626494

583. Trương Duy Lượng. Chuyện nghề phán xử - Những dòng chảy của ký ức / Trương Duy Lượng. - Tái bản lần thứ 1, có sửa đổi, bổ sung. - H. : Tư pháp, 2025. - 498 tr. ; 24 cm. - 300000đ. - 500b s624130

584. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025). - H. : Khoa học - Công nghệ - Truyền thông, 2025. - 479 tr. ; 21 cm. - 190000đ. - 2000b s626285

585. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2020, 2022, 2023, 2024, 2025). - H. : Khoa học - Công nghệ - Truyền thông, 2025. - 397 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 2000b s626286

586. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025). - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 731 tr. ; 21 cm. - 190000đ. - 9500b s626282

587. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2024, 2025). - H. : Khoa học - Công nghệ - Truyền thông, 2025. - 425 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 2000b s626287

588. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 109 tr. ; 21 cm. - 50000đ. - 9500b s626292

589. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2025. - 110 tr. ; 21 cm. - 40000đ. - 10000b s624122

590. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2026. - 110 tr. ; 21 cm. - 40000đ. - 10000b s625679

591. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tổ chức chính phủ (hiện hành). - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 37 tr. ; 21 cm. - 15000đ. - 9500b s626296

592. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 101 tr. ; 21 cm. - 47000đ. - 9500b s626295

593. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2025. - 103 tr. ; 21 cm. - 40000đ. - 10000b s625680

594. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tổ chức Quốc hội (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2020 và 2025). - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 93 tr. ; 21 cm. - 30000đ. - 9500b s626297

595. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tổ tụng hành chính (hiện hành). - H. : Tư pháp, 2025. - 271 tr. ; 24 cm. - 120000đ. - 500b s624129

596. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2024, 2025). - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 301 tr. ; 21 cm. - 105000đ. - 9500b s626284

597. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2024, 2025). - H. : Khoa học - Công nghệ - Truyền thông, 2025. - 283 tr. ; 21 cm. - 105000đ. - 2000b s626283

598. Võ Hồng Tú. Cẩm nang mua nhà đất cho người gốc Việt = Real estate ownership handbook for people of Vietnamese descent / Võ Hồng Tú. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 304 tr. : bảng ; 21 cm. - 295000đ. - 500b s625539

599. Vũ Ngọc Hà. Hòa giải các vụ việc bạo lực gia đình tại cơ sở và các biện pháp xử lý hành vi bạo lực gia đình theo quy định của pháp luật : Sách chuyên khảo / Vũ Ngọc Hà, Lê Thị Thắm. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 328 tr. ; 21 cm. - 100b

Phụ lục: tr. 300-319. - Thư mục: tr. 320-322 s626261

600. Vũ Ngọc Hà. Pháp luật về hàng giả, hàng nhái, gian lận thương mại định hướng hoàn thiện pháp luật : Sách chuyên khảo / Ch.b.: Vũ Ngọc Hà, Đỗ Hương Cúc, Vũ Thúy Hiền. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 408 tr. ; 21 cm. - 180000đ. - 100b

Thư mục: tr. 398-402 s626256

601. Vũ Thị Hồng Vân. Giáo trình Luật Lao động : Dành cho hệ đại học / Ch.b.: Vũ Thị Hồng Vân, Nguyễn Hữu Chí. - Tái bản. - H. : Công an nhân dân, 2026. - 423 tr. : bảng ; 24 cm. - 110000đ. - 430b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội. - Thư mục: tr. 411-416 s626281

602. Vũ Thị Hương. Thừa kế theo quy định của pháp luật Việt Nam : Sách tham khảo / Ch.b.: Vũ Thị Hương, Phan Thị Hồng. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 239 tr. ; 21 cm. - 133000đ. - 160b

Thư mục: tr. 233-239 s625295

603. Xây dựng và thực hiện pháp luật theo Tư tưởng Hồ Chí Minh trong kỷ nguyên phát triển mới : Sách chuyên khảo / Lê Thị Hằng (ch.b.), Nguyễn Đăng Dung, Nguyễn Thị Kim Dung... - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 334 tr. ; 21 cm. - 500b

Thư mục: tr. 323-331 s625856

604. Xuân Mạnh. Luật Phòng chống bạo lực gia đình công tác tuyên truyền pháp luật về phòng chống bạo lực gia đình trong tình hình hiện nay / Xuân Mạnh hệ thống, b.s. - H. : Hồng Đức, 2025. - 315 tr. : bảng ; 21 cm. - 1000b s624166

## HÀNH CHÍNH CÔNG VÀ QUÂN SỰ

605. Bác Hồ với Quân đội nhân dân Việt Nam / Hà Hồng Minh (ch.b.), Trần Thuận, Lưu Văn Quyết, Nguyễn Thanh Tuyền. - In lần thứ 3. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 131 tr. : ảnh ; 21 cm. - (Di sản Hồ Chí Minh). - 63000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 130-131 s624233

606. Bài tập Giáo dục quốc phòng và an ninh 12 / Nghiêm Viết Hải (tổng ch.b.), Đoàn Chí Kiên (ch.b.), Hoàng Quốc Huy... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 51 tr. : bìa ; 24 cm. - 17000đ. - 6000b s624345
607. Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa từ sớm, từ xa trong thời kỳ mới : Sách chuyên khảo / B.s.: Nguyễn Văn Thành, Phan Trọng Hào (ch.b.), Kim Ngọc Đại... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 298 tr. ; 24 cm. - 1000b  
Thư mục: tr. 283-296 s623604
608. Cẩm nang Nghiệp vụ công tác văn bản của chính quyền địa phương cấp tỉnh. - S.I. : S.n., 2025. - 125 tr. ; 21 cm. - 130b  
ĐTTS ghi: Sở Tư pháp tỉnh Bắc Ninh s623610
609. Cẩm nang Nghiệp vụ công tác văn bản của chính quyền địa phương cấp xã. - S.I. : S.n., 2025. - 135 tr. ; 21 cm. - 1115b  
ĐTTS ghi: UBND tỉnh Bắc Ninh. Sở Tư pháp s623612
610. Chu Văn Lộc. Quân đội nhân dân Việt Nam và Quân đội nhân dân Lào tăng cường đoàn kết, hợp tác phòng, chống "diễn biến hòa bình" trên tuyến biên giới hai nước / Chu Văn Lộc. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 244 tr. ; 21 cm. - 1000b  
Phụ lục: tr. 169-239. - Thư mục: tr. 240-241 s624083
611. Danh hiệu "Bộ đội cụ Hồ" - Di sản văn hóa thời đại Hồ Chí Minh / Đinh Xuân Dũng, Nguyễn Bá Dương, Võ Văn Hải... - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 260 tr. ; 21 cm. - 1000b  
ĐTTS ghi: Báo Quân đội nhân dân s624097
612. Giáo trình Quản lý nguồn nhân lực khu vực công / B.s.: Đào Thị Thanh Thủy (ch.b.), Lê Nguyễn Thị Ngọc Lan, Nguyễn Thị Lan Anh... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 186 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 80000đ. - 500b  
ĐTTS ghi: Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam. - Thư mục cuối mỗi chương s624070
613. Hệ thống tư pháp Việt Nam trong bối cảnh đổi mới chính quyền địa phương hiện nay : Sách chuyên khảo / Đào Mạnh Hoàn, Vũ Thị Hồng Yên, Lê Đức Anh... ; Ch.b.: Lương Thị Hòa, Nguyễn Hải Yên. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 651 tr. ; 24 cm. - 420000đ. - 110b  
ĐTTS ghi: Trường Đại học Hùng Vương Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s626271
614. Hoàn thiện pháp luật về tổ chức chính quyền thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương : Sách tham khảo / Nguyễn Thị Thiện Trí (ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Mai, Trần Thị Thu Hà... - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 246 tr. ; 30 cm. - 100b  
Phụ lục: tr. 211-227. - Thư mục: tr. 228-246 s624064
615. Hoàng Thạch Công. Tổ Thư & Thái Công binh pháp / Hoàng Thạch Công, Khương Lữ Vọng ; Tiên Phong biên dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 151 tr. ; 21 cm. - (Bộ sách Binh pháp toàn thư). - 75000đ. - 5000b s625793
616. Hồ Chí Minh về cán bộ và công tác cán bộ. - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 199 tr. ; 21 cm. - 80000đ. - 1000b s625213
617. Kỷ yếu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 159 tr. : ảnh màu ; 24 cm. - 110b  
ĐTTS ghi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội. - Phụ lục: tr. 113-157 s626184
618. Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp tỉnh "Mô hình quản lý nông thôn mới kiểu mẫu tại tỉnh Quảng Nam (nay là thành phố Đà Nẵng): Lý luận và thực tiễn / Phan Thị Thu Thủy, Nguyễn Thanh Tùng, Đinh Thị Phượng... - H. : Dân trí, 2025. - 259 tr. : bìa ; 29 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại thành phố Đà Nẵng. - Thư mục cuối mỗi bài s626525

619. Kỷ yếu Hội thảo khoa học "Nâng cao hiệu quả thực thi chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Gia Lai" / Phan Thị Nga, Nguyễn Ngọc Cường, Phạm Thị Nhâm Anh... - H. : Dân trí, 2025. - 319 tr. : bìa ; 30 cm. - 23b s623964

620. Lê Thế Tài. Dân quân du kích vùng ven Sài Gòn trong chiến tranh giải phóng (1945 - 1975) : Sách chuyên khảo / Lê Thế Tài. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 259 tr. ; 21 cm. - 1000b

Thư mục: tr. 245-257 s624092

621. Lực lượng vũ trang Thành phố Hồ Chí Minh - 80 năm xúng danh truyền thống Anh hùng / Nguyễn Thanh Nghị, Nguyễn Văn Đước, Nguyễn Phước Lộc... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 783 tr., 32 ảnh ; 24 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Bộ Tư lệnh - Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh s625544

622. Một số chế độ chính sách hỗ trợ và phát triển đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi / B.s.: Trần Anh Tuấn, Hoàng Thăng Long, Đặng Thị Vân Anh, Nguyễn Thị Diệu Thu. - Nghệ An : S.n., 2025. - 94 tr. : ảnh ; 21 cm. - 430b

ĐTTS ghi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Nghệ An s624266

623. Nguyễn Hoàng Nhiên. Chiến tranh nhân dân Việt Nam: Góc nhìn từ lịch sử quân sự / Nguyễn Hoàng Nhiên. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 911 tr. ; 27 cm. - 211b s624027

624. Nguyễn Kiều Bình. Công tác giáo dục truyền thống cho cán bộ, đảng viên trẻ hiện nay : Sách chuyên khảo / Nguyễn Kiều Bình. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 220 tr. ; 21 cm. - 1000b

Thư mục: tr. 214-218 s624084

625. Nguyễn Xuân Bách. Nâng cao chất lượng thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo ở khu vực biên giới của bộ đội biên phòng các tỉnh biên giới Việt Nam - Trung Quốc : Sách chuyên khảo / Nguyễn Xuân Bách. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 212 tr. ; 21 cm. - 1000b

Thư mục: tr. 205-209 s624088

626. Phan Văn Giang. Xây dựng quân đội nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới / Phan Văn Giang. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 431 tr. : ảnh màu ; 24 cm. - 1700b s624110

627. Quản lý địa giới hành chính ở Việt Nam : Lý luận và thực tiễn / Đỗ Thị Vui, Nguyễn Văn Sơn (đồng ch.b.), Vũ Cẩm Lệ... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 171 tr. ; 21 cm. - 65000đ. - 200b

Thư mục: tr. 169-171 s625373

628. Quản trị địa phương ở Việt Nam thế kỉ XV - XIX: Thực tiễn vận hành và giá trị : Sách chuyên khảo / Phạm Thị Thu Hiền (ch.b.), Trần Hồng Nhung, Nhâm Thúy Lan, Nguyễn Phương Linh. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 335 tr. ; 21 cm. - 175000đ. - 110b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Hà Nội. - Thư mục: tr. 260-272. - Phụ lục: tr. 273-335 s625294

629. Quản trị địa phương theo mô hình chính quyền 2 cấp ở Việt Nam : Sách chuyên khảo / Phan Hải Hồ (ch.b.), Nguyễn Duy Vĩnh, Từ Minh Thuận, Hồ Nhật Tuấn. - H. : Tài chính, 2025. - ix, 147 tr. ; 21 cm. - 90000đ. - 200b

Thư mục: tr. 141-147 s624145

630. 80 năm xây dựng và phát triển chính quyền địa phương tỉnh Thái Nguyên - Hành trình đổi mới và định hướng tương lai / Nguyễn Phúc Ái, Đặng Thị Kim Oanh (ch.b.), Hứa Thị Kiều Hoa... - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 399 tr. ; 21 cm. - 120b  
ĐTTS ghi: Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên s625718
631. Tề Tư Mã. Tư Mã binh pháp / Điền Nhưong Tư ; Tiên Phong biên dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 107 tr. ; 21 cm. - 54000đ. - 5000b s625791
632. Tôn Tử. Tôn Ngô binh pháp / Tôn Tử, Ngô Tử ; Tiên Phong biên dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 309 tr. ; 21 cm. - (Bộ sách Binh pháp toàn thư). - 139000đ. - 5000b s625794
633. Trần Minh Nguyệt. Áp dụng biện pháp cưỡng chế hành chính theo thẩm quyền của bộ đội biên phòng ở khu vực biên giới đất liền : Sách tham khảo / Trần Minh Nguyệt ch.b. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 188 tr. ; 21 cm. - 1000b  
Thư mục: tr. 183-185 s624089
634. Trần Minh Nguyệt. Quản lý nhà nước về biên giới quốc gia trên biển của bộ đội biên phòng Việt Nam : Sách chuyên khảo / Trần Minh Nguyệt, Khuất Duy Thùy. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 279 tr. ; 21 cm. - 1000b  
Thư mục: tr. 272-277 s624090
635. Trần Quốc Tuấn. Binh thư yếu lược / Trần Quốc Tuấn ; Tiên Phong biên dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 210 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - (Bộ sách Binh pháp toàn thư). - 105000đ. - 5000b s625792
636. Trần Quốc Tuấn. Binh thư yếu lược = 畧要書兵 : Phụ: Hồ trưởng khu cơ / Trần Quốc Tuấn. - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2026. - 567 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 385000đ. - 500b s625824
637. Trần Trường Minh. Tôn Tử binh pháp & 36 kế / Trần Trường Minh b.s., dịch. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 432 tr. ; 24 cm. - 1000b s625439
638. Trần Văn Hùng. Nhân tố con người hạ sĩ quan, binh sĩ trong sức mạnh chiến đấu của trung đoàn bộ binh hiện nay : Sách chuyên khảo / Trần Văn Hùng. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 207 tr. ; 21 cm. - 60b  
Thư mục: tr. 196-206 s624113
639. Trịnh Văn Quyết. Vận dụng phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng quân đội nhân dân Việt Nam trong thời kỳ mới / Trịnh Văn Quyết. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 299 tr. ; 24 cm. - 6019b  
Thư mục: tr. 294-297 s624111
640. Trịnh Văn Quyết. Vận dụng phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân trong thời kỳ mới / Trịnh Văn Quyết. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 335 tr. ; 24 cm. - 6019b  
Thư mục: tr. 329-333 s624112
641. Tuyên dương các điển hình thực hiện tốt chính sách, pháp luật thuế năm 2024 trên địa bàn thành phố Hà Nội. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 35 tr. : minh họa ; 30 cm. - 200b  
Đầu bìa sách ghi: Cục Thuế. Thuế thành phố Hà Nội s623929
642. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chính huấn cán bộ, định hướng vận dụng trong giai đoạn cách mạng mới : Sách chuyên khảo / B.s.: Trần Quốc Cường (ch.b.), Nguyễn Hữu Lập, Nguyễn Xuân Tâm... - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 228 tr. ; 21 cm. - 1000b  
Thư mục: tr. 217-224 s624093

643. Vũ Thị Mỹ Hằng. Hoàn thiện thể chế quản lý vùng đáp ứng yêu cầu quản trị quốc gia hiệu lực, hiệu quả : Sách chuyên khảo / Vũ Thị Mỹ Hằng. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 286 tr. ; 24 cm. - 1000b

Thư mục: tr. 268-281 s623605

644. ພາບລວມກ່ຽວກັບຄວາມໝັ້ນຄົງທີ່ບໍ່ເປັນແບບດັ້ງເດີມ ຢູ່ ຫວຽດນາມ ໃນປະຈຸບັນ : ປຶ້ມຄົ້ນຄວ້າຈຳເພາະ / ຫງວຽນວັນແຫ່ງ, ບຸ້ຍແທງຕວັນ (ບັນນາທິການຮ່ວມ), ເລິ່ງນອກແອງ... ; ຜູ້ແປ: ເຍືອງວັນຕ່ວຽນ, ຕັງວັນຖາຍ. - ຮ່າໂນ້ຍ : ສຳນັກພິມຈຳໜ່າຍການເມືອງແຫ່ງຊາດ, 2025. - 234 p. : tab. ; 24 cm. - 1500 copies s625023

## CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI VÀ DỊCH VỤ XÃ HỘI

645. Bala, Suruthi. Giải mã tâm trí ác nhân : Phân tích tâm lý, nhận diện hành vi, vạch trần bản chất tội phạm và khai phá sự thật ẩn giấu sau những tội ác vô nhân tính / Suruthi Bala, Hannah Maguire ; Phí Mai dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 371 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 219000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Redhanded : An exploration of criminals, cannibals, cults, and what makes a killer tick s626106

646. Bùi Thanh Liêm. Tập bài giảng Khoa học vân tay và tàng thư vân tay : Dùng cho đào tạo trình độ trung cấp, ngành Hồ sơ nghiệp vụ Công an nhân dân... / B.s.: Bùi Thanh Liêm (ch.b.), Nguyễn Hoài Nam. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 112 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 55b

ĐTTS ghi: Bộ Công an. Học Viện Kỹ thuật và Công nghệ An ninh. - Lưu hành nội bộ. - Thư mục: tr. 105 s626272

647. Chính sách tài chính ứng phó với biến đổi khí hậu tại Việt Nam : Sách chuyên khảo / B.s.: Phạm Thị Vân Anh (ch.b.), Trần Thanh Thu, Trương Thị Mỹ Nhân, Nguyễn Thị Bảo Hiền. - H. : Tài chính, 2024. - 400 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 88000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Học viện Tài chính. - Thư mục: tr. 377-399 s624141

648. Đánh giá tác động của các chính sách an sinh xã hội trong đại dịch covid-19 tới sức khỏe, tâm lý người dân / Võ Hồng Đức, Huỳnh Lương Tâm (ch.b.), Hồ Minh Chí... - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 181 tr. : bảng ; 29 cm. - 500b

Thư mục cuối mỗi chương s626461

649. Đặng Anh Ngọc. Tập bài giảng Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác hậu cần công an nhân dân : Dành cho đào tạo trình độ đại học, ngành Hậu cần Công an nhân dân... / B.s.: Đặng Anh Ngọc (ch.b.), Vũ Ngọc Bắc. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 295 tr. : minh họa ; 24 cm. - 55b

ĐTTS ghi: Bộ Công an. Học viện Kỹ thuật và Công nghệ An ninh. - Lưu hành nội bộ. - Thư mục: tr. 278 s626267

650. Đồng Đại Lộc. Hành trình làm lại cuộc đời / Đồng Đại Lộc. - H. : Công an nhân dân, 2026. - 151 tr. ; 21 cm. - 312b

Phụ lục: tr. 135-140 s626239

651. Đồng Đại Lộc. Ma túy học đường nguy cơ tiềm ẩn và giải pháp toàn diện / Đồng Đại Lộc ch.b., Bùi Văn Thanh. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 175 tr. ; 24 cm. - 155000đ. - 300b

Thư mục: tr. 118-121. - Phụ lục: tr. 122-175 s624301

652. Giáo dục và y tế khu vực biên giới trên đất liền Việt Nam: Thực trạng và giải pháp : Sách chuyên khảo / B.s.: Nguyễn Thị Hoa Mai (ch.b.), Nguyễn Thị Huệ, Vũ Thị Thanh... - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 316 tr. ; 21 cm. - 1000b

Thư mục: tr. 308-312 s624101

653. Giáo trình Tiếng Anh (HP3) : Dùng chung cho đào tạo trình độ đại học... / B.s.: Trần Thị Thu Nga (ch.b.), Trần Thị Vân Anh, Đào Thị Hương... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 367 tr. : bìa ; 24 cm. - 55b

ĐTTS ghi: Bộ Công an. Học viện Kỹ thuật và Công nghệ An ninh. - Lưu hành nội bộ. - Thư mục: tr. 364 s626274

654. Hoàng Thị Thu Hiền. Đi cho đã để một đời không uổng : Công sách đến với các em không phải là một công việc mà là một sự nghiệp / Hoàng Thị Thu Hiền. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 263 tr. : ảnh ; 21 cm. - 138000đ. - 1000b s625911

655. Kenny, Emma. Hồ sơ sát nhân liên hoàn : Sự tĩnh lặng của bóng đêm / Emma Kenny ; 10?10? dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 350 tr. ; 21 cm. - 159000đ. - 2000b s625636

656. Khó khăn tâm lý và kết quả tái hòa nhập cộng đồng của phụ nữ bị buôn bán qua biên giới trở về : Sách chuyên khảo / Lưu Song Hà, Trịnh Hà My (ch.b.), Vũ Thị Lan Anh... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 251 tr. : hình vẽ, bìa ; 24 cm. - 180000đ. - 300b

Thư mục: tr. 242-251 s624290

657. Kỷ yếu Hội Cựu Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh - 20 năm xây dựng và phát triển (2005 - 2025) : Chào mừng kỷ niệm 20 năm thành lập Hội Cựu Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh (2005 - 2025) / B.s.: Ngô Long Xuân, Võ Thanh Nhân, Thái Quốc Dân... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 459 tr. : ảnh, bìa ; 24 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Hội Cựu Thanh niên xung phong s624222

658. Kỷ yếu Hội thảo khoa học "Công tác giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước" / Lê Quang Bốn, Vũ Văn Bình, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 392 tr. : bìa ; 30 cm. - 110b

ĐTTS ghi: Bộ Công an. Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy s623950

659. Kỷ yếu Hội thảo khoa học: An toàn thực phẩm và an ninh lương thực lần 9 - Năm 2025 / Nguyễn Hồ Thiên Thảo, Nguyễn Thị Ngọc, Nguyễn Thành Luân... - H. : Tài chính, 2025. - 395 tr. : minh họa ; 28 cm. - 100b

Thư mục cuối mỗi bài s624061

660. Lã Ngọc Tinh. Đi qua mùa sóng : Ký sự Cảnh sát điều tra / Lã Ngọc Tinh. - Tái bản có sửa chữa, bổ sung. - H. : Văn hóa dân tộc, 2025. - 207 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 21 cm. - 300b s626243

661. Nguyễn Danh Khoa. Kỹ năng an toàn xử lý các tình huống thoát nạn, thoát hiểm, sơ cấp cứu trong phòng, chống cháy, nổ / Nguyễn Danh Khoa b.s. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 233 tr. ; 24 cm. - 250000đ. - 9500b

ĐTTS ghi: Viện Khoa học An toàn Việt Nam s626300

662. Nguyễn Danh Khoa. Kỹ năng phòng chống ma túy và biện pháp phòng tránh lây nhiễm HIV/AIDS và các bệnh lây truyền qua đường tình dục / Nguyễn Danh Khoa b.s. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 231 tr. ; 24 cm. - 250000đ. - 9500b

ĐTTS ghi: Viện Khoa học An toàn Việt Nam s626302

663. Nguyễn Thị Bắc Thái. Bí kíp sinh tồn cho trẻ - Bí kíp an toàn khi ở chung cư / Lời: Nguyễn Thị Bắc Thái ; Minh họa: Hoàng Thùy. - H. : Văn học, 2025. - 63 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 50000đ. - 5000b s623641

664. Nguyễn Thị Bắc Thái. Bí kíp sinh tồn cho trẻ - Bí kíp phòng tránh đuối nước / Lời: Nguyễn Thị Bắc Thái ; Minh họa: Hoàng Thùy. - H. : Văn học, 2025. - 63 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 50000đ. - 5000b s623639

665. Nguyễn Thị Bắc Thái. Bí kíp sinh tồn cho trẻ - Bí kíp phòng tránh tai nạn thương tích / Lời: Nguyễn Thị Bắc Thái ; Minh họa: Hoàng Thùy. - H. : Văn học, 2025. - 63 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 50000đ. - 5000b s623637

666. Nguyễn Thị Bắc Thái. Bí kíp sinh tồn cho trẻ - Bí kíp phòng tránh xâm hại trẻ em / Lời: Nguyễn Thị Bắc Thái ; Minh họa: Hoàng Thùy. - H. : Văn học, 2025. - 63 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 50000đ. - 5000b s623638

667. Quản lý các vấn đề xã hội ở vùng ven biển Trung Bộ: Thực trạng và giải pháp : Sách chuyên khảo / Lương Tinh (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Xuyên, Phạm Đi... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 411 tr. ; 24 cm. - 248000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ. - Thư mục: tr. 389-411 s625385

668. Sổ tay Hướng dẫn người tiêu dùng thông minh phòng, chống tác hại thuốc lá. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2025. - 28 tr. : hình vẽ ; 30 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Hội Bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam ; Quỹ Phòng chống tác hại thuốc lá s623892

669. Sổ tay Hướng dẫn thực hiện dịch vụ y tế lao động cơ bản cho cán bộ y tế cơ sở / B.s.: Lê Thanh Hải (ch.b.), Trần Thị Ngọc Lan, Phan Thị Thúy Chinh... - H. : Công Thương, 2024. - 85 tr. : minh họa ; 21 cm. - 150b

ĐTTS ghi: Bộ Y tế. Viện Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường. - Thư mục cuối chính văn s625340

670. Sổ tay Hướng dẫn thực hiện dịch vụ y tế lao động cơ bản cho người lao động / B.s.: Lê Thanh Hải (ch.b.), Nguyễn Bích Diệp, Phan Thị Thúy Chinh... - H. : Công Thương, 2024. - 72 tr. : minh họa ; 21 cm. - 150b

ĐTTS ghi: Bộ Y tế. Viện Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường. - Thư mục cuối chính văn s625342

671. Sổ tay Hướng dẫn thực hiện dịch vụ y tế lao động cơ bản cho người sử dụng lao động / B.s.: Lê Thanh Hải (ch.b.), Lê Minh Hạnh, Hà Lan Phương... - H. : Công Thương, 2024. - 92 tr. : minh họa ; 21 cm. - 150b

ĐTTS ghi: Bộ Y tế. Viện Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường. - Thư mục cuối chính văn s625341

672. Tài liệu Giáo dục kỹ năng sống dành cho trẻ mầm non: Hướng dẫn sơ cấp cứu ban đầu tai nạn thương tích và chẩn đoán, điều trị một số bệnh thường gặp ở trẻ mầm non. - H. : Hồng Đức, 2025. - 400 tr. : minh họa ; 27 cm. - 395000đ. - 2000b

Phụ lục trong chính văn s623837

673. Tô Lâm. 50 năm Công an nhân dân thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh / Tô Lâm. - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 160 tr. ; 21 cm. - 78000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 153-156 s625210

674. Trần Đức Công. Tập bài giảng Quản lý tài sản công : Dành cho đào tạo trình độ đại học, ngành Hậu cần Công an nhân dân / B.s.: Trần Đức Công (ch.b.), Tạ Thị Thu Trang. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 216 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 55b

ĐTTS ghi: Bộ Công an. Học viện Kỹ thuật và Công nghệ an ninh. - Lưu hành nội bộ. - Phụ lục: tr. 161-208. - Thư mục: tr. 209-212 s626264

675. Trần Quỳnh Nga. Trên đầu ngọn sóng : Truyện ký về Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Thiếu tướng Vũ Hùng Vương / Trần Quỳnh Nga. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 175 tr. ; 21 cm. - 1000b

Tên thật tác giả: Trần Thị Quỳnh Nga s625276

676. Vũ Văn Thú. Giáo trình Văn hóa an toàn / Vũ Văn Thú (ch.b.), Đỗ Thị Lan Chi. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 243 tr. ; 24 cm. - 73000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Công đoàn. - Thư mục: tr. 240-243 s624136

## GIÁO DỤC

677. Amazing Science 1 / Lưu Phương Thanh Bình (ch.b.), Huỳnh Tú Kinh, Lê Vĩnh Phúc... - Tái bản lần thứ 11. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 52 p. : ill. ; 28 cm. - 50000đ. - 18040 copies s625176

678. Apollo world - Kindergarten 1 : Teacher's book : Tailored English education for your child's success. - H. : Hanoi National University, 2025. - 98 p. : ill. ; 23x28 cm. - (Apollo English). - 1000 copies s625061

679. Apollo world - Kindergarten 1B : Tailored English education for your child's success. - H. : Hanoi National University, 2025. - 94 p. : ill. ; 23x28 cm. - (Apollo English). - 3700 copies s625056

680. Apollo world - Kindergarten 2 : Teacher's book : Tailored English education for your child's success. - H. : Hanoi National University, 2025. - 104 p. : ill. ; 23x28 cm. - (Apollo English). - 1000 copies s625062

681. Apollo world - Kindergarten 2A : Tailored English education for your child's success. - H. : Hanoi National University, 2025. - 112 p. : ill. ; 23x28 cm. - (Apollo English). - 4000 copies s625057

682. Apollo world - Kindergarten 2B : Tailored English education for your child's success. - H. : Hanoi National University, 2025. - 132 p. : ill. ; 23x28 cm. - (Apollo English). - 4000 copies s625058

683. Apollo world - Kindergarten 3 : Teacher's book : Tailored English education for your child's success. - H. : Hanoi National University, 2025. - 106 p. : ill. ; 23x28 cm. - (Apollo English). - 1000 copies s625063

684. Apollo world - Kindergarten 3A : Tailored English education for your child's success. - H. : Hanoi National University, 2025. - 113 p. : ill. ; 23x28 cm. - (Apollo English). - 4000 copies s625059

685. Apollo world - Kindergarten 3B : Tailored English education for your child's success. - H. : Hanoi National University, 2025. - 132 p. : ill. ; 23x28 cm. - (Apollo English). - 4000 copies s625060

686. Apollo world - Primary 1A : Tailored English education for your child's success. - H. : Hanoi National University, 2025. - 150 p. : ill. ; 28 cm. - (Apollo English). - 5800 copies s625074

687. Apollo world - Primary 1B : Tailored English education for your child's success. - H. : Hanoi National University, 2025. - 150 p. : ill. ; 28 cm. - (Apollo English). - 5800 copies s625075

688. Apollo world - Primary 3A : Tailored English education for your child's success. - H. : Hanoi National University, 2025. - 150 p. : ill. ; 28 cm. - (Apollo English). - 5800 copies s625076

689. Apollo world - Primary 3B : Tailored English education for your child's success. - H. : Hanoi National University, 2025. - 149 p. : ill. ; 28 cm. - (Apollo English). - 5800 copies s625077

690. Apollo world - Primary 4A : Tailored English education for your child's success. - H. : Hanoi National University, 2025. - 121 p. : ill. ; 28 cm. - (Apollo English). - 3000 copies s625078

691. Apollo world - Primary 4B : Tailored English education for your child's success. - H. : Hanoi National University, 2025. - 122 p. : ill. ; 28 cm. - (Apollo English). - 3000 copies s625079

692. Apollo world - Primary 5A : Tailored English education for your child's success. - H. : Hanoi National University, 2025. - 114 p. : ill. ; 28 cm. - (Apollo English). - 2000 copies s625080

693. Apollo world - Primary 5B : Tailored English education for your child's success. - H. : Hanoi National University, 2025. - 118 p. : ill. ; 28 cm. - (Apollo English). - 2000 copies s625081

694. Apollo world - Primary 6A : Tailored English education for your child's success. - H. : Hanoi National University, 2025. - 126 p. : ill. ; 28 cm. - (Apollo English). - 2400 copies s625082

695. Apollo world - Primary 6B : Tailored English education for your child's success. - H. : Hanoi National University, 2025. - 125 p. : ill. ; 28 cm. - (Apollo English). - 2400 copies s625083

696. Âm nhạc 1 / Đỗ Thị Minh Chính (tổng ch.b.), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 55 tr. : bảng, tranh màu ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 8000đ. - 298412b s624740

697. Âm nhạc 4 / Đỗ Thị Minh Chính (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Bình (ch.b.), Mai Linh Chi... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 71 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 8900đ. - 245000b s624741

698. Âm nhạc 4 / Hồ Ngọc Khải, Lê Anh Tuấn (tổng ch.b.), Đặng Châu Anh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 60 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 8000đ. - 312000b s624739

699. Âm nhạc STEAM lớp 1 / Đặng Khánh Nhật, Mai Linh Chi, Vũ Thanh Thủy, Trần Ngọc Tú. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - 33000đ. - 5000b s624708

700. 35 đề ôn luyện Toán 1 / Nguyễn Áng, Phùng Như Thụy. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 96 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 37000đ. - 5000b s624867

701. 35 đề ôn luyện Toán 3 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng, Nguyễn Minh Hải... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 112 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 48000đ. - 1000b s624868

702. Bác Hồ và những bài học về đạo đức, lối sống dành cho học sinh lớp 2 / Nguyễn Văn Tùng ch.b. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 23000đ. - 5000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s624718

703. Bác Hồ và những bài học về đạo đức, lối sống dành cho học sinh lớp 3 / Nguyễn Văn Tùng ch.b. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 35 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 23000đ. - 5000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s624719

704. Bác Hồ và những bài học về đạo đức, lối sống dành cho học sinh lớp 5 / Nguyễn Văn Tùng (ch.b.), Phan Thị Hương Giang, Hồ Thị Hương. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 36 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 23000đ. - 5000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s624720

705. Bài giảng & hướng dẫn học Toán lớp 5 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng kèm SGK Kết nối tri thức với cuộc sống / Lê Thị Nương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 78000đ. - 1000b

Tên sách ngoài bìa: Bài giảng và hướng dẫn học Toán lớp 5

T.2. - 2025. - 160 tr. : hình vẽ, bảng s626364

706. Bài tập bổ trợ Tiếng Việt lớp 1 : Cơ bản và nâng cao. Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Vương Thị Vân, Dương Thị Thảo. - H. : Văn học. - 27 cm. - (Tủ sách Siêu Tiếng Việt đỉnh Toán). - 68000đ. - 2800b

T.1. - 2025. - 135 tr. : minh họa s623858

707. Bài tập bổ trợ Tiếng Việt lớp 1 : Cơ bản và nâng cao. Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Vương Thị Vân, Dương Thị Thảo. - H. : Văn học. - 27 cm. - (Tủ sách Siêu Tiếng Việt đỉnh Toán). - 68000đ. - 1800b

T.2. - 2025. - 135 tr. : minh họa s623859

708. Bài tập bổ trợ Tiếng Việt lớp 2 : Cơ bản và nâng cao. Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Vương Thị Vân, Dương Thị Thảo. - H. : Văn học. - 27 cm. - (Tủ sách Siêu Tiếng Việt đỉnh Toán). - 68000đ. - 2700b

T.1. - 2025. - 139 tr. : hình vẽ, bảng s623860

709. Bài tập bổ trợ Tiếng Việt lớp 2 : Cơ bản và nâng cao. Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Vương Thị Vân, Dương Thị Thảo. - H. : Văn học. - 27 cm. - (Tủ sách Siêu Tiếng Việt đỉnh Toán). - 68000đ. - 2200b

T.2. - 2025. - 131 tr. : hình vẽ, bảng s623861

710. Bài tập hằng ngày Tiếng Việt 1 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức. Có video bài giảng chi tiết / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 60000đ. - 10000b

T.2. - 2026. - 115 tr. : minh họa s626421

711. Bài tập hằng ngày Tiếng Việt 3 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 60000đ. - 5000b

T.2. - 2026. - 108 tr. : minh họa s626422

712. Bài tập hằng ngày Tiếng Việt 4 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức. Có video bài giảng chi tiết / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 60000đ. - 5000b

T.2. - 2026. - 108 tr. : minh họa s626423

713. Bài tập hằng ngày Tiếng Việt 5 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 60000đ. - 10000b  
T.2. - 2026. - 96 tr. : hình vẽ, bảng s626424
714. Bài tập hằng ngày Toán 1 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 60000đ. - 10000b  
T.2. - 2026. - 108 tr. : minh họa s626447
715. Bài tập hằng ngày Toán 4 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 60000đ. - 10000b  
T.2. - 2026. - 104 tr. : minh họa s626445
716. Bài tập hằng ngày Toán 5 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 60000đ. - 5000b  
T.2. - 2026. - 116 tr. : minh họa s626446
717. Bài tập Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6 / Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (tổng ch.b.), Trần Thị Quỳnh Trang (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 67 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 12000đ. - 58000b s624381
718. Bài tập Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6 / Trần Thị Thu (ch.b.), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thanh Bình... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 52 tr. : bảng, sơ đồ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 62047b s624377
719. Bài tập Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9 / Đinh Thị Kim Thoa (ch.b.), Nguyễn Hồng Kiên, Nguyễn Thị Bích Liên... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 71 tr. : bảng ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo; 1). - 14000đ. - 16000b s624382
720. Bài tập Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 / Nguyễn Thanh Bình (ch.b.), Lê Văn Cầu, Dương Thị Thu Hà... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 63 tr. : bảng, sơ đồ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 12000đ. - 12000b s624378
721. Bài tập thực hành Chính tả 5 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Thị Bích, Trịnh Cam Ly. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 29000đ. - 3000b  
T.2. - 2025. - 56 tr. : minh họa s624468
722. Bài tập Toán nâng cao lớp 5 : Mở rộng kiến thức sách giáo khoa / Trần Thị Kim Cương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 191 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 78000đ. - 3000b s623920
723. Bài tập tuần Tiếng Việt 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 40000đ. - 5000b  
T.2. - 2026. - 54 tr. : bảng, hình vẽ s626418
724. Bài tập tuần Tiếng Việt 3 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 40000đ. - 5000b  
T.2. - 2026. - 64 tr. : bảng, tranh vẽ s626419
725. Bài tập tuần Tiếng Việt 5 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 40000đ. - 3000b  
T.2. - 2026. - 68 tr. : tranh vẽ s626420
726. Bài tập tuần Toán 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 40000đ. - 5000b  
T.2. - 2026. - 64 tr. : hình vẽ, bảng s626441
727. Bài tập tuần Toán 2 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 40000đ. - 10000b

- T.2. - 2026. - 67 tr. : hình vẽ, bảng s626438
728. Bài tập tuần Toán 2 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 40000đ. - 5000b  
T.2. - 2026. - 71 tr. : hình vẽ, bảng s626442
729. Bài tập tuần Toán 3 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 40000đ. - 5000b  
T.2. - 2026. - 71 tr. : hình vẽ, bảng s626439
730. Bài tập tuần Toán 4 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 40000đ. - 5000b  
T.2. - 2026. - 64 tr. : hình vẽ, bảng s626443
731. Bài tập tuần Toán 5 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 40000đ. - 10000b  
T.2. - 2026. - 68 tr. : minh họa s626440
732. Bài tập tuần Toán 5 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 40000đ. - 5000b  
T.2. - 2026. - 64 tr. : hình vẽ, bảng s626444
733. Bé học đọc / Lương Thị Định (ch.b.), Phan Thị Thúy Hằng, Đỗ Lan Anh. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 85 tr. : minh họa ; 27 cm. - 86000đ. - 500b  
Thư mục: tr. 85 s624928
734. Bé khám phá khoa học về môi trường xung quanh : Dành cho trẻ 24 -36 tháng tuổi : Theo Chương trình Giáo dục mầm non / Nguyễn Thị Hằng, Nguyễn Thị Thanh Dung : Hoạ sĩ: Đặng Hồng Quân. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 2000b s624555
735. Bé khám phá môi trường tự nhiên : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Việt Huy (ch.b.), Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Thanh Hằng... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 12000đ. - 5000b s624554
736. Bé làm quen Khoa học và thể giới xung quanh : 3 - 4 tuổi / Đỗ Chiêu Hạnh, Hoàng Thị Thu Thảo, Bùi Thị Xuân Lua. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : minh họa ; 24 cm. - 12000đ. - 5000b s624556
737. Bé làm quen Toán : 4 - 5 tuổi / Bùi Thị Giáng Hương, Lê Thị Thanh Nga, Hoàng Bảo Thư. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 28 tr. : minh họa ; 24 cm. - 12000đ. - 12000b s624409
738. Bé làm quen Toán : 5 - 6 tuổi / Bùi Thị Giáng Hương, Lê Thị Thanh Nga, Hoàng Bảo Thư. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 28 tr. : hình vẽ, ảnh ; 24 cm. - 12000đ. - 15000b s624410
739. Bé làm quen với chữ cái : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi : Theo Chương trình Giáo dục mầm non / Hoàng Thị Thu Hương, Phùng Thị Ngọc Oanh ; Minh họa: Đặng Hồng Quân... - Tái bản lần thứ 14. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 11000đ. - 10000b  
Q.1. - 2025. - 32 tr. : tranh vẽ s624470
740. Bé làm quen với hoạt động đọc, viết / Hoàng Minh Hằng, Đào Minh Hiền ; Hoạ sĩ: Đặng Hồng Quân. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Chuẩn bị vào lớp Một). - 13000đ. - 12000b s624469
741. Bé làm quen với Toán : Dành cho trẻ 24 - 36 tháng tuổi / Vũ Phương, Ngọc Mai. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 20 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 11000đ. - 5000b s624411
742. Bé làm quen với Toán : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Vũ Phương, Ngọc Mai. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 28 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 8000b s624412

743. Bé làm quen với Toán : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Nguyễn Thị Hương Giang. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 15000đ. - 10000b s626187
744. Bé làm quen với Toán : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Vũ Phương, Ngọc Mai. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 28 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 13000b s624413
745. Bé làm quen với Toán : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Phương Thảo. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Tủ sách Bé vào Lớp 1). - 8000đ. - 9000b  
 Q.1: Các hoạt động làm quen với chữ số. - 2025. - 23 tr. : hình vẽ s624416
746. Bé làm quen với Toán : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Phương Thảo. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Tủ sách Bé vào Lớp 1). - 8000đ. - 7000b  
 Q.2: Màu sắc, hình dạng. - 2025. - 23 tr. : hình vẽ s624417
747. Bé làm quen với Toán : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Phương Thảo. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Tủ sách Bé vào Lớp 1). - 8000đ. - 9000b  
 Q.3: Thêm - bớt, tách - gộp. - 2025. - 23 tr. : hình vẽ s624418
748. Bé làm quen với Toán : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Phương Thảo. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Tủ sách Bé vào Lớp 1). - 8000đ. - 9000b  
 Q.4: So sánh. - 2025. - 23 tr. : tranh màu s624419
749. Bé làm quen với Toán : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Phương Thảo. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Tủ sách Bé vào Lớp 1). - 8000đ. - 9000b  
 Q.5: Các hoạt động phát triển trí tuệ, tư duy lôgic. - 2025. - 23 tr. : tranh màu s624420
750. Bé làm quen với Toán : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Vũ Phương, Ngọc Mai. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 12000đ. - 16000b  
 T.1. - 2025. - 24 tr. : tranh vẽ s624414
751. Bé làm quen với Toán : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Vũ Phương, Ngọc Mai. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 12000đ. - 16000b  
 T.2. - 2025. - 24 tr. : hình vẽ s624415
752. Bé nhận biết và làm quen với Toán : Trẻ mẫu giáo 3 - 4 tuổi / Vũ Thị Hoa. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 8900đ. - 57500b s624908
753. Bé tập tạo hình : 4 - 5 tuổi / Vũ Phương, Phạm Thảo Thùy Trân, Nguyễn Văn Nam. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 28 tr. : hình vẽ ; 19x27 cm. - 12000đ. - 12000b s625251
754. Bé tập tạo hình : 5 - 6 tuổi / Vũ Phương, Phạm Thảo Thùy Trân, Nguyễn Văn Nam. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : hình vẽ ; 19x27 cm. - 13000đ. - 15000b s625252
755. Bé tập tô chữ cái : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Minh Tâm. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 32 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bé chuẩn bị vào lớp Một). - 14000đ. - 5000b s623616
756. Bé tập tô chữ cái : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Lê Hồng Đăng, Lê Thị Ngọc Ánh. - In lần thứ 12. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 31 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Hành trang cho bé vào Lớp 1). - 15000đ. - 10000b s625271
757. Bé tập tô nét cơ bản / Minh Tâm. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 24 tr. ; 24 cm. - (Tủ sách Bé chuẩn bị vào Lớp 1). - 14000đ. - 5000b s625515

758. Bé tập vẽ, tập tô màu theo chủ đề : Theo Chương trình Giáo dục mầm non : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Hiếu. - Tái bản lần thứ 12. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 23 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - 9000đ. - 10000b s625250

759. Bé thực hành các kỹ năng đảm bảo an toàn : Trẻ 3 - 4 tuổi / Nguyễn Minh Huyền, Vũ Huyền Trinh, Nguyễn Thị Thắng. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 28 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 14000đ. - 20000b s624848

760. Bé thực hành các kỹ năng đảm bảo an toàn : Trẻ 4 - 5 tuổi / Nguyễn Minh Huyền, Vũ Huyền Trinh, Nguyễn Thị Thắng. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 28 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 14000đ. - 25000b s624849

761. Bé tô chữ : Mẫu giáo nhỡ / Minh Tâm. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 24 tr. ; 24 cm. - (Tủ sách Bé chuẩn bị vào Lớp 1). - 14000đ. - 5000b s625516

762. Bé tô màu - Các loại quả : Phiên bản song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 3 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s626190

763. Bé tô màu - Động vật hoang dã : Phiên bản song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 3 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s626191

764. Bé tô màu - Trang phục của bé : Phiên bản song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 3 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s626189

765. Bé tô màu mẫu giáo - Chim / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 11000đ. - 5000b s623732

766. Bé tô màu mẫu giáo - Côn trùng, bò sát / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 11000đ. - 5000b s623734

767. Bé tô màu mẫu giáo - Đồ chơi / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 11000đ. - 5000b s623738

768. Bé tô màu mẫu giáo - Giao thông / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 11000đ. - 5000b s623731

769. Bé tô màu mẫu giáo - Hoa / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 11000đ. - 5000b s623730

770. Bé tô màu mẫu giáo - Rau, củ, quả / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 11000đ. - 5000b s623735

771. Bé tô màu mẫu giáo - Thú rừng / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 11000đ. - 5000b s623736

772. Bé tô màu mẫu giáo - Tôm, cua, cá / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 11000đ. - 5000b s623739

773. Bé tô màu mẫu giáo - Trái cây / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 11000đ. - 5000b s623733

774. Bé tô màu mẫu giáo - Vật nuôi / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 11000đ. - 5000b s623737

775. Bé vui khám phá thế giới xung quanh : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Vũ Thị Thu Hằng, Hoàng Thị Thu Thảo. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 24 cm. - 14000đ. - 18000b s624557

776. Bộ trợ Tiếng Việt 3 : Bài tập cơ bản và nâng cao. Sách áp dụng Chương trình mới cho các bộ sách giáo khoa / Vương Thị Vân, Dương Thị Thảo. - H. : Văn học. - 27 cm. - 69000đ. - 2400b

T.2. - 2025. - 167 tr. : minh họa s623862

777. Bộ đề kiểm tra môn Tiếng Việt lớp 4 : Dùng kèm SGK: Kết nối tri thức với cuộc sống / Lê Thị Nương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 55000đ. - 1500b

T.1. - 2025. - 120 tr. : bảng s626361

778. Bộ đề kiểm tra môn Toán lớp 5 : Dùng kèm SGK: Kết nối tri thức với cuộc sống / Lê Thị Nương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - 59000đ. - 1000b

T.1. - 2025. - 116 tr. : hình vẽ s625265

779. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Tiếng Anh 2 / Trần Hương Quỳnh (ch.b.), Dương Thu Hà, Nguyễn Thị Hạnh... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 75 tr. : hình vẽ, tranh vẽ ; 24 cm. - 37000đ. - 5000b s624560

780. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Tiếng Anh 3 / Trần Hương Quỳnh (ch.b.), Dương Thu Hà, Nguyễn Thị Hạnh... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 80 tr. : minh họa ; 24 cm. - 40000đ. - 5000b s624561

781. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Tiếng Việt 1 / Nguyễn Thị Nguyệt Hà (ch.b.), Nguyễn Hoàng Anh, Đặng Thị Mai... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 92 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 45000đ. - 5000b s624467

782. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Toán 1 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Hoàng Quế Hường, Vũ Văn Luân. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 75 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 37000đ. - 5000b s624402

783. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Toán 2 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Hoàng Quế Hường, Vũ Văn Luân. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 36000đ. - 5000b s624403

784. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Toán 3 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Hoàng Quế Hường, Vũ Văn Luân. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 36000đ. - 5000b s624404

785. Bộ đề ôn luyện và kiểm tra Tiếng Việt 3 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Sách dùng ôn luyện cho các bộ sách giáo khoa mới / Trịnh Thu Trang, Vũ Thị Thu Hương. - H. : Văn học. - 27 cm. - 52000đ. - 2200b

T.1. - 2025. - 87 tr. : minh họa s623864

786. Bộ phiếu giúp trẻ thực hành kỹ năng vận động tinh : Hỗ trợ hoạt động tạo hình : Trẻ 4 - 5 tuổi / Nguyễn Thị Nhung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 21x30 cm. - 19500đ. - 15000b s624540

787. Bộ phiếu hỗ trợ hoạt động tạo hình - Tô màu theo chủ đề : Trẻ 24 - 36 tháng / Hoàng Thị Dinh, Nguyễn Thị Thanh Tâm. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 20 tr. : hình vẽ ; 21x30 cm. - 21000đ. - 6000b s624539

788. Bộ phiếu hướng dẫn trẻ thực hành các hoạt động chơi và tạo hình với chữ số : Dành cho trẻ mẫu giáo / Phạm Thị Huệ. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 14 tr. : hình vẽ ; 21x30 cm. - 15000đ. - 10000b s624541

789. Bồi dưỡng học sinh giỏi Tiếng Anh 4 / Dương Hương, Thùy Dương. - H. : Dân trí, 2025. - 131 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 68000đ. - 2500b s626522

790. Bồi dưỡng học sinh giỏi Tiếng Anh 5 / Dương Hương, Thùy Dương. - H. : Dân trí, 2025. - 139 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 68000đ. - 2500b s626519

791. Bồi dưỡng học sinh giỏi Toán 5 theo chủ đề : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Nguyễn Đức Tấn, Võ Thành Hưng. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 224 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 105000đ. - 1000b s625264

792. Bồi dưỡng Tiếng Việt 5 : Phát triển năng lực đọc và viết cho học sinh. Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Công Thị Minh Anh, Phan Thị Hằng. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 131 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 110000đ. - 1500b s624926

793. Bồi dưỡng Tiếng Việt lớp 2 : Dành cho học sinh khá, giỏi / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Hào, Vũ Hoài Vân. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 55000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 104 tr. : tranh vẽ, bảng s624930

794. Bồi dưỡng Tiếng Việt lớp 3 : Dành cho học sinh khá, giỏi / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Hào, Vũ Hoài Vân. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 55000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 108 tr. : minh họa s624973

795. Bồi dưỡng Tiếng Việt lớp 3 : Dành cho học sinh khá, giỏi / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Hào, Vũ Hoài Vân. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 55000đ. - 3000b

T.2. - 2025. - 103 tr. : minh họa s624974

796. Bồi dưỡng Tiếng Việt lớp 5 : Dành cho học sinh khá, giỏi / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Hào... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 60000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 120 tr. : bảng, tranh vẽ s624923

797. Bồi dưỡng Tiếng Việt lớp 5 : Dành cho học sinh khá, giỏi / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Hào... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 60000đ. - 3000b

T.2. - 2025. - 119 tr. : bảng, tranh vẽ s624924

798. Bồi dưỡng Toán lớp 1 : Dành cho học sinh khá, giỏi / Nguyễn Áng (ch.b.), Vũ Duy Càng, Phùng Như Thụy. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 45000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 84 tr. : hình vẽ, bảng s624879

799. Bồi dưỡng Toán lớp 1 : Dành cho học sinh khá, giỏi / Nguyễn Áng (ch.b.), Vũ Duy Càng, Phùng Như Thụy. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 45000đ. - 3000b

T.2. - 2025. - 84 tr. : hình vẽ, bảng s624880

800. Bồi dưỡng Toán lớp 2 : Dành cho học sinh khá, giỏi / Nguyễn Áng (ch.b.), Vũ Duy Càng, Phùng Như Thụy. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 50000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 96 tr. : hình vẽ, bảng s624881

801. Bồi dưỡng Toán lớp 2 : Dành cho học sinh khá, giỏi / Nguyễn Áng (ch.b.), Vũ Duy Càng, Phùng Như Thụy. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 45000đ. - 3000b

T.2. - 2025. - 88 tr. : hình vẽ, bảng s624882

802. Bồi dưỡng Toán lớp 3 : Dành cho học sinh khá, giỏi / Nguyễn Áng (ch.b.), Vũ Duy Càng, Phùng Như Thụy. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 50000đ. - 3000b  
T.1. - 2025. - 100 tr. : hình vẽ, bảng s624883
803. Bồi dưỡng Toán lớp 3 : Dành cho học sinh khá, giỏi / Nguyễn Áng (ch.b.), Vũ Duy Càng, Phùng Như Thụy. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 45000đ. - 3000b  
T.2. - 2025. - 84 tr. : hình vẽ, bảng s624884
804. Bồi dưỡng Toán lớp 5 / Nguyễn Áng (ch.b.), Vũ Duy Càng, Phùng Như Thụy. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 60000đ. - 3000b  
T.1. - 2025. - 120 tr. : minh họa s624885
805. Bồi dưỡng Toán lớp 5 / Nguyễn Áng (ch.b.), Vũ Duy Càng, Phùng Như Thụy. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 60000đ. - 3000b  
T.2. - 2025. - 119 tr. : hình vẽ, bảng s624886
806. Các hoạt động giáo dục kỹ năng sống : Trẻ 3 - 4 tuổi / Cao Thị Hồng Nhung, Vũ Thị Huyền Trang, Nguyễn Thị Vân. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 15000đ. - 18000b s624824
807. Các hoạt động giáo dục kỹ năng sống : Trẻ 4 - 5 tuổi / Cao Thị Hồng Nhung, Vũ Thị Huyền Trang, Nguyễn Thị Vân. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 15000đ. - 25000b s624825
808. Các hoạt động giáo dục kỹ năng sống : Trẻ 5 - 6 tuổi / Cao Thị Hồng Nhung, Vũ Thị Huyền Trang, Nguyễn Thị Vân. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 15000đ. - 37500b s624826
809. Các hoạt động giáo dục tình cảm, kỹ năng xã hội : Trẻ 4 - 5 tuổi / Cao Thị Hồng Nhung, Lương Thị Bình. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 13000đ. - 25000b s624840
810. Các hoạt động giúp bé chăm sóc, bảo vệ đôi mắt : Dành cho trẻ 3 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Vân. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 23 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 13000đ. - 10000b s624846
811. Các hoạt động giúp trẻ 5 - 6 tuổi chuẩn bị cho việc học đọc, học viết / Nguyễn Thị Minh Thảo, Dương Thị Nhuận. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 52 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Bé vào Lớp 1). - 27000đ. - 10000b s624963
812. Các hoạt động giúp trẻ làm quen với chữ viết : 3 - 4 tuổi / Nguyễn Thị Minh Thảo, Phạm Thị Thu Hương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 13000đ. - 30000b s624965
813. Các hoạt động giúp trẻ làm quen với phương tiện và quy định giao thông : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Cao Thị Hồng Nhung, Nguyễn Thị Bích Thảo, Phạm Thanh Hoa. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 23 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 14000đ. - 25000b s624850
814. Cẩm nang Luyện chữ đẹp : Cỡ nhỏ, theo nhóm : Dành cho học sinh tiểu học và người yêu chữ / Hương Giang, Trung Anh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 60 tr. ; 27 cm. - 50000đ. - 10000b s626411
815. Chinh phục điểm 10 đề kiểm tra học kì Tiếng Việt 3 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới (Bộ sách KNTTVCS) / Học viện VIETSTEM. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 248 tr. : minh họa ; 26 cm. - 350000đ. - 1000b s625846

816. Chinh phục điểm 10 đề kiểm tra học kì Toán 4 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới (Bộ sách KNTTVCS) / Học viện VIETSTEM. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 255 tr. : hình vẽ, bảng ; 26 cm. - 350000đ. - 1000b s624264
817. Chuẩn bị vào lớp Một - Bé vui đến trường Tiểu học / Nguyễn Thị Ngọc An, Minh Anh, Ngọc Mai. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 44 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 22000đ. - 8000b s624472
818. Chuẩn bị vào lớp Một - Bé vui học đọc, viết / Nguyễn Thị Ngọc An, Minh Anh, Ngọc Mai. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 56 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 22000đ. - 17000b s624473
819. Chuẩn bị vào lớp Một - Bé vui học Toán / Nguyễn Thị Ngọc An, Minh Anh, Ngọc Mai. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 52 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 22000đ. - 14000b s624400
820. Công nghệ 3 / Bùi Văn Hồng (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Lương, Lê Thị Mỹ Nga, Đoàn Thị Ngân. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 9000đ. - 288000b s624802
821. Công nghệ 3 / Lê Huy Hoàng (tổng ch.b.), Đặng Văn Nghĩa (ch.b.), Dương Giáng Thiên Hương... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 63 tr. ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9000đ. - 245000b s624791
822. Công thức giải nhanh Toán tiểu học / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : bảng ; 17x24 cm. - (Học thông minh - Tinh trí não). - 160000đ. - 20000b s626209
823. Công thức làm văn tiểu học : Biên soạn theo Chương trình SGK mới / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 30 tr. : hình vẽ, sơ đồ ; 17x25 cm. - (Học thông minh - Tinh trí não). - 160000đ. - 20000b s626208
824. Cùng bé kể về các con vật / Nguyễn Thị Thành, Nguyễn Cẩm Giang (ch.b.), Lê Thị Thu. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 15 tr. : tranh màu ; 21x29 cm. - (Cùng bé yêu tập nói). - 14000đ. - 2100b s624536
825. Cùng bé kể về các loại quả / Nguyễn Thị Thành, Nguyễn Cẩm Giang (ch.b.), Lê Thị Thu. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 15 tr. : tranh màu ; 21x29 cm. - (Cùng bé yêu tập nói). - 14000đ. - 2100b s624538
826. Cùng bé kể về gia đình / Nguyễn Thị Thành, Nguyễn Cẩm Giang (ch.b.), Lê Thị Thu. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 15 tr. : tranh màu ; 21x29 cm. - (Cùng bé yêu tập nói). - 14000đ. - 2100b s624537
827. Cùng bé tìm hiểu về an toàn giao thông : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Lương Thị Bình, Trần Thị Thắm, Nguyễn Thị Quyên ; Minh họa: Zoom Plus. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 15000đ. - 4000b s624821
828. Cùng bé tìm hiểu về an toàn giao thông : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Lương Thị Bình, Trần Thị Thắm, Nguyễn Thị Quyên ; Minh họa: Zoom Plus. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 27 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 15000đ. - 4000b s624822
829. Cùng bé tìm hiểu về an toàn giao thông : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Lương Thị Bình, Trần Thị Thắm, Nguyễn Thị Quyên ; Minh họa: Zoom Plus. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 28 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 15000đ. - 5000b s624823
830. Cùng chơi và tư duy - Chữ cái : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Hoàng Thị Phương, Bùi Thị Xuân Lụa. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : minh họa ; 27 cm. - 14000đ. - 2100b s624966

831. Cùng chơi và tư duy - Chữ cái : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Hoàng Thị Phương, Bùi Thị Xuân Lụa. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : minh họa ; 27 cm. - 14000đ. - 5000b s624967

832. Cùng chơi và tư duy - Khám phá môi trường xung quanh : Dành cho trẻ 25 - 36 tháng tuổi / Lê Thị Thanh Nga, Hoàng Thị Thu Thảo, Phạm Vũ Thùy Nhân. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 14000đ. - 24000b s624843

833. Cùng chơi và tư duy - Khám phá môi trường xung quanh : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Lê Thị Thanh Nga, Hoàng Thị Thu Thảo, Phạm Vũ Thùy Nhân. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 14000đ. - 28000b s624844

834. Cùng chơi và tư duy - Khám phá môi trường xung quanh : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Lê Thị Thanh Nga, Hoàng Thị Thu Thảo, Phạm Vũ Thùy Nhân. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 28 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 14000đ. - 30000b s624845

835. Cùng chơi và tư duy - Toán : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Lê Thị Thanh Nga, Hứa Thị Lan Anh, Hoàng Minh Thư. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 14000đ. - 2100b s624907

836. DigiScience 1 / Trương Hạ Dương. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 71 p. : ill. ; 30 cm. - 65000đ. - 13090 copies s625128

837. DigiScience 2 / Trương Hạ Dương. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 83 p. : ill. ; 30 cm. - 65000đ. - 20007 copies s625129

838. DigiScience 3 / Trương Hạ Dương. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 75 p. : ill. ; 30 cm. - 65000đ. - 25356 copies s625130

839. DigiScience 3 extended / Trương Hạ Dương, Nguyễn Hoàng Nhi. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 107 p. : ill. ; 30 cm. - 120000đ. - 503 copies s625126

840. DigiScience 4 / Trương Hạ Dương. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 91 p. : ill. ; 30 cm. - 65000đ. - 21062 copies s625131

841. DigiScience 4 extended / Trương Hạ Dương, Nguyễn Hoàng Nhi. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 119 p. : ill. ; 30 cm. - 120000đ. - 518 copies s625127

842. DigiScience 5 / Trương Hạ Dương. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 87 p. : ill. ; 30 cm. - 65000đ. - 20025 copies s625132

843. Đánh giá năng lực học tập của sinh viên trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay / Lê Thái Hưng, Đặng Thị Thanh Thủy (ch.b.), Khuất Hà Thu, Vũ Phương Liên. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 287 tr. : minh họa ; 21 cm. - 800b  
Thư mục cuối mỗi phần s626337

844. Đạo đức 3 / Nguyễn Thị Toan (tổng ch.b.), Trần Thành Nam (ch.b.), Nguyễn Thị Hoàng Anh... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 67 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9000đ. - 242000b s624726

845. Đạo đức 4 / Nguyễn Thị Toan (tổng ch.b.), Trần Thành Nam (ch.b.), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 64 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9000đ. - 235000b s624727

846. Đề kiểm tra Tiếng Việt 2 - Học kì 2 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 63 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 40000đ. - 5000b s626413

847. Đề kiểm tra Tiếng Việt 3 - Học kì 2 : Biên soạn theo Chương trình sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 67 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 40000đ. - 5000b s626414

848. Đề kiểm tra Toán 2 - Học kì 2 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 62 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 40000đ. - 5000b s626451

849. Đề kiểm tra Toán 3 - Học kì 2 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 62 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 40000đ. - 10000b s626452

850. Đề ôn luyện và tự kiểm tra Tiếng Việt lớp 2 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Nguyễn Thu Phương, Nguyễn Hồng Nhung. - H. : Văn học. - 27 cm. - (Tủ sách Siêu Tiếng Việt đỉnh Toán). - 45000đ. - 1800b

T.1. - 2025. - 87 tr. : hình vẽ s623863

851. Đề ôn luyện và tự kiểm tra Toán 4 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Trịnh Thu Trang, Vũ Thị Thu Hương, Tạ Thị Thanh Hương. - H. : Dân trí. - 27 cm. - (Tủ sách Siêu Tiếng Việt đỉnh Toán). - 45000đ. - 3300b

T.1. - 2025. - 63 tr. : minh họa s623990

852. Đề ôn luyện và tự kiểm tra Toán 4 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Trịnh Thu Trang, Vũ Thị Thu Hương, Tạ Thị Thanh Hương. - H. : Dân trí. - 27 cm. - (Tủ sách Siêu Tiếng Việt đỉnh Toán). - 45000đ. - 3300b

T.2. - 2025. - 67 tr. : minh họa s623991

853. Đề ôn tập từ vựng và cấu trúc Tiếng Anh lớp 2 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Tạ Thu Chi. - H. : Dân trí, 2025. - 111 tr. : minh họa ; 27 cm. - 69000đ. - 1500b s624874

854. Đề giải Toán con phải giải tính 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới nhất : Dành cho học sinh lớp 1 / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 72 tr. ; 27 cm. - 40000đ. - 20000b s626426

855. Đề giải Toán con phải giải tính 3 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới nhất : Dành cho học sinh lớp 3 / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 27 tr. ; 27 cm. - 40000đ. - 10000b s626427

856. Đề giải Toán con phải giải tính 4 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới nhất : Dành cho học sinh lớp 4 / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 72 tr. ; 27 cm. - 40000đ. - 10000b s626428

857. Đề giải Toán con phải giải tính 5 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới nhất : Dành cho học sinh lớp 5 / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 76 tr. ; 27 cm. - 40000đ. - 10000b s626429

858. Đinh Văn Tiến. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong việc dạy và học tại Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội / Đinh Văn Tiến, Nguyễn Văn Hồng Dương. - H. : Tri thức, 2025. - 175 tr. : bảng ; 27 cm. - 80000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội. - Thư mục: tr. 163-165. - Phụ lục: tr. 167-175 s626383

859. Đo lường và đánh giá trong giáo dục: Lý luận và phương pháp / Trần Khánh Đức, Lê Văn Hào (ch.b.), Lê Lâm... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 655 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 288000đ. - 500b

Thư mục: tr. 651-655 s625307

860. Đổi mới phương pháp dạy học các môn lựa chọn và chuyên đề lựa chọn ở trường trung học phổ thông bằng hình thức kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến (Blended learning) / Đỗ Thu Hà, Phạm Thị Bích Đào (ch.b.), Phan Thị Bích Lợi... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 178 tr. : minh họa ; 24 cm. - 90000đ. - 100b

Thư mục: tr. 176-178 s625299

861. Em học Tiếng Việt 4 : Học buổi thứ hai - Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Lê Phương Nga (ch.b.), Nguyễn Thị Hằng, Nguyễn Thị Hòa. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 35000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 80 tr. : bảng s624959

862. Em học Tiếng Việt 4 : Học buổi thứ hai - Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Lê Phương Nga (ch.b.), Nguyễn Thị Hằng, Nguyễn Thị Hòa. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 35000đ. - 3000b

T.2. - 2025. - 75 tr. : bảng, tranh vẽ s624960

863. Giải bài tập Toán lớp 1 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Thanh Thủy, Nguyễn Phương Anh. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 55000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 131 tr. : minh họa s626448

864. Giải thích và ôn luyện chuyên đề Tiếng Việt thi vào lớp 6 : Trường THCS chất lượng cao / Hoàng Thị Thu Hà. - H. : Tri thức, 2025. - 199 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 109000đ. - 600b s626385

865. Giải Toán có lời văn lớp 2 : Biên soạn theo Chương trình SGK mới / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 88 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 50000đ. - 10000b s626430

866. Giải Toán có lời văn lớp 3 : Biên soạn theo Chương trình SGK mới / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 92 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 50000đ. - 10000b s626431

867. Giải Toán có lời văn lớp 5 : Biên soạn theo Chương trình SGK mới / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 96 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 50000đ. - 10000b s626432

868. Giản Giản Châu. Tâm lý học dành cho học sinh tiểu học - Thay đổi nhỏ lợi ích lớn : Rèn kỹ năng giao tiếp / Giản Giản Châu, Cơ Cơ ; Lê Quyên dịch. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 90 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 45000đ. - 2000b

Tên thật tác giả: Châu Khiết. - Tên sách tiếng Trung: 给小学生的漫画心理学 - 谁都别想欺负我 s625900

869. Giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo / Trần Thị Thắm, Trần Thị Kim Liên. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 22000đ. - 15000b s624813

870. Giáo dục kỹ năng Phòng cháy, chữa cháy và thoát hiểm cho trẻ mầm non / Nguyễn Thị Hương Na, Chu Thị Hồng Nhung, Hoàng Kim Nhung, Trần Thị Hải Yến. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 18000đ. - 5000b s624851

871. Giáo dục kỹ năng Quản lý tài chính lớp 1 / Phạm Quỳnh (ch.b.), Nguyễn Thị Vân Hương, Hoàng Mai Lê... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 39 tr. : minh họa ; 26 cm. - 32000đ. - 3000b s624526

872. Giáo dục kỹ năng Quản lý tài chính lớp 2 / Phạm Quỳnh (ch.b.), Nguyễn Thị Vân Hương, Hoàng Mai Lê... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 35 tr. : minh họa ; 26 cm. - 32000đ. - 3000b s624527

873. Giáo dục kỹ năng Quản lý tài chính lớp 3 / Phạm Quỳnh (ch.b.), Nguyễn Thị Vân Hương, Hoàng Mai Lê... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 39 tr. : minh họa ; 26 cm. - 32000đ. - 3000b s624528

874. Giáo dục kỹ năng Quản lý tài chính lớp 4 / Phạm Quỳnh (ch.b.), Nguyễn Thị Vân Hương, Hoàng Mai Lê... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 39 tr. : minh họa ; 26 cm. - 32000đ. - 3000b s624529

875. Giáo dục kỹ năng Quản lý tài chính lớp 5 / Phạm Quỳnh (ch.b.), Nguyễn Thị Vân Hương, Hoàng Mai Lê... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 39 tr. : minh họa ; 26 cm. - 32000đ. - 3000b s624530

876. Giáo dục kỹ năng tham gia giao thông an toàn lớp 2 / Khương Kim Tạo (tổng ch.b.), Vũ Thị Lan Anh (ch.b.), Quán Hà Hưng, Nguyễn Thị Như Quỳnh. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 28 tr. : tranh màu ; 26 cm. - 20000đ. - 3000b s625841

877. Giáo dục kỹ năng tham gia giao thông an toàn lớp 3 / Khương Kim Tạo (tổng ch.b.), Vũ Thị Lan Anh (ch.b.), Quán Hà Hưng, Nguyễn Thị Như Quỳnh. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 26 cm. - 20000đ. - 3000b s625842

878. Giáo dục kỹ năng tham gia giao thông an toàn lớp 4 / Khương Kim Tạo (tổng ch.b.), Vũ Thị Lan Anh (ch.b.), Quán Hà Hưng, Nguyễn Thị Như Quỳnh. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 35 tr. : tranh vẽ ; 26 cm. - 20000đ. - 3000b s625843

879. Giáo dục kỹ năng tham gia giao thông an toàn lớp 5 / Khương Kim Tạo (tổng ch.b.), Vũ Thị Lan Anh (ch.b.), Quán Hà Hưng, Nguyễn Thị Như Quỳnh. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 35 tr. : tranh vẽ ; 26 cm. - 20000đ. - 3000b s625844

880. Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 24 - 36 tháng tuổi / Phan Vũ Quỳnh Nga. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 5000b s624558

881. Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5 - 6 tuổi / Phan Vũ Quỳnh Nga. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 28 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 15000đ. - 56500b s624559

882. Giáo dục STEM lớp 1 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Đặng Thị Phương Anh, Lê Tiến Bình... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 55 tr. : minh họa ; 27 cm. - 27000đ. - 3000b s624693

883. Giáo dục STEM lớp 2 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Đặng Thị Phương Anh, Lê Tiến Bình... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 59 tr. : minh họa ; 27 cm. - 27000đ. - 3000b s624694

884. Giáo dục STEM lớp 3 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Đặng Thị Phương Anh, Lê Tiến Bình... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 83 tr. : minh họa ; 27 cm. - 29000đ. - 3000b s624695

885. Giáo dục STEM lớp 4 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Đặng Thị Phương Anh, Lê Tiến Bình... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 tr. : minh họa ; 27 cm. - 29000đ. - 3000b s624696

886. Giáo dục thể chất 2 / Nguyễn Duy Quyết, Hồ Đắc Sơn (tổng ch.b.), Lê Anh Thơ (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 95 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13000đ. - 215755b s624749

887. Giáo dục thể chất 4 / Nguyễn Duy Quyết (tổng ch.b.), Nguyễn Hồng Dương (ch.b.), Đỗ Mạnh Hưng... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 91 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 12100đ. - 235521b s624750
888. Giáo dục thể chất 4 / Phạm Thị Lệ Hằng (ch.b.), Bùi Ngọc Bích, Lê Hải, Trần Minh Tuấn. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 88 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 12000đ. - 304000b s624748
889. Giáo dục thể chất 5 / Nguyễn Duy Quyết (tổng ch.b.), Đỗ Mạnh Hưng (ch.b.), Vũ Văn Thịnh... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 87 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 11900đ. - 318666b s624751
890. Giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội : Dành cho trẻ 24 - 36 tháng tuổi / Lương Thị Bình, Nguyễn Thị Thu Hạnh, Nguyễn Thị Quyên. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 13000đ. - 7000b s624827
891. Giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Lương Thị Bình, Nguyễn Thị Thu Hạnh, Nguyễn Thị Quyên. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 20 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 13000đ. - 5000b s624828
892. Giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Lương Thị Bình, Nguyễn Thị Thu Hạnh, Nguyễn Thị Quyên. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 13000đ. - 5000b s624829
893. Giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Lương Thị Bình, Nguyễn Thị Thu Hạnh, Nguyễn Thị Quyên. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 28 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 13000đ. - 5000b s624830
894. Giáo trình Giáo dục học / Phan Thị Hồng Vinh, Trần Thị Tuyết Oanh, Từ Đức Văn... - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - 80000đ. - 1000b  
T.1. - 2025. - 279 tr. s624121
895. Giordan, André. Học / André Giordan ; Nguyễn Khánh Trung dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 285 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 155000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Pháp: Apprendre! s625938
896. Giúp bé phát triển tình cảm - kỹ năng xã hội : Trẻ 24 - 36 tháng tuổi / Nguyễn Thị Ngân, Hoàng Thị Kim Nhung, Lâm Thùy Uyên ; Hoạ sĩ: Phùng Duy Tùng, Đặng Hồng Quân. - Tái bản lần thứ 7, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 20000b s624552
897. Giúp trẻ 24 - 36 tháng tuổi làm quen với Toán : Theo Chương trình Giáo dục mầm non / Nguyễn Thị Hiền, Lê Hải, Hoàng Huyền Trang... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 20 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 16000đ. - 5000b s624905
898. Giúp trẻ 4 - 5 tuổi làm quen với Toán : Theo Chương trình Giáo dục mầm non / Nguyễn Thị Hiền, Lê Hải, Hoàng Huyền Trang... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 23000đ. - 5000b s624906
899. Global gateway grade 1 : Học Tiếng Anh với người nước ngoài lớp 1 / Trần Thụy Vy (ch.b.), Nguyễn Thị Tú, Nguyễn Thị Ngọc Thùy... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 60000đ. - 2000 copies  
Part 2. - 2025. - 48 p. : ill. s625098
900. Global gateway grade 2 : Học Tiếng Anh với người nước ngoài lớp 2 / Trịnh Thực Nguyên (ch.b.), Nguyễn Thị Tú, Nguyễn Thị Ngọc Thùy... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 60000đ. - 2000 copies  
Part 2. - 2025. - 48 p. : ill. s625099

901. Global gateway grade 3 : Học Tiếng Anh với người nước ngoài lớp 3 / Nguyễn Thị Trâm Anh (ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Thủy, Đặng Thị Thúy Ái, Hoàng Thị Phong Linh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 60000đ. - 2000 copies  
Part 2. - 2025. - 48 p. : ill. s625100
902. Global gateway grade 4 : Học Tiếng Anh với người nước ngoài lớp 4 / Ngô Thị Thùy Như (ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Thủy, Đặng Thị Thúy Ái, Hoàng Thị Phong Linh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 60000đ. - 2000 copies  
Part 2. - 2025. - 48 p. : ill. s625101
903. Global gateway grade 5 : Học Tiếng Anh với người nước ngoài lớp 5 / Hoàng Thị Phong Linh (ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Thủy, Nguyễn Thị Tú, Đặng Thị Thúy Ái. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 60000đ. - 2000 copies  
Part 2. - 2025. - 48 p. : ill. s625102
904. Global Maths 5 / Phạm Anh Minh, Nguyễn Thị Kim Phượng (ch.b.), Vũ Như Thu Hương... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 p. : ill. ; 27 cm. - 79000đ. - 10000 copies s625170
905. Global Science 5 / Nguyễn Thu Hiền, Lê Thị Phượng (ch.b.), Nguyễn Thị Kim Ánh... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 p. : ill. ; 27 cm. - 79000đ. - 10000 copies s625174
906. Hà Nội học : Dành cho giáo viên tiểu học / Nguyễn Thị Thanh Hòa, Nghiêm Đình Vỹ (ch.b.), Nguyễn Quang Ngọc... - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 511 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 50b  
Thư mục: tr. 476-480 s625729
907. 250 đề & bài văn hay lớp 2 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Phạm Ngọc Thắm. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 116 tr. : bảng ; 24 cm. - 52000đ. - 1000b s626371
908. 250 đề & bài văn hay lớp 3 : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Phạm Ngọc Thắm. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 128 tr. ; 24 cm. - 58000đ. - 1000b s626372
909. 250 đề & bài văn hay lớp 4 : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Phạm Ngọc Thắm. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 144 tr. ; 24 cm. - 69000đ. - 1000b s626373
910. 250 đề & bài văn hay lớp 5 : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Phạm Ngọc Thắm. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 144 tr. ; 24 cm. - 65000đ. - 1000b s626374
911. Hello chào lớp 1 - Tô chữ cái Tiếng Việt. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 24 tr. ; 27 cm. - (Tủ sách Con học tốt)(Bộ sách Cùng con vào Lớp 1). - 29000đ. - 1500b s626493
912. Hoàng Tùng. Nhịp bước yêu thương : Yêu thương là gốc rễ của giáo dục = Educate with love, inspire with heart : Love is the foundation of true education / Hoàng Tùng. - H. : Thế giới, 2025. - 259 tr. : ảnh màu ; 21 cm. - 129000đ. - 2000b s625632
913. Hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường lớp 1 / Nguyễn Thị Vân Hương (ch.b.), Nguyễn Thị Hồng Chuyên, Tưởng Duy Hải... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 55 tr. : minh họa ; 26 cm. - 32000đ. - 9000b s625847
914. Hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường lớp 3 / Nguyễn Thị Vân Hương (ch.b.), Nguyễn Thị Hồng Chuyên, Tưởng Duy Hải... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 55 tr. : minh họa ; 26 cm. - 32000đ. - 9000b s625848

915. Hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường lớp 5 / Nguyễn Thị Vân Hương (ch.b.), Nguyễn Thị Hồng Chuyên, Trương Duy Hải... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 63 tr. : minh họa ; 26 cm. - 32000đ. - 9000b s625849

916. Hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Đặng Thị Phương Dung, Bùi Thị Quỳnh Anh, Nguyễn Thị Ánh Nguyệt. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 23 tr. : minh họa ; 27 cm. - 20000đ. - 10000b s624852

917. Hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Đặng Thị Phương Dung, Bùi Thị Quỳnh Anh, Nguyễn Thị Ánh Nguyệt. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 23 tr. : minh họa ; 27 cm. - 20000đ. - 10000b s624853

918. Hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Đặng Thị Phương Dung, Bùi Thị Quỳnh Anh, Nguyễn Thị Ánh Nguyệt. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 23 tr. : minh họa ; 27 cm. - 20000đ. - 10000b s624854

919. Hoạt động làm quen với Toán : Dành cho trẻ 24 - 36 tháng tuổi / Vũ Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Thu Hà, Đào Thị Yên, Trương Thị Lê Vân ; Minh họa: Đặng Hồng Quân. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 20 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 10500đ. - 70000b s624405

920. Hoạt động làm quen với Toán : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Vũ Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Thu Hà, Đào Thị Yên, Trương Thị Lê Vân ; Minh họa: Đặng Hồng Quân. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 28 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 11500đ. - 100000b s624406

921. Hoạt động làm quen với Toán : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Vũ Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Thu Hà, Đào Thị Yên, Trương Thị Lê Vân ; Minh họa: Đặng Hồng Quân. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 28 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 11500đ. - 100000b s624407

922. Hoạt động làm quen với Toán : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Vũ Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Thu Hà, Đào Thị Yên, Trương Thị Lê Vân ; Minh họa: Đặng Hồng Quân. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 11500đ. - 100000b

Q.2. - 2025. - 24 tr. : hình vẽ s624408

923. Hoạt động tạo hình : Dành cho trẻ 24 - 36 tháng tuổi : Theo Chương trình Giáo dục mầm non / Nguyễn Thanh Hương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 19x27 cm. - 9000đ. - 30000b s625248

924. Hoạt động trải nghiệm 1 / Bùi Sỹ Tụng (tổng ch.b.), Nguyễn Thanh Bình (ch.b.), Vũ Thị Lan Anh... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 87 tr. : bảng, tranh màu ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13000đ. - 213192b s624783

925. Hoạt động trải nghiệm 3 / Lưu Thu Thủy (tổng ch.b.), Nguyễn Thụy Anh (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Bình... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 107 tr. ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 14200đ. - 185000b s624784

926. Hoạt động trải nghiệm 4 / Lưu Thu Thủy (tổng ch.b.), Nguyễn Thụy Anh (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Bình... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 91 tr. : tranh vẽ, bảng ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13200đ. - 185000b s624785

927. Hoạt động trải nghiệm 5 / Lưu Thu Thủy (tổng ch.b.), Nguyễn Thụy Anh (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Bình... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 99 tr. : tranh vẽ, bảng ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 14000đ. - 220000b s624786

928. Hoạt động trải nghiệm STEAM 3 : Thực hành vận dụng sáng tạo : Dành cho học sinh tiểu học. - Huế : Đại học Huế, 2025. - 80 tr. ; 29 cm. - 89000đ. - 3000b s624899

929. Hoạt động trải nghiệm STEAM 4 : Thực hành vận dụng sáng tạo : Dành cho học sinh tiểu học. - Huế : Đại học Huế, 2025. - 84 tr. : minh họa ; 29 cm. - 89000đ. - 3000b s624927

930. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6 / Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tùng (tổng ch.b.), Hoàng Thị Hạnh... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 51 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 8000đ. - 330937b s624787

931. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 8 / Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Phương Liên (ch.b.), Trần Bảo Ngọc... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 80 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo; 2). - 10800đ. - 56000b s624789

932. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 / Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (tổng ch.b.), Vũ Phương Liên (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 87 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo; 1). - 12600đ. - 174000b s624790

933. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 / Lưu Thu Thủy (tổng ch.b.), Nguyễn Thanh Bình (ch.b.), Lê Văn Cầu... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 11000đ. - 241791b s624788

934. Học tính để giỏi Toán lớp 1 / Nam Thuận. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 52 tr. ; 27 cm. - 39000đ. - 5000b s624688

935. Học tính để giỏi Toán lớp 2 / Nam Thuận. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 52 tr. ; 27 cm. - 39000đ. - 5000b s624689

936. Học tính để giỏi Toán lớp 3 / Nam Thuận. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 48 tr. ; 27 cm. - 39000đ. - 5000b s624690

937. Học tính để giỏi Toán lớp 4 / Nam Thuận. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 40 tr. ; 27 cm. - 39000đ. - 5000b s624691

938. Học tính để giỏi Toán lớp 5 / Nam Thuận. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 40 tr. ; 27 cm. - 39000đ. - 1000b s624692

939. Học toán Montessori 2 : Sách giáo dục mầm non tương tác : Phát triển trí tuệ 4+ : Sticker tương tác với bài học / StarKids. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 31 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 39000đ. - 3000b s626032

940. Học toán Montessori 3 : Sách giáo dục mầm non tương tác : Phát triển trí tuệ 4+ : Sticker tương tác với bài học / StarKids. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 31 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 39000đ. - 3000b s626033

941. Học toán Montessori 4 : Sách giáo dục mầm non tương tác : Phát triển trí tuệ 4+ : Sticker tương tác với bài học / StarKids. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 31 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 39000đ. - 3000b s626034

942. Hướng dẫn đánh giá sự phát triển của trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non : Tài liệu hướng dẫn thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non : Dành cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non / Nguyễn Bá Minh (ch.b.), Hoàng Thị Dinh, Hồ Lam Hồng... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 70 tr. : minh họa ; 27 cm. - 50000đ. - 1500b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Thư mục: tr. 70 s624680

943. Hướng dẫn giải bài tập Toán 5 : Bám sát SGK Kết nối tri thức với cuộc sống / Nguyễn Thị Thanh Lương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 55000đ. - 1000b

T.1. - 2025. - 108 tr. : hình vẽ, bảng s626369

944. Hướng dẫn giải bài tập Toán 5 : Bám sát SGK Kết nối tri thức với cuộc sống / Nguyễn Thị Thanh Lương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 55000đ. - 1000b

T.2. - 2025. - 108 tr. : minh họa s626370

945. Hướng dẫn giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe lồng ghép giáo dục phát triển vận động cho trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non : Dành cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non / Hoàng Thị Dinh, Nguyễn Minh Huyền, Nguyễn Thị Thu Hà, Phùng Mạnh Cường. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 87 tr. : minh họa ; 27 cm. - 40000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s624678

946. Hướng dẫn học Tiếng Anh 1 / Nguyễn Sơn Nam. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 150000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 108 tr. : minh họa s624640

947. Hướng dẫn học Tiếng Việt 1 / Bùi Thị Tú. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 150000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 103 tr. : minh họa s624637

948. Hướng dẫn học Tiếng Việt 1 / Bùi Thị Tú. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 150000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 103 tr. : minh họa s624638

949. Hướng dẫn học Tiếng Việt 2 / Bùi Thị Tú. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 150000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 100 tr. : minh họa s624639

950. Hướng dẫn học Toán 1 / Nguyễn Thúy Hằng. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 150000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 124 tr. : hình vẽ, bảng s624628

951. Hướng dẫn học Toán 1 / Nguyễn Thúy Hằng. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 150000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 92 tr. : hình vẽ, bảng s624629

952. Hướng dẫn học Toán 2 / Nguyễn Thúy Hằng. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 150000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 139 tr. : hình vẽ, bảng s624630

953. Hướng dẫn học Toán 2 / Nguyễn Thúy Hằng. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 150000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 115 tr. : hình vẽ, bảng s624631

954. Hướng dẫn học Toán 3 / Nguyễn Thúy Hằng. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 150000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 108 tr. : hình vẽ, bảng s624632

955. Hướng dẫn học Toán 4 / Nguyễn Thúy Hằng. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 150000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 64 tr. : hình vẽ, bảng s624633

956. Hướng dẫn học Toán 4 / Nguyễn Thúy Hằng. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 150000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 112 tr. : hình vẽ, bảng s624634

957. Hướng dẫn học Toán 5 / Nguyễn Thúy Hằng. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 150000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 91 tr. : hình vẽ, bảng s624635

958. Hướng dẫn học Toán 5 / Nguyễn Thúy Hằng. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 150000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 104 tr. : hình vẽ, bảng s624636

959. Hướng dẫn kỹ năng sử dụng mạng an toàn lớp 1 / Trần Thành Nam (ch.b.), Nguyễn Xuân Anh, Trần Văn Công... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 35 tr. : minh họa ; 26 cm. - 32000đ. - 3000b s624531

960. Hướng dẫn kỹ năng sử dụng mạng an toàn lớp 2 / Trần Thành Nam (ch.b.), Nguyễn Xuân Anh, Trần Văn Công... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 35 tr. : minh họa ; 26 cm. - 32000đ. - 3000b s624532

961. Hướng dẫn kỹ năng sử dụng mạng an toàn lớp 3 / Trần Thành Nam (ch.b.), Nguyễn Xuân Anh, Trần Văn Công... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 39 tr. : minh họa ; 26 cm. - 32000đ. - 3000b s624533

962. Hướng dẫn kỹ năng sử dụng mạng an toàn lớp 4 / Trần Thành Nam (ch.b.), Nguyễn Xuân Anh, Trần Văn Công... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 35 tr. : minh họa ; 26 cm. - 32000đ. - 3000b s624534

963. Hướng dẫn kỹ năng sử dụng mạng an toàn lớp 5 / Trần Thành Nam (ch.b.), Nguyễn Xuân Anh, Trần Văn Công... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 35 tr. : minh họa ; 26 cm. - 32000đ. - 3000b s624535

964. Hướng dẫn phát triển Chương trình giáo dục nhà trường trong các cơ sở giáo dục mầm non : Tài liệu hướng dẫn thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non : Dành cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non / Nguyễn Bá Minh (ch.b.), Trần Thị Ngọc Trâm, Nguyễn Thị Cẩm Bích... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 84 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 52000đ. - 1500b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Thư mục: tr. 83 s624679

965. Hướng dẫn phòng chống xâm hại tình dục trẻ em : Dành cho học sinh tiểu học / Vũ Thu Hương, Vũ Thị Lan Anh. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 18000đ. - 3000b s624553

966. Hướng dẫn sử dụng bài hát, thơ, truyện trong các cơ sở giáo dục mầm non : Tài liệu hướng dẫn thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non : Dành cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non / Nguyễn Bá Minh (ch.b.), Nguyễn Thị Hiếu, Nguyễn Thị Cẩm Bích... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 96 tr. : bảng ; 27 cm. - 60000đ. - 1500b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Thư mục: tr. 92-93 s624677

967. Hướng dẫn thiết kế bài giảng STEM/STEAM cho lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi / Chu Thị Hồng Nhung, Đinh Bích Hà, Trương Thị Vượng... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 75 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 35000đ. - 4000b s624709

968. Hướng dẫn thiết kế bài giảng STEM/STEAM cho lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi / Chu Thị Hồng Nhung, Đinh Bích Hà, Trương Thị Vượng... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 83 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 35000đ. - 5000b s624710

969. Hướng dẫn thiết kế bài giảng STEM/STEAM cho lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi / Chu Thị Hồng Nhung, Đinh Bích Hà, Trương Thị Vượng... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 87 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 35000đ. - 4000b s624711

970. Hướng dẫn tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo : Dành cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non / Cao Thị Hồng Nhung, Vũ Thị Huyền Trang, Nguyễn Thị Thu Hà... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 95 tr. : minh họa ; 27 cm. - 68000đ. - 1500b

Phụ lục: tr. 41-94. - Thư mục: tr. 95 s624687

971. Hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non : Mẫu giáo lớn (5 - 6 tuổi) : Theo Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nội dung

của Chương trình Giáo dục mầm non / Lê Thu Hương, Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thị Ánh Tuyết (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 16. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 230 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 60000đ. - 3000b s624682

972. Hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non : Nhà trẻ (3 - 36 tháng tuổi) : Theo Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non / Lê Thu Hương, Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thị Ánh Tuyết (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 16. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 219 tr. : minh họa ; 27 cm. - 60000đ. - 2000b s624681

973. I-Learn smart Maths grade 2 : Student's book / Ed.: Phuong Lam Giang, Tran Ngoc Thuong. - H. : News Agency. - 28 cm. - (New curriculum). - 3000b copies  
Part 1. - 2019. - 169 p. : ill. s625201

974. I-Learn smart Maths grade 2 : Student's book : English - Vietnamese / Ed.: Ton Nu Quynh Chi. - Hue : Hue University. - 28 cm. - (New curriculum). - 187000đ. - 3000 copies  
Part 2. - 2023. - 117 p. : ill. s625202

975. I-Learn smart Maths grade 3 : Workbook / Ed.: Phuong Lam Giang, Tran Ngoc Thuong. - H. : News Agency. - 28 cm. - (New curriculum). - 3000 copies  
Part 2. - 2019. - 160 tr. : ill. s625198

976. I-Learn smart Maths grade 4 : Workbook : English - Vietnamese / Ed.: Phuong Lam Giang, Tran Ngoc Thuong. - H. : News Agency. - 28 cm. - (New curriculum). - 3000 copies  
Part 1. - 2025. - 148 p. : ill. s625199

977. I-Learn smart Maths grade 4 : Student's book : English - Vietnamese / Ed.: Le Nguyen Phuong. - Hue : Hue University. - 28 cm. - (New curriculum). - 156000đ. - 3000 copies  
Part 2. - 2024. - 173 p. : ill. s625203

978. I-Learn smart Maths grade 5 : Student's book / Ed.: Phuong Lam Giang, Tran Ngoc Thuong. - H. : News Agency. - 28 cm. - (New curriculum). - 3000 copies  
Part 2. - 2025. - 181 p. : ill. s625204

979. Kiểm tra và đánh giá năng lực Toán 1 - Học kì 1 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018... / Trần Diên Hiền. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 67 tr. : minh họa ; 27 cm. - 36000đ. - 3000b s624028

980. Kiểm tra và đánh giá năng lực Toán 1 - Học kì 2 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018... / Trần Diên Hiền. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 67 tr. : minh họa ; 27 cm. - 36000đ. - 3000b s624029

981. Kiểm tra và đánh giá năng lực Toán 5 - Học kì 1 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018... / Trần Diên Hiền. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 67 tr. : minh họa ; 27 cm. - 36000đ. - 3000b s624030

982. Kiểm tra và đánh giá năng lực Toán 5 - Học kì 2 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018... / Trần Diên Hiền. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 67 tr. : minh họa ; 27 cm. - 36000đ. - 2000b s624031

983. Kỹ yếu 20 năm xây dựng và phát triển Viện Đào tạo sau đại học / Vũ Huy Từ, Phạm Thanh Bình, Phạm Văn Đăng... - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 218 tr. : bảng ; 27 cm. - 200b  
Đầu bìa sách ghi: Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội. - Thư mục và phụ lục trong chính văn s624062

984. Kỹ yếu Hội thảo quốc gia "Vai trò của trường đại học trong tư vấn tuyển sinh, định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông" / Bùi Sỹ Vương, Tô Vĩnh Bảo, Nguyễn Anh Kha... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 431 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - 11b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học Thủ Dầu Một. -  
Thư mục cuối mỗi bài s623949

985. Kỹ năng toàn diện dành cho học sinh tiểu học - Ở trường / Einstein Books b.s. - Tái  
bản lần thứ 1. - H. : Dân trí, 2026. - 123 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - 79000đ. - 1000b s625314

986. Làm quen Tiếng Anh : Dành cho lứa tuổi mẫu giáo / Nguyễn Thị Ngọc An, Lê Hồng  
Thái, Nguyễn Phạm Hoàng Ánh, Phạm Thị Ngọc Tuyền. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục  
Việt Nam. - 21x28 cm. - 78000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 84 tr. : tranh màu s624562

987. Làm quen với chữ cái và tăng cường Tiếng Việt : Trẻ 4 - 5 tuổi vùng dân tộc thiểu  
số / Hoàng Thị Hoài Thu, Đào Thị Yên ; Minh họa: Đặng Hồng Quân, Trần Ngọc Ánh. - Tái  
bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 42 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 12000đ. - 5000b  
s624471

988. Lập kế hoạch và thiết kế các hoạt động giáo dục trong trường mầm non : Mẫu giáo 5  
- 6 tuổi / Đặng Thị Lê Na, Đào Thị Điềm, Phạm Thị Hiền, Phan Vũ Quỳnh Nga. - Tái bản lần  
thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 315 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 78000đ. - 1500b  
s624683

989. Lật mở khám phá - So sánh = Lift the flap : Dành cho trẻ em từ 0 - 6 tuổi / You You  
Tong ; Lưu Vân dịch. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Tủ sách Tương tác).  
- 168000đ. - 1000b s623813

990. Learn with Ollie 1: Pre-primary : Student's book / Rebecca Williams Salvador ; Ed.:  
Le Nguyen Phuong. - Hue : Hue University, 2025. - 96 p. : fig., phot. ; 23x30 cm. - (Richmond).  
- 3000 copies s625054

991. Learn with Ollie 2: Pre-primary : Activity book / Rebecca Williams Salvador ; Ed.:  
Ton Nu Quynh Chi. - Hue : Hue University, 2025. - 56 p. : fig., phot. ; 23x30 cm. - (Richmond).  
- 3000 copies s625053

992. Learn with Ollie 2: Pre-primary : Student's book / Rebecca Williams Salvador ; Ed.:  
Le Nguyen Phuong. - Hue : Hue University, 2025. - 96 p. : fig., phot. ; 23x30 cm. - (Richmond).  
- 3000 copies s625055

993. Lê Đắc Sơn. Cách mạng hay mãi tụt lùi phía sau? : Hiệu triệu cải cách giáo dục Đại  
học Việt Nam / Lê Đắc Sơn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 191 tr. : ảnh ; 24 cm. - 298000đ.  
- 3000b

Phụ lục cuối chính văn s625411

994. Lê Thị Thanh Huệ. Giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ mẫu giáo vùng dân tộc thiểu  
số khu vực miền núi phía Bắc : Chuyên khảo / Lê Thị Thanh Huệ (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh  
Huyền. - Thái Nguyên : Đại học Thái Nguyên, 2025. - 243 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 580b

Thư mục: tr. 157-171. - Phụ lục: tr. 172-243 s624246

995. Luyện đọc lớp 1 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Lê Phương Nga  
(ch.b.), Trần Thị Quỳnh Nga. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 71 tr. : tranh  
vẽ ; 27 cm. - 30000đ. - 3000b s624956

996. Luyện tập làm văn lớp 3 / Phạm Thị Hồng (ch.b.), Vũ Huy Kiếm, Dương Thị Hương.  
- Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 96 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri  
thức với cuộc sống). - 39000đ. - 3000b s624969

997. Luyện tập phát triển năng lực Tiếng Việt 1 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông  
2018 / Nguyễn Phương, Mạc Đăng Khôi. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. -  
29800đ. - 6000b

- T.1. - 2025. - 56 tr. : minh họa s626402
998. Luyện tập phát triển năng lực Tiếng Việt 1 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Phương, Mạc Đăng Khôi. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 29800đ. - 6000b
- T.2. - 2025. - 52 tr. : minh họa s626403
999. Luyện tập phát triển năng lực Toán 2 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Việt An, Đào Hồng Hạnh. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 29800đ. - 2000b
- T.1. - 2025. - 60 tr. : hình vẽ, bảng s626435
1000. Luyện tập phát triển năng lực Toán 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Việt An, Nguyễn Hải. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 29800đ. - 5000b
- T.1. - 2025. - 60 tr. : hình vẽ, bảng s626436
1001. Luyện tập phát triển năng lực Toán 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Việt An, Nguyễn Hải. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 29800đ. - 4000b
- T.2. - 2025. - 60 tr. : hình vẽ, bảng s626437
1002. Luyện tập Tin học 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Minh Thiên Hoàng (ch.b.), Đỗ Minh Hoàng Đức, Lê Tấn Hồng Hải... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 50000đ. - 7050b
- T.1. - 2025. - 64 tr. : minh họa s624576
1003. Luyện tập Tin học 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Minh Thiên Hoàng (ch.b.), Đỗ Minh Hoàng Đức, Lê Tấn Hồng Hải... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 50000đ. - 7050b
- T.2. - 2025. - 52 tr. : minh họa s624577
1004. Luyện tập Tin học 4 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Minh Thiên Hoàng (ch.b.), Đỗ Minh Hoàng Đức, Lê Tấn Hồng Hải... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 50000đ. - 8050b
- T.1. - 2025. - 68 tr. : minh họa s624578
1005. Luyện tập Tin học 4 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Minh Thiên Hoàng (ch.b.), Đỗ Minh Hoàng Đức, Lê Tấn Hồng Hải... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 50000đ. - 8050b
- T.2. - 2025. - 52 tr. : minh họa s624579
1006. Luyện tập Tin học 5 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Minh Thiên Hoàng (ch.b.), Đỗ Minh Hoàng Đức, Lê Tấn Hồng Hải... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 50000đ. - 8050b
- T.1. - 2025. - 48 tr. : minh họa s624580
1007. Luyện tập Tin học 5 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Minh Thiên Hoàng (ch.b.), Đỗ Minh Hoàng Đức, Lê Tấn Hồng Hải... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 50000đ. - 8050b
- T.2. - 2025. - 40 tr. : minh họa s624581
1008. Luyện tập Toán 1 : Phát triển năng lực cho học sinh : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Việt An, Nguyễn Hải. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 29800đ. - 5000b
- T.1. - 2025. - 56 tr. : hình vẽ, bảng s626433
1009. Luyện tập Toán 1 : Phát triển năng lực cho học sinh : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Việt An, Nguyễn Hải. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 29800đ. - 4000b
- T.2. - 2025. - 56 tr. : hình vẽ, bảng s626434

1010. Luyện tập Toán 3 / Khúc Thành Chính (ch.b.), Đinh Thị Xuân Dung, Đậu Thị Huế, Đinh Thị Kim Lan. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Bộ sách Chân trời sáng tạo). - 22000đ. - 500b

T.1. - 2025. - 40 tr. : hình vẽ, bảng s624903

1011. Luyện tập Toán 3 / Khúc Thành Chính (ch.b.), Đinh Thị Xuân Dung, Đậu Thị Huế, Đinh Thị Kim Lan. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Bộ sách Chân trời sáng tạo). - 22000đ. - 500b

T.2. - 2025. - 40 tr. : hình vẽ, bảng s624904

1012. Luyện từ và câu lớp 3 / Trần Kim Phượng (ch.b.), Phạm Thị Việt Nhân, Vũ Thanh Trà. - Tái bản lần thứ 2, có chỉnh lí. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 84 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 35000đ. - 1000b s624976

1013. Luyện từ và câu lớp 4 / Trần Kim Phượng (ch.b.), Nguyễn Thị Mai, Vũ Thanh Trà. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 1000b s624977

1014. Luyện viết chữ đẹp từ vựng Tiếng Anh : Theo Chương trình Sách giáo khoa 1. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 28 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - (Global success). - 25000đ. - 1500b s626467

1015. Luyện viết chữ đẹp từ vựng Tiếng Anh : Theo Chương trình Sách giáo khoa 2. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 28 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - (Global success). - 25000đ. - 2800b s626468

1016. Luyện viết chữ hoa : Theo mẫu chữ được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành / Phạm Mai. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 15000đ. - 2100b

Q.1. - 2025. - 47 tr. s624497

1017. Luyện viết chữ từ vựng Tiếng Anh : Theo Chương trình Sách giáo khoa 1. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 28 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - (Global success). - 25000đ. - 3800b s626466

1018. Luyện viết chữ từ vựng Tiếng Anh : Theo Chương trình Sách giáo khoa 2. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 51 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - (Global success). - 35000đ. - 2000b s626470

1019. Luyện viết chữ từ vựng Tiếng Anh : Theo Chương trình Sách giáo khoa 2. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 28 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - (Global success). - 25000đ. - 6000b s626469

1020. Luyện viết chữ từ vựng Tiếng Anh : Theo Chương trình Sách giáo khoa 4. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 55 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - (Global success). - 35000đ. - 2800b s626471

1021. Luyện viết trọn bộ : Nét cơ bản - Chữ cái - Chữ ghép - Chữ số / Hương Giang, Trung Anh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 96 tr. ; 27 cm. - (Hành trang vào Lớp 1). - 60000đ. - 20000b s626417

1022. Lý Tĩnh. Giáo dục Montessori tại nhà : Chơi cùng con đến tuổi mẫu giáo / Lý Tĩnh ; Nguyễn Thu Anh (Cherry) dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 167 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 70000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Trung: 陪孩子玩到入园:蒙台梭利早教游戏训练 s625897

1023. Mai Sỹ Tuấn. Hướng dẫn dạy học môn Khoa học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Mai Sỹ Tuấn (ch.b.), Bùi Phương Nga, Lương Việt Thái. - H. : Dân trí, 2025. - 151 tr. : minh họa ; 24 cm. - 65000đ. - 500b  
Thư mục: tr. 151 s625269
1024. Major Math - Grade 1 / Lê Quý Mai Huyền (ch.b.), Huỳnh Thị Vân Anh, Phạm Khánh Minh. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 84 p. : ill. ; 30 cm. - 92000đ. - 5030 copies s625155
1025. Major Math 2 / Lê Quý Mai Huyền (ch.b.), Huỳnh Thị Vân Anh, Trọng Đạt. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 p. : ill. ; 30 cm. - 92000đ. - 5030 copies s625156
1026. Major Math 3 / Lê Quý Mai Huyền, Huỳnh Thị Vân Anh, Lê Bá Cường. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 64 p. : ill. ; 30 cm. - 92000đ. - 5030 copies s625157
1027. Major Science - Grade 1 / Lê Quý Mai Huyền (ch.b.), Huỳnh Thị Vân Anh, Phạm Khánh Minh. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 84 p. : ill. ; 30 cm. - 92000đ. - 5030 copies s625152
1028. Major Science 2 / Lê Quý Mai Huyền (ch.b.), Huỳnh Thị Vân Anh, Đỗ Quốc Khánh. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 p. : ill. ; 30 cm. - 92000đ. - 5030 copies s625153
1029. Major Science 3 / Lê Quý Mai Huyền (ch.b.), Huỳnh Thị Vân Anh, Lê Bá Cường. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 60 p. : ill. ; 30 cm. - 92000đ. - 5030 copies s625154
1030. Major stars 1 / Lê Quý Mai Huyền (ch.b.), Huỳnh Thị Vân Anh, Nguyễn Thị Ngọc Bích. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 84 p. : ill. ; 30 cm. - 89000đ. - 5030 copies s625149
1031. Major stars 2 / Lê Quý Mai Huyền (ch.b.), Huỳnh Thị Vân Anh, Nguyễn Thị Ngọc Bích. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 84 p. : ill. ; 30 cm. - 89000đ. - 5030 copies s625150
1032. Major stars 3 / Lê Quý Mai Huyền (ch.b.), Huỳnh Thị Vân Anh, Nguyễn Thị Ngọc Bích. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 99 p. : ill. ; 30 cm. - 89000đ. - 5030 copies s625151
1033. Math in my world 1 / Huỳnh Thị Kim Trang (ch.b.), Lê Nga, Chu Ánh Vân. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 64 p. : ill. ; 28 cm. - 40000đ. - 18040 copies s625177
1034. Mĩ thuật 1 / Nguyễn Xuân Tiên (tổng ch.b.), Hoàng Minh Phúc (ch.b.), Nguyễn Thị Hiền... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 67 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 9000đ. - 356000b s624757
1035. Mĩ thuật 3 / Nguyễn Xuân Nghị (tổng ch.b.), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 64 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 8000đ. - 160003b s624759
1036. Mĩ thuật 4 / Đinh Gia Lê (tổng ch.b.), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 63 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 8000đ. - 147173b s624760

1037. Mĩ thuật 5 / Nguyễn Thị Nhung (tổng ch.b.), Nguyễn Tuấn Cường (ch.b.), Lương Thanh Khiết... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo; Bản 1). - 9800đ. - 387000b s624758
1038. Mĩ thuật STEAM lớp 1 / Phạm Duy Anh, Vương Quốc Chính, Trịnh Trà My... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - 33000đ. - 5000b s624703
1039. Mĩ thuật STEAM lớp 2 / Phạm Duy Anh, Vương Quốc Chính, Trịnh Trà My... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - 33000đ. - 5000b s624704
1040. Mĩ thuật STEAM lớp 3 / Phạm Duy Anh, Trịnh Trà My, Nguyễn Thị Minh Thúy... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - 33000đ. - 5000b s624705
1041. Mĩ thuật STEAM lớp 4 / Phạm Duy Anh, Trịnh Trà My, Nguyễn Thị Minh Thúy... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - 33000đ. - 5000b s624706
1042. Mĩ thuật STEAM lớp 5 / Phạm Duy Anh, Trịnh Trà My, Nguyễn Thị Minh Thúy... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - 33000đ. - 5000b s624707
1043. Move up 1 / Hồng Thái, Kim Hoàng, Bảo Ngọc, Hồng Viên. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 p. : ill. ; 28 cm. - 50000đ. - 164040 copies s625180
1044. Move up 4 / Nguyễn Minh Thiên Hoàng (ch.b.), Hồng Thái, Bảo Ngọc... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 96 p. : ill. ; 28 cm. - 60000đ. - 20040 copies s625181
1045. Move up 5 / Thiên Hoàng, Hồng Thái, Kim Hoàng... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 96 p. : ill. ; 28 cm. - 60000đ. - 20040 copies s625182
1046. My little fun : Class book : Dành cho trẻ mẫu giáo / Nguyễn Thị Kim Phượng (ch.b.), Nguyễn Thu Hiền, Trần Thị Hiếu Thủy. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 21x29 cm. - 45000đ. - 5000 copies  
Book 1. - 2025. - 69 p. : pic. s625048
1047. My little fun : Class book : Dành cho trẻ mẫu giáo / Nguyễn Thu Hiền (ch.b.), Nguyễn Thị Kim Phượng, Trần Thị Hiếu Thủy. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 21x29 cm. - 45000đ. - 7000 copies  
Book 2. - 2025. - 69 p. : pic. s625049
1048. My little fun : Activity book : Dành cho trẻ mẫu giáo / Trần Thị Hiếu Thủy (ch.b.), Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Thị Kim Phượng. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 21x29 cm. - 22000đ. - 4000 copies  
Book 3. - 2025. - 24 p. : pic. s625052
1049. 50 năm - Kiến tạo giá trị, bồi đắp tương lai / Thái Văn Thành, Nguyễn Văn Lư, Cao Thanh Bảo... - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 264 tr. : ảnh, bảng ; 26 cm. - 1000b  
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo Nghệ An. Trường Trung học phổ thông Hà Huy Tập.  
- Phụ lục: tr. 218-257 s626533
1050. 508 câu hỏi rèn luyện tư duy cho trẻ tiền tiểu học : Học mà chơi, chơi mà học : Dành cho trẻ từ 4 - 5 tuổi / Hâm Âm, Lộ Lâm ; Diệu Thúy dịch. - H. : Tri thức. - 29 cm. - 88000đ. - 5000b  
T.2. - 2025. - 84 tr. : tranh màu s623956
1051. 508 câu hỏi rèn luyện tư duy cho trẻ tiền tiểu học : Học mà chơi, chơi mà học : Dành cho trẻ từ 5 - 6 tuổi / Hâm Âm, Lộ Lâm ; Diệu Thúy dịch. - H. : Tri thức. - 29 cm. - 88000đ. - 5000b  
T.2. - 2025. - 84 tr. : tranh màu s623957

1052. Nâng cao năng lực, phẩm chất người thầy, người giáo viên chủ nhiệm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục / Đặng Quốc Bảo, Đinh Thị Kim Thoa (ch.b.), Nguyễn Sỹ Thu... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 407 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 275000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 399 s626375

1053. Ngôi sao Toán học : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Phạm Hoàng Quân, Trần Ngọc Lân. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 64 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 69000đ. - 3030b s624900

1054. Ngôi sao Toán học : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Phạm Hoàng Quân, Trần Ngọc Lân. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 64 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 69000đ. - 4030b s624901

1055. Ngôi sao Toán học : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Phạm Hoàng Quân, Trần Ngọc Lân. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 64 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 69000đ. - 4030b s624902

1056. Nguyễn Đăng An Long. Đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non / Nguyễn Đăng An Long (ch.b.), Nguyễn Thị Muối Em, Lê Văn Chín. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 104 tr. : bảng ; 24 cm. - 80000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 85-101. - Thư mục: tr. 102-103 s624551

1057. Nguyễn Đức Giang. Dạy học tích cực và phát triển năng lực tự học cho người học trong nhà trường: Những vấn đề lý luận và thực tiễn / Nguyễn Đức Giang, Nguyễn Thị Thắng, Nguyễn Xuân Long. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 189 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - (Tủ sách Khoa học). - 83000đ. - 150b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Ngoại ngữ. - Thư mục: tr. 185-189 s626358

1058. Nguyễn Thị Bắc Thái. Bí kíp sinh tồn cho trẻ - Bí kíp phòng tránh bắt nạt và bạo lực học đường / Lời: Nguyễn Thị Bắc Thái ; Minh họa: Hoàng Thùy. - H. : Văn học, 2025. - 63 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 50000đ. - 5000b s623642

1059. Nguyễn Thị Nga. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục mầm non / Nguyễn Thị Nga, Chu Thị Hồng Nhung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Tủ sách Bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non). - 28000đ. - 20000b

Thư mục: tr. 70 s624686

1060. Nguyễn Thị Thu Hà. Chăm sóc - Nuôi dưỡng - Giáo dục thể chất cho trẻ mầm non theo hướng tiếp cận toàn diện / Nguyễn Thị Thu Hà, Bùi Thị Nhung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 71 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Tủ sách Bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non). - 28000đ. - 20000b s624685

1061. Nguyễn Thị Thu Hương. Sổ theo dõi chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục nhà trẻ / Nguyễn Thị Thu Hương. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 39 tr. : bảng ; 30 cm. - 23000đ. - 1500b s624014

1062. Nguyễn Thị Thu Hương. Sổ theo dõi trẻ điểm danh / Nguyễn Thị Thu Hương. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 36 tr. : bảng ; 30 cm. - 18000đ. - 1500b s624051

1063. Nguyễn Văn Lượng. Ứng dụng AI ChatGPT trong giảng dạy và học tập / Nguyễn Văn Lượng. - Tái bản, cập nhật, bổ sung. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 251 tr. ; 21 cm. - 145000đ. - 3000b s626288

1064. Nguyễn Văn Phán. Một số vấn đề về đổi mới phương pháp dạy học ở phổ thông và đại học / Nguyễn Văn Phán, Nguyễn Thị Hương. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 128 tr. ; 24 cm. - 55000đ. - 540b

Thư mục: tr. 126-127 s624303

1065. Những bài làm văn mẫu hay nhất lớp 5 : Theo Chương trình SGK Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyên, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 112 tr. : minh họa ; 27 cm. - 50000đ. - 10000b s626412

1066. Ôn hè Toán 1 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 : Dành cho học sinh lớp 1 lên lớp 2 / Trần Diên Hiền. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 64 tr. : minh họa ; 27 cm. - 36000đ. - 3000b s624033

1067. Ôn hè Toán 5 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 : Dành cho học sinh lớp 5 lên lớp 6 / Trần Diên Hiền. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 67 tr. : minh họa ; 27 cm. - 36000đ. - 3000b s624034

1068. Ôn luyện và đánh giá năng lực Toán 1 : Dùng cho học tập 2 buổi/ngày / Trần Diên Hiền. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 26 cm. - (Vi sự bình đẳng và dân chủ trong giáo dục). - 28000đ. - 2500b

T.1. - 2025. - 56 tr. : hình vẽ s624454

1069. Ôn luyện và đánh giá năng lực Toán 1 : Dùng cho học tập 2 buổi/ngày / Trần Diên Hiền. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 26 cm. - (Vi sự bình đẳng và dân chủ trong giáo dục). - 28000đ. - 3000b

T.2. - 2025. - 55 tr. : hình vẽ s624455

1070. Ôn tập hè môn Tiếng Việt lớp 5 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Thị Bích, Trịnh Cam Ly, Lê Hồng Mai... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 80 tr. : minh họa ; 27 cm. - 41000đ. - 2200b s624961

1071. Ôn tập hè môn Toán lớp 5 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Huỳnh Thị Kim Trang, Trần Thị Như Quỳnh, Chu Ánh Vân. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 84 tr. : minh họa ; 27 cm. - 41000đ. - 2200b s624911

1072. Ôn tập, đánh giá định kì môn Tiếng Việt lớp 1 / Trịnh Cam Ly, Trần Thị Quỳnh Nga, Nguyễn Minh Thanh Nhân. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Bộ sách Chân trời sáng tạo). - 40000đ. - 2500b s624970

1073. Ôn tập, đánh giá định kì môn Tiếng Việt lớp 2 / Trịnh Cam Ly, Bảo Hân, Phan Như Hà, Mai Hương. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Bộ sách Chân trời sáng tạo). - 40000đ. - 1500b s624971

1074. Ôn tập, đánh giá định kì môn Tiếng Việt lớp 4 / Nguyễn Thị Bích, Trịnh Cam Ly, Bảo Hân, Mai Hương. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Bộ sách Chân trời sáng tạo). - 28000đ. - 1500b

T.2. - 2025. - 60 tr. : tranh vẽ, bảng s624972

1075. Ôn tập, đánh giá định kì môn Tiếng Việt lớp 5 / Đinh Thị Xuân Dung, Đinh Thị Kim Lan. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Bộ sách Chân trời sáng tạo). - 35000đ. - 3000b

T.2. - 2025. - 80 tr. : minh họa s624898

1076. Ôn tập, đánh giá định kì môn Toán lớp 4 / Đinh Thị Xuân Dung, Đinh Thị Kim Lan. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Bộ sách Chân trời sáng tạo). - 28000đ. - 1500b

T.2. - 2025. - 60 tr. : minh họa s624897

1077. Paul, Richard. Tư duy phản biện : Học cách dùng công cụ tư duy của người xuất chúng / Richard Paul, Linda Elder ; Dịch: Đinh Hồng Phúc, Lê Thị Thanh Loan. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 479 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 240000đ. - 1500b  
Phụ lục: tr. 376-424. - Thư mục: tr. 473-477 s625953

1078. Phạm Diệu Linh. Danh bạ học sinh / Phạm Diệu Linh, Nguyễn Thị Huệ. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 103 tr. : bảng ; 21x30 cm. - 18700đ. - 2000b s623911

1079. Phát triển IQ cho bé - Bé làm quen Toán : Dành cho bé 5 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 30000b  
T.1. - 2026. - 16 tr. : tranh vẽ s626203

1080. Phát triển IQ cho bé - Bé làm quen Toán : Dành cho bé 5 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 30000b  
T.2. - 2026. - 16 tr. : hình vẽ s626192

1081. Phát triển IQ cho bé - Bé tập so sánh : Dành cho bé 5 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 30000b s626202

1082. Phát triển IQ cho bé - Bé tập tô nét cơ bản : Dành cho bé 5 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 30000b s626200

1083. Phát triển IQ cho bé - Các loại gia cầm : Phiên bản song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 3 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 10000b s626194

1084. Phát triển IQ cho bé - Tập tô chữ : Dành cho bé 5 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 30000b  
T.1. - 2025. - 16 tr. : hình vẽ s626201

1085. Phát triển IQ cho bé - Tập tô chữ : Dành cho bé 5 - 6 tuổi / Nguyễn Chí Phúc b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 30000b  
Tên tác giả ngoài bìa ghi: Thùy Trang  
T.2. - 2026. - 16 tr. : hình vẽ s626199

1086. Phát triển IQ cho bé - Tìm quy luật : Dành cho bé 5 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 30000b s626193

1087. Phát triển IQ cho bé - Tư duy logic : Dành cho bé 5 - 6 tuổi / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 30000b s626198

1088. Phát triển và đánh giá năng lực Tiếng Việt 5 / Nguyễn Thị Hạnh (ch.b.), Nguyễn Hà Thanh, Ngô Hiền Tuyên. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 35000đ. - 2000b  
T.1. - 2025. - 71 tr. : bảng, tranh vẽ s624957

1089. Phát triển và đánh giá năng lực Tiếng Việt 5 / Nguyễn Thị Hạnh (ch.b.), Nguyễn Hà Thanh, Ngô Hiền Tuyên. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 35000đ. - 2000b  
T.2. - 2025. - 68 tr. : bảng, tranh vẽ s624958

1090. Phiếu bài tập củng cố Tiếng Việt 2 theo tuần : Sách dùng ôn luyện cho các bộ sách giáo khoa mới... / Mai Thanh Hằng. - H. : Văn học, 2025. - 135 tr. : tranh vẽ ; 30 cm. - 79000đ. - 2300b s623928

1091. Phiếu bài tập củng cố Toán theo tuần 4 / Vũ Thị Thúy Hương. - H. : Hồng Đức, 2025. - 103 tr. : minh họa ; 30 cm. - 75000đ. - 2300b s626508

1092. Phiếu bài tập cuối tuần môn Tiếng Anh lớp 3 : Ôn luyện kiến thức, kỹ năng đã học theo tuần lễ. Tự kiểm tra đánh giá sau mỗi học kì. Dùng cho buổi học thứ hai, lớp 2 buổi / ngày / Đỗ Thị Ngọc Hiền (ch.b.), Lê Thị Huyền, Trương Thị Ngọc Minh. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 tr. : minh họa ; 30 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 39000đ. - 2000b s624658

1093. Phiếu bài tập cuối tuần môn Tiếng Việt lớp 3 : Ôn luyện kiến thức, kỹ năng đã học theo tuần lễ... / Hoàng Thị Minh Hương (ch.b.), Nguyễn Hiền Trang, Nguyễn Thu Trang. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 tr. : minh họa ; 30 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 39000đ. - 10000b s624968

1094. Phiếu bài tập cuối tuần môn Toán lớp 3 : Ôn luyện kiến thức, kỹ năng đã học theo tuần lễ... / Lê Anh Vinh (ch.b.), Vũ Văn Dương, Vũ Thị Thanh Hương... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 39000đ. - 10000b s623998

1095. Phiếu bài tập cuối tuần Tiếng Anh 2 : 35 tuần học. Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới Bộ Giáo dục và Đào tạo... / Thùy Dương. - H. : Dân trí, 2025. - 92 tr. : hình vẽ ; 30 cm. - 69000đ. - 4000b s626536

1096. Phiếu bài tập cuối tuần Tiếng Việt 1 : 35 tuần học. Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới Bộ Giáo dục và Đào tạo / Trần Thị Hương. - H. : Văn học, 2025. - 88 tr. : hình vẽ, ảnh ; 30 cm. - 68000đ. - 3500b s623865

1097. Phiếu bài tập cuối tuần Tiếng Việt 2 : 35 tuần học. Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới Bộ Giáo dục và Đào tạo / Trần Thị Hương. - H. : Văn học, 2025. - 100 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - 79000đ. - 3800b s623866

1098. Phiếu bài tập cuối tuần Tiếng Việt 3 : 35 tuần học. Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới Bộ Giáo dục và Đào tạo / Trần Thị Hương. - H. : Văn học, 2025. - 100 tr. : minh họa ; 30 cm. - 75000đ. - 3000b s623867

1099. Phiếu bài tập thực hành môn Tiếng Việt lớp 1 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Trần Thị Mai (ch.b.), Trần Hải Toàn, Nguyễn Thị Thủy ; Minh họa: Phạm Kiên Cường. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 26 cm. - 40000đ. - 3000b T.2. - 2025. - 88 tr. : hình vẽ, bảng s624522

1100. Phiếu bài tập thực hành môn Tiếng Việt lớp 2 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Trần Thị Mai (ch.b.), Trần Hải Toàn, Nguyễn Thị Thủy ; Minh họa: Phạm Kiên Cường. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 26 cm. - 40000đ. - 3000b T.1. - 2025. - 92 tr. : bảng, tranh vẽ s624523

1101. Phiếu bài tập thực hành môn Tiếng Việt lớp 2 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Trần Thị Mai (ch.b.), Trần Hải Toàn, Nguyễn Thị Thủy ; Minh họa: Phạm Kiên Cường. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 26 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 40000đ. - 3000b T.2. - 2025. - 88 tr. : bảng, tranh vẽ s624524

1102. Phiếu bài tập thực hành môn Toán lớp 2 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Hoàng Mai Lê (ch.b.), Trần Ngọc Bích, Lê Thu Huyền, Trần Thị Thu. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 26 cm. - 40000đ. - 3000b T.2. - 2025. - 88 tr. : minh họa s624456

1103. Phiếu bài tập thực hành môn Toán lớp 4 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Hoàng Mai Lê (ch.b.), Trần Ngọc Bích, Lê Thu Huyền, Trần Thị Thu. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 26 cm. - 40000đ. - 3000b T.2. - 2025. - 88 tr. : minh họa s625845

1104. Phiếu luyện Toán tư duy cùng gấu Kiki : Bộ phiếu học tập sẵn sàng cho bé vào lớp 1 / Trần Thị Hương. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 27 cm. - (Bộ sách Giúp con thích học Toán). - 35000đ. - 3000b

T.3: Xác định vị trí. Các dạng toán quy luật. - 2025. - 44 tr. : hình vẽ s626475

1105. Phiếu ôn hè Tiếng Anh lớp 1 : Hành trang vững kiến thức lên lớp 2 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Hà Thị Thùy Dương. - H. : Tri thức, 2025. - 76 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - 59000đ. - 2800b s626386

1106. Phiếu ôn hè Tiếng Anh lớp 2 : Hành trang vững kiến thức lên lớp 3 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Hà Thị Thùy Dương. - H. : Tri thức, 2025. - 76 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - 59000đ. - 2800b s626387

1107. Phiếu ôn tập cuối tuần Tiếng Việt lớp 1 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Thanh Thủy, Trịnh Thu Giang. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 74 tr. : minh họa ; 27 cm. - 40000đ. - 3000b s624046

1108. Phiếu tự đánh giá cuối tuần và kiểm tra định kỳ môn Tiếng Việt 5 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Trần Thị Mai (ch.b.), Trần Hải Toàn, Nguyễn Thị Thủy, Nguyễn Huyền Trang. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 80 tr. : bảng ; 26 cm. - 48000đ. - 3000b s624525

1109. Pre-A1 starters for grade 4 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Phan Hà. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 28 cm. - 55000đ. - 3000 copies

T.1. - 2025. - 100 p. : ill. s625178

1110. Pre-A1 starters for grade 4 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Phan Hà. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 28 cm. - 55000đ. - 3000 copies

T.2. - 2025. - 116 p. : ill. s625179

1111. Preschool English : Give your child the gift of English joy!. - H. : Tri thức, 2025. - 206 p. : ill. ; 20x28 cm. - (40 - Book collection)(Ecokid book). - 350000đ. - 3000 copies s625066

1112. Proceedings of the 4th international conference on innovation in learning instruction and teacher education - ILITE 4 : Education 4.0 and artificial intelligence: Paving the way for future learning = Kỹ yếu hội thảo khoa học quốc tế lần thứ tư: Đổi mới sáng tạo trong dạy học và đào tạo giáo viên - Chủ đề: Giáo dục 4.0 và trí tuệ nhân tạo: Định hình tương lai của sự học / Ngo Thi Hoang Van, Lin Jr Hung, Nguyen Van Hien... - H. : University of Education, 2025. - 647 p. : ill. ; 27 cm. - 20 copies

At head of title: Đại học Sư phạm Hà Nội... - Bibliogr. at the end of the paper s625193

1113. Quỳnh Lê. Tết là nhất : 100 từ vựng đầu đời / Quỳnh Lê ; Minh họa: Thùy Cốm. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 129000đ. - 1000b s626158

1114. Rèn kỹ năng giải Toán lớp 2 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Trần Thị Kim Cương, Đặng Phương Hoa, Phạm Thị Yến. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 88000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 179 tr. : minh họa s626449

1115. Rèn kỹ năng giải Toán lớp 2 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Trần Thị Kim Cương, Đặng Phương Hoa, Phạm Thị Yến. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 88000đ. - 3000b

T.2. - 2025. - 195 tr. : minh họa s623912

1116. Rèn kĩ năng luyện đọc Tiếng Việt 1 : Luyện đọc âm, vần, ghép vần... / Hồng Vân, Linh Hương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 87 tr. : minh họa ; 27 cm. - 65000đ. - 2000b s624032

1117. Rèn luyện tư duy tiền tiểu học - Niềm vui nhân đôi : Cao thủ hình học : Cho trẻ 5 - 6 tuổi / Tào Đức Chí ; Lê Quyên dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 44 tr. : hình vẽ ; 29 cm. - 48000đ. - 2000b s626491

1118. Rèn luyện tư duy tiền tiểu học - Niềm vui nhân đôi : Quan sát và ghi nhớ siêu việt : Cho trẻ 5 - 6 tuổi / Tào Đức Chí ; Lê Quyên dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 44 tr. : hình vẽ ; 29 cm. - 48000đ. - 2000b s626492

1119. Rèn luyện tư duy tiền tiểu học - Niềm vui nhân đôi : Thúc đẩy sáng tạo đột phá : Cho trẻ 5 - 6 tuổi / Tào Đức Chí ; Lê Quyên dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 44 tr. : hình vẽ ; 29 cm. - 48000đ. - 2000b s626490

1120. 60 năm truyền thống và khát vọng / Nguyễn Văn Phương, Phùng Nữ Mai Linh, Nguyễn Đình Học... ; B.s.: Đặng Quốc Chi... - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 183 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - 800b

ĐTTS ghi: Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An. Trường THPT Nghi Lộc 2 s626530

1121. Sẵn sàng cho việc học đọc, học viết : Trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Minh Thảo, Nguyễn Thúy Hằng, Trần Thị Thu Trang. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chuẩn bị cho trẻ em 5 tuổi vào học Lớp 1). - 20000đ. - 30000b

Q.2. - 2025. - 35 tr. : tranh màu s624964

1122. Sổ tay Chăm sóc sức khỏe giới tính học đường : Tài liệu dành cho học sinh tuổi vị thành niên, thanh niên / Nguyễn Thị Tuyết Nhung (ch.b.), Nguyễn Việt Dũng, Bùi Ngọc Khanh... - H. : Hồng Đức, 2025. - 85 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 25000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 85 s624173

1123. STEAM series fun with Math 1 / Hoàng Thị Lâm Dung, Trần Thị Lan. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 84 p. : ill. ; 30 cm. - 75000đ. - 5000 copies s625158

1124. STEAM series fun with Math 2 / Hoàng Thị Lâm Dung, Trần Thị Lan. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 88 p. : ill. ; 30 cm. - 75000đ. - 5000 copies s625159

1125. STEAM series fun with Math 3 / Hoàng Thị Lâm Dung, Trần Thị Lan. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 88 p. : ill. ; 30 cm. - 75000đ. - 5000 copies s625160

1126. STEAM series fun with Math 4 / Hoàng Thị Lâm Dung, Trần Thị Lan. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 88 p. : ill. ; 30 cm. - 75000đ. - 5000 copies s625161

1127. STEAM series fun with Math 5 / Hoàng Thị Lâm Dung, Trần Thị Lan. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 88 p. : ill. ; 30 cm. - 75000đ. - 5000 copies s625162

1128. STEAM series fun with Science 1 / Hoàng Thị Lâm Dung, Trần Thị Lan. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 84 p. : ill. ; 30 cm. - 75000đ. - 5000 copies s625163

1129. STEAM series fun with Science 2 / Hoàng Thị Lâm Dung, Trần Thị Lan. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 84 p. : ill. ; 30 cm. - 75000đ. - 5000 copies s625164

1130. STEAM series fun with Science 3 / Hoàng Thị Lâm Dung, Trần Thị Lan. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 84 p. : ill. ; 30 cm. - 75000đ. - 5000 copies s625165

1131. STEAM series fun with Science 4 / Hoàng Thị Lâm Dung, Trần Thị Lan. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 88 p. : ill. ; 30 cm. - 75000đ. - 5000 copies s625166

1132. STEAM series fun with Science 5 / Hoàng Thị Lâm Dung, Trần Thị Lan. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 84 p. : ill. ; 30 cm. - 75000đ. - 5000 copies s625167

1133. Super test - Đề kiểm tra nhanh Tiếng Anh cho học sinh lớp 1 : Đánh giá năng lực đúng, đủ, chuẩn quốc tế / Hoàng Thị Ngọc Tú. - H. : Dân trí, 2025. - 51 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 39000đ. - 1800b s625226

1134. Super test - Đề kiểm tra nhanh Tiếng Anh cho học sinh lớp 2 : Đánh giá năng lực đúng, đủ, chuẩn quốc tế / Hoàng Thị Ngọc Tú. - H. : Dân trí, 2025. - 67 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 39000đ. - 1500b s625227

1135. Sức khỏe tâm thần của giáo viên trung học cơ sở : Sách chuyên khảo / Đỗ Thị Lệ Hằng (ch.b.), Hoàng Nhật, Cao Phương Thao... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 214 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Tâm lý học. - Thư mục: tr. 200-214 s625386

1136. Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Long An - Lớp 5 / Nguyễn Quang Thái, Trần Thị Kim Nhung (tổng ch.b.), Lê Thị Thúy (ch.b.)... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 48 tr. : minh họa ; 27 cm. - 19000đ. - 10050b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Long An. Sở Giáo dục và Đào tạo s624805

1137. Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Thanh Hóa - Lớp 1 / Nguyễn Phú Tuấn (tổng ch.b.), Vũ Ngọc Khôi (ch.b.), Lưu Đức Hạnh... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 52 tr. : minh họa ; 27 cm. - 15000đ. - 30200b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Sở Giáo dục và Đào tạo s624803

1138. Tài liệu Hướng dẫn giáo viên tích hợp nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống trong các môn học trong nhà trường. - H. : Hồng Đức, 2025. - 374 tr. : bảng ; 27 cm. - 365000đ. - 2000b

Phụ lục trong chính văn. - Thư mục: tr. 363-364 s623836

1139. 800 bài Toán tư duy dành cho trẻ mầm non : Lộ trình học tập từng bước, tiến bộ từng ngày, nâng cao khả năng tập trung : Giúp trẻ chuẩn bị cho giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học mà không gặp áp lực / Đồng Tâm ; Mẹ Bông Cua dịch. - H. : Dân trí. - 29 cm. - 80000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 76 tr. : tranh màu s624005

1140. 800 bài Toán tư duy dành cho trẻ mầm non : Lộ trình học tập từng bước, tiến bộ từng ngày, nâng cao khả năng tập trung : Giúp trẻ chuẩn bị cho giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học mà không gặp áp lực / Đồng Tâm ; Mẹ Bông Cua dịch. - H. : Dân trí. - 29 cm. - 80000đ. - 3000b

T.2. - 2025. - 76 tr. : tranh màu s624006

1141. 800 bài Toán tư duy dành cho trẻ mầm non : Lộ trình học tập từng bước, tiến bộ từng ngày, nâng cao khả năng tập trung : Giúp trẻ chuẩn bị cho giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học mà không gặp áp lực / Đồng Tâm ; Mẹ Bông Cua dịch. - H. : Dân trí. - 29 cm. - 80000đ. - 3000b

T.3. - 2025. - 76 tr. : tranh màu s624007

1142. 800 bài toán tư duy dành cho trẻ mầm non : Lộ trình học tập từng bước, tiến bộ từng ngày, nâng cao khả năng tập trung : Giúp trẻ chuẩn bị cho giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học mà không gặp áp lực / Đồng Tâm ; Mẹ Bông Cua dịch. - H. : Dân trí. - 29 cm. - 80000đ. - 3000b

T.4. - 2025. - 76 tr. : minh họa s624008

1143. Tập đánh vần Tiếng Việt : Bí quyết giúp con đọc Tiếng Việt thông thạo : 4 - 6 tuổi / Thanh Hương b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 123 tr. : minh họa ; 21x30 cm. - (Tur duy - Ngôn ngữ). - 11000đ. - 1000b s626211
1144. Tập tô : Luyện viết theo mẫu chữ mới : Dành cho trẻ chuẩn bị vào lớp 1 / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 20000b  
T.2. - 2026. - 24 tr. : hình vẽ s626195
1145. Tập tô chữ : Luyện viết theo mẫu chữ mới / Nguyễn Thị Hương Giang. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 15000đ. - 10000b  
T.1. - 2025. - 23 tr. : hình vẽ s626188
1146. Tập tô chữ - Tập tô chữ ghép 2 âm : Dành cho lứa tuổi mẫu giáo : Phổ cập giáo dục mầm non / Minh Tâm. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 24 tr. ; 24 cm. - 13000đ. - 5000b s625505
1147. Tập tô chữ - Tập tô chữ hoa : Dành cho lứa tuổi mẫu giáo : Phổ cập giáo dục mầm non / Minh Tâm. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 24 tr. ; 24 cm. - 13000đ. - 5000b s625506
1148. Tập tô chữ mẫu giáo : Dành cho trẻ chuẩn bị vào lớp 1 / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 20000b s626196
1149. Tập tô nét cơ bản : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Hương Giang. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 15000đ. - 10000b s626186
1150. Tập viết 1 / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Phạm Kim Chung. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 9000đ. - 445549b  
T.1. - 2025. - 52 tr. s624481
1151. Tập viết 1 / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Phạm Kim Chung. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 8000đ. - 427249b  
T.2. - 2025. - 48 tr. : tranh vẽ s624482
1152. Tập viết 2 / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Trần Thị Hiền Lương, Vũ Thị Lan. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 70000đ. - 580749b  
T.1. - 2025. - 40 tr. s624483
1153. Tập viết 2 / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Trần Thị Hiền Lương, Đặng Thị Hào Tâm. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 6000đ. - 566549b  
T.2. - 2025. - 36 tr. s624484
1154. Tập viết 3 / Trịnh Cam Ly (ch.b.), Nguyễn Thị Ly Kha, Phạm Thị Kim Oanh. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 48 tr. ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 7000đ. - 246000b s624485
1155. Tập viết nét cơ bản : Theo mẫu chữ viết cải cách lớp 1 : Dành cho bé 4 - 5 tuổi / Chính An, Nhóm Giáo viên ĐHSPT. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 24 tr. ; 24 cm. - (Bé chuẩn bị vào Lớp 1). - 10000đ. - 10000b s625830
1156. Thực hành hoạt động trải nghiệm 3 : Theo bộ sách Chân trời sáng tạo / Hoàng Minh Vũ, Đặng Anh Tùng, Đặng Minh Khôi. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 59 tr. : minh họa ; 27 cm. - 20000đ. - 2000b s623918

1157. Thực hành hoạt động trải nghiệm 5 : Theo bộ sách Chân trời sáng tạo / Nguyễn Thị Ngọc Diệp, Hoàng Minh Vũ, Đặng Anh Tùng. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 60 tr. : minh họa ; 27 cm. - 21000đ. - 2020b s623919

1158. Thực hành Kỹ năng sống dành cho học sinh lớp 1 / Huỳnh Văn Sơn (ch.b.), Mai Mỹ Hạnh, Mai Hiền Lê... - Tái bản lần thứ 8. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 55 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 25000đ. - 30000b s624811

1159. Thực hành Kỹ năng sống dành cho học sinh lớp 5 / Huỳnh Văn Sơn (ch.b.), Mai Mỹ Hạnh, Nguyễn Thị Minh Hồng... - Tái bản lần thứ 8. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 60 tr. : minh họa ; 27 cm. - 25000đ. - 30000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s624812

1160. Thực hành trải nghiệm sáng tạo lớp 1 : Theo Chương trình Chân trời sáng tạo / Nguyễn Văn Quyết, Nguyễn Thị Ngọc Diệp (ch.b.), Lê Thế Tình... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 56 tr. : minh họa ; 27 cm. - 18000đ. - 2000b s623916

1161. Thực hành trải nghiệm sáng tạo lớp 2 : Theo bộ sách Chân trời sáng tạo / Lê Thế Tình (ch.b.), Nguyễn Thị Hồng Chuyên, Trần Văn Điện... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 60 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 18000đ. - 2035b s623917

1162. Thực hành viết đúng, viết đẹp lớp 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Đoàn Thị Thúy Hạnh, Võ Thanh Hà, Nguyễn Hà Thanh, Bùi Thanh Thủy. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 25000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 64 tr. : hình vẽ, ảnh s624954

1163. Thực hành viết đúng, viết đẹp lớp 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Đoàn Thị Thúy Hạnh, Võ Thanh Hà, Nguyễn Hà Thanh, Bùi Thanh Thủy. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 25000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 60 tr. : hình vẽ, ảnh s624955

1164. Tiếng Anh 1 - Family and friends : National Edition : Student book / Trần Cao Bội Ngọc (ch.b.), Trương Văn Anh. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 63 tr. : minh họa ; 28 cm. - 51000đ. - 130000b s624643

1165. Tiếng Anh 3 - Family and friends : National Edition : Workbook / Trần Cao Bội Ngọc (ch.b.), Trương Văn Anh. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 96 tr. : minh họa ; 28 cm. - 86000đ. - 100000b s624641

1166. Tiếng Anh 4 : Sách bài tập / Hoàng Văn Vân (tổng ch.b.), Nguyễn Quốc Tuấn (ch.b.), Phan Hà... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 99 tr. : minh họa ; 28 cm. - (Global Success). - 62000đ. - 100000b s624657

1167. Tiếng Anh 5 - Family and friends : National edition : Student book / Trần Cao Bội Ngọc (ch.b.), Phạm Nguyễn Bảo Ngọc. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 107 tr. : minh họa ; 28 cm. - 64000đ. - 40000b s624644

1168. Tiếng Anh 5 - Family and friends : National Edition : Workbook / Trần Cao Bội Ngọc (ch.b.), Phạm Nguyễn Bảo Ngọc. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 99 tr. : minh họa ; 28 cm. - 88000đ. - 40000b s624642

1169. Tiếng Hoa = 华语 / Trần Tiêu (b.s.), Lưu Thành Nguyên, Nguyễn Quốc Siêu ; Minh họa: Lý Khắc Như. - Tái bản lần thứ 28. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 21 cm. - 10500đ. - 3025b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Q.2. - 2025. - 68 tr. : bảng, tranh vẽ s624280

1170. Tiếng Trung Quốc 3 / Nguyễn Hoàng Anh (tổng ch.b.), Nguyễn Phước Lộc (ch.b.), Trần Thị Kim Loan... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 44000đ. - 5000b  
T.1. - 2025. - 79 tr. : minh họa s624659
1171. Tiếng Việt 1 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Ngân Hoa... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 26000đ. - 130000b  
T.1. - 2025. - 183 tr. : minh họa s624931
1172. Tiếng Việt 1 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ly Kha (ch.b.), Nguyễn Lương Hải Như... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 27000đ. - 185000b  
T.1. - 2025. - 188 tr. : minh họa s624938
1173. Tiếng Việt 1 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ly Kha (ch.b.), Nguyễn Thành Ngọc Bảo... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 24100đ. - 150000b  
T.2. - 2025. - 164 tr. : minh họa s624939
1174. Tiếng Việt 1 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Vũ Kim Bảng, Trịnh Cẩm Lan... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 25000đ. - 130000b  
T.2. - 2025. - 175 tr. : minh họa s624932
1175. Tiếng Việt 4 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Lê Thị Lan Anh... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 19700đ. - 185000b  
T.1. - 2025. - 147 tr. : minh họa s624935
1176. Tiếng Việt 4 : Dành cho buổi học thứ hai / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Phạm Thị Chín, Xuân Thị Nguyệt Hà, Đào Tiến Thi. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 37000đ. - 3000b  
T.1. - 2025. - 64 tr. : minh họa s624929
1177. Tiếng Việt 5 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Lê Thị Lan Anh... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18600đ. - 170000b  
T.2. - 2025. - 159 tr. : minh họa s624936
1178. Tiếng Việt tiên tiểu học : Dành cho bé 3 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Hạnh, Dương Thị Mai. - H. : Nxb. Hà Nội. - 29 cm. - (Tự tin bước vào Lớp 1). - 60000đ. - 5000b  
Q.1. - 2025. - 68 tr. : minh họa s626425
1179. Tin học 3 / Quách Tất Kiên (tổng ch.b.), Phạm Thị Quỳnh Anh (ch.b.), Đỗ Minh Hoàng Đức... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 84 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 11000đ. - 262000b s624585
1180. Tin học 5 / Nguyễn Chí Công (tổng ch.b.), Hoàng Thị Mai (ch.b.), Phan Anh... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 84 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 11000đ. - 170000b s624588
1181. Tin học 5 / Quách Tất Kiên (tổng ch.b.), Phạm Thị Quỳnh Anh (ch.b.), Nguyễn Nhật Minh Đăng... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 9000đ. - 279000b s624586

1182. Toán 1 / Trần Nam Dũng (tổng ch.b.), Khúc Thành Chính (ch.b.), Đinh Thị Xuân Dung... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 159 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 23000đ. - 289000b s624857

1183. Toán 1 - Các bài toán thực tế / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Minh Hải, Đỗ Duy Hiếu... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 59 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 35000đ. - 3000b s624913

1184. Toán 2 / Trần Nam Dũng (tổng ch.b.), Khúc Thành Chính (ch.b.), Đinh Thị Xuân Dung... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 18300đ. - 318000b

T.1. - 2025. - 132 tr. : minh họa s624858

1185. Toán 2 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 17000đ. - 160000b

T.2. - 2025. - 139 tr. : minh họa s624859

1186. Toán 2 - Các bài toán thực tế / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Minh Hải, Đỗ Duy Hiếu... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 67 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 35000đ. - 3000b s624914

1187. Toán 4 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 12700đ. - 254000b

T.2. - 2025. - 119 tr. : minh họa s624860

1188. Toán 4 - Các bài toán thực tế / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Minh Hải, Đỗ Duy Hiếu... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 80 tr. : minh họa ; 27 cm. - 40000đ. - 3000b s624915

1189. Toán bồi dưỡng học sinh lớp 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Áng. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 155 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 35000đ. - 3000b s624401

1190. Tô chữ hoa : Dành cho trẻ chuẩn bị vào lớp 1 / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bút chì). - 12000đ. - 20000b s626197

1191. Tô chữ hoa 1 : Dành cho trẻ chuẩn bị vào lớp Một / Lê Tuệ Minh, Lê Thu Ngọc. - In lần thứ 17. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 31 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bé vào lớp Một). - 10000đ. - 10000b s625272

1192. Tô màu thông minh - Chữ cái tiếng Anh viết thường : Từ 3 - 6 tuổi / Hải Nhuận Dương Quang ; Hạ Vũ dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 26 cm. - (Phát triển tư duy sáng tạo cho trẻ). - 25000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Trung: 3 - 6岁儿童思维进阶涂色书 s624115

1193. Tô màu thông minh - Ghép vằn : Từ 3 - 6 tuổi / Hải Nhuận Dương Quang ; Hạ Vũ dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 26 cm. - (Phát triển tư duy sáng tạo cho trẻ). - 25000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Trung: 3 - 6岁儿童思维进阶涂色书 s624114

1194. Tô màu thông minh - Hình khối : Từ 3 - 6 tuổi / Hải Nhuận Dương Quang ; Hạ Vũ dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 26 cm. - (Phát triển tư duy sáng tạo cho trẻ). - 25000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Trung: 3 - 6岁儿童思维进阶涂色书 s624116

1195. Tô màu thông minh - Màu sắc : Từ 3 - 6 tuổi / Hải Nhuận Dương Quang ; Hạ Vũ dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 26 cm. - (Phát triển tư duy sáng tạo cho trẻ). - 25000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Trung: 3 - 6岁儿童思维进阶涂色书 s624118

1196. Tô màu thông minh - Phép cộng trừ : Từ 3 - 6 tuổi / Hải Nhuận Dương Quang ; Hạ Vũ dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 26 cm. - (Phát triển tư duy sáng tạo cho trẻ). - 25000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Trung: 3 - 6岁儿童思维进阶涂色书 s624117

1197. Tô màu thông minh - Số đếm 1 : Từ 3 - 6 tuổi / Hải Nhuận Dương Quang ; Hạ Vũ dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 26 cm. - (Phát triển tư duy sáng tạo cho trẻ). - 25000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Trung: 3 - 6岁儿童思维进阶涂色书 s624119

1198. Tổng hợp tiếng Anh tiểu học : Trọn bộ từ vựng, cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh tiểu học / Thùy Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 31 tr. : bảng, tranh vẽ ; 17x25 cm. - (Học thông minh - Tinh trí não). - 160000đ. - 20000b s626207

1199. Trần Đức Huyền. Khởi đầu cùng AI : Cẩm nang hướng dẫn cho giáo viên, cha mẹ học sinh và học sinh tiểu học / Trần Đức Huyền, Phạm Thị Tấn Nguyệt, Nguyễn Ngọc Tuấn. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 120 tr. : minh họa ; 27 cm. - 45000đ. - 1000b s624676

1200. Trần Văn Tính. Tham vấn hướng nghiệp trong trường phổ thông / Trần Văn Tính. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 259 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 800b

Thư mục: tr. 253-259 s624076

1201. Trẻ 3 - 4 tuổi thực hành các hoạt động STEAM / Vũ Thị Huyền Trang, Nguyễn Thúy Hằng. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 27 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - 18000đ. - 15000b s624847

1202. Truyện tranh về văn hóa các dân tộc Việt Nam : Dành cho học sinh lớp 4 / Nguyễn Thị Phương Thảo, Ngô Hiền Tuyên (ch.b.), Nguyễn Thị Kiều Anh, Nguyễn Thị Hồng Ngân. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 102 tr. : bảng, tranh màu ; 30 cm. - 60000đ. - 3000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s624574

1203. Truyện tranh về văn hóa các dân tộc Việt Nam : Dành cho học sinh lớp 5 / Nguyễn Thị Phương Thảo, Ngô Hiền Tuyên (ch.b.), Nguyễn Thị Kiều Anh... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 112 tr. : bảng, tranh màu ; 30 cm. - 65000đ. - 3000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s624575

1204. Trương Hạ Dương. DigiMath 1 / Trương Hạ Dương. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 83 p. : ill. ; 30 cm. - 65000đ. - 16327 copies s625140

1205. Trương Hạ Dương. DigiMath 2 / Trương Hạ Dương. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 81 p. : ill. ; 30 cm. - 65000đ. - 22743 copies s625141

1206. Trương Hạ Dương. DigiMath 2 extended / Trương Hạ Dương. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 119 p. : ill. ; 30 cm. - 120000đ. - 296 copies s625137

1207. Trương Hạ Dương. DigiMath 3 / Trương Hạ Dương. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 p. : ill. ; 30 cm. - 65000đ. - 26382 copies s625142

1208. Trương Hạ Dương. DigiMath 3 extended / Trương Hạ Dương, Nguyễn Khai Trí. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 107 p. : ill. ; 30 cm. - 120000đ. - 504 copies s625138

1209. Trương Hạ Dương. DigiMath 4 / Trương Hạ Dương. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 74 p. : ill. ; 30 cm. - 65000đ. - 21509 copies s625143
1210. Trương Hạ Dương. Digimath 4 extended / Trương Hạ Dương, Nguyễn Khai Trí. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 98 p. : ill. ; 30 cm. - 120000đ. - 518 copies s625139
1211. Trương Hạ Dương. Digimath 5 / Trương Hạ Dương. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 82 p. : ill. ; 30 cm. - 65000đ. - 20793 copies s625144
1212. Trường THPT Gia Viễn B - 60 năm một chặng đường / B.s.: Lã Đăng Bật, Nguyễn Tiên Tiến, Phạm Quốc Khánh... - H. : Dân trí, 2025. - 198 tr. : ảnh, bảng ; 30 cm. - 815b s623966
1213. Trường THPT Gò Công Đông kỷ niệm 40 năm hình thành và phát triển (05/09/1985 - 05/09/2025) / Nguyễn Văn Duy, Phạm Văn Vinh, Nguyễn Hữu Trường... - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 108 tr., 21 tr. ảnh màu : ảnh màu ; 29 cm. - 1500b s626459
1214. Tuyển chọn đề kiểm tra các trường Tiếng Việt 2 / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 96 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 50000đ. - 10000b s626415
1215. Tuyển chọn đề kiểm tra các trường Tiếng Việt 4 : Tuyển chọn đề kiểm tra định kì theo ma trận hay nhất các trường / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 96 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 50000đ. - 10000b s626416
1216. Tuyển chọn đề kiểm tra Toán 4 các trường : Tuyển chọn đề kiểm tra định kì theo ma trận hay nhất các trường : Có video bài giảng, ma trận đáp án chi tiết trong mã QR / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 76 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 40000đ. - 10000b s626453
1217. Tuyển chọn đề kiểm tra Toán các trường : Tuyển chọn đề kiểm tra định kì theo ma trận hay nhất các trường... / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 64 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 40000đ. - 10000b s626450
1218. Tư duy phản biện - Hùng biện - Sáng tạo trong giáo dục khai phóng kỷ nguyên số / Nguyễn Đăng Tính, Trần Văn Biên (ch.b.), Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Vũ Thị Thu Phương. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 419 tr. ; 30 cm. - 100b  
Thư mục cuối chính văn s624063
1219. Tự luyện theo chủ đề Toán 2 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng chung cho các bộ sách giáo khoa Toán 2 / Phan Duy Nghĩa. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 35000đ. - 2000b  
T.2. - 2025. - 75 tr. : hình vẽ, bảng s624909
1220. Tự luyện theo chủ đề Toán 3 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng chung cho các bộ sách giáo khoa Toán 3 / Phan Duy Nghĩa. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 35000đ. - 2000b  
T.2. - 2025. - 71 tr. : hình vẽ, bảng s624910
1221. Tự nhiên và Xã hội 2 / Vũ Văn Hùng (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Thán (ch.b.), Đào Thị Hồng... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 119 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 16000đ. - 200000b s624594
1222. Tự nhiên và Xã hội 3 / Vũ Văn Hùng (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Thán (ch.b.), Phan Thanh Hà... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 123 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 17000đ. - 211000b s624595

1223. Văn hóa học đường : Dành cho học sinh lớp 1 / Huỳnh Văn Sơn (ch.b.), Trần Thị Mai Hương, Mai Mỹ Hạnh, Giang Thiên Vũ. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 20000đ. - 10000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s624831

1224. Văn hóa học đường : Dành cho học sinh lớp 2 / Huỳnh Văn Sơn (ch.b.), Huỳnh Chí Danh, Nguyễn Thanh Huân. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 20000đ. - 10000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s624832

1225. Văn hóa học đường : Dành cho học sinh lớp 3 / Huỳnh Văn Sơn (ch.b.), Trần Thị Hằng Mơ, Nguyễn Thị Mỹ Hạnh. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 20000đ. - 10000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s624833

1226. Văn hóa học đường : Dành cho học sinh lớp 4 / Huỳnh Văn Sơn (ch.b.), Tống Thị Kim Phượng, Nguyễn Lê Bảo Hoàng. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 20000đ. - 10000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s624834

1227. Văn hóa học đường : Dành cho học sinh lớp 5 / Huỳnh Văn Sơn (ch.b.), Nguyễn Thị Lý, Đặng Thị Cẩm Hương. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 20000đ. - 10000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s624835

1228. Vở bài tập Âm nhạc 2 / Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Bình... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 36 tr. : bảng, tranh vẽ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 8000đ. - 134049b s624324

1229. Vở bài tập Công nghệ 3 / Đặng Văn Nghĩa (ch.b.), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 7000đ. - 151049b s624334

1230. Vở bài tập Đạo đức 1 / Trần Thanh Bình (ch.b.), Mai Khắc Hùng, Trần Minh Hương... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 44 tr. : bảng, tranh vẽ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 10000đ. - 89000b s624337

1231. Vở bài tập Đạo đức 2 / Nguyễn Thị Toan (ch.b.), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 63 tr. : bảng, tranh vẽ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 11000đ. - 209849b s624338

1232. Vở bài tập Đạo đức 4 / Nguyễn Thị Toan (ch.b.), Nguyễn Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 51 tr. : bảng, tranh vẽ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 8000đ. - 192249b s624339

1233. Vở bài tập Đạo đức 5 / Nguyễn Thị Toan (ch.b.), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 55 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 8000đ. - 227449b s624340

1234. Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 1 / Bùi Sỹ Tụng (ch.b.), Lê Thị Luận, Lưu Danh Văn. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 43 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9000đ. - 44049b s624374

1235. Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 3 / Phó Đức Hoà, Bùi Ngọc Diệp (ch.b.), Nguyễn Hà My... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 59 tr. : bảng, tranh vẽ ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo; Bản 1). - 10000đ. - 75000b s624379

1236. Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 4 / Đinh Thị Kim Thoa (ch.b.), Phạm Thùy Liêm, Vũ Phương Liên... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo; Bản 2). - 19000đ. - 24000b s624380

1237. Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 4 / Nguyễn Thụy Anh (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 14000đ. - 70049b s624375

1238. Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 5 / Nguyễn Thụy Anh (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 11000đ. - 95049b s624376

1239. Vở bài tập Khoa học 4 / Nguyễn Thị Thanh Thủy (ch.b.), Lưu Phương Thanh Bình, Đỗ Xuân Hội, Trần Thanh Sơn. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 96 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 15000đ. - 112000b s624328

1240. Vở bài tập Khoa học 4 / Vũ Văn Hùng (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Chi, Phan Thanh Hà... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13000đ. - 255049b s624327

1241. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Tiếng Việt 1 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Ngô Hiền Tuyên, Lương Thị Hiền, Trịnh Cam Ly (ch.b.)... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 39000đ. - 5000b  
T.2. - 2025. - 72 tr. : tranh vẽ s624950

1242. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Tiếng Việt 2 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Ngô Hiền Tuyên, Lương Thị Hiền, Trịnh Cam Ly (ch.b.)... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 39000đ. - 5000b  
T.1. - 2025. - 72 tr. : hình vẽ s624951

1243. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Tin học 3 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Hoàng Thị Mai (ch.b.), Trần Ngọc Khoa. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 64 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống)(Chân trời sáng tạo). - 37000đ. - 3000b s624582

1244. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Tin học 4 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Hoàng Thị Mai (ch.b.), Trần Ngọc Khoa. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 64 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống)(Chân trời sáng tạo). - 37000đ. - 3000b s624583

1245. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Tin học 5 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Hoàng Thị Mai (ch.b.), Trần Ngọc Khoa. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 64 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống)(Chân trời sáng tạo). - 37000đ. - 3000b s624584

1246. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Toán 1 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Nguyễn Thủy Chung (ch.b.), Lưu Trà My, Hắc Xuân Phước, Nguyễn Mạnh Tuấn. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống)(Chân trời sáng tạo). - 43000đ. - 5000b  
T.1. - 2025. - 88 tr. : minh họa s624888

1247. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Toán 1 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Nguyễn Thủy Chung (ch.b.), Lưu Trà My, Hắc Xuân Phước, Nguyễn Mạnh Tuấn. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống)(Chân trời sáng tạo). - 49000đ. - 5000b  
T.2. - 2025. - 108 tr. : minh họa s624889

1248. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Toán 2 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Nguyễn Thủy Chung (ch.b.), Lưu Trà My, Hắc Xuân Phước, Đinh Thị Phương. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống)(Chân trời sáng tạo). - 47000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 100 tr. : hình vẽ, bảng s624890

1249. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Toán 3 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Nguyễn Thủy Chung (ch.b.), Vũ Thị Diệu Linh, Hắc Xuân Phước, Phạm Thị Huyền Trang. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống)(Chân trời sáng tạo). - 49000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 108 tr. : minh họa s624891

1250. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Toán 4 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Nguyễn Thủy Chung (ch.b.), Nguyễn Thị Kiều, Vũ Thị Diệu Linh... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống)(Chân trời sáng tạo). - 49000đ. - 1000b

T.2. - 2025. - 100 tr. : minh họa s624892

1251. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Toán 5 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Nguyễn Thủy Chung (ch.b.), Nguyễn Thu Hà, Nguyễn Thị Thanh Hà... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống)(Chân trời sáng tạo). - 54000đ. - 1000b

T.2. - 2025. - 128 tr. : minh họa s624893

1252. Vở bài tập Lịch sử và Địa lí 4 / Nguyễn Trà My, Phạm Đỗ Văn Trung (ch.b.), Nguyễn Khánh Băng... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 84 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 13000đ. - 123000b s624545

1253. Vở bài tập Lịch sử và Địa lí 5 / Nguyễn Thị Thu Thủy, Trần Thị Hà Giang (ch.b.), Đào Thị Hồng... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 108 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 140000đ. - 288149b s624542

1254. Vở bài tập Mỹ thuật 1 / Đinh Gia Lê (ch.b.), Phạm Duy Anh, Trần Thị Biển. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 47 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 92049b s624350

1255. Vở bài tập Mỹ thuật 2 / Đoàn Thị Mỹ Hương, Đinh Gia Lê (đồng ch.b.), Phạm Duy Anh... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 47 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 75049b s624351

1256. Vở bài tập Mỹ thuật 4 / Đinh Gia Lê (ch.b.), Phạm Duy Anh, Trần Thị Biển... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 47 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9000đ. - 65849b s624352

1257. Vở bài tập Mỹ thuật 5 / Đinh Gia Lê (ch.b.), Phạm Duy Anh, Trần Thị Biển... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 47 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 7000đ. - 85019b s624353

1258. Vở bài tập nâng cao Tiếng Việt 5 / Nguyễn Thị Phương Nga, Phạm Kim Chung, Nguyễn Thu Phương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 37000đ. - 1000b

T.1. - 2025. - 84 tr. : bảng, sơ đồ s624937

1259. Vở bài tập nâng cao Toán 1 / Vũ Dương Thụy (ch.b.), Nguyễn Áng, Vũ Mai Hương. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 31000đ. - 5000b

- T.2. - 2025. - 80 tr. : minh họa s624869
1260. Vở bài tập nâng cao Toán 2 / Vũ Dương Thụy (ch.b.), Nguyễn Áng, Vũ Mai Hương, Vũ Thị Thanh Hương. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 46000đ. - 10000b
- T.1. - 2025. - 120 tr. : minh họa s624870
1261. Vở bài tập nâng cao Toán 4 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng, Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 48000đ. - 10000b
- T.1. - 2025. - 120 tr. : minh họa s624871
1262. Vở bài tập nâng cao Toán 5 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng, Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 47000đ. - 2000b
- T.2. - 2025. - 120 tr. : hình vẽ, bảng s624872
1263. Vở bài tập thực hành Toán 2 : Dùng cho bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Huỳnh Bích Thảo, Nguyễn Huy Mạnh, Nguyễn Mạnh Dũng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 28000đ. - 6000b
- T.1. - 2025. - 80 tr. : hình vẽ s626474
1264. Vở bài tập thực hành Toán 2 : Dùng cho bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống" / Huỳnh Bích Thảo, Nguyễn Huy Mạnh, Nguyễn Mạnh Dũng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 28000đ. - 6000b
- T.2. - 2025. - 80 tr. : minh họa s626476
1265. Vở bài tập Tiếng Việt 1 / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Lê Thị Lan Anh, Vũ Thị Thanh Hương... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13000đ. - 330849b
- T.1. - 2025. - 72 tr. : minh họa s624504
1266. Vở bài tập Tiếng Việt 1 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ly Kha (ch.b.), Nguyễn Lương Hải Như... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 12000đ. - 267000b
- T.1. - 2025. - 60 tr. : minh họa s624498
1267. Vở bài tập Tiếng Việt 1 / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Vũ Kim Bảng, Trịnh Cẩm Lan... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13000đ. - 337849b
- T.2. - 2025. - 72 tr. : minh họa s624505
1268. Vở bài tập Tiếng Việt 1 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ly Kha (ch.b.), Nguyễn Thành Ngọc Bảo... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 15000đ. - 276000b
- T.2. - 2025. - 84 tr. : ảnh, tranh vẽ s624499
1269. Vở bài tập Tiếng Việt 2 / Nguyễn Thị Ly Kha (ch.b.), Trịnh Cam Ly, Phạm Thị Kim Oanh. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 17000đ. - 269000b
- T.2. - 2025. - 108 tr. : bảng, tranh vẽ s624500
1270. Vở bài tập Tiếng Việt 3 / Nguyễn Thị Ly Kha (ch.b.), Trịnh Cam Ly, Phạm Thị Kim Oanh. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 16000đ. - 334000b
- T.1. - 2025. - 104 tr. : bảng, tranh vẽ s624501

1271. Vở bài tập Tiếng Việt 3 / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phượng. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 12000đ. - 220000b

T.1. - 2025. - 75 tr. : minh họa s624506

1272. Vở bài tập Tiếng Việt 3 / Nguyễn Thị Ly Kha (ch.b.), Trịnh Cam Ly, Phạm Thị Kim Oanh. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 15000đ. - 326000b

T.2. - 2025. - 92 tr. : tranh vẽ s624502

1273. Vở bài tập Tiếng Việt 3 / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 11000đ. - 235000b

T.2. - 2025. - 71 tr. : minh họa s624507

1274. Vở bài tập Tiếng Việt 4 / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 17000đ. - 210000b

T.2. - 2025. - 111 tr. : bảng, tranh vẽ s624508

1275. Vở bài tập Tiếng Việt 5 / Trần Thị Hiền Lương (ch.b.), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 16000đ. - 230000b

T.2. - 2025. - 119 tr. : minh họa s624509

1276. Vở bài tập Tin học 3 / Hoàng Thị Mai (ch.b.), Nguyễn Hải Châu, Nguyễn Thu Hiền... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 64 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 134049b s624361

1277. Vở bài tập Toán 1 / Trần Nam Dũng (tổng ch.b.), Khúc Thành Chính (ch.b.), Đinh Thị Xuân Dung... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 15000đ. - 263000b

T.2. - 2025. - 96 tr. : hình vẽ, bảng s624427

1278. Vở bài tập Toán 2 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 20000đ. - 210000b

T.1. - 2025. - 136 tr. : minh họa s624428

1279. Vở bài tập Toán 3 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 17000đ. - 215000b

T.1. - 2025. - 115 tr. : minh họa s624429

1280. Vở bài tập Toán 5 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18000đ. - 220000b

T.1. - 2025. - 136 tr. : minh họa s624430

1281. Vở bài tập Toán tăng cường 2 : Sách áp dụng chương trình mới cho các bộ sách giáo khoa... / Bùi Như Quỳnh. - H. : Dân trí. - 27 cm. - 52000đ. - 2800b

T.1. - 2025. - 76 tr. : bảng, tranh vẽ s623988

1282. Vở bài tập Toán tăng cường 2 : Sách áp dụng chương trình mới cho các bộ sách giáo khoa... / Bùi Như Quỳnh. - H. : Dân trí. - 27 cm. - 52000đ. - 2800b

T.2. - 2025. - 72 tr. : bảng, tranh vẽ s623989

1283. Vở bài tập Tự nhiên và Xã hội 3 / Vũ Văn Hùng (ch.b.), Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 12000đ. - 142849b s624356

1284. Vở bé học Toán : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Lê Hồng Đăng, Lê Thị Ngọc Ánh. - In lần thứ 15. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 31 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Hành trang cho Bé vào Lớp 1). - 15000đ. - 10000b s624120

1285. Vở Bé làm quen với chữ cái : Dành cho trẻ mẫu giáo / Lê Hồng Đăng, Lê Thị Ngọc Ánh. - In lần thứ 16. - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - (Mai em vào Lớp 1). - 15000đ. - 10000b T.1. - 2026. - 31 tr. : hình vẽ s625274

1286. Vở luyện viết chính tả âm - vần - dấu thanh lớp 1 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Trần Thị Hương. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 55 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 39000đ. - 1900b s626472

1287. Vở luyện viết chữ đẹp lớp 1 : Dành cho học sinh tỉnh Thanh Hóa / Hắc Xuân Phước, Nguyễn Văn Thuấn. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 15000đ. - 12000b T.1. - 2025. - 35 tr. s624489

1288. Vở luyện viết chữ đẹp lớp 3 : Dành cho học sinh tỉnh Thanh Hóa / Hắc Xuân Phước, Nguyễn Văn Thuấn. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 15000đ. - 12000b T.1. - 2025. - 36 tr. s624490

1289. Vở luyện viết chữ đẹp lớp 4 : Dành cho học sinh tỉnh Thanh Hóa / Hắc Xuân Phước, Nguyễn Văn Thuấn. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 15000đ. - 9000b T.1. - 2025. - 36 tr. s624492

1290. Vở luyện viết chữ đẹp lớp 4 : Dành cho học sinh tỉnh Thanh Hóa / Hắc Xuân Phước, Nguyễn Văn Thuấn. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 15000đ. - 9000b T.2. - 2025. - 32 tr. s624493

1291. Vở luyện viết chữ đẹp lớp 5 : Dành cho học sinh tỉnh Thanh Hóa / Hắc Xuân Phước, Nguyễn Văn Thuấn. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 15000đ. - 9500b T.1. - 2025. - 36 tr. s624494

1292. Vở luyện viết chữ đẹp lớp 5 : Dành cho học sinh tỉnh Thanh Hóa / Hắc Xuân Phước, Nguyễn Văn Thuấn. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 15000đ. - 9500b T.2. - 2025. - 32 tr. s624495

1293. Vở luyện viết chữ đẹp tiếng Khmer - Lớp 1 / Thạch Tha Lai (ch.b.), Thạch Đồi. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 52 tr. ; 24 cm. - 20000đ. - 1430b s624520

1294. Vở luyện viết chữ đẹp tiếng Khmer - Lớp 2 / Thạch Tha Lai (ch.b.), Thạch Đồi. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 52 tr. ; 24 cm. - 20000đ. - 1530b s624521

1295. Vở luyện viết chữ đẹp lớp 3 : Dành cho học sinh tỉnh Thanh Hóa / Hắc Xuân Phước, Nguyễn Văn Thuấn. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 15000đ. - 12000b T.2. - 2025. - 35 tr. s624491

1296. Vở luyện viết hạ cỡ chữ, chữ ô li nhỏ : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / StarKids. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 27 cm. - 29000đ. - 2700b Q.1: Chữ hoa. - 2025. - 32 tr. : hình vẽ s626480

1297. Vở luyện viết hạ cỡ chữ, chữ ô li nhỏ : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / StarKids. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 27 cm. - 29000đ. - 2600b Q.3: Vần. - 2025. - 30 tr. : hình vẽ s626481

1298. Vở luyện viết Tiếng Anh 1 : Theo bộ sách Global Success / Đỗ Thị Ngọc Hiền (ch.b.), Lê Thị Huyền. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 40 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 35000đ. - 5000b s624653
1299. Vở luyện viết Tiếng Anh 2 : Theo bộ sách Global Success / Đỗ Thị Ngọc Hiền (ch.b.), Lê Thị Huyền. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 39 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 35000đ. - 5000b s624654
1300. Vở luyện viết Tiếng Anh 3 : Theo bộ sách Global Success / Đỗ Thị Ngọc Hiền (ch.b.), Lê Thị Huyền. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 52 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 40000đ. - 5000b s624655
1301. Vở rèn viết chữ đẹp lớp 1 / Phạm Thị Kim Oanh, Thường Đỗ. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 20000đ. - 5000b  
T.1. - 2025. - 44 tr. s624486
1302. Vở rèn viết chữ đẹp lớp 2 / Phạm Thị Kim Oanh, Thường Đỗ. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 20000đ. - 5000b  
T.1. - 2025. - 36 tr. s624487
1303. Vở rèn viết chữ đẹp lớp 2 / Phạm Thị Kim Oanh, Thường Đỗ. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 20000đ. - 5000b  
T.2. - 2025. - 36 tr. s624488
1304. Vở tập tô chữ / Minh Tâm. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa. - 24 cm. - (Bé chuẩn bị vào lớp Một). - 16000đ. - 5000b  
Q.1. - 2025. - 24 tr. : hình vẽ s623615
1305. Vở tập tô chữ : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Lê Hồng Đăng, Lê Thị Ngọc Ánh. - In lần thứ 17. - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - (Mai em vào Lớp 1). - 15000đ. - 10000b  
T.1. - 2026. - 31 tr. : hình vẽ s625273
1306. Vở thực hành học Toán cùng Jenny : Sách dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Lê Anh Vinh (ch.b.), Vũ Văn Luân. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 119 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - 70000đ. - 1000b s624916
1307. Vở thực hành học Toán cùng Jenny - Lớp 1 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Hoàng Qué Hường. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 103 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - 60000đ. - 1000b s624917
1308. Vở thực hành học Toán cùng Jenny - Lớp 2 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Hoàng Qué Hường. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 83 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - 45000đ. - 1000b s624918
1309. Vở thực hành học Toán cùng Jenny - Lớp 3 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Hoàng Qué Hường. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 75 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - 45000đ. - 1000b s624919
1310. Vở thực hành học Toán cùng Jenny - Lớp 4 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Hoàng Qué Hường. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - 45000đ. - 1000b s624920
1311. Vở thực hành học Toán cùng Jenny - Lớp 5 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Hoàng Qué Hường. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 75 tr. : minh họa ; 30 cm. - 45000đ. - 1000b s624921
1312. Vở thực hành Lịch sử và Địa lí 5 / Trần Thị Hà Giang, Nguyễn Thị Thu Thủy (ch.b.), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 88 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 40000đ. - 2000b s624610

1313. Vở thực hành Tiếng Việt 2 / Nguyễn Văn Tùng (ch.b.), Phạm Thị Kim Oanh, Vũ Minh Tâm... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Bộ sách Chân trời sáng tạo). - 35000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 75 tr. : minh họa s624941

1314. Vở thực hành Tiếng Việt 2 / Nguyễn Văn Tùng (ch.b.), Phạm Thị Kim Oanh, Vũ Minh Tâm... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Bộ sách Chân trời sáng tạo). - 32000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 68 tr. : hình vẽ, ảnh s624942

1315. Vở thực hành Tiếng Việt 3 / Nguyễn Văn Tùng (ch.b.), Phạm Thị Kim Oanh, Phạm Vĩnh Lộc... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Bộ sách Chân trời sáng tạo). - 29000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 64 tr. : hình vẽ, bảng s624943

1316. Vở thực hành Tiếng Việt 3 / Nguyễn Văn Tùng (ch.b.), Phạm Thị Kim Oanh, Vũ Minh Tâm... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Bộ sách Chân trời sáng tạo). - 29000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 60 tr. : minh họa s624944

1317. Vở thực hành Tiếng Việt 4 / Nguyễn Văn Tùng (ch.b.), Phạm Thị Kim Oanh, Nguyễn Thị Thu Trang, Võ Thanh Hà. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Bộ sách Chân trời sáng tạo). - 38000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 88 tr. : hình vẽ, bảng s624945

1318. Vở thực hành Tiếng Việt 4 / Nguyễn Văn Tùng (ch.b.), Phạm Thị Kim Oanh, Nguyễn Thị Thu Trang, Võ Thanh Hà. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Bộ sách Chân trời sáng tạo). - 38000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 84 tr. : minh họa s624946

1319. Vở thực hành Tiếng Việt 5 / Nguyễn Văn Tùng (ch.b.), Phạm Thị Kim Oanh, Nguyễn Thị Thu Trang, Võ Thanh Hà. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Bộ sách Chân trời sáng tạo). - 42000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 92 tr. : hình vẽ, bảng s624947

1320. Vở thực hành Tiếng Việt 5 / Nguyễn Văn Tùng (ch.b.), Phạm Thị Kim Oanh, Nguyễn Thị Thu Trang, Võ Thanh Hà. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Bộ sách Chân trời sáng tạo). - 38000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 88 tr. : hình vẽ, bảng s624948

1321. Vũ Minh Hùng. Dạy học trong giáo dục nghề nghiệp: Một số vấn đề lí luận và thực tiễn : Sách chuyên khảo dùng trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp / Vũ Minh Hùng. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 96 tr. : bảng ; 24 cm. - 60000đ. - 540b

Thư mục: tr. 94-96 s624304

1322. Vũ Thị Ngọc Minh. Các hoạt động giáo dục phát triển nghệ thuật sáng tạo cho trẻ mầm non / Vũ Thị Ngọc Minh (ch.b.), Nguyễn Thị Trang, Vũ Thị Kim Thành. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Tủ sách Bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ quản lí và giáo viên mầm non). - 30000đ. - 20000b s624684

1323. Vũ Vương Trường. Giáo trình Giao tiếp sư phạm / Vũ Vương Trường, Nguyễn Thị Tuấn Anh, Nguyễn Thị Huệ. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 150 tr. ; 24 cm. - 75000đ. - 500b  
Thư mục: tr. 148-150 s624298

1324. Vũ Xuân Hùng. Làm chủ AI trong giáo dục - Từ lý thuyết đến thực hành / Vũ Xuân Hùng. - H. : Công Thương, 2025. - 407 tr. : minh họa ; 24 cm. - 239000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 402. - Thư mục: tr. 403-407 s625349

1325. Vui đọc thơ văn lớp 2 : Hỗ trợ đọc mở rộng cho học sinh theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Thị Bích, Trịnh Cam Ly, Trần Thị Quỳnh Nga... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 35000đ. - 2100b

T.1. - 2025. - 76 tr. : tranh vẽ s624474

1326. Vui đọc thơ văn lớp 2 : Hỗ trợ đọc mở rộng cho học sinh theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Thị Bích, Trịnh Cam Ly, Trần Thị Quỳnh Nga... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 35000đ. - 2100b

T.2. - 2025. - 72 tr. : tranh vẽ s624475

1327. Vui đọc thơ văn lớp 3 : Hỗ trợ đọc mở rộng cho học sinh theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Thị Bích, Trịnh Cam Ly, Nguyễn Thị Kiều Anh... ; Minh họa: Duy Thanh... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Bộ sách Chân trời sáng tạo). - 35000đ. - 2100b

T.2. - 2025. - 72 tr. : tranh màu s624476

1328. Vui học cùng chữ viết lớp 1 / Đinh Văn Hữu, Phạm Kim Bích Loan, Nguyễn Phương Nam... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Bộ sách Chân trời sáng tạo). - 25000đ. - 10000b

T.2. - 2025. - 47 tr. : hình vẽ s624477

1329. Vui học cùng chữ viết lớp 2 / Nguyễn Hoàng Ly, Phạm Kim Bích Loan, Nguyễn Thị Ly Kha... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Bộ sách Chân trời sáng tạo). - 25000đ. - 10000b

T.1. - 2025. - 44 tr. : hình vẽ s624478

1330. Vui học cùng chữ viết lớp 2 / Nguyễn Hoàng Ly, Phạm Kim Bích Loan, Nguyễn Thị Ly Kha... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Bộ sách Chân trời sáng tạo). - 25000đ. - 10000b

T.2. - 2025. - 40 tr. s624479

1331. Vui học cùng chữ viết lớp 3 / Nguyễn Hoàng Ly, Phạm Kim Bích Loan, Nguyễn Thị Ly Kha... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Bộ sách Chân trời sáng tạo). - 25000đ. - 10000b

T.2. - 2025. - 40 tr. : ảnh s624480

1332. Vui học Tin học 2 / Phạm Thị Quỳnh Anh (ch.b.), Đỗ Thị Ngọc Quỳnh, Huỳnh Xuân Trúc... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : minh họa ; 24 cm. - 30000đ. - 10000b s624368

1333. Vườn ươm dưới chân Rủ Gấm : Kỷ niệm 60 năm trường THPT Yên Thành 2, 1965 - 2025 / Nguyễn Trọng Giáp, Phan Đăng Diêu, Ngô Xuân Lan... - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 183 tr. : ảnh, bảng ; 26 cm. - 1000b s625208

1334. Wonderful life 1 : For 3 to 6 year old children / Hà Cao Thị Hồng Thu, Nguyễn Thị Thanh Bình, Nguyễn Thị Ngọc An. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 80 p. : ill. ; 19x27 cm. - 60000đ. - 3000 copies s624993

1335. Wonderful life 2 : For 3 to 6 year old children / Hà Cao Thị Hồng Thu, Nguyễn Thị Thanh Bình, Nguyễn Thị Ngọc An. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 80 p. : ill. ; 19x27 cm. - 60000đ. - 3000 copies s624994

1336. Wonderful life 3 : For 3 to 6 year old children / Hà Cao Thị Hồng Thu, Nguyễn Thị Thanh Bình, Nguyễn Thị Ngọc An. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 80 p. : ill. ; 19x27 cm. - 60000đ. - 3000 copies s624995

## THƯƠNG MẠI, CÁC PHƯƠNG TIỆN TRUYỀN THÔNG VÀ GIAO THÔNG VẬN TẢI

1337. Báo cáo nâng cao chỉ số hiệu quả Logistics Việt Nam 2025. - H. : Công Thương, 2025. - 174 tr. : minh họa ; 28 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Bộ Công Thương. - Thư mục: tr. 171-174 s625367

1338. Báo cáo xúc tiến thương mại giai đoạn 2021 - 2025 và một số định hướng chiến lược, kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030 : Hà Nội, 12/2025. - H. : Công Thương, 2025. - 174 tr. : minh họa ; 27 cm. - 1580b

ĐTTS ghi: Bộ Công Thương... - Phụ lục: tr. 108-167 s625370

1339. Chu Tiến Dũng. Giao thông thông minh / Chu Tiến Dũng (ch.b.), Trần Khắc Dương. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 223 tr. : minh họa ; 27 cm. - 60000đ. - 320b s623895

1340. Giáo trình Marketing căn bản / Nguyễn Văn Hùng (ch.b.), Thái Văn Long, Phạm Kế Thuận... - Tái bản lần thứ 2 có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - xxvi, 531 tr. : hình vẽ, ảnh ; 24 cm. - 499000đ. - 1000b

Thư mục cuối mỗi chương s624144

1341. Kua Jing Tang Bohu. Ứng dụng ChatGPT trong thương mại điện tử / Kua Jing Tang Bohu ; Lan Phương dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 467 tr. : bảng ; 21 cm. - (Tủ sách AI). - 239000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 巧用 CHATGPT 做跨境电商 s625332

1342. Kỹ yếu Hội thảo khoa học: Phát triển vận tải bền vững trong bối cảnh chuyển đổi số / Hoai An Nguyen, Quang Minh Phung, Huy Hoang Nguyen... - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 343 tr. : minh họa ; 27 cm. - 100b

Đầu bìa sách ghi: Trường Đại học Giao thông vận tải. Khoa Vận tải kinh tế. - Thư mục cuối mỗi bài s623902

1343. Kỹ yếu Hội thảo Logistics xanh / Phạm Nguyên Minh, Nguyễn Thị Mỹ Đức, Phạm Văn Hiếu... - H. : Công Thương, 2025. - 171 tr. : bảng, biểu đồ ; 29 cm. - 30b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội. Khoa Thương mại. - Thư mục: tr. 171 s623945

1344. Le Thanh Ha. Vietnam's agricultural exports performance, determinants and policy implications : Research monograph / Le Thanh Ha, Do Thi Trang. - H. : Economic - Finance, 2025. - 142 p. : ill. ; 24 cm. - 190000đ. - 200 copies s625021

1345. 500 câu hỏi trắc nghiệm về nghiệp vụ xuất nhập khẩu / B.s.: Đoàn Trọng Hiếu (ch.b.), Phạm Thị Phương Mai, Trần Hải Việt... - Hải Phòng : Nxb. Hàng hải, 2025. - 137 tr. : bảng ; 24 cm. - 96000đ. - 20b

Thư mục: tr. 137 s625689

1346. Nguyễn Văn Thắng. Những điều doanh nghiệp cần biết về thị trường Australia và New Zealand / Nguyễn Văn Thắng. - H. : Công Thương, 2025. - 198 tr. : bảng ; 21 cm. - 1600b  
Phụ lục: tr. 192-196. - Thư mục: tr. 197-198 s625346

1347. Piétri, J. B. Thuyền buồm Đông Dương = Voiliers d'Indochine / J. B. Piétri ; Đỗ Thái Bình dịch. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 210 tr. : hình vẽ ; 26 cm. - 150000đ. - 1000b s624237

1348. Trần Thị Mai Lê. English for logistics : EFL : A resource book for students / Trần Thị Mai Lê (chief ed.), Bùi Thị Hương Lan, Trần Thị Loan. - 1st ed. - H. : Transport, 2025. - 115 p. : ill. ; 27 cm. - 160000đ. - 50 copies

At head of title: Ministry of Construction. Central Transport College V. - Bibliogr.: p. 114-115 s625188

1349. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 - 50 năm xây dựng và phát triển 1976 - 2026. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 199 tr. : ảnh ; 21x28 cm. - 1000b s624224

1350. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 - 50 năm xây dựng và phát triển 1976 - 2026. - In lần 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 199 tr. : ảnh ; 21x28 cm. - 500b s625499

1351. Vũ Ngọc Sơn. Thủy triều & ký ức / Vũ Ngọc Sơn. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 243 tr. ; 21 cm. - 1000b  
Phụ lục: tr. 225 - 243 s626113

1352. Vũ Trung. Bán nông sản online / Vũ Trung s.t., b.s. - H. : Tri thức, 2026. - 99 tr. : bảng ; 21 cm. - (Làm nông kiểu mới Xanh - Sạch - Bền vững). - 50000đ. - 1000b  
Phụ lục: tr. 92-95. - Thư mục: tr. 96-97 s625735

1353. Vương Thu Quỳnh. Giáo trình Nhập môn Tiếng Trung thương mại = 商务汉语入门 / Vương Thu Quỳnh ch.b. - H. : Công Thương, 2025. - 162 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - 120000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.... s623938

#### PHONG TỤC, NGHI LỄ VÀ VĂN HOÁ DÂN GIAN

1354. A! Tết là đây! : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi nhi đồng / Lời: Komorebi, Vũ Linh ; Tranh: Quyên Thái. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2025. - 36 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 80000đ. - 3000b s624016

1355. Ai mua hành tôi? = Who would like to buy my onion? : Truyện tranh / Thùy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích Việt Nam). - 12000đ. - 1000b s626166

1356. Andersen, Hans Christian. Bộ quần áo mới của hoàng đế : Tổng hợp tác phẩm của bậc thầy truyện cổ tích thế giới Andersen / Hans Christian Andersen ; Dịch: Nhậm Dung Dung, Thu Giao ; Minh họa: Hùng Lượng. - H. : Văn học, 2025. - 311 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 21 cm. - 249000đ. - 1000b s623635

1357. Andersen, Hans Christian. Chú lính thiếc dũng cảm : Tổng hợp tác phẩm của bậc thầy truyện cổ tích thế giới Andersen / Hans Christian Andersen ; Dịch: Nhậm Dung Dung, Hân Vũ ; Minh họa: Hùng Lượng. - H. : Văn học, 2025. - 303 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 21 cm. - 249000đ. - 1000b s623636

1358. Anh chàng nhanh trí = The clever boy : Truyện tranh / Thùy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích Việt Nam). - 12000đ. - 1000b s626177

1359. Ba bà đi bán lợn con : Học đếm số. Hiểu người xưa : Dành cho trẻ tuổi 3+ / Nguyễn Lam Điền s.t., b.s. ; Tranh: Phan Mai Triều Huy. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Ca dao - Đồng dao - Thế giới tuổi thơ). - 32000đ. - 3000b s626291

1360. Ba cô tiên = The three fairies : Truyện tranh / Thùy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích Việt Nam). - 12000đ. - 1000b s626171

1361. Bé phát huy trí tuệ qua những bài đồng dao / Hoàng Sơn s.t. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Phát triển ngôn ngữ. Luyện đọc - Rèn tính cách). - 38000đ. - 5000b s624814

1362. Cây khế = The golden star fruit tree : Truyện tranh / Thùy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích Việt Nam). - 12000đ. - 10000b s626170

1363. Chính sách bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số và miền núi. - Nghệ An : S.n., 2025. - 105 tr. : ảnh ; 21 cm. - 430b  
ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch s624265

1364. Chuyện kể hằng đêm - Nàng Bạch Tuyết : Phỏng theo Truyện cổ Grimm : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 2 - 8 tuổi / Tuệ Văn dịch. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Văn học, 2025. - 20 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện). - 16000đ. - 1500b  
Tên sách tiếng Trung: 让孩子受益一生的好童话8册 s623810

1365. Dumoutier, Gustave. Phép thờ cúng của người An Nam = Les cultes Annamites / Gustave Dumoutier ; Việt Anh dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 286 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 170000đ. - 2500b s625661

1366. Durand, Maurice. Tri thức văn hóa cổ truyền Việt Nam / Maurice Durand, Pierre Huard ; Olivier Tessier b.s. ; Dịch, giới thiệu: Nguyễn Phi Hiệp... ; Doãn Thị Thùy Linh h.đ. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 479 tr. : minh họa ; 24 cm. - 299000đ. - 1000b s625519

1367. Đặc sắc lễ hội Tranh đầu pháo Quảng Uyên. - H. : Văn học, 2025. - 38 tr. : ảnh màu ; 30 cm. - 1000b  
Đầu bìa sách ghi: Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Cao Bằng s623853

1368. Đình Trà My. Thọ mai gia lễ - Phong tục dân gian về tục cưới hỏi, ma chay của người Việt : Phiên bản đầy đủ / Tổng hợp, b.s.: Đình Trà My. - H. : Hồng Đức, 2025. - 200 tr. ; 24 cm. - 168000đ. - 3000b s624177

1369. Đỗ Thị Ngọc Uyển. Âm thực Việt Nam và định hướng phát triển văn hóa đại chúng / Đỗ Thị Ngọc Uyển (ch.b.), Nguyễn Thành Phương, Nguyễn Thị Hải Hồng. - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2025. - 208 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 100b  
Thư mục: tr. 205-208 s624253

1370. Đồng dao : Tập nói, tập đọc cho bé 0 - 6 tuổi / Tiên Phong Books b.s. - H. : Tri thức, 2025. - 31 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Bộ sách Tranh Tư duy, phát triển ngôn ngữ). - 25000đ. - 10000b s625813

1371. Hiền Mai. Truyện cổ tích thế giới chọn lọc / Hiền Mai tuyển dịch, b.s. - H. : Tri Thức. - 23 cm. - 66000đ. - 1000b  
Q.3: Aladanh và cây đèn thần. - 2025. - 118 tr. s625767

1372. Học trò thò lò mũi xanh : Những điều lý thú về sự học hành : Dành cho trẻ tuổi 3+ / Nguyễn Lam Điền s.t., b.s. ; Tranh: Phan Mai Triều Huy. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Ca dao - Đồng dao - Thế giới tuổi thơ). - 32000đ. - 3000b s626294

1373. Huyền Đỗ. Những bà hoàng uy quyền trong thế giới thần tiên / Huyền Đỗ s.t., b.s. - H. : Tri thức, 2026. - 203 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - (Những câu chuyện cổ tích thần tiên). - 112000đ. - 700b  
Thư mục: tr. 202 s625774

1374. Huyền Đỗ. Những câu chuyện vàng dành cho bé / Huyền Đỗ s.t., b.s. - H. : Tri thức, 2026. - 247 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - 137000đ. - 600b s625754
1375. Huyền Đỗ. Những chàng trai dũng cảm trong thế giới thần tiên / Huyền Đỗ s.t., b.s. - H. : Tri thức, 2026. - 198 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - (Những câu chuyện cổ tích thần tiên). - 115000đ. - 700b  
Thư mục: tr. 197 s625775
1376. Huyền Đỗ. Những loài chim và vương quốc bầu trời trong thế giới thần tiên / Huyền Đỗ s.t., b.s. - H. : Tri thức, 2026. - 210 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - 117000đ. - 700b  
Thư mục: tr. 209 s625776
1377. Huyền Đỗ. Những loài hoa mùa xuân bất tận trong thế giới thần tiên / Huyền Đỗ s.t., b.s. - H. : Tri thức, 2025. - 206 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - (Những câu chuyện cổ tích thần tiên). - 119000đ. - 700b  
Thư mục: tr. 202 s625769
1378. Huyền Đỗ. Những loài muông thú trong thế giới thần tiên / Huyền Đỗ s.t., b.s. - H. : Tri thức, 2026. - 199 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - (Những câu chuyện cổ tích thần tiên). - 112000đ. - 700b  
Thư mục: tr. 198 s625771
1379. Huyền Đỗ. Những loài quả trong thế giới thần tiên / Huyền Đỗ s.t., b.s. - H. : Tri thức, 2026. - 155 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - (Những câu chuyện cổ tích thần tiên). - 112000đ. - 700b  
Thư mục: tr. 154 s625773
1380. Huyền Đỗ. Những nàng công chúa xinh đẹp trong thế giới thần tiên / Huyền Đỗ s.t., b.s. - H. : Tri thức, 2026. - 199 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - (Những câu chuyện cổ tích thần tiên). - 110000đ. - 700b  
Thư mục: tr. 198 s625772
1381. Huyền Đỗ. Những nàng tiên nhân hậu trong thế giới thần tiên / Huyền Đỗ s.t., b.s. - H. : Tri thức, 2026. - 207 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - 117000đ. - 700b  
Thư mục: tr. 206 s625777
1382. Huyền Đỗ. Những ông vua tài ba trong thế giới thần tiên / Huyền Đỗ s.t., b.s. - H. : Tri thức, 2025. - 203 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - (Những câu chuyện cổ tích thần tiên). - 110000đ. - 700b  
Thư mục: tr. 202 s625768
1383. Huyền Đỗ. Phép màu và những điều kỳ diệu trong thế giới thần tiên / Huyền Đỗ s.t., b.s. - H. : Tri thức, 2025. - 212 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - (Những câu chuyện cổ tích thần tiên). - 117000đ. - 700b  
Thư mục: tr. 210 s625770
1384. Lê Rin. Tết ba miền = The stories of Vietnamese New Year / Lê Rin ; Đông Nguyễn dịch. - In lần 2, có bổ sung. - H. : Công Thương, 2026. - 179 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 269000đ. - 1500b  
Chính văn bằng 2 thứ tiếng: Việt - Anh s626061
1385. Mã Giang Lân. Tục ngữ ca dao Việt Nam / Mã Giang Lân b.s., giới thiệu. - H. : Văn học, 2025. - 255 tr. ; 21 cm. - 58000đ. - 2000b  
Thư mục: tr. 253-254 s623771

1386. Mai Hương. Truyện cổ tích Việt Nam cho bé tập đọc / Mai Hương b.s. ; Minh họa: T-Books. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 107 tr. : tranh màu ; 29 cm. - 98000đ. - 3000b s626458
1387. Minh Cúc. Pà pá, mình kiếm món gì ngon ăn đi / Minh Cúc. - H. : Thế giới, 2026. - 175 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 209000đ. - 2000b  
Tên thật tác giả: Nguyễn Thị Minh Cúc s623773
1388. Minh Thành An. Giải nghĩa thành ngữ, tục ngữ Việt Nam / Minh Thành An s.t., b.s. - H. : Tri thức. - 23 cm. - 115000đ. - 700b  
Q.1: Từ A đến L. - 2026. - 208 tr. - Thư mục: tr. 206 s625763
1389. Minh Thành An. Giải nghĩa thành ngữ, tục ngữ Việt Nam / Minh Thành An s.t., b.s. - H. : Tri thức. - 21 cm. - 108000đ. - 700b  
Q.2: Từ M đến Y. - 2026. - 196 tr. - Thư mục: tr. 196 s625764
1390. Mỗi nhà đều có một kho báu / Nguyên Kan, Đậu Thị Huyền, Minh Mẫn... - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 80 tr. : ảnh màu, tranh màu ; 26 cm. - (Lionbooks; No. 6). - 169000đ. - 500b  
Tên sách ngoài bìa: Tết mình! s626335
1391. Muôn miền Tết / Lời: Rom, Quỳnh Hương ; Minh họa: Halcyon. - H. : Văn học, 2025. - 41 tr. : tranh vẽ ; 26 cm. - 150000đ. - 500b s623708
1392. Mừng lễ hội Ok Om Bok 2025. - H. : Văn hóa dân tộc, 2025. - 79 tr. : hình vẽ, ảnh ; 24 cm. - 500b s625707
1393. Nàng tiên Cóc = The Toad princess : Truyện tranh / Thùy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích Việt Nam). - 12000đ. - 10000b s626179
1394. Năm hũ vàng = Five golden jars : Truyện tranh / Thùy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích Việt Nam). - 12000đ. - 10000b s626167
1395. Ngày nào em bé còn con : Biết ơn cha mẹ - Cội nguồn : Dành cho trẻ tuổi 3+ / Nguyễn Lam Điền s.t., b.s. ; Tranh: Phan Mai Triều Huy. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Ca dao - Đồng dao - Thế giới tuổi thơ). - 32000đ. - 3000b s626293
1396. Nghiên cứu văn hóa dân gian Huế 2025 / Trần Văn Dũng, Lê Văn Hà, Trần Thị Hợi... ; Tuyển chọn, b.s.: Nguyễn Thế... - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2026. - 309 tr. : minh họa ; 24 cm. - 200b  
ĐTTS ghi: Hội Văn nghệ dân gian thành phố Huế. - Thư mục trong chính văn s625825
1397. Nguyễn Khánh Vinh. Cẩm nang Cúng lễ lược giản cho người Việt / Nguyễn Khánh Vinh. - H. : Hồng Đức, 2025. - 159 tr. : minh họa ; 24 cm. - 360000đ. - 1000b  
Phụ lục: tr. 153-159 s626095
1398. Nguyễn Kiên. Văn cúng gia tiên / Nguyễn Kiên s.t., chỉnh biên. - Tái bản có bổ sung. - H. : Hồng Đức, 2026. - 158 tr. : minh họa ; 26 cm. - 79000đ. - 1200b s625207
1399. Nguyễn Thị Bích Hằng. Truyện ngụ ngôn / Nguyễn Thị Bích Hằng. - H. : Tri thức, 2025. - 131 tr. ; 23 cm. - 75000đ. - 800b s625755
1400. Nguyễn Thị Tuyết Nhung. Nghệ thuật trình diễn nghi lễ Then của người Tày ở huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn trong không gian văn hóa vùng Đông Bắc Việt Nam / Nguyễn Thị Tuyết Nhung. - Thái Nguyên : Đại học Thái Nguyên, 2025. - 339 tr. : minh họa ; 21 cm. - 580b

Thư mục: tr. 252-262. - Phụ lục: tr. 263-339 s624242

1401. Phạm Quốc Tuấn. Truyện cổ dân gian thiếu số Việt Nam : Dành cho thiếu nhi / Tuyển chọn, b.s.: Phạm Quốc Tuấn (ch.b.), Lê Thị Như Nguyệt, Phạm Thị Tâm. - Thái Nguyên : Đại học Thái Nguyên, 2025. - 390 tr. ; 21 cm. - 580b s624239

1402. Phan Hồng Đức. Nghi lễ thờ cúng tại gia / Phan Hồng Đức, Đào Hoàng Hiệp. - H. : Hồng Đức. - 30 cm. - 299000đ. - 1000b

Q.1: Lễ gia tiên. - 2025. - 83 tr. s626509

1403. Pinocchio - Cậu bé người gỗ : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 3 - 10 tuổi / Tuệ Văn dịch. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Văn học, 2025. - 20 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện)(Truyện cổ tích thế giới hay nhất). - 16000đ. - 1500b s623811

1404. Sắc màu văn hóa : Xuân Bính Ngọc / Nguyên Khiêm, Thanh Hải, Nguyễn Cửu Loan... - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2025. - 262 tr. : hình vẽ, ảnh ; 24 cm. - 220000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Chi hội Văn nghệ dân gian Việt Nam tại Đà Nẵng. - Thư mục cuối mỗi bài s624257

1405. Sọ Dừa = So Dua : Truyện tranh / Thùy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích Việt Nam). - 12000đ. - 10000b s626173

1406. Sự tích Hồ Gươm = The folktale of Sword Lake : Truyện tranh / Thùy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích Việt Nam). - 12000đ. - 10000b s626168

1407. Sự tích quả dưa hấu = Legend of the watermelon : Truyện tranh / Thùy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích Việt Nam). - 12000đ. - 10000b s626178

1408. Sự tích trầu cau = The story of the betel leaves and the areca nuts : Truyện tranh / Thùy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích Việt Nam). - 12000đ. - 10000b s626175

1409. Tập truyện Trăng thu kể lại = 秋月講故事系列 = First volume: The tales beneath autumn moon / Nhóm Thần thoại quanh ta b.s. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 103 tr. : ảnh màu ; 21 cm. - (Bộ truyện Ký ức bốn mùa). - 160000đ. - 2000b s626313

1410. Tập văn khấn gia tiên (văn khấn Nôm tại nhà) / Thanh Liêm tổng hợp. - H. : Hồng Đức, 2025. - 111 tr. ; 27 cm. - 55000đ. - 3000b s623846

1411. Thạch Sanh = Thạch Sanh : Truyện tranh / Thùy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích Việt Nam). - 12000đ. - 10000b s626174

1412. Thạch Sanh : Truyện tranh / Lôi, b.s.: Minh Long ; Tranh: Khánh Hòa. - Tái bản lần thứ 14. - H. : Văn học, 2025. - 12 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Truyện cổ tích Việt Nam dành cho thiếu nhi). - 15000đ. - 3000b s623890

1413. Thái Vinh Chương. Nhập môn trà nghệ / Thái Vinh Chương ; Công ty Đào tạo Trà sư Quốc tế Master Tea Global chuyển ngữ ; H.đ.: Ngô Thị Thanh Tâm. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 247 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 299000đ. - 1000b s625945

1414. Thành ngữ, tục ngữ, ca dao Việt Nam : Sách dùng cho người nước ngoài / Nguyễn Thị Thanh Xuân, Lưu Huyền Trang (ch.b.), Nguyễn Thị Hương Châu... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 227 tr. : bảng ; 24 cm. - 190000đ. - 300b s624299

1415. Thánh Gióng = Thanh Giong : Truyện tranh / Thùy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích Việt Nam). - 12000đ. - 10000b s626172

1416. Thích Thanh Tâm. Văn khấn cổ truyền / Thích Thanh Tâm b.s. ; Thích Minh Đạt h.đ. - H. : Hồng Đức, 2025. - 171 tr. ; 27 cm. - 89000đ. - 3000b s623848

1417. Thích Thanh Tâm. Văn khấn nôm / Thích Thanh Tâm b.s. - H. : Hồng Đức, 2025. - 107 tr. ; 27 cm. - 68000đ. - 3000b s623847

1418. Tích Chu = Tich Chu : Truyện tranh / Thùy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích Việt Nam). - 12000đ. - 10000b s626165

1419. Trần Quang Đức. Chuyện trà : Lịch sử một thức uống lâu đời của người Việt / Trần Quang Đức. - H. : Thế giới, 2025. - 341 tr. : minh họa ; 25 cm. - 369000đ. - 1000b  
Phụ lục trong chính văn. - Thư mục: tr. 337-341 s625677

1420. Trên nguồn dưới biển / Trần Văn An, Phan Văn Trình, Trần Ánh... - Huế : Nxb. Thuận Hóa. - 24 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Hội Văn nghệ dân gian thành phố Đà Nẵng

T.3: Suu tầm, khảo cứu văn hóa văn nghệ dân gian Quảng Nam. - 2025. - 351 tr. : minh họa s624256

1421. Trí khôn của ta đây = Here's my wisdom : Truyện tranh / Thùy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích Việt Nam). - 12000đ. - 10000b s626176

1422. Trò chơi dân gian / Vũ Thúy Hà s.t., b.s. - H. : Tri thức, 2025. - 158 tr. ; 23 cm. - (Tủ sách Văn hóa Việt Nam). - 88000đ. - 700b  
Thư mục: tr. 153-155 s625761

1423. Truyện cổ tích đặc sắc về Tết : Sách tết mở ra, cả nhà rộn rã / Tuệ An b.s., tuyển chọn ; Minh họa: Thụy Lê. - H. : Văn học, 2025. - 68 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 88000đ. - 3000b s623744

1424. Truyện cổ tích thế giới chọn lọc / Hiền Mai tuyển dịch, b.s. - H. : Tri thức. - 23 cm. - 73000đ. - 1000b  
Q.1: Cây bút thần. - 2026. - 130 tr. s625765

1425. Truyện cổ tích thế giới chọn lọc / Hiền Mai tuyển dịch, b.s. - H. : Tri thức. - 23 cm. - 71000đ. - 1000b  
Q.2: Ông lão đánh cá và con cá vàng. - 2026. - 125 tr. s625766

1426. Truyện cổ tích Việt Nam. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 107 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 79000đ. - 3700b s626457

1427. Tuyển tập truyện cổ tích Việt Nam : Dành cho thiếu nhi / Hà Minh tuyển chọn. - Tái bản lần 9. - H. : Văn học, 2025. - 199 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 125000đ. - 3000b s623891

1428. Văn khấn gia tiên toàn tập / Lĩnh Nam tổng hợp. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 192 tr. ; 24 cm. - 265000đ. - 1500b s626038

1429. Vi Hồng Nhân. Mô hình bảo tồn di sản Then trong cộng đồng gắn với xây dựng nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi / Vi Hồng Nhân (ch.b.), Đặng Nguyễn, Nguyễn Hải Thanh. - H. : Văn hóa dân tộc, 2025. - 94 tr. : ảnh ; 21 cm. - 5350b

ĐTTS ghi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Cục Văn hóa các dân tộc Việt Nam. - Thư mục: tr. 93-94 s625318

1430. Vũ Thúy Hà. Lễ hội dân gian / Vũ Thúy Hà s.t., b.s. - H. : Tri thức, 2025. - 200 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Văn hóa Việt Nam). - 110000đ. - 700b  
Thư mục: tr. 194-196 s625758
1431. Vũ Thúy Hà. Phong tục lễ nghi / Vũ Thúy Hà s.t., b.s. - H. : Tri thức, 2025. - 163 tr. ; 23 cm. - (Tủ sách Văn hóa Việt Nam). - 90000đ. - 700b  
Thư mục: tr. 156-157 s625757
1432. Vũ Thúy Hà. Tín ngưỡng dân gian / Vũ Thúy Hà s.t., b.s. - H. : Tri thức, 2025. - 164 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Văn hóa Việt Nam). - 90000đ. - 700b  
Thư mục: tr. 159-160 s625760
1433. Vua Heo = The Heo king : Truyện tranh / Thùy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 16 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Song ngữ Việt - Anh)(Truyện cổ tích Việt Nam). - 12000đ. - 10000b s626169
1434. Vương Diễm Nga. 101 truyện cổ tích chọn lọc / Vương Diễm Nga ; Tuệ Văn dịch. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Văn học, 2025. - 203 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 90000đ. - 3000b  
Tên sách tiếng Trung: 讓孩子受益一生的101個經典童話故事 s623807

## NGÔN NGỮ

1435. The 4th VinhTESOL international conference: Proceedings trends and innovations in english language education : VinhTESOL 2024 Copyright / Chu Thanh Van, Hoang Nguyen Thu Trang, Dang Thi My Dung... ; Ed.: Trần Thị Ngọc Yên (chief ed.)... - Nghe An : Vinh University, 2025. - 247 p. : ill. ; 28 cm. - 200 copies  
At head of title: Vinh University... - Bibliogr. at the end of the paper s625190
1436. Ánh Nga. Ngữ pháp tiếng Pháp cho người mới bắt đầu : Từ cơ bản đến nâng cao / Ánh Nga b.s., Ngọc Bái h.đ. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2024. - 374 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - (Tiếng Pháp dành cho mọi người). - 120000đ. - 1000b s625930
1437. Arachne and Athena. - H. : Hanoi National University, 2025. - 31 p. : color pic. ; 24 cm. - (Apollo English). - 3000 copies s625029
1438. Ashton, Helen. Work on your accent / Helen Ashton, Sarah Shepherd. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 159 p. : ill. + 1DVD ; 28 cm. - 216000đ. - 1000 copies s625197
1439. Bài giảng và lời giải chi tiết Tiếng Anh 9 : Biên soạn theo bộ sách Global Success / Minh Luận, Hồ Tấn Mẫn, Nguyễn Hoàng Thanh Ly. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 200 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 95000đ. - 1000b  
Tên sách ngoài bìa: Bài giảng & lời giải chi tiết Tiếng Anh 9 s626363
1440. Bài tập bổ trợ & nâng cao Tiếng Anh lớp 8 : Có đáp án / Bùi Văn Vinh (ch.b.), Thái Vân Anh, Nguyễn Thị Phương Anh, Như Quỳnh. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - (Tủ sách Học tốt tiếng Anh). - 109000đ. - 2000b  
T.2. - 2025. - 203 tr. : minh họa s623913
1441. Bài tập phát âm trọng âm Tiếng Anh : Ôn thi vào lớp 10 & 10 chuyên / Thùy Dương. - H. : Dân trí, 2026. - 91 tr. ; 24 cm. - (Tủ sách Tự học đột phá). - 52000đ. - 1500b s625247
1442. Bài tập thực hành Tiếng Anh 6 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Trần Đình Nguyễn Lữ, Chung Thế Quang, Huỳnh Kim Ngân, Bùi Đặng Bích Ngọc. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 124 tr. : minh họa ; 27 cm. - 56000đ. - 2100b s624656

1443. Bài tập Tiếng Anh lớp 6 : Có đáp án / Bùi Văn Vinh (ch.b.), Thái Vân Anh, Dương Thị Hồng Điệp. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Tủ sách Học tốt tiếng Anh). - 74000đ. - 3000b T.2. - 2025. - 150 tr. : minh họa s623925
1444. Bảng tổng hợp công thức Tiếng Anh THCS. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 33 tr. : bảng ; 17x25 cm. - (Học thông minh - Tinh trí não). - 190000đ. - 20000b s626210
1445. Big 4 - Bộ đề tự kiểm tra 4 kỹ năng nghe - nói - đọc - viết Tiếng Anh 7 : Cơ bản & nâng cao : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới Bộ Giáo dục và Đào tạo... / Lê Thị Hồng Phúc, Nguyễn Thanh Hương, Thùy Dương. - H. : Dân trí. - 30 cm. - 79000đ. - 3200b T.1. - 2025. - 151 tr. : minh họa s626537
1446. Bộ đề kiểm tra định kỳ 4 kỹ năng Tiếng Anh lớp 8 : Có đáp án... / Đại Lợi, Hằng Nguyễn. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - (Tủ sách Học tốt tiếng Anh). - 79000đ. - 2500b T.1. - 2025. - 154 tr. : minh họa s623914
1447. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Tiếng Anh 6 / Lương Quỳnh Trang (ch.b.), Hoàng Thị Hồng Hải, Đỗ Trọng Hoàng. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 116 tr. : bảng, tranh vẽ ; 24 cm. - 50000đ. - 5000b s624385
1448. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Tiếng Anh 7 / Lương Quỳnh Trang (ch.b.), Hoàng Thị Hồng Hải, Đỗ Trọng Hoàng. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 116 tr. : bảng, tranh vẽ ; 24 cm. - 50000đ. - 5000b s624386
1449. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Tiếng Anh 9 / Lương Quỳnh Trang, Hoàng Thị Hồng Hải, Đỗ Trọng Hoàng. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 132 tr. : bảng, tranh vẽ ; 24 cm. - 55000đ. - 5000b s624387
1450. Bộ giáo trình Luyện thi HSK - Phần kỹ năng viết: Tập viết chữ Hán theo Giáo trình chuẩn HSK1 / Nhữ Thị Lan Phương (ch.b.), Vũ Thị Ngọc Dung, Lê Minh Quang, Vi Thị Chuyền. - H. : Thế giới, 2025. - 123 tr. : minh họa ; 27 cm. - 180000đ. - 10000b s624873
1451. Bồi dưỡng kiến thức môn Tiếng Anh Trung học cơ sở / Thái Nguyễn Tường Vi (ch.b.), Dương Kiến Dân, Nguyễn Thị Mỹ Ngọc, Trần Thị Xuân Phương. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 160 tr. : bảng ; 24 cm. - 49000đ. - 2000b s624452
1452. Bruzzone, Catherine. Cẩm nang Từ vựng tiếng Anh cho trẻ em : 700 từ thông dụng theo chủ đề kèm file nghe phát âm chuẩn / Catherine Bruzzone, Vicky Barker ; Vũ Trang Nhung dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 96 tr. : hình vẽ ; 20 cm. - (Từ điển hình cho trẻ em mỗi ngày). - 62000đ. - 2000b s625917
1453. Bùi Hồng Linh. IELTS sample - Writing task 1-2 : Tuyển tập câu trả lời mẫu hay nhất / Bùi Hồng Linh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 161 tr. : minh họa ; 27 cm. - 125000đ. - 1500b s626409
1454. Bùi Minh Toán. Giáo trình Dẫn luận ngôn ngữ học / Bùi Minh Toán. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 191 tr. : bảng ; 24 cm. - 75000đ. - 1000b Thư mục cuối mỗi chương s625270
1455. Chu Hồng Hạnh. Tập viết chữ Hán = 汉字练习本 : Theo giáo trình Hán ngữ phiên bản mới / Chu Hồng Hạnh ch.b. - H. : Hồng Đức, 2026. - 195 tr. ; 27 cm. - 109000đ. - 5000b s626500
1456. CK English 3A : Reading book. - H. : Thế giới, 2025. - 75 p. : color pic., tab. ; 24 cm. - (Creverse). - 118000đ. - 2000 copies s625024

1457. CK English 3B : Reading book. - H. : Thế giới, 2025. - 75 p. : color pic., tab. ; 24 cm. - (Creverse). - 125000đ. - 2000 copies s625025
1458. Clarke, Sue. Story central plus level 3 : Activity book with digital book : Exam booster for every unit / Sue Clarke ; Ed.: Le Nguyen Phuong. - Hue : Hue University, 2025. - 104 p. : ill. ; 28 cm. - (Macmillan education). - 3000 copies s625122
1459. Clarke, Sue. Story central plus level 4 : Activity book with digital book : Exam booster for every unit / Sue Clarke, Anita Heald ; Ed.: Le Nguyen Phuong. - Hue : Hue University, 2025. - 104 p. : ill. ; 28 cm. - (Macmillan education). - 3000 copies s625123
1460. Diệp Quang Ba. Ngữ pháp tiếng Việt : Đã được hội đồng thẩm định sách của Bộ Giáo dục và Đào tạo giới thiệu làm sách dùng cho các trường Đại học Sư phạm / Diệp Quang Ba. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 21 cm. - 68000đ. - 500b  
T.2. - 2025. - 259 tr. : hình vẽ, bảng. - Thư mục: tr. 248-253 s624273
1461. Diệp Quang Ban. Ngữ pháp tiếng Việt : Đã được hội đồng thẩm định sách của Bộ Giáo dục và Đào tạo giới thiệu làm sách dùng cho các trường Đại học Sư phạm / Diệp Quang Ban, Hoàng Văn Thung. - Tái bản lần thứ 18. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 21 cm. - 48000đ. - 700b  
T.1. - 2025. - 191 tr. : hình vẽ, bảng. - Thư mục: tr. 183-186 s624272
1462. Dương Thị Kim Cúc. Giáo trình Nói trung cấp 2 = 中级口语教程(II) / B.s.: Dương Thị Kim Cúc, Lê Thu Trang. - H. : Công Thương, 2025. - 78 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 80000đ. - 1000b  
Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.... s623939
1463. Đặng Ngọc Ngân. Giáo trình Tiếng Việt thực hành : Dành cho ngành Ngôn ngữ Anh / Đặng Ngọc Ngân (ch.b.), Lê Thị Hoàng Nga, Từ Thị Mỹ Hạnh. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 160 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 198000đ. - 500b  
ĐTTS ghi: Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 145-146. - Phụ lục: tr. 147-159 s623898
1464. Đề kiểm tra Tiếng Anh 9 : Dùng kèm SGK Tiếng Anh 9 Global Success / Nguyễn Hoàng Thanh Ly, Minh Luận. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 239 tr. ; 24 cm. - 108000đ. - 1000b s624503
1465. Đinh Bích Thảo. 汉、越语言空间维度范畴研究 : 专著 / Đinh Bích Thảo. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 221 p. : ill. ; 21 cm. - 120000đ. - 200 copies  
书目: 页. 205-221 s624988
1466. Đinh Trọng Lạc. Phong cách học Tiếng Việt : Đã được Hội đồng thẩm định sách của Bộ Giáo dục và Đào tạo giới thiệu làm sách dùng chung cho các trường Đại học Sư phạm / Đinh Trọng Lạc (ch.b.), Nguyễn Thái Hoà. - Tái bản lần thứ 16. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 319 tr. : bảng ; 21 cm. - 78000đ. - 500b  
Phụ lục: tr. 295-309. - Thư mục: tr. 310-316 s624274
1467. Đỗ Tùng. Hallo Deutsch! Tự học giao tiếp tiếng Đức : Dành cho người mới bắt đầu / Đỗ Tùng, Nguyễn Thị Ngọc Anh, Nguyễn Tuệ Minh. - H. : Hồng Đức, 2026. - 249 tr. : minh họa ; 24 cm. - 169000đ. - 2000b s626099
1468. Đường Bình. Giáo trình Nói cao cấp = 汉语口语教程 / Đường Bình ch.b. - H. : Công Thương, 2025. - 134 tr. : bảng ; 27 cm. - 120000đ. - 1000b  
Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo... s623930

1469. Echo and Narcissus. - H. : Hanoi National University, 2025. - 31 p. : color pic. ; 24 cm. - (Apollo English). - 2000 copies s625031
1470. English CD textbook H. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 88 p. : pic. ; 21 cm. - (Kumon). - 500 copies s625050
1471. English CD textbook J. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 100 p. : pic. ; 21 cm. - (Kumon). - 500 copies s625051
1472. Etherton, Sally. C21 - English for the 21st century - Level 2 : Suitable for CEFR: A1+ : Workbook / Sally Etherton. - 2nd ed. - Hue : Hue University, 2025. - 95 p. : ill. ; 26 cm. - (Garnet education). - 3000 copies s625038
1473. Etherton, Sally. C21 - English for the 21st century - Level 3 : Suitable for CEFR: A2 : Workbook / Sally Etherton. - 2nd ed. - Hue : Hue University, 2025. - 95 p. : ill. ; 26 cm. - (Garnet education). - 3000 copies s625039
1474. Etherton, Sally. C21 - English for the 21st century - Level 4 : Suitable for CEFR: B1+ : Workbook / Sally Etherton. - 2nd ed. - Hue : Hue University, 2025. - 95 p. : ill. ; 26 cm. - (Garnet education). - 3000 copies s625040
1475. Etherton, Sally. C21 - English for the 21st century - Level 5 : Suitable for CEFR: B2 : Workbook / Sally Etherton. - 2nd ed. - Hue : Hue University, 2025. - 111 p. : ill. ; 26 cm. - (Garnet education). - 3000 copies s625041
1476. Evans, Virginia. Access grade 9 : Workbook / Virginia Evans, Jenny Dooley ; Ed.: Ton Nu Quynh Chi. - Hue : Hue University, 2025. - 77 p. : ill. ; 30 cm. - 112000đ. - 5000 copies s625087
1477. Fluency plus 6 : Activity book / Phạm Hữu Đức (ch.b.), Vũ Vạn Xuân, Lê Quý Mai Huyền... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 91 p. : ill. ; 30 cm. - 120000đ. - 3030 copies s625183
1478. Fluency plus 6 : Student's book / Phạm Hữu Đức (ch.b.), Vũ Vạn Xuân, Lê Quý Mai Huyền... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 104 p. : ill. ; 30 cm. - 130000đ. - 9030 copies s625185
1479. Fluency plus 8 : Activity book / Phạm Hữu Đức (ch.b.), Lê Quý Mai Huyền, Huỳnh Thị Vân Anh... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 92 p. : ill. ; 30 cm. - 120000đ. - 5050 copies s625184
1480. Fluency plus 8 : Student's book / Phạm Hữu Đức (ch.b.), Lê Quý Mai Huyền, Huỳnh Thị Vân Anh... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 108 p. : ill. ; 30 cm. - 130000đ. - 7050 copies s625186
1481. Foncerrada, Ana. Cool kids 5 : Workbook / Ana Foncerrada ; Ed.: Ton Nu Quynh Chi. - 2nd ed. - Hue : Hue University, 2025. - 103 p. : ill. ; 29 cm. - (Richmond). - 2000 copies s625091
1482. Giải thích bộ đề thi vào 10 chuyên - Khối chuyên Anh / Dương Hương. - H. : Dân trí, 2025. - 431 tr. ; 30 cm. - (Tủ sách Tự học đột phá)(Bộ sách trợ thủ cho hành trình vào 10 chuyên). - 159000đ. - 1400b s626524
1483. Giáo trình Phát triển Hán ngữ - Đọc trung cấp 1 = 发展汉语中级阅读 (I) / Biên dịch: Trần Thị Thanh Liêm... - H. : Hồng Đức, 2025. - xiv, 142 tr. : minh họa ; 27 cm. - 142000đ. - 2000b  
ĐTTS ghi: Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh s623830

1484. Giáo trình Phát triển Hán ngữ - Đọc trung cấp 2 = 发展汉语中级阅读 (II) / Biên dịch: Trần Thị Thanh Liêm... - H. : Hồng Đức, 2025. - xv, 142 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 146000đ. - 1000b  
ĐTTS ghi: Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh s623831
1485. Giáo trình phát triển Hán ngữ - Nghe sơ cấp 2 = 发展汉语初级听力 (II) / Biên dịch: Trần Thị Thanh Liêm... - H. : Hồng Đức, 2026. - 141 tr. ; 27 cm. - 130000đ. - 2000b  
ĐTTS ghi: Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh s626507
1486. Giáo trình Phát triển Hán ngữ - Tổng hợp sơ cấp 1 = 发展汉语初级综合 ( I ) / Dịch: Trần Thị Thanh Liêm... - H. : Hồng Đức. - 27 cm. - 199000đ. - 1000b  
ĐTTS ghi: Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh  
T.1. - 2026. - 241 tr. : minh họa s626504
1487. Giáo trình Phát triển Hán ngữ - Tổng hợp sơ cấp 1 = 发展汉语初级综合 ( I ) / Dịch: Trần Thị Thanh Liêm... - H. : Hồng Đức. - 27 cm. - 199000đ. - 1000b  
ĐTTS ghi: Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh  
T.2. - 2026. - 243 tr. : minh họa s626505
1488. Giáo trình Phát triển Hán ngữ - Tổng hợp sơ cấp 2 = 发展汉语初级综合 (II) / Dịch: Trần Thị Thanh Liêm... - H. : Hồng Đức. - 27 cm. - 179000đ. - 2000b  
ĐTTS ghi: Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh  
T.1. - 2026. - 198 tr. s626506
1489. Giáo trình Phát triển Hán ngữ - Tổng hợp trung cấp 1 = 发展汉语中级综合 ( I ) / Biên dịch: Trần Thị Thanh Liêm... - H. : Hồng Đức, 2025. - x, 225 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - 199000đ. - 1000b  
ĐTTS ghi: Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh s623833
1490. Giáo trình Phát triển Hán ngữ - Viết trung cấp 1 : 发展汉语中级写作 (I) / Biên dịch: Trần Thị Thanh Liêm... - H. : Hồng Đức, 2025. - xiii, 174 tr. : minh họa ; 27 cm. - 189000đ. - 2000b  
ĐTTS ghi: Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh. - Phụ lục: tr. 171-174 s623832
1491. Giáo trình Phát triển Hán ngữ: Nói - Giao tiếp sơ cấp 2 = 发展汉语初级口语 2 / Dịch: Trần Thị Thanh Liêm... - H. : Hồng Đức, 2026. - 343 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 258000đ. - 2000b  
ĐTTS ghi: Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh s626503
1492. Halliwell, Helen. Achievers grade 7 : Workbook / Helen Halliwell ; Ed.: Ton Nu Quynh Chi. - Hue : Hue University, 2023. - 145 p. : ill. ; 28 cm. - (Richmond). - 112000đ. - 10000 copies s625109
1493. Halliwell, Helen. Achievers grade 8 : Workbook / Helen Halliwell ; Ed.: Nguyen Thi Thanh Loan. - Hue : Hue University, 2023. - 145 p. : ill. ; 28 cm. - (Richmond). - 112000đ. - 10000 copies s625110
1494. Hoàng Đỗ Trọng. 360 động từ bất quy tắc và cách dùng các thì trong Tiếng Anh = 360 irregular verbs and uses of tenses in English / Hoàng Đỗ Trọng, Lê Nhã Thu. - Tái bản lần thứ 6. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 115 tr. ; 21 cm. - 18000đ. - 8000b s625503

1495. Hoàng Thái Huyền. Giáo trình Thuyết trình tiếng Trung Quốc = 高级汉语口语 - 演讲与话题 / Ch.b.: Hoàng Thái Huyền, Nguyễn Thu Hiền. - H. : Công Thương, 2025. - 94 tr. ; 27 cm. - 10000đ. - 1000b  
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo... s623936
1496. Hoàng Thái Huyền. Giáo trình Viết cao cấp = 高级写作教程 / Hoàng Thái Huyền, Nguyễn Thu Hiền. - H. : Công Thương, 2025. - 67 tr. : bảng ; 27 cm. - 8000đ. - 1000b  
Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo... s623935
1497. Hobbs, Martyn. Achievers grade 6 : Student's book / Martyn Hobbs, Julia Starr Keddle, Carolyn Barraclough ; Ed.: Ton Nu Quynh Chi. - Hue : Hue University, 2023. - 153 p. : ill. ; 28 cm. - (Richmond). - 25100đ. - 17000 copies s625112
1498. Hobbs, Martyn. Achievers grade 7 : Student's book / Martyn Hobbs, Julia Starr Keddle ; Ed.: Ton Nu Quynh Chi. - Hue : Hue University, 2023. - 153 p. : ill. ; 28 cm. - (Richmond). - 25100đ. - 10000 copies s625113
1499. Hobbs, Martyn. Achievers grade 8 : Student's book / Martyn Hobbs, Julia Starr Keddle ; Ed.: Nguyen Thi Thanh Loan. - Hue : Hue University, 2025. - 153 p. : ill. ; 28 cm. - (Richmond). - 25100đ. - 10000 copies s625114
1500. Hughes, Jake. C21 - English for the 21st century - Level 3 : Suitable for CEFR: A2 : Course book / Jake Hughes. - 2nd ed. - Hue : Hue University, 2025. - 207 p. : ill. ; 26 cm. - (Garnet education). - 3000 copies s625043
1501. Hughes, Jake. C21 - English for the 21st century - Level 5 : Suitable for CEFR: B2 : Course book / Jake Hughes, Fiona Scott Barrett. - 2nd ed. - Hue : Hue University, 2025. - 223 p. : ill. ; 26 cm. - (Garnet education). - 3000 copies s625045
1502. Huy Khang. 750 động từ tiếng Đức và cách dùng = Deutshe verben / Huy Khang b.s. ; Quỳnh Văn h.đ. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 365 tr. ; 24 cm. - 12000đ. - 2000b  
Phụ lục: tr. 351-365 s625933
1503. Huy Khang. Từ vựng tiếng Đức theo chủ đề = Wortschatz Deutsch nach Themen / Huy Khang b.s. ; Nguyễn Văn Tuấn h.đ. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 276 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 2000b s625936
1504. Huy Khang. Tự học 3000 câu giao tiếp tiếng Anh cơ bản / Huy Khang. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 363 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 11000đ. - 4000b s625915
1505. Huy Khang. Tự học 5000 câu giao tiếp tiếng Đức thông dụng / Huy Khang b.s. ; Nguyễn Văn Tuấn h.đ. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 312 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 2000b  
Phụ lục: tr. 255-296 s625937
1506. Huy Khang. Tự học 9900 câu giao tiếp tiếng Anh thông dụng trong đời sống hàng ngày / Huy Khang. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 452 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 14000đ. - 2000b s625932
1507. Huỳnh Quang Huy. Tiếng Trung từ số 0 / Huỳnh Quang Huy (ch.b.), Nguyễn Thị Trúc Nhã, Hồ Quốc Trường. - H. : Dân trí, 2025. - 137 tr. : minh họa ; 27 cm. - 26900đ. - 5000b s624875
1508. Hứa Kim Sinh. Hán ngữ Msutong = 速通汉语 = Expressway to Chinese : Trung cấp / Ch.b.: Hứa Kim Sinh, Hồ Văn Hoa, Ngô Trung Vĩ ; Dịch: Nguyễn Hoàng Anh... - Tái bản. - H. : Thế giới. - 27 cm. - 19900đ. - 2000b

- ĐTTS ghi: Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh  
T.2. - 2025. - 121 tr. : minh họa s623905
1509. Hứa Kim Sinh. Hán ngữ Msutong = 速通汉语 = Expressway to Chinese : Trung cấp / Ch.b.: Hứa Kim Sinh, Hồ Văn Hoa, Ngô Trung Vĩ ; Dịch: Nguyễn Hoàng Anh... - Tái bản. - H. : Thế giới. - 27 cm. - 199000đ. - 2000b  
ĐTTS ghi: Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh  
T.3. - 2025. - 120 tr. : minh họa s623906
1510. Hứa Kim Sinh. Hán ngữ Msutong = 速通汉语 = Expressway to Chinese : Trung cấp / Ch.b.: Hứa Kim Sinh, Hồ Văn Hoa, Ngô Trung Vĩ ; Dịch: Nguyễn Hoàng Anh... - Tái bản. - H. : Thế giới. - 27 cm. - 199000đ. - 1000b  
ĐTTS ghi: Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh  
T.4. - 2025. - 113 tr. : minh họa s623907
1511. Hướng dẫn luyện thi vào 10 môn Tiếng Anh : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018... / Phạm Thị Mai Hương (ch.b.), Bùi Quỳnh Trang, Nguyễn Minh Hằng. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 191 tr. : bảng ; 27 cm. - 85000đ. - 2000b s624041
1512. Hướng dẫn ôn thi tốt nghiệp Trung học phổ thông môn Tiếng Anh năm học 2025 - 2026 / Chu Quang Bình (ch.b.), Đỗ Trọng Hoàng, Nguyễn Văn Cường... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 208 tr. ; 27 cm. - 95000đ. - 3000b s624671
1513. IELTS writing - Viết luận "chất như nước cất" / Nguyễn Hoàng Huy (ch.b.), Hoàng Phước Nguyên, Ngô Trần Anh Thư... - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 237 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 219000đ. - 3000b  
Thư mục: tr. 235-237 s625929
1514. I-Learn smart start 2 : Student book / Nguyễn Phương Thảo, Harry Hodge, Nguyễn Thụy Bảo Trâm... - Hue : Hue University, 2023. - 132 p. : ill. ; 29 cm. - 113000đ. - 3000 copies s625115
1515. Jadoo Tiếng Anh - Luyện viết chữ nhớ từ vựng : Theo Chương trình sách giáo khoa / Vũ Loan. - H. : Dân trí. - 27 cm. - (Global success). - 79000đ. - 2000b  
T.1. - 2025. - 35 tr. : tranh màu s623983
1516. Jadoo Tiếng Anh - Luyện viết chữ nhớ từ vựng : Theo Chương trình sách giáo khoa / Vũ Loan. - H. : Dân trí. - 27 cm. - (Global success). - 79000đ. - 2000b  
T.2. - 2025. - 36 tr. : tranh màu s623984
1517. Jadoo Tiếng Anh - Luyện viết chữ nhớ từ vựng : Theo Chương trình sách giáo khoa / Vũ Loan. - H. : Dân trí. - 27 cm. - (Global success). - 79000đ. - 2000b  
T.3. - 2025. - 44 tr. : tranh màu s623985
1518. Jadoo Tiếng Anh - Luyện viết chữ nhớ từ vựng : Theo Chương trình sách giáo khoa / Vũ Loan. - H. : Dân trí. - 27 cm. - (Global success). - 79000đ. - 2000b  
T.4. - 2025. - 44 tr. : tranh màu s623986
1519. Jadoo Tiếng Anh - Luyện viết chữ nhớ từ vựng : Theo Chương trình sách giáo khoa / Vũ Loan. - H. : Dân trí. - 27 cm. - (Global success). - 79000đ. - 2000b  
T.5. - 2025. - 44 tr. : tranh màu s623987
1520. Kỳ yếu Hội thảo khoa học quốc tế 2025: Giảng dạy - nghiên cứu ngôn ngữ Nhật và Nhật Bản học ở bậc đại học: Thực tiễn, thách thức và đổi mới / Nguyễn Song Lan Anh, Nguyễn Đoàn Quang Anh, Nguyễn Thị Anh... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 505 tr. : minh họa ; 27 cm. - 50b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Trường Ngoại ngữ - Du lịch. - Thư mục cuối mỗi bài s626488

1521. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Ngôn ngữ học chức năng và vấn đề đa phương thức : Proceedings of the international scientific conference: Functional linguistics and multimodality / Bui Thi Thanh Mai, Bùi Trọng Ngoãn, Nguyễn Thị Diệu Trang... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 675 tr. ; 30 cm. - 60b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Trường Ngoại ngữ - Du lịch s623910

1522. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Trí tuệ nhân tạo và giảng dạy ngoại ngữ, ngôn ngữ và quốc tế học tại Việt Nam = Artificial intelligence and teaching foreign languages, linguistics & international studies in Vietnam / Nguyễn Ngọc Anh, Tạ Thị Thanh Hiền, Nguyễn Tuấn Anh... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 826 tr. : minh họa ; 30 cm. - 350000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Ngoại ngữ. - Thư mục cuối mỗi bài s626571

1523. Kỹ năng biên phiên dịch thực chiến - Trình độ cơ bản : Trung - Việt, Việt - Trung / Phạm Minh Tiến, Nguyễn Phước Lộc (tổng ch.b.), Trần Khai Xuân (ch.b.)... - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 185 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 216000đ. - 1000b s625651

1524. Lambert, Viv. Story central plus level 1 : Activity book with digital book : Exam booster for every unit / Viv Lambert ; Ed.: Le Nguyen Phuong. - Hue : Hue University, 2025. - 104 p. : ill. ; 28 cm. - (Macmillan education). - 3000 copies s625120

1525. Lambert, Viv. Story central plus level 1 : Student book with ebook : Exam booster for every unit / Viv Lambert, Mo Choy ; Ed.: Le Nguyen Phuong. - Hue : Hue University, 2025. - 135 p. : ill. ; 28 cm. - (Macmillan education). - 3000 copies s625117

1526. Lambert, Viv. Story central plus level 2 : Activity book with digital book : Exam booster for every unit / Viv Lambert ; Ed.: Le Nguyen Phuong. - Hue : Hue University, 2025. - 104 p. : ill. ; 28 cm. - (Macmillan education). - 3000 copies s625121

1527. Lambert, Viv. Story central plus level 5 : Activity book with digital book : Exam booster for every unit / Viv Lambert, Mo Choy, Suzanne Gaynor ; Ed.: Le Nguyen Phuong. - Hue : Hue University, 2025. - 104 p. : ill. ; 28 cm. - (Macmillan education). - 3000 copies s625124

1528. Lambert, Viv. Story central plus level 5 : Student book with ebook : Grammar booster for every unit / Viv Lambert, Mo Choy ; Ed.: Le Nguyen Phuong. - Hue : Hue University, 2025. - 135 p. : ill. ; 28 cm. - (Macmillan education). - 3000 copies s625119

1529. Lambert, Viv. Story central plus level 6 : Activity book with digital book : Exam booster for every unit / Viv Lambert, Mo Choy, Suzanne Gaynor ; Ed.: Le Nguyen Phuong. - Hue : Hue University, 2025. - 104 p. : ill. ; 28 cm. - (Macmillan education). - 3000 copies s625125

1530. Lật mở từ vựng tiếng Anh đầu tiên cho bé. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 20 cm. - (Bé vừa học vừa chơi theo chủ đề). - 62000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 10 tr. : tranh màu s625918

1531. Lee Việt. Tiếng Anh du ký / Lee Việt. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 279 tr. : hình vẽ ; 20 cm. - 169000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: My English journey s625906

1532. Lê Hà Mi. Giáo trình Nghe trung cấp 2 = 中级听力教程(II) : Dành cho sinh viên / Lê Hà Mi, Tạ Thị Hồng Tú. - H. : Công Thương, 2025. - 57 tr. ; 27 cm. - 80000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo... s623937

1533. Lê Huy Khoa. 5000 câu trúc ngữ pháp, quán dụng ngữ và từ vựng tiếng Hàn = TOPIK 시험대비 5000개 단어 - 관용어 - 문법총정리편 / Lê Huy Khoa. - H. : Hồng Đức, 2025. - 471 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 275000đ. - 2000b s624183

1534. Lê Thị Thu Giang. Mindmap ngữ pháp tiếng Hàn / Lê Thị Thu Giang, Im Seung Seon. - H. : Hồng Đức, 2026. - 405 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 275000đ. - 2000b s626100

1535. Llanas, Angela. Story central plus level 3 : Student book with ebook : Grammar booster for every unit / Angela Llanas, Libby Williams ; Ed.: Le Nguyen Phuong. - Hue : Hue University, 2025. - 135 p. : ill. ; 28 cm. - (Macmillan education). - 3000 copies s625118

1536. Lò Văn Chiến. Từ vựng Giáy - Việt / Lò Văn Chiến. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 383 tr. ; 24 cm. - 298b

ĐTTS ghi: Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Lai Châu s625383

1537. Luyện đề thực chiến đánh giá năng lực HSA - Phần định tính / Đặng Ngọc Khương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 255 tr. ; 24 cm. - 175000đ. - 5000b s626131

1538. Luyện đề thực chiến đánh giá năng lực HSA - Phần Tiếng Anh / Hoàng Phúc Đức. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 191 tr. : bảng ; 24 cm. - 175000đ. - 5000b s626130

1539. Lữ Thị Tâm Hiền. Luyện viết tiếng Nhật - Chữ Kanji - Sơ cấp 1 / Lữ Thị Tâm Hiền, Bùi Phụng Nghi Linh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 95 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 95000đ. - 2000b s626520

1540. Lý Hiểu Kỳ. Giáo trình Hán ngữ Boya - Sơ cấp = 博雅汉语 - 初级起步篇 : Phiên bản 3 / Lý Hiểu Kỳ, Nhậm Tuyết Mai, Từ Tinh Ngung ; Biên dịch: Trần Thị Thanh Liêm... - H. : Hồng Đức. - 27 cm. - 219000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Nhà xuất bản Đại học Bắc Kinh

T.1. - 2026. - 267 tr. : minh họa s626501

1541. Lý Hiểu Kỳ. Giáo trình Hán ngữ Boya - Sơ cấp : Phiên bản 3 = 博雅汉语 - 初级起步篇 : 第三版 / Lý Hiểu Kỳ, Nhậm Tuyết Mai, Từ Tinh Ngung ; Biên dịch: Trần Thị Thanh Liêm... - H. : Hồng Đức. - 27 cm. - 219000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 267 tr. : hình vẽ, bảng s623825

1542. Lý Hiểu Kỳ. Giáo trình Hán ngữ Boya - Sơ cấp : Phiên bản 3 = 博雅汉语 - 初级起步篇 : 第三版: Sách bài tập kèm đáp án / Lý Hiểu Kỳ, Nhậm Tuyết Mai, Từ Tinh Ngung ; Biên dịch: Trần Thị Thanh Liêm... - H. : Hồng Đức. - 27 cm. - 139000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 186 tr. : ảnh, bảng s623828

1543. Lý Hiểu Kỳ. Giáo trình Hán ngữ Boya - Sơ cấp = 博雅汉语 - 初级起步篇 / Lý Hiểu Kỳ (ch.b.), Nhậm Tuyết Mai, Từ Tinh Ngung. - H. : Hồng Đức. - 27 cm. - 189000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 175 tr. : hình vẽ, bảng s623829

1544. Lý Hiểu Kỳ. Giáo trình Hán ngữ Boya - Sơ cấp = 博雅汉语 - 初级起步篇 : Phiên bản 3 / Lý Hiểu Kỳ, Nhậm Tuyết Mai, Từ Tinh Ngung ; Biên dịch: Trần Thị Thanh Liêm... - H. : Hồng Đức. - 27 cm. - 199000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Nhà xuất bản Đại học Bắc Kinh

T.2. - 2025. - 221 tr. : minh họa s626502

1545. Lý Hiểu Kỳ. Giáo trình Hán ngữ Boya - Sơ cấp : Phiên bản 3 = 博雅汉语 - 初级起步篇 : 第三版 / Lý Hiểu Kỳ, Nhậm Tuyết Mai, Từ Tinh Ngung ; Biên dịch: Trần Thị Thanh Liêm... - H. : Hồng Đức. - 27 cm. - 199000đ. - 2000b  
T.2. - 2025. - 221 tr. : hình vẽ, bảng s623826
1546. Lý Hiểu Kỳ. Giáo trình Hán ngữ Boya - Trung cấp 2 : Phiên bản thứ 2 = 博雅汉语 - 中级冲速篇 : 第二版 / Lý Hiểu Kỳ (ch.b.), Triệu Diên Phong. - H. : Hồng Đức. - 27 cm. - 218000đ. - 1000b  
T.1. - 2025. - 231 tr. : hình vẽ, bảng s623827
1547. Ma Thế Đức. IELTS sample - Speaking part 1-2-3 : Tuyển tập câu trả lời mẫu hay nhất / Ma Thế Đức. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 141 tr. ; 27 cm. - 125000đ. - 1900b s626410
1548. Một số vấn đề mới trong phát triển và giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt : Sách chuyên khảo / Nguyễn Văn Hiệp (ch.b.), Đinh Thị Hằng, Nguyễn Thị Thùy... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 331 tr. : bảng ; 24 cm. - 145000đ. - 200b  
ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Ngôn ngữ học. - Thư mục: tr. 305-331 s625380
1549. Mỹ Duy. Tự học 5000 câu giao tiếp tiếng Trung thông dụng : 93 chủ đề đàm thoại... / Mỹ Duy. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 248 tr. : minh họa ; 24 cm. - 120000đ. - 2000b s625931
1550. Nari. Giữa nhân gian lặng gió = Where the world is still / Nari. - H. : Dân trí, 2025. - 243 tr. ; 21 cm. - 169000đ. - 2000b s625246
1551. Ngô Phương Anh. Mô hình lớp học tự chủ trong đào tạo ngoại ngữ - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn : Sách chuyên khảo / Ngô Phương Anh. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 215 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 190000đ. - 200b  
Thư mục: tr. 204-215 s624297
1552. Nguyen Thi Thanh Loan. Achievers CLIL grade 8 / Ed.: Nguyen Thi Thanh Loan. - Hue : Hue University, 2023. - 24 p. : ill. ; 28 cm. - 10000 copies s625107
1553. Nguyen Thi Thanh Loan. B1 preliminary for schools : 5 complete practice tests : New format 2020 / Ed.: Nguyen Thi Thanh Loan. - Hue : Hue University, 2025. - 158 p. : ill. ; 29 cm. - (Exam Cambridge English qualifications). - 179000đ. - 3000 copies s625086
1554. Nguyễn Đức Châu. Biên phiên dịch chuyên ngành 4 = Advanced business interpretation & translation 4 / Nguyễn Đức Châu. - H. : Tri thức, 2026. - 318 tr. : hình vẽ, ảnh ; 21 cm. - 280000đ. - 3000b s625788
1555. Nguyễn Đức Châu. Phiên dịch & biên dịch 1 = Interpretation & translation 1 : Audio link / Nguyễn Đức Châu. - H. : Tri thức, 2026. - 313 tr. : ảnh ; 21 cm. - 280000đ. - 3000b s625787
1556. Nguyễn Minh Hiền. Giáo trình Đọc hiểu cao cấp = 汉语阅读教程 / Ch.b.: Nguyễn Minh Hiền, Nguyễn Minh Hằng. - H. : Công Thương, 2025. - 101 tr. : minh họa ; 27 cm. - 120000đ. - 1000b  
Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo... s623933
1557. Nguyễn Thị Lệ Quyên. Tự học giao tiếp tiếng Nga cho người mới bắt đầu / Nguyễn Thị Lệ Quyên (ch.b.), Nguyễn Bích Ngọc, Đỗ Thị Hồng Nhung. - H. : Hồng Đức, 2026. - 227 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 128000đ. - 2000b s626084

1558. Nguyễn Thị Linh. Ngữ pháp và bài tập Hán ngữ theo chương trình HSK 9 cấp : HSK 1 - 2 - 3 : Ngữ pháp đầy đủ - bài tập sát thực tế - giải thích dễ hiểu / Nguyễn Thị Linh. - H. : Hồng Đức, 2025. - 415 tr. ; 24 cm. - 345000đ. - 3000b s624182

1559. Nguyễn Thị Miên. Giáo trình Đọc trung cấp 2 = 中级阅读教程(II) / Ch.b.: Nguyễn Thị Miên, Chu Xuân Anh. - H. : Công Thương, 2025. - 76 tr. : hình vẽ, ảnh ; 27 cm. - 100000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo... s623932

1560. Nguyễn Thị Ngọc Quyên. I-Learn smart start 2 : Workbook / Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Nguyễn Phương Thảo, Ngô Minh Bảo Ngọc. - Hue : Hue University, 2023. - 123 p. : ill. ; 29 cm. - 81000đ. - 3000 copies s625116

1561. Nguyễn Thị Trúc Nhã. Luyện viết chữ Hán từ số 0 = 从0开始 / Ch.b.: Nguyễn Thị Trúc Nhã, Hồ Quốc Trường. - H. : Dân trí, 2025. - 69 tr. : bảng ; 27 cm. - 99000đ. - 5000b s624876

1562. Nguyễn Thiện Giáp. Dẫn luận ngôn ngữ học / Nguyễn Thiện Giáp (ch.b.), Đoàn Thiện Thuật, Nguyễn Minh Thuyết. - Tái bản lần thứ 26. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 324 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 78000đ. - 1500b

Thư mục: tr. 317-320 s624275

1563. Nguyễn Xuân Luật. Từ điển Việt - Mường Thanh Hóa / Nguyễn Xuân Luật. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 848 tr. ; 27 cm. - 1565b

Thư mục: tr. 845-847 s624019

1564. Ngữ pháp Tiếng Anh nâng cao 6 : Sách có đáp án và lời giải tự học / Thùy Dương. - H. : Dân trí. - 27 cm. - (Global Success). - 79000đ. - 1000b

T.2. - 2025. - 143 tr. s626523

1565. O'Driscoll, Nina. C21 English for the 21st century - Level 2 : Suitable for CEFR: A1+ : Course book / Nina O'Driscoll, Jake Hughes. - 2nd ed. - Hue : Hue University, 2025. - 199 p. : ill. ; 26 cm. - (Garnet education). - 3000 copies s625042

1566. O'Driscoll, Nina. C21 English for the 21st century - Level 4 : Suitable for CEFR: B1 : Course book / Nina O'Driscoll, Jake Hughes. - 2nd ed. - Hue : Hue University, 2025. - 223 p. : ill. ; 26 cm. - (Garnet education). - 3000 copies s625044

1567. Ôn tập thi vào lớp 10 môn Tiếng Anh / Khoa Anh Việt, Nguyễn Ngọc Phúc, Phạm Thanh Hằng... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 183 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 60000đ. - 2600b s625316

1568. Park Hye Young. TOEIC preparation LC + RC : Building confidence for false beginners in TOEIC : For the revised test format 2019 in Viet Nam / Park Hye Young, Jeon Ji Won. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 26 cm. - (Multi-level New TOEIC test preparation series). - 268000đ. - 3000 copies

Vol.1. - 2025. - 223 p. : ill. s625200

1569. Phạm Dương Châu. Để học tốt tiếng Trung = 快乐练习汉语 : Bài tập và luyện dịch trình độ sơ cấp / Phạm Dương Châu ch.b. - H. : Hồng Đức, 2025. - 270 tr. : minh họa ; 27 cm. - 500000đ. - 5000b

ĐTTS ghi: Tiếng Trung Dương Châu s623820

1570. Phạm Dương Châu. Giáo trình Hán ngữ = 汉语教程 : Phiên bản mới / Phạm Dương Châu ch.b. - H. : Hồng Đức. - 27 cm. - 500000đ. - 5000b

- ĐTTS ghi: Tiếng Trung Dương Châu  
T.1+2. - 2025. - 242 tr. : hình vẽ, bảng s623821
1571. Phạm Dương Châu. Giáo trình Hán ngữ = 汉语教程 : Phiên bản offline 1 / Phạm Dương Châu ch.b. - H. : Hồng Đức. - 27 cm. - 500000đ. - 5000b  
ĐTTS ghi: Tiếng Trung Dương Châu  
T.3+4. - 2025. - 231 tr. : minh họa s623823
1572. Phạm Dương Châu. Giáo trình Hán ngữ : Bản online = 汉语教程 : 在线版 / Phạm Dương Châu ch.b. - H. : Hồng Đức. - 27 cm. - 500000đ. - 5000b  
ĐTTS ghi: Tiếng Trung Dương Châu  
T.3+4. - 2025. - 243 tr. : bảng s623822
1573. Phạm Dương Châu. 69 chuyên đề ngữ pháp luyện dịch quan trọng : Thi đỗ HSK 1, 2, 3, 4, 5, 6 : Phiên bản mới / Phạm Dương Châu ch.b. - H. : Hồng Đức, 2025. - 251 tr. : bảng ; 27 cm. - 600000đ. - 5000b  
ĐTTS ghi: Tiếng Trung Dương Châu. - Phụ lục: tr. 139-231 s623819
1574. Phạm Ngọc Minh. Làm chủ kỹ năng đọc hiểu kỳ thi tốt nghiệp THPT môn Tiếng Anh : Bám sát theo cấu trúc đề thi mới... / Phạm Ngọc Minh. - H. : Hồng Đức, 2025. - 247 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 129000đ. - 2000b s624180
1575. Phạm Thị Ngọc. Kính ngữ tiếng Hàn và các phương tiện biểu hiện tương đương trong Tiếng Việt : Sách chuyên khảo / Phạm Thị Ngọc. - H. : Hồng Đức, 2025. - 294 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 125000đ. - 2000b  
Thư mục: tr. 275-292 s624171
1576. Phạm Thị Thu Nga. Giáo trình Viết 1 = Writing 1 / Phạm Thị Thu Nga (ch.b.), Phạm Hồng Phượng, Hoàng Thị Xuân Hồng. - H. : Tri thức, 2025. - 141 tr. : minh họa ; 27 cm. - 100b  
ĐTTS ghi: Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội. - Thư mục: tr. 141 s626389
1577. Phạm Thị Thu Nga. Giáo trình Viết 2 = Writing 2 / Phạm Thị Thu Nga (ch.b.), Phạm Hồng Phượng, Hoàng Thị Xuân Hồng. - H. : Tri thức, 2025. - 182 tr. : minh họa ; 27 cm. - 100b  
ĐTTS ghi: Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội. - Thư mục: tr. 182 s626390
1578. Phương Dung. Nâng cao vốn từ vựng tiếng Đức theo chủ đề bằng hình ảnh = Bildwörterbuch Den deutschen wortschatz erweitern / B.s.: Phương Dung (ch.b.), Phan Kim Khánh Duy. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 180 tr. : minh họa ; 24 cm. - 180000đ. - 2000b s625935
1579. Popodoo smart English B1 - Family : Workbook. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 32 p. : ill. ; 29 cm. - 99000đ. - 2000 copies s625187
1580. Popodoo smart English B2 - Zoo : Workbook. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 32 p. : pic. ; 29 cm. - 99000đ. - 2000 copies s625168
1581. Popodoo smart English B3 - Fruit : Workbook. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 32 p. : pic. ; 29 cm. - 99000đ. - 2000 copies s625169
1582. Popodoo smart English B4 - Vegetables : Workbook. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 32 p. : pic. ; 29 cm. - 99000đ. - 2000 copies s625172
1583. Popodoo smart English B5 - School : Workbook. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 32 p. : pic. ; 29 cm. - 99000đ. - 2000 copies s625173
1584. The prince and the beggar. - H. : Hanoi National University, 2025. - 31 p. : color pic. ; 24 cm. - (Apollo English). - 3000 copies s625030

1585. Read and explore : Exploring nature, science, and society. - H. : Tri thức, 2025. - 153 p. : ill. ; 20x28 cm. - (Explore 10 - Book collection)(Ecokid book). - 300000đ. - 3000 copies s625067

1586. 60 đề minh họa thi vào 10 môn Tiếng Anh : Phát triển từ cấu trúc đề minh họa và đề chính thức mới nhất của các Sở Giáo dục và Đào tạo có mức độ phân hóa cao... / Trà My. - H. : Dân trí, 2025. - 367 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 200000đ. - 20000b s624001

1587. Seung Eun Oh. Học tiếng Hàn thật là đơn giản : Dành cho người mới bắt đầu = Korean made easy : Starters / Seung Eun Oh ; Nguyễn Linh dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 192 tr. : minh họa ; 26 cm. - 150000đ. - 600b s625206

1588. Sổ tay học nhanh toàn diện Tiếng Anh Trung học cơ sở : Nội dung chuẩn theo Chương trình mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Dương Hương. - H. : Dân trí, 2025. - 127 tr. : minh họa ; 21 cm. - (Tủ sách Tự học đột phá). - 48000đ. - 1500b s625222

1589. Takenote - Giải thích ngữ pháp tiếng Anh : Dễ học - Dễ nhớ - Dễ áp dụng / Lighthouse Writers. - H. : Thế giới, 2025. - 159 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 98000đ. - 6000b s625645

1590. Thacker, Claire. Achievers grade 6 : Workbook / Claire Thacker ; Ed.: Ton Nu Quynh Chi. - Hue : Hue University, 2023. - 145 p. : ill. ; 28 cm. - (Richmond). - 112000đ. - 15000 copies s625108

1591. Thacker, Claire. Achievers grade 9 : Workbook / Martyn Hobbs, Julia Starr Keddle ; Ed.: Ton Nu Quynh Chi. - Hue : Hue University, 2025. - 145 p. : ill. ; 28 cm. - (Richmond). - 112000đ. - 20000 copies s625111

1592. Thiên Phúc. Từ điển Đức Việt bằng hình = Das bildwörterbuch Deutsch - Vietnamesisch / Thiên Phúc b.s. ; Khánh Duy h.đ. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 306 tr. : minh họa ; 21 cm. - 195000đ. - 3000b s625899

1593. Thực chiến đề thi HSA Tiếng Anh / Dương Mỹ Thắm, Tạ Thị Hồng Lụa. - H. : Tri thức, 2026. - 151 tr. : bảng ; 27 cm. - 3000b s626381

1594. Tiếng Anh 6 - Friends Plus : Workbook / Trần Cao Bội Ngọc (ch.b.), Vũ Vạn Xuân. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 80 tr. : minh họa ; 28 cm. - 79000đ. - 45000b s624648

1595. Tiếng Anh 6 - I-Learn smart world : Notebook : Luyện tập và củng cố từ vựng, ngữ pháp. Ôn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết. - Huế : Đại học Huế, 2025. - 71 p. : ill. ; 28 cm. - 38000đ. - 8000 copies s625103

1596. Tiếng Anh 7 - Friends Plus : Workbook / Trần Cao Bội Ngọc (ch.b.), Vũ Vạn Xuân, Trần Nguyễn Thụy Thoại Lan. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : minh họa ; 28 cm. - 79000đ. - 35000b s624649

1597. Tiếng Anh 8 - Friends Plus : Workbook / Trần Cao Bội Ngọc (ch.b.), Trần Kim Duyên, Trần Nguyễn Thụy Thoại Lan. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : minh họa ; 28 cm. - 79000đ. - 45000b s624650

1598. Tiếng Anh 9 - Friends Plus : Workbook / Trần Cao Bội Ngọc (ch.b.), Trần Kim Duyên, Trần Nguyễn Thụy Thoại Lan. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 70 tr. : ảnh, bảng ; 28 cm. - 79000đ. - 25000b s624651

1599. Tiếng Anh 9 - Friends Plus : Student book / Trần Cao Bội Ngọc (ch.b.), Trần Kim Duyên, Trần Nguyễn Thụy Thoại Lan. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 116 tr. : ảnh, bảng ; 28 cm. - 72000đ. - 30000b s624652

1600. Tiếng Anh 9 - I-Learn smart world : Notebook : Luyện tập và củng cố từ vựng, ngữ pháp. Ôn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết. - Huế : Đại học Huế, 2025. - 77 p. : ill. ; 28 cm. - 38000đ. - 8000 copies s625104
1601. Tiếng Anh 10 - Friends global : Workbook / Vũ Mỹ Lan (ch.b.), Huỳnh Đông Hải, Nguyễn Thúy Liên... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 84 tr. : minh họa ; 28 cm. - 79000đ. - 20000b s624645
1602. Tiếng Anh 11 - Friends global : Workbook / Vũ Mỹ Lan (ch.b.), Huỳnh Đông Hải, Nguyễn Thúy Liên... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 84 tr. : minh họa ; 28 cm. - 79000đ. - 20000b s624646
1603. Tiếng Anh 12 - Friends global : Workbook / Vũ Mỹ Lan (ch.b.), Huỳnh Đông Hải, Nguyễn Thúy Liên... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 84 tr. : ảnh, bảng ; 28 cm. - 79000đ. - 20000b s624647
1604. Tiếng Nhật cho mọi người = みんなの日本語 = Minna no Nihongo : Bản mới - Sơ cấp 2 : Bản tiếng Nhật / 3A Network. - In lần thứ 9. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - xi, 247 tr. : hình vẽ, bảng ; 26 cm. - 180000đ. - 2000b s624238
1605. Ton Nu Quynh Chi. Achievers CLIL grade 6 / Ed.: Ton Nu Quynh Chi. - Hue : Hue University, 2023. - 24 p. : ill. ; 28 cm. - 17000 copies s625105
1606. Ton Nu Quynh Chi. Achievers CLIL grade 7 / Ed.: Ton Nu Quynh Chi. - Hue : Hue University, 2023. - 24 p. : ill. ; 28 cm. - 10000 copies s625106
1607. Tô Anh Hà. Le Du - Giáo trình môn Đọc hiểu tiếng Trung = 乐读 - 国际中文阅读 教学课本 / Tô Anh Hà ch.b. ; Biên dịch: Nguyễn Phước Lộc... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. - 29 cm. - 160000đ. - 500b  
T.2. - 2025. - 177 tr. : minh họa s626526
1608. Tô Minh Thanh. Hình thái học tiếng Anh = English morphology / Tô Minh Thanh. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - x, 176 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 70000đ. - 1000b s625898
1609. Tô Minh Thanh. Ngữ nghĩa học tiếng Anh = English semantics : Second edition / Tô Minh Thanh. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - ix, 247 tr. : bảng ; 21 cm. - 90000đ. - 1000b  
Thư mục: tr. 237 s625914
1610. Tổng ôn ngôn ngữ Tiếng Anh : HCM - VACT Luyện thi Đánh giá năng lực theo cấu trúc đề của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh... / Nguyễn Hiền, Phạm Hương, Lê Nga... - H. : Dân trí, 2025. - 503 tr. : bảng ; 27 cm. - 250000đ. - 3000b s624002
1611. Tổng ôn Tiếng Anh 9 : Dành cho học sinh luyện thi vào 10... / Trà My. - H. : Dân trí. - 27 cm. - (Sách ID - Một cuộc cách mạng Sách). - 200000đ. - 10000b  
T.2. - 2025. - 367 tr. s626513
1612. Tổng ôn từ vựng tiếng Anh : Dành cho học sinh, sinh viên, người đi làm... / Trang Anh (ch.b.), Huỳnh Tài. - H. : Dân trí. - 27 cm. - 150000đ. - 5000b  
T.2. - 2025. - 362 tr. : bảng s623980
1613. Tổng tập đề thi Olympic 30 tháng 4 Tiếng Anh 10. - Tái bản có bổ sung. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 352 tr. ; 24 cm. - 180000đ. - 800b  
ĐTTS ghi: Ban Tổ chức kì thi s626378
1614. Tổng tập đề thi Olympic 30 tháng 4 Tiếng Anh 11. - Tái bản, có bổ sung. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 351 tr. ; 24 cm. - 180000đ. - 1500b  
ĐTTS ghi: Ban Tổ chức kì thi s625312

1615. Trang Anh. Tổng ôn từ vựng tiếng Anh : Dành cho học sinh, sinh viên, người đi làm... / Trang Anh (ch.b.), Huỳnh Tài. - H. : Dân trí. - 27 cm. - (Sách ID - Một cuộc cách mạng Sách). - 150000đ. - 5000b  
T.1. - 2025. - 343 tr. s623979
1616. Trần Bích Trâm. Sách học đọc viết Tiếng Thái : Phiên bản đơn giản - dễ học - dễ hiểu - dễ thực hành / Trần Bích Trâm. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 151 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 100000đ. - 1000b s625916
1617. Trần Phương Thảo. Mind map giao tiếp tiếng Trung theo Giáo trình Hán ngữ / Trần Phương Thảo ch.b. - H. : Hồng Đức, 2026. - 215 tr. : minh họa ; 24 cm. - 169000đ. - 2000b s626101
1618. Trần Thị Hiền. Giáo trình Viết trung cấp 2 = 中级写作教程(II) / Trần Thị Hiền, Dương Thị Kim Cúc. - H. : Công Thương, 2025. - 107 tr. ; 27 cm. - 100000đ. - 1000b  
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo... s623934
1619. Trần Thị Hương. Tập viết tiếng Hàn : Luyện viết chữ đẹp như người Hàn / Trần Thị Hương, Trần Thị Thu Phương ; Ngô Linh Trang h.đ. - H. : Hồng Đức, 2025. - 131 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 119000đ. - 2000b s623845
1620. Trần Thị Hương. Tiếng Việt dành cho người Hàn (sơ cấp) = 한국인을 위한 베트남어 (초급) / Trần Thị Hương, Chu Thị Phong Lan. - H. : Hồng Đức, 2025. - 337 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 280000đ. - 500b s626098
1621. Trần Trinh Tường. Tự học tiếng Anh giao tiếp cho người đi làm : Thăng hạng tiếng Anh, bắt nhanh cơ hội thăng tiến / Trần Trinh Tường. - H. : Hồng Đức, 2025. - 245 tr. ; 24 cm. - 186000đ. - 2000b s624178
1622. Trần Tuyết Hạnh. Giáo trình Dịch song ngữ Việt - Hán = 越汉互译教程 / Ch.b.: Trần Tuyết Hạnh, Nguyễn Trọng Đông. - H. : Công Thương. - 27 cm. - 80000đ. - 1000b  
Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo...  
T.2. - 2025. - 89 tr. : bảng. - Thư mục: tr. 89 s623940
1623. Trí Nhân. Tiếng Việt cần một "đôi đũa" / Trí Nhân. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 136 tr. ; 21 cm. - 86000đ. - 500b s625538
1624. Trịnh Thị Thu Hòa. Từ ngữ chỉ động vật và thực vật trong tiếng Sán Dìu / Trịnh Thị Thu Hòa. - Thái Nguyên : Đại học Thái Nguyên, 2025. - 439 tr. : bảng ; 21 cm. - 580b  
Thư mục: tr. 252-268. - Phụ lục: tr. 269-439 s624240
1625. Trọng tâm kiến thức ôn thi tốt nghiệp phổ thông môn Tiếng Anh : Hệ thống hóa lí thuyết cốt lõi, ngắn gọn, dễ hiểu, bám sát cấu trúc đề thi tốt nghiệp THPT theo Chương trình mới... / Trang Anh. - H. : Dân trí, 2025. - 460 tr. ; 27 cm. - (Sách ID - Một cuộc cách mạng Sách). - 200000đ. - 10000b s626511
1626. Trọng tâm kiến thức ôn thi vào 10 môn Tiếng Anh / Trang Anh. - H. : Dân trí, 2025. - 307 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Sách ID - Một cuộc cách mạng Sách). - 200000đ. - 10000b s623968
1627. Trọng tâm ngữ pháp Tiếng Anh lớp 6 : Biên soạn theo sách giáo khoa Global Success... / Trần Mạnh Tường. - Tái bản lần 3. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - (Tủ sách Học tốt tiếng Anh). - 90000đ. - 2000b  
T.1. - 2025. - 158 tr. s623915

1628. Trương Thị Thu Trang. Lật tẩy từ vựng IELTS 7.0+ : Tổng hợp từ vựng IELTS theo 10 chủ đề Speaking trọng điểm. Kèm hệ thống bài tập từ vựng - vận dụng - tư duy phản biện giúp bạn hiểu sâu nhớ lâu kho từ mới sau mỗi lần học / Trương Thị Thu Trang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 254 tr. : bìa ; 24 cm. - 2000b s626133

1629. Tuấn Kiệt. Cẩm nang Hướng dẫn tự học tiếng Đức : Trình độ sơ cấp - trung cấp : Các bài đàm thoại thường gặp trong cuộc sống... / Tuấn Kiệt b.s. ; Nguyễn Văn Tuấn h.đ. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 292 tr. : bìa ; 24 cm. - 120000đ. - 2000b  
Phụ lục: tr. 278-292 s625934

1630. Tuệ Tinh. Lộ trình học tiếng Trung cho người mới bắt đầu = 中文自学课程 : Dễ học - dễ nhớ - dễ áp dụng... / Tuệ Tinh b.s. - H. : Thế giới, 2025. - 196 tr. : minh họa ; 24 cm. - 169000đ. - 6000b s625647

1631. Ứng Thùy Linh. 汉喃双语词典 《南方名物备考》 字词研究 : A research on the bilingual Han Nom "Nam Phuong Danh vat bi khao" : Sách chuyên khảo / Ứng Thùy Linh. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 181 页 : 表 ; 24 cm. - 168000đ. - 100 copies

书目: 页. 165-181 s624990

1632. Vở luyện viết Tiếng Anh - Flyers : Tập viết tiếng Anh theo Cambridge / Đại Mai Kids. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 64 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 48000đ. - 2000b s626478

1633. Vở luyện viết Tiếng Anh - Movers : Tập viết tiếng Anh theo Cambridge / Đại Mai Kids. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 60 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 46000đ. - 2000b s626479

1634. Vở luyện viết Tiếng Anh - Starters : Tập viết tiếng Anh theo Cambridge / Đại Mai Kids. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 76 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 56000đ. - 3000b s626477

1635. Vũ Thị Thanh Hải. Giáo trình Tiếng Trung giao tiếp cơ bản qua phiên âm Latin / Vũ Thị Thanh Hải. - H. : Hồng Đức, 2025. - 120 tr. : minh họa ; 27 cm. - 120000đ. - 300b s623817

1636. Vương Nghiêu Mỹ. Giáo trình Tiếng Trung tăng cường : Giáo trình tổng hợp = 预科汉语强化教程系列 : 综合课本 / Tổng ch.b.: Vương Nghiêu Mỹ, Lý An ; Biên dịch: Phạm Thị Duyên Hồng... ; Trương Văn Giới h.đ. - Bản in lần 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. - 29 cm. - 240000đ. - 500b  
Q.1. - 2025. - 253 tr. : minh họa s626527

1637. Vương Nghiêu Mỹ. Giáo trình Tiếng Trung tăng cường : Giáo trình tổng hợp = 预科汉语强化教程系列 : 综合课本 / Tổng ch.b.: Vương Nghiêu Mỹ, Lý An ; Biên dịch: Phạm Thị Duyên Hồng... ; Trương Văn Giới h.đ. - Bản in lần 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. - 29 cm. - 210000đ. - 500b  
Q.5. - 2025. - 207 tr. : minh họa s626528

1638. Vy Ngọc. Cẩm nang tự học toàn diện ngữ pháp tiếng Anh = Perfect English grammar - Advanced : Dành cho đối tượng ôn luyện thi các cấp... / Vy Ngọc ch.b. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 191 tr. : bìa ; 27 cm. - (Bộ sách Tự học ngữ pháp tiếng Anh). - 139000đ. - 1200b s626408

1639. Vy Ngọc. Nghiên cứu ngữ pháp tiếng Anh hình que / Vy Ngọc. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 128000đ. - 1400b

T.1: Cơ bản. - 2025. - 235 tr. : hình vẽ, bảng s626128

1640. Wattie, Mike. IELTS: The ultimate guide to general reading : Includes 5 complete practice tests with answers explained / Mike Wattie, Phil Biggerton. - H. : Hồng Đức, 2025. - 219 p. : ill. ; 24 cm. - (Mike's the best preparation ever). - 132000đ. - 1000 copies s625026

1641. You can talk - Ai cũng có thể nói tiếng Anh : Căn bản 1 - TES Level 2 (Pre A1 - Pre A2) - Học phát âm dễ hiểu - Nói dễ nghe / Telesa English. - H. : Công Thương, 2025. - 223 tr. : bảng, tranh vẽ ; 30 cm. - 799000đ. - 1000b s625371

1642. 数字时代汉语教学与研究 / 陈玉山, 丁氏菊凤, 杜秋兰... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 959 页 : 插图 ; 30 cm. - 500000đ. - 200 copies

在标题头: 河内国家大学下属外国语大学. 中国语言文化系. - 书目在集后 s624992

1643. 阮庭复. 简明文字学教程 = Giáo trình Văn tự học / 编著: 阮庭复, 张家权, 黎光长. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 243 p. : ill. ; 24 cm. - 105000đ. - 500 copies

在标题头: Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. - 书目: 页. 242-243 s624983

## KHOA HỌC TỰ NHIÊN

1644. 365 câu chuyện trí tuệ - Hỏi đáp kiến thức thiên nhiên kỳ diệu / Yosbook ; Đỗ Nhân dịch. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 227 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Bách khoa thiếu nhi). - 98000đ. - 2500b

Tên sách tiếng Trung: 儿童漫画百科365你问我答 : 自然奇观篇 s625987

1645. Bài tập Khoa học tự nhiên 6 / Vũ Văn Hùng (ch.b.), Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Thu Hà... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 123 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 19000đ. - 160000b s624358

1646. Bài tập Khoa học tự nhiên 7 / Cao Cự Giác, Nguyễn Đức Hiệp, Tống Xuân Tám (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 148 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 22000đ. - 121000b s624357

1647. Bài tập Khoa học tự nhiên 7 / Vũ Văn Hùng (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Tuấn Cường... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 143 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 20000đ. - 135000b s624359

1648. Bài tập Khoa học tự nhiên 8 / Vũ Văn Hùng (ch.b.), Nguyễn Văn Biên, Nguyễn Thu Hà... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 176 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 26000đ. - 160000b s624360

1649. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Khoa học tự nhiên 6 / Lê Khắc Quỳnh (ch.b.), Nguyễn Thu Hà, Nguyễn Thùy Linh... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 128 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 50000đ. - 5000b s624394

1650. Cẩm nang Thi đánh giá tư duy = Thinking skills assessment - TSA. - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 455 tr. : minh họa ; 27 cm. - 250000đ. - 10000b

ĐTTS ghi: Đại học Bách khoa Hà Nội s624052

1651. DigiScience 6 / Trương Hạ Dương. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 103 p. : ill. ; 30 cm. - 120000đ. - 7104 copies s625133
1652. DigiScience 7 / Trương Hạ Dương. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 103 p. : ill. ; 30 cm. - 120000đ. - 5787 copies s625134
1653. DigiScience 8 / Trương Hạ Dương. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 107 p. : ill. ; 30 cm. - 120000đ. - 4795 copies s625135
1654. DigiScience 9 / Trương Hạ Dương. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 99 p. : ill. ; 30 cm. - 120000đ. - 1073 copies s625136
1655. Dự án STEM - Zero to Hero / Lê Trọng Nhân, Dương Bích Thảo (ch.b.), Nguyễn Tấn Ý... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 231 tr. : ảnh màu ; 27 cm. - 149000đ. - 1000b s624569
1656. Giáo dục STEM lớp 6 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Tô Thị Vân Anh, Nguyễn Trí Dũng... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 63 tr. : minh họa ; 27 cm. - 32000đ. - 3000b s624697
1657. Giáo dục STEM lớp 7 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Tô Thị Vân Anh, Nguyễn Trí Dũng... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 67 tr. : minh họa ; 27 cm. - 32000đ. - 3000b s624698
1658. Giáo dục STEM lớp 8 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Tô Thị Vân Anh, Nguyễn Trí Dũng... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 67 tr. : minh họa ; 27 cm. - 32000đ. - 3000b s624699
1659. Giáo dục STEM lớp 9 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Tô Thị Vân Anh, Nguyễn Trí Dũng... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 67 tr. : minh họa ; 27 cm. - 32000đ. - 3000b s624700
1660. Global Science 7 / Nguyễn Văn Biên, Quang Thị Hoàn (ch.b.), Nguyễn Thị Tùng Diệp... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 91 p. : ill. ; 27 cm. - 89000đ. - 10000 copies s625175
1661. 20 đề luyện thi đánh giá tư duy theo cấu trúc đề của Đại học Bách khoa Hà Nội / Hà Quang Hưng, Đoàn Thế Hải, Duy Anh... - H. : Dân trí, 2025. - 598 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Sách ID - Một cuộc cách mạng Sách). - 250000đ. - 5000b s624011
1662. Khoa học tự nhiên 6 / Vũ Văn Hùng (tổng ch.b.), Đinh Đoàn Long, Lê Kim Long (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 195 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 27000đ. - 115000b s624596
1663. Khoa học tự nhiên 7 / Vũ Văn Hùng (tổng ch.b.), Mai Văn Hưng, Lê Kim Long (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 180 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 23900đ. - 130000b s624597
1664. Khoa học tự nhiên 8 / Cao Cự Giác (tổng ch.b.), Nguyễn Đức Hiệp, Tống Xuân Tám (ch.b.)... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 224 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 27400đ. - 6820b s624599
1665. Khoa học tự nhiên 8 / Vũ Văn Hùng (tổng ch.b.), Mai Văn Hưng, Lê Kim Long (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 196 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 26000đ. - 134000b s624598
1666. Luyện đề thực chiến đánh giá năng lực HSA - Phần khoa học / Ch.b.: Nguyễn Thị Lệ Phương, Hà Thị Dung. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 379 tr. : minh họa ; 24 cm. - 205000đ. - 5000b s626132

1667. Lý luận dạy học môn Khoa học tự nhiên ở cấp trung học cơ sở / Lê Thúy Nhi (ch.b.), Lê Thị Quỳnh Hương, Dương Thị Thanh Trúc... - H. : Dân trí, 2025. - 148 tr. : bảng ; 24 cm. - 150000đ. - 70b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Khánh Hòa. - Thư mục: tr. 146-147 s624496

1668. Minh Hạnh. 10 vạn câu hỏi vì sao? - Khoa học lý thú / Minh Hạnh. - H. : Văn học, 2025. - 71 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 54000đ. - 1000b s623724

1669. Phillips, Anna. Moving into Science : Workbook : A2 - B1 / Anna Phillips, Terry Phillips ; Ed.: Nguyen Bui Thuy Minh. - Hue : Hue University, 2025. - 79 p. : ill. ; 28 cm. - (Garnet education). - 3000 copies s625092

1670. Sổ tay Kiến thức - Phương pháp - Dạng bài Khoa học tự nhiên Lý - Hóa - Sinh 9 : Sách dùng ôn luyện cho các bộ sách giáo khoa mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Đào Thị Hoàng Ly. - H. : Tri thức, 2025. - 404 tr. : minh họa ; 21 cm. - 129000đ. - 3800b s625815

1671. Thực chiến đề thi đánh giá tư duy TSA : Theo cấu trúc đề thi của Đại học Bách khoa Hà Nội / Nguyễn Thị Thảo Vân, Trần Văn Anh, Nguyễn Thị Khánh Huyền... - H. : Dân trí, 2025. - 318 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 299000đ. - 1000b s626531

1672. Thực chiến đề thi HSA Khoa học / Nguyễn Thị Hồng Nhung, Phạm Hồng Mơ, Nguyễn Thị Ngọc Nhi... - H. : Tri thức, 2026. - 339 tr. : minh họa ; 27 cm. - 3000b s626380

1673. Thực hành Khoa học tự nhiên 7 : Dùng theo bộ sách Chân trời sáng tạo / Nguyễn Đức Hiệp, Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Lê Cao Phan, Lê Thị Ngọc Phú. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 40000đ. - 1000b

T.1. - 2025. - 96 tr. : hình vẽ, bảng s624600

1674. Thực hành Khoa học tự nhiên 7 : Dùng theo bộ sách Chân trời sáng tạo / Nguyễn Đức Hiệp, Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Lê Cao Phan, Lê Thị Ngọc Phú. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 40000đ. - 1000b

T.2. - 2025. - 96 tr. : hình vẽ, bảng s624601

1675. Thực hành Khoa học tự nhiên 9 : Dùng theo bộ sách Chân trời sáng tạo / Cao Cự Giác (ch.b.), Nguyễn Đức Hiệp, Lê Cao Phan, Hoàng Thanh Phong. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 45000đ. - 1000b

T.1. - 2025. - 96 tr. : hình vẽ, bảng s624602

1676. Thực hành Khoa học tự nhiên 9 : Dùng theo bộ sách Chân trời sáng tạo / Cao Cự Giác (ch.b.), Phạm Thị Hương, Hoàng Thanh Phong, Tống Xuân Tám. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 45000đ. - 1000b

T.2. - 2025. - 104 tr. : hình vẽ, bảng s624603

1677. Tốc chiến luyện đề đánh giá tư duy : Theo cấu trúc đề thi của Đại học Bách khoa Hà Nội : Phiên bản mới nhất / Vũ Khắc Ngọc, Nguyễn Thanh Tùng, Thiều Thị Dung... - H. : Công Thương, 2025. - 295 tr. : minh họa ; 27 cm. - 300000đ. - 1000b s625366

1678. TSA - Luyện thi đánh giá tư duy theo cấu trúc đề của Đại học Bách khoa Hà Nội - Tổng ôn tư duy đọc hiểu / Cao Hằng, Thu Thủy. - H. : Dân trí, 2025. - 254 tr. : bảng ; 27 cm. - 250000đ. - 5000b s623974

1679. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Khoa học tự nhiên 7 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Lê Trung Dũng (ch.b.), Đỗ Thị Quỳnh Mai, Nguyễn Văn Nghiệp, Vũ Quốc Trung. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống. Chân trời sáng tạo). - 43000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 91 tr. : hình vẽ, bảng s624604

1680. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Khoa học tự nhiên 9 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Lê Trung Dũng (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Hương, Đỗ Thị Quỳnh Mai... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống. Chân trời sáng tạo). - 42000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 88 tr. : hình vẽ, bảng s624605

1681. The young scientists - Level 1 : Truyện tranh khoa học cho trẻ em : Dành cho lớp 1 - lớp 2 / Young Scientist ; Nguyễn Thị Nhật Linh dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 26 cm. - 65000đ. - 6000b

T.19: "Godzilla" xuất hiện trên Trái Đất!. - 2025. - 57 tr. : ảnh, tranh màu s625974

1682. The young scientists - Level 1 : Truyện tranh khoa học cho trẻ em : Dành cho lớp 1 - lớp 2 / Young Scientist ; Nguyễn Thị Nhật Linh dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 26 cm. - 65000đ. - 6000b

T.20: Ông bố đảm đang của đại dương. - 2025. - 57 tr. : ảnh, tranh màu s625977

1683. The young scientists - Level 2 : Truyện tranh khoa học cho trẻ em : Dành cho lớp 3 - lớp 4 / Young Scientist ; Nguyễn Thị Nhật Linh dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 26 cm. - 65000đ. - 6000b

T.19: Rùa con bị viêm da ròi. - 2025. - 56 tr. : ảnh, tranh màu s625975

1684. The young scientists - Level 2 : Truyện tranh khoa học cho trẻ em : Dành cho lớp 3 - lớp 4 / Young Scientist ; Nguyễn Thị Nhật Linh dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 26 cm. - 65000đ. - 6000b

T.20: Những chú kiến cảm tử!. - 2025. - 57 tr. : ảnh, tranh màu s625978

1685. The young scientists - Level 3 : Truyện tranh khoa học cho trẻ em : Dành cho lớp 5 - lớp 6 / Young Scientist ; Trần Anh Khôi dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 26 cm. - 65000đ. - 6000b

T.19: Khám phá thế giới vi mô. - 2025. - 57 tr. : ảnh, tranh màu s625976

1686. The young scientists - Level 3 : Truyện tranh khoa học cho trẻ em : Dành cho lớp 5 - lớp 6 / Young Scientist ; Trần Anh Khôi dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 26 cm. - 65000đ. - 6000b

T.20: Để giày của tớ quá tron!. - 2025. - 57 tr. : ảnh, tranh màu s625979

## TOÁN HỌC

1687. Bài tập Toán 6 / Nguyễn Huy Đoan (ch.b.), Nguyễn Cao Cường, Doãn Minh Cường... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18000đ. - 195000b

T.1. - 2025. - 124 tr. : minh họa s624431

1688. Bài tập Toán 6 / Nguyễn Huy Đoan (ch.b.), Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 20000đ. - 150000b

T.2. - 2025. - 140 tr. : minh họa s624432

1689. Bài tập Toán 7 / Trần Đức Huyền (ch.b.), Nguyễn Cam, Nguyễn Văn Hiến... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 14000đ. - 81000b

T.2. - 2025. - 92 tr. : minh họa s624426

1690. Bài tập Toán 8 / Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (ch.b.), Nguyễn Cao Cường... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 17000đ. - 190000b

- T.1. - 2025. - 112 tr. : minh họa s624433
1691. Bài tập Toán 9 : Cơ bản và nâng cao : Theo sách giáo khoa Kết nối tri thức với cuộc sống / Lê Anh Vinh (ch.b.), Phạm Hồng Diệp, Đặng Thị Thu Huệ... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 32000đ. - 1500b
- T.1. - 2025. - 75 tr. : minh họa s624425
1692. Bài tập Toán 10 / Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 19000đ. - 96059b
- T.2. - 2025. - 140 tr. : hình vẽ, bảng s624434
1693. Bài tập Toán 11 / Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (ch.b.), Ngô Hoàng Long... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 27000đ. - 13000b
- T.1. - 2025. - 168 tr. : hình vẽ, bảng s624436
1694. Bài tập Toán 12 / Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 16000đ. - 83547b
- T.2. - 2025. - 119 tr. : hình vẽ, bảng s624435
1695. Bài tập Toán 12 / Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (ch.b.), Vũ Như Thu Hương... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 19000đ. - 8000b
- T.2. - 2025. - 100 tr. : hình vẽ, bảng s624437
1696. Bài tập Toán học cao cấp / Nguyễn Đình Trí (ch.b.), Trần Việt Dũng, Trần Xuân Hiền, Nguyễn Xuân Thảo. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 68000đ. - 700b
- T.1: Đại số và Hình học giải tích. - 2025. - 159 tr. s624294
1697. Bài tập Toán học cao cấp / Nguyễn Đình Trí (ch.b.), Trần Việt Dũng, Trần Xuân Hiền, Nguyễn Xuân Thảo. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 148000đ. - 700b
- T.2: Giải tích. - 2025. - 411 tr. : hình vẽ s624295
1698. Bảng tổng hợp công thức Toán THCS. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 63 tr. : minh họa ; 17x25 cm. - (Học thông minh - Tinh trí não). - 190000đ. - 20000b s626206
1699. Bí quyết giành điểm tuyệt đối môn Toán : Dùng cho học sinh ôn thi vào lớp 10 THPT theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Kim Sô. - H. : Khoa học - Công nghệ - Truyền thông, 2025. - 648 tr. : hình vẽ, bảng ; 25 cm. - 248000đ. - 500b
- Thư mục: tr. 648 s626309
1700. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Toán 6 / Nguyễn Cao Cường, Đặng Văn Quán, Nguyễn Đức Trường, Bùi Mạnh Tùng. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 92 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 45000đ. - 5000b s624390
1701. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Toán 7 / Nguyễn Cao Cường, Đặng Văn Quán, Nguyễn Đức Trường, Bùi Mạnh Tùng. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 80 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 40000đ. - 5000b s624391
1702. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Toán 8 / Nguyễn Cao Cường, Đặng Văn Quán, Nguyễn Đức Trường, Bùi Mạnh Tùng. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 100 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 45000đ. - 5000b s624392

1703. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Toán 9 / Nguyễn Cao Cường, Đặng Văn Quán, Nguyễn Đức Trường, Bùi Mạnh Tùng. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 112 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 50000đ. - 5000b s624393

1704. Bồi dưỡng học sinh giỏi Toán 6 - Hình học / Vũ Hữu Bình (ch.b.), Đàm Hiếu Chiến. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 100 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 35000đ. - 3000b s624445

1705. Bồi dưỡng học sinh giỏi Toán 7 - Bài tập Đại số / Tôn Thân (ch.b.), Phạm Thị Bạch Ngọc, Nguyễn Tam Sơn... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 176 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 60000đ. - 3000b s624451

1706. Bồi dưỡng học sinh giỏi Toán 7 - Bài tập Hình học / Tôn Thân (ch.b.), Lê Thị Việt Anh, Trịnh Hoài Dương... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 168 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 55000đ. - 3000b s624448

1707. Bồi dưỡng học sinh giỏi Toán 7 - Đại số / Vũ Hữu Bình (ch.b.), Đàm Hiếu Chiến, Trần Hữu Nam... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 176 tr. : bảng ; 24 cm. - 60000đ. - 3000b s624450

1708. Bồi dưỡng học sinh giỏi Toán 7 - Hình học / Vũ Hữu Bình (ch.b.), Đàm Hiếu Chiến, Nguyễn Bá Đương... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 99 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 35000đ. - 3000b s624446

1709. Bồi dưỡng học sinh giỏi Toán 8 - Bài tập Hình học / Tôn Thân (ch.b.), Lê Thị Việt Anh, Trịnh Hoài Dương... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 240 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 80000đ. - 3000b s624449

1710. Bồi dưỡng học sinh giỏi Toán 8 - Hình học / Vũ Hữu Bình (ch.b.), Nguyễn Bá Đương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 196 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 65000đ. - 3000b s624447

1711. Bồi dưỡng kiến thức môn Toán Trung học cơ sở / Châu Tuấn Hồng (ch.b.), Nguyễn Hà Phương, Lâm Bửu Tân... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 160 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 49000đ. - 2000b s624453

1712. Các dạng toán và phương pháp giải Toán 8 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Tôn Thân (ch.b.), Huỳnh Ngọc Thanh, Đặng Thị Thu Huệ... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 69000đ. - 1000b T.1. - 2025. - 208 tr. : minh họa s624856

1713. Các phương pháp giải toán hay, lạ và những chuyên đề mới về tìm tòi, sáng tạo : Bồi dưỡng học sinh giỏi hình học ở trường THCS, THPT / Nguyễn Ngọc Giang (ch.b.), Lê Viết Ân, Phạm Vĩnh Minh... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 837 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 350000đ. - 200b s626570

1714. Chinh phục nền tảng và vận dụng Đại số 10 : Bám sát chương trình mới của BGD... / Nguyễn Đăng Ái. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 182 tr. : minh họa ; 27 cm. - 500b s623901

1715. Chuyên đề học tập Toán 10 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 63 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9000đ. - 231301b s624866

1716. Đặng Hùng Thắng. Bài tập thống kê : Dùng cho các trường đại học và cao đẳng / Đặng Hùng Thắng. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 191 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 65000đ. - 500b

Phụ lục: tr. 182-189. - Thư mục: tr. 190 s624278

1717. Đề kiểm tra Toán 8 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới... / Trịnh Văn Bằng. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 200 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 89000đ. - 1500b s626367

1718. Định hướng và phát triển tư duy giải bài tập Toán khó lớp 6 : Bồi dưỡng học sinh giỏi Toán... / Nguyễn Đức Tấn. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 75000đ. - 1000b

T.1. - 2025. - 166 tr. : hình vẽ, bảng s626360

1719. Đột phá tư duy kì thi tốt nghiệp THPT môn Toán / Lê Thúy Hiền, Trịnh Hoàng Anh, Dương Thị Thu Hà... - H. : Dân trí, 2025. - 184 tr. : minh họa ; 28 cm. - 150000đ. - 3000b s623963

1720. Giải Toán 11 / Nguyễn Đức Nghị. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 40000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 135 tr. : hình vẽ, bảng s624421

1721. Giải Toán 11 / Nguyễn Đức Nghị. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 35000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 119 tr. : hình vẽ, bảng s624422

1722. Giải toán 11 theo chuyên đề / Nguyễn Đức Nghị. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 103 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 30000đ. - 2000b s624423

1723. Giáo dục toán thực (Realistic mathematics education): Nghiên cứu và vận dụng / Nguyễn Tiến Trung (ch.b.), Bùi Văn Nghị, Hoàng Công Kiên... - Tái bản lần thứ 1, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 500 tr. : minh họa ; 24 cm. - 235000đ. - 500b  
Thư mục cuối mỗi chương s626354

1724. Giáo trình Phép tính vi tích phân hàm một biến / Đỗ Đức Thái (ch.b.), Lê Đức Ánh, Nguyễn Quang Diệu... - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 192 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 65000đ. - 1000b s625268

1725. Global Maths 7 / Nguyễn Thành Anh (ch.b.), Bùi Minh Châu, Quang Thị Hoàn... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 87 p. : ill. ; 27 cm. - 89000đ. - 10000 copies s625171

1726. Hoàng Văn Đức. Thống kê - Phương pháp tính / Hoàng Văn Đức (ch.b.), Nguyễn Tông Xuân, Nguyễn Văn Vũ. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 186 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 200000đ. - 50b

Thư mục cuối mỗi chương. - Phụ lục: tr. 185-186 s626355

1727. Hướng dẫn giải các dạng Toán 6 : Theo chủ đề và định hướng phát triển năng lực / Nguyễn Thành Anh (ch.b.), Phan Trọng Hải, Phan Bá Lê Hiền... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 112 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 45000đ. - 2100b s624441

1728. Hướng dẫn giải các dạng Toán 7 : Theo chủ đề và định hướng phát triển năng lực / Nguyễn Thành Anh (ch.b.), Phan Trọng Hải, Phan Bá Lê Hiền... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 120 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 45000đ. - 2100b s624442

1729. Hướng dẫn giải các dạng Toán 8 : Theo chủ đề và định hướng phát triển năng lực / Nguyễn Thành Anh (ch.b.), Phan Trọng Hải, Phan Bá Lê Hiền... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 152 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 52000đ. - 2100b s624443

1730. Hướng dẫn giải các dạng Toán 9 : Theo chủ đề và định hướng phát triển năng lực / Nguyễn Thành Anh (ch.b.), Phan Trọng Hải, Phan Bá Lê Hiền... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 128 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 49000đ. - 2100b s624444

1731. Hướng dẫn luyện thi vào 10 môn Toán : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018... / Nguyễn Cảnh Duy (ch.b.), Nguyễn Đức Trường, Nguyễn Việt Sơn Tùng, Phạm Hạnh Nguyên. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 176 tr. : minh họa ; 27 cm. - 75000đ. - 2000b s624043

1732. Hướng dẫn ôn thi tốt nghiệp Trung học phổ thông môn Toán năm học 2025 - 2026 / Cung Thế Anh (ch.b.), Vũ Thị Ngọc Huyền, Đỗ Lâm... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 220 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 100000đ. - 6000b s624675

1733. Luyện đề thực chiến đánh giá năng lực HSA - Phần định lượng / Lê Văn Hoa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 171 tr. : minh họa ; 24 cm. - 175000đ. - 5000b s626129

1734. 100 đề minh họa thi vào 10 môn Toán : Theo cấu trúc đề thi minh họa vào 10 của các Sở Giáo dục và Đào tạo trên cả nước... / Nguyễn Thế Duy, Chu Đình Mong, Vũ Hoàng Hà. - H. : Dân trí, 2025. - 311 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Sách ID - Một cuộc cách mạng Sách). - 200000đ. - 30000b s624010

1735. 50 đề luyện thi đánh giá năng lực theo cấu trúc của trường Đại học Sư phạm Hà Nội môn Toán / Hà Quang Hưng, Đoàn Thế Hải, Duy Anh. - H. : Dân trí, 2025. - 254 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Sách ID - Một cuộc cách mạng Sách). - 250000đ. - 3000b s623972

1736. 50 đề minh họa thi vào 10 môn Toán : Theo cấu trúc đề thi của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội / Lê Uyên Vi, Chu Đình Mong, Bùi Đức Thịnh. - H. : Dân trí, 2025. - 199 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Sách ID - Một cuộc cách mạng Sách). - 200000đ. - 5000b s623971

1737. 500 bài toán chọn lọc 8 : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Nguyễn Ngọc Đạm, Nguyễn Quang Hanh, Ngô Long Hậu. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 232 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 98000đ. - 1000b s626325

1738. Nâng cao và phát triển Toán 7 / Vũ Hữu Bình. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 50000đ. - 10000b

T.1. - 2025. - 151 tr. : hình vẽ, bảng s624438

1739. Nâng cao và phát triển Toán 7 theo chuyên đề : Chuyên đề Toán nâng cao theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Bồi dưỡng học sinh giỏi Toán 7 / Lương Đức Trọng, Nguyễn Thanh Vân. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 167 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 125000đ. - 2000b s624925

1740. Nâng cao và phát triển Toán 8 / Vũ Hữu Bình. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 75000đ. - 11000b

T.1. - 2025. - 212 tr. : hình vẽ, bảng s624439

1741. Nâng cao và phát triển Toán 8 / Vũ Hữu Bình. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 65000đ. - 6000b

T.2. - 2025. - 184 tr. : minh họa s624440

1742. Nguyễn Đình Trí. Toán học cao cấp : Giáo trình dùng cho các trường đại học kỹ thuật / Nguyễn Đình Trí (ch.b.), Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh. - Tái bản lần thứ 26. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 21 cm. - 88000đ. - 1000b

T.1: Đại số và Hình học giải tích. - 2025. - 390 tr. : hình vẽ. - Phụ lục cuối mỗi chương. - Thư mục: tr. 386 s624269

1743. Nguyễn Đình Trí. Toán học cao cấp / Nguyễn Đình Trí (ch.b.), Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh. - Tái bản lần thứ 24. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 21 cm. - 76000đ. - 1500b

T.2: Phép tính giải tích một biến. - 2025. - 415 tr. : hình vẽ s624270

1744. Nguyễn Đình Trí. Toán học cao cấp / Nguyễn Đình Trí (ch.b.), Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh. - Tái bản lần thứ 22. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 21 cm. - 52000đ. - 1200b

- T.3: Phép tính giải tích nhiều biến số. - 2025. - 275 tr. : hình vẽ s624271
1745. Nguyễn Huy Hoàng. Đại số tuyến tính / Nguyễn Huy Hoàng (ch.b.), Phí Thị Vân Anh, Đặng Thị Mai. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 393 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 50000đ. - 1220b  
Thư mục: tr. 392-393 s623900
1746. Nguyễn Hữu Khánh. Giáo trình Đại số đại cương / Nguyễn Hữu Khánh (ch.b.), Nguyễn Thị Cẩm Tú, Nguyễn Tử Thịnh. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 117 tr. : minh họa ; 24 cm. - 30000đ. - 100b  
Thư mục: tr. 117 s625693
1747. Ôn luyện kiến thức thi vào lớp 10 môn Toán : Tự luận / Nguyễn Mạnh Đạt, Hoàng Xuân Vinh (ch.b.), Lê Văn Trí, Lê Minh Tân. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 186 tr. : minh họa ; 24 cm. - 60000đ. - 1600b s625317
1748. Ôn tập thi vào lớp 10 môn Toán năm học 2026 - 2027 : Theo Chương trình GDPT 2018 / Lê Đại Hải, Đinh Hữu Lâm, Tạ Hữu Phơ, Bùi Mạnh Tùng. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 144 tr. : minh họa ; 24 cm. - 45000đ. - 30000b s624396
1749. Phát triển năng lực theo chuyên đề Toán 8 : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Trịnh Văn Bằng. - Tái bản có chỉnh sửa. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 200 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 98000đ. - 1000b s626326
1750. Phát triển và đánh giá năng lực Toán 9 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Phạm Hồng Diệp, Nguyễn Thị Hợp... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 151 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 50000đ. - 1000b s624912
1751. Phép cộng và phép trừ trong phạm vi 20 / Hiểu Minh b.s. - H. : Tri thức, 2025. - 64 tr. ; 24 cm. - (Bộ sách Tính nhẩm). - 30000đ. - 5000b s625817
1752. Phép cộng và phép trừ trong phạm vi 10 / Hiểu Minh b.s. - H. : Tri thức, 2025. - 64 tr. ; 24 cm. - (Bộ sách Tính nhẩm). - 30000đ. - 5000b s625816
1753. Phương pháp giải Toán 10 : Sách dành cho khóa học Toán 10 / Chử Anh Nam, Nguyễn Quốc Cường, Ngô Thu Trang. - H. : Dân trí. - 27 cm. - 419000đ. - 500b  
T.2. - 2025. - 383 tr. : hình vẽ, bảng s623970
1754. Rèn kỹ năng giải các dạng bài Toán lớp 6 : Cơ bản và nâng cao : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Xuân Nam (ch.b.), Trần Thị Den Ni. - H. : Dân trí. - 27 cm. - 99000đ. - 2500b  
T.1. - 2025. - 217 tr. : bảng s626529
1755. Rèn kỹ năng giải các dạng bài Toán lớp 6 : Cơ bản và nâng cao : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Xuân Nam (ch.b.), Trần Thị Den Ni. - H. : Dân trí. - 27 cm. - 99000đ. - 1400b  
T.2. - 2025. - 185 tr. : hình vẽ, bảng s626521
1756. Sách lịch để bàn - Toán 6 : Tra cứu nhanh kiến thức hàng ngày / Hồ Thị Thảo Ly. - H. : Tri thức, 2025. - 37 tr. : minh họa ; 27 cm. - 89000đ. - 2800b s623960
1757. Sách lịch để bàn - Toán 8 : Tra cứu nhanh kiến thức hàng ngày / Hồ Thị Thảo Ly. - H. : Tri thức, 2025. - 51 tr. : minh họa ; 27 cm. - 89000đ. - 2800b s623961
1758. Sách lịch để bàn - Toán 9 : Tra cứu nhanh kiến thức hàng ngày / Hồ Thị Thảo Ly. - H. : Tri thức, 2025. - 53 tr. : minh họa ; 27 cm. - 89000đ. - 2800b s623962

1759. 60 đề minh họa tốt nghiệp THPT 2026 môn Toán / Lê Văn Tuấn, Nguyễn Thế Duy, Bùi Quyết Tiến... - H. : Dân trí, 2025. - 351 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Sách ID - Một cuộc cách mạng Sách). - 200000đ. - 10000b s623967

1760. Tài liệu chuyên Toán 10 / Trần Nam Dũng, Vũ Văn Thiện, Nguyễn Quang Hợp (ch.b.)... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 165000đ. - 700b

Q.1: Đại số và giải tích. - 2025. - 247 tr. : hình vẽ, bảng s624661

1761. Tài liệu chuyên Toán 10 / Trần Nam Dũng, Vũ Văn Thiện, Nguyễn Quang Hợp (ch.b.)... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 120000đ. - 700b

Q.2: Hình học và đo lường. - 2025. - 174 tr. : hình vẽ, bảng s624662

1762. Tài liệu chuyên Toán 10 / Trần Nam Dũng, Vũ Văn Thiện, Nguyễn Quang Hợp (ch.b.)... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 120000đ. - 700b

Q.3: Tập hợp - Tổ hợp xác suất và thống kê. - 2025. - 179 tr. : hình vẽ, bảng s624663

1763. Thực chiến đề thi HSA định lượng (Toán học) / Lê Văn Thiện, Trần Quốc Tú. - H. : Tri thức, 2026. - 139 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 3000b s626379

1764. Tích hợp giáo dục tài chính trong toán học qua các bài toán thực tế lớp 12 : Biên soạn theo Chương trình mới (dành cho các bộ SGK), mới nhất năm 2025 / Nguyễn Ngọc Giang, Nguyễn Huy Thao (ch.b.), Nguyễn Thị Nga... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 371 tr. : minh họa ; 24 cm. - 260000đ. - 350b

Thư mục cuối chính văn s624068

1765. Tìm chìa khóa vàng giải bài Toán hay dùng cho lớp 6 - 7 / Lê Hải Châu. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 168 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 72000đ. - 1000b s626365

1766. Tính nhẩm phép cộng và phép trừ trong phạm vi 50 / Hiểu Minh b.s. - H. : Tri thức, 2026. - 64 tr. ; 24 cm. - (Bộ sách Tính nhẩm). - 30000đ. - 5000b s625818

1767. Tính nhẩm phép cộng và phép trừ trong phạm vi 100 / Hiểu Minh b.s. - H. : Tri thức, 2025. - 64 tr. ; 24 cm. - (Bộ sách Tính nhẩm). - 30000đ. - 5000b s625819

1768. Toán 6 - Các bài toán thực tế / Huỳnh Ngọc Thanh (ch.b.), Tô Thị Vân Anh, Nguyễn Trí Dũng... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 96 tr. : minh họa ; 24 cm. - 40000đ. - 2000b s624424

1769. Toán 8 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 16400đ. - 189000b

T.1. - 2025. - 124 tr. : minh họa s624861

1770. Toán 9 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 16000đ. - 250000b

T.1. - 2025. - 120 tr. : minh họa s624862

1771. Toán 10 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 15000đ. - 328834b

T.1. - 2025. - 103 tr. : minh họa s624863

1772. Toán 10 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 14000đ. - 325923b

T.2. - 2025. - 99 tr. : minh họa s624864

1773. Toán 11 / Hà Huy Khoái (tổng ch.b.), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 16000đ. - 145000b

T.2. - 2025. - 111 tr. : minh họa s624865

1774. Toán hack não - 101 thử thách tư duy cực đỉnh : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / Sakshi Narang ; Nguyễn Đức Nhật Minh dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 104 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 99000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: 101 maths magic activity book s623922

1775. Toán học cao cấp / Nguyễn Đình Trí (ch.b.), Trần Việt Dũng, Trần Xuân Hiên, Nguyễn Xuân Thảo. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 95000đ. - 700b

T.1: Đại số và Hình học giải tích. - 2025. - 295 tr. : hình vẽ. - Thư mục: tr. 293 s624296

1776. Toán tư duy Soroban Sunkids - A2 : Song ngữ Việt - Anh / Phạm Đình Hòa, Võ Thị Như Quỳnh. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 71 tr. : minh họa ; 20x30 cm. - 120000đ. - 1035b s624457

1777. Toán tư duy Soroban Sunkids - A3 : Song ngữ Việt - Anh / Phạm Đình Hòa, Võ Thị Như Quỳnh. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 75 tr. : minh họa ; 20x30 cm. - 120000đ. - 1035b s624458

1778. Toán tư duy Soroban Sunkids - B1 : Song ngữ Việt - Anh / Phạm Đình Hòa, Võ Thị Như Quỳnh. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 67 tr. : bảng ; 20x30 cm. - 120000đ. - 135b s624459

1779. Toán tư duy Soroban Sunkids - B2 : Song ngữ Việt - Anh / Phạm Đình Hòa, Võ Thị Như Quỳnh. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 63 tr. : bảng ; 20x30 cm. - 120000đ. - 135b s624460

1780. Toán tư duy Soroban Sunkids - B3 : Song ngữ Việt - Anh / Phạm Đình Hòa, Võ Thị Như Quỳnh. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 71 tr. : minh họa ; 20x30 cm. - 120000đ. - 135b s624461

1781. Toán tư duy Soroban Sunkids - C1 : Song ngữ Việt - Anh / Phạm Đình Hòa, Võ Thị Như Quỳnh. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 71 tr. : hình vẽ, bảng ; 20x30 cm. - 120000đ. - 135b s624462

1782. Toán tư duy Soroban Sunkids - C2 : Song ngữ Việt - Anh / Phạm Đình Hòa, Võ Thị Như Quỳnh. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 71 tr. : hình vẽ, bảng ; 20x30 cm. - 120000đ. - 135b s624463

1783. Toán tư duy Soroban Sunkids - C3 : Song ngữ Việt - Anh / Phạm Đình Hòa, Võ Thị Như Quỳnh. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 83 tr. : hình vẽ, bảng ; 20x30 cm. - 120000đ. - 135b s624464

1784. Toán tư duy Soroban Sunkids - D1 : Song ngữ Việt - Anh / Phạm Đình Hòa, Võ Thị Như Quỳnh. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 67 tr. : bảng ; 20x30 cm. - 120000đ. - 135b s624465

1785. Toán tư duy Soroban Sunkids - D2 : Song ngữ Việt - Anh / Phạm Đình Hòa, Võ Thị Như Quỳnh. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 47 tr. : bảng ; 20x30 cm. - 120000đ. - 135b s624466

1786. Tô Văn Ban. Xác suất thống kê : Dành cho sinh viên các trường kỹ thuật và công nghệ / Tô Văn Ban. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 351 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 126000đ. - 500b

Phụ lục: tr. 347-350. - Thư mục: tr. 351 s624289

1787. Tổng ôn cấp tốc luyện thi đánh giá năng lực theo cấu trúc đề thi của Đại học Quốc gia Hà Nội: Định lượng và định tính : Hệ thống kiến thức và phương pháp kỹ năng theo chuyên đề... / Nguyễn Đức Tài, Vương Thúy Hằng, Nguyễn Thị Khuyên. - H. : Công Thương, 2025. - 204 tr. : minh họa ; 27 cm. - 300000đ. - 10000b s625364

1788. Tổng Đình Quỳ. Hướng dẫn giải bài tập xác suất thống kê / Tổng Đình Quỳ. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 211 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 60000đ. - 500b Phụ lục: tr. 190-210. - Thư mục: tr. 211 s624133

1789. Trần Quang Hùng. Hình học Euclid từ cơ bản đến chuyên sâu - Hình học thuần túy / Trần Quang Hùng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 535 tr. : hình vẽ, ảnh ; 24 cm. - 320000đ. - 1000b Thư mục: tr. 533-535 s625309

1790. Trần Quang Thịnh. Giáo trình Phương pháp tối ưu trong kinh doanh / Trần Quang Thịnh (ch.b.), Nguyễn Đình Thi. - H. : Công Thương, 2026. - 87 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 68000đ. - 100b Thư mục: tr. 87 s625361

1791. Trương Hạ Dương. DigiMath 6 / Trương Hạ Dương. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 99 p. : ill. ; 30 cm. - 120000đ. - 8618 copies s625145

1792. Trương Hạ Dương. DigiMath 7 / Trương Hạ Dương. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 91 p. : ill. ; 30 cm. - 120000đ. - 7074 copies s625146

1793. Trương Hạ Dương. DigiMath 8 / Trương Hạ Dương. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 87 p. : ill. ; 30 cm. - 120000đ. - 5584 copies s625147

1794. Trương Hạ Dương. DigiMath 9 / Trương Hạ Dương. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 86 p. : ill. ; 30 cm. - 120000đ. - 1073 copies s625148

1795. TSA - Luyện thi đánh giá tư duy Đại học Bách khoa Hà Nội - Tổng ôn tư duy Toán học / Hà Quang Hưng, Đoàn Thế Hải, Duy Anh. - H. : Dân trí. - 27 cm. - (Sách ID - Một cuộc cách mạng Sách). - 250000đ. - 5000b T.2. - 2025. - 559 tr. : hình vẽ, bảng s623976

1796. Tự học Toán 8 : Hệ thống kiến thức theo Chương trình GDPT năm 2018, dùng chung cho tất cả các bộ sách giáo khoa... / Hà Quang Hưng, Chu Đình Mong, Nguyễn Xuân Mai, Nguyễn Thị Thanh Hà. - H. : Dân trí. - 27 cm. - (Sách ID - Một cuộc cách mạng Sách). - 200000đ. - 5000b T.2. - 2025. - 454 tr. : hình vẽ, bảng s623975

1797. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Toán 6 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Vũ Đình Phương (ch.b.), Nguyễn Hùng Anh, Nguyễn Thị Hợp... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống)(Chân trời sáng tạo). - 39000đ. - 5000b T.2. - 2025. - 91 tr. : minh họa s624894

1798. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Toán 7 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Vũ Đình Phương (ch.b.), Nguyễn Hùng Anh, Nguyễn Thị Hợp... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống)(Chân trời sáng tạo). - 39000đ. - 5000b T.1. - 2025. - 80 tr. : minh họa s624895

1799. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Toán 7 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Vũ Đình Phương (ch.b.), Nguyễn Hùng Anh, Nguyễn Thị

Hợp... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống)(Chân trời sáng tạo). - 39000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 96 tr. : hình vẽ, bảng s624896

1800. Vở thực hành Toán 8 / Nguyễn Huy Đoan (ch.b.), Cung Thế Anh, Nguyễn Cao Cường... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 48000đ. - 3000b

T.2. - 2025. - 132 tr. : minh họa s624887

## THIÊN VĂN HỌC

1801. Hertog, Thomas. Nguồn gốc thời gian = On the origin of time : Lý thuyết cuối cùng của Stephen Hawking / Thomas Hertog ; Nguyễn Văn Liễn dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 449 tr. : ảnh ; 20 cm. - (Khoa học khám phá). - 210000đ. - 1500b

Thư mục: tr. 410-411. - Phụ lục: tr. 442-449 s624221

1802. Minh Hạnh. 10 vạn câu hỏi vì sao? - Trái Đất, vũ trụ / Minh Hạnh. - H. : Văn học, 2025. - 71 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 24 cm. - 54000đ. - 500b s623719

1803. Phạm Hồng. Lịch vạn niên 2000 - 2120 : Bộ sách mới / Phạm Hồng. - H. : Dân trí, 2025. - 615 tr. : bảng ; 27 cm. - 280000đ. - 2000b s623981

1804. Thế giới không gian : Dành cho độ tuổi 6+ / Jolly Kids ; Triều An dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 24 tr. : minh họa ; 21 cm. - (Khám phá thế giới kỳ diệu). - 20000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Factopedia of space s624205

1805. Tyson, Neil deGrasse. Thông điệp từ những vì sao = Starry messenger : Góc nhìn từ Vũ trụ về nền văn minh / Neil deGrasse Tyson ; Phạm Miên Vũ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 313 tr. ; 20 cm. - (Tủ sách Kiến thức - Khoa học). - 155000đ. - 1500b

Thư mục: tr. 268-313 s624201

## VẬT LÝ

1806. 30 đề luyện thi tốt nghiệp THPT 2026 Vật lí / Nguyễn Hàm Hòa. - H. : Dân trí, 2025. - 174 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 189000đ. - 5000b s624933

1807. Bài tập Vật lí 11 / Nguyễn Văn Biên (ch.b.), Vũ Văn Hùng, Nguyễn Chính Cường... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 116 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18000đ. - 62649b s624369

1808. Bài tập Vật lí 12 / Phạm Nguyễn Thành Vinh, Phùng Việt Hải (ch.b.), Trần Nguyễn Nam Bình... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 132 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 25000đ. - 9000b s624371

1809. Bài tập Vật lí 12 / Vũ Văn Hùng (ch.b.), Nguyễn Văn Biên, Nguyễn Chính Cường... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 128 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18000đ. - 79049b s624370

1810. Bộ 50 đề 2026 - Vật lí 12 : Theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Vũ Ngọc Anh, Trần Quốc Tuấn, Đinh Hoàng Tùng. - H. : Dân trí, 2025. - 415 tr. : minh họa ; 27 cm. - 250000đ. - 10000b

Tên sách ngoài bìa: Môn Vật lí - 50 đề minh họa kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông 2026 s624702

1811. Chuyên đề học tập Vật lí 10 / Vũ Văn Hùng (tổng ch.b.), Nguyễn Quang Báu (ch.b.), Phạm Kim Chung, Đặng Thanh Hải. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 11000đ. - 152941b s624737

1812. Chuyên đề học tập Vật lí 12 / Phạm Nguyễn Thành Vinh, Phùng Việt Hải (ch.b.), Đoàn Hồng Hà... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 64 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 10000đ. - 81000b s624738

1813. Giải bài tập và học tốt Vật lí 10 : Theo sách giáo khoa Kết nối tri thức với cuộc sống / Nguyễn Thị Hải. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 263 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 109000đ. - 1400b s626407

1814. Hướng dẫn ôn thi tốt nghiệp Trung học phổ thông môn Vật lí năm học 2025 - 2026 / Đặng Thanh Hải (ch.b.), Nguyễn Chính Cường, Nguyễn Thu Hằng, Lê Khắc Quỳnh. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 160 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 75000đ. - 4000b s624672

1815. 100 đề Vật lí : Bắc, Trung, Nam / Vũ Ngọc Anh, Phạm Ngọc Lam Trường, Nguyễn Trọng Đạt... - H. : Dân trí. - 27 cm. - 150000đ. - 3000b

T.1: 35 đề : Kiểm tra và thi thử các trường, sở toàn quốc. - 2025. - 295 tr. : minh họa s626515

1816. 100 đề Vật lí : Bắc, Trung, Nam / Vũ Ngọc Anh, Phạm Ngọc Lam Trường, Nguyễn Trọng Đạt... - H. : Dân trí. - 27 cm. - 150000đ. - 3000b

T.3: 40 đề : Các trường, sở năm học 2024 - 2025. - 2025. - 333 tr. : hình vẽ, bảng s626516

1817. 500 bài tập Vật lí 8 : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Nguyễn Thanh Hải, Đoàn Văn Lâm. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 199 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 85000đ. - 1500b s626359

1818. Năm trọn kiến thức môn Vật lí 12 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Đỗ Ngọc Hà. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 250000đ. - 2000b

T.1: Vật lí nhiệt và khí lí tưởng. - 2025. - 230 tr. : hình vẽ, bảng s626405

1819. Năm trọn kiến thức môn Vật lí 12 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Đỗ Ngọc Hà. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 250000đ. - 2000b

T.2: Từ trường và vật lí hạt nhân. - 2025. - 226 tr. : hình vẽ, bảng s626406

1820. Nguyễn Xuân Chi. Vật lí đại cương / Nguyễn Xuân Chi, Đặng Quang Khang. - H. : Bách khoa Hà Nội. - 24 cm. - 195000đ. - 500b

T.1: Cơ nhiệt. - 2025. - 479 tr. : hình vẽ, bảng s624134

1821. Sách tham khảo Vật lí 10 : Theo Chương trình GDPT mới / Phạm Đức Cường (ch.b.), Phùng Thị Tuyết, Phạm Diên Thông... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 373 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 179000đ. - 1500b s625228

1822. Sách tham khảo Vật lí 11 : Đầy đủ các dạng trắc nghiệm theo cấu trúc đề thi năm 2025. Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Phạm Đức Cường (ch.b.), Phùng Thị Tuyết, Phạm Diên Thông... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 332 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 195000đ. - 1000b s624962

1823. 60 đề minh họa tốt nghiệp THPT 2026 môn Vật lí / Lại Đắc Hợp, Nghiêm Xuân Tân, Trương Văn Thiện. - H. : Dân trí, 2025. - 422 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Sách ID - Một cuộc cách mạng Sách). - 200000đ. - 15000b s623978

1824. Tự học Vật lí 11 / Lại Đắc Hợp, Bùi Văn Đặng, Hoàng Quốc Hoàn, Nghiêm Xuân Tân. - H. : Dân trí. - 27 cm. - 200000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 406 tr. : minh họa s623999

1825. Vật lí 10 / Vũ Văn Hùng (tổng ch.b.), Bùi Gia Thịnh (ch.b.), Phạm Kim Chung... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 139 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 19000đ. - 115000b s624735

1826. Vật lí 11 / Vũ Văn Hùng (tổng ch.b.), Nguyễn Văn Biên (ch.b.), Phạm Kim Chung... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 115 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 16000đ. - 135000b s624736

1827. Vật lý chuyên đề: Lý thuyết trường và sóng điện từ / Nguyễn Khắc Thuận (ch.b.), Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Văn Hưng, Nguyễn Quang Sơn. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 131 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 60000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Quân chủng Phòng không - Không quân. Học viện Phòng không - Không quân. - Thư mục: tr. 131 s625304

1828. Vật lý đại cương / Nguyễn Thu Hương (ch.b.), Nguyễn Khắc Thuận, Nguyễn Thị Hà Thu... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 120000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Quân chủng Phòng không - Không quân. Học viện Phòng không - Không quân T.1: Cơ - Nhiệt - Điện. - 2025. - 251 tr. : minh họa s625311

## HOÁ HỌC

1829. Bồi dưỡng học sinh giỏi Hóa học 11 theo chuyên đề : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Nguyễn Xuân Trường, Quách Văn Long, Hoàng Thị Thúy Hương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 155000đ. - 1000b

T.2: Hóa học hữu cơ. - 2025. - 328 tr. : hình vẽ, bảng s626377

1830. Chuyên đề học tập Hóa học 10 / Lê Kim Long (tổng ch.b.), Đặng Xuân Thu (ch.b.), Ngô Tuấn Cường... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 75 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 11000đ. - 111628b s624732

1831. Chuyên đề học tập Hóa học 11 / Lê Kim Long (tổng ch.b.), Đặng Xuân Thu (ch.b.), Nguyễn Hữu Chung... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 56 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 8000đ. - 86653b s624733

1832. Chuyên đề học tập Hóa học 12 / Lê Kim Long (tổng ch.b.), Đặng Xuân Thu (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Chi... - Tái bản lần thứ 1 : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 51 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 8000đ. - 109191b s624734

1833. Hành trình chinh phục bộ đề đặc sắc - tinh hoa môn Hóa học / Phạm Văn Trọng. - H. : Dân trí, 2025. - 462 tr. : minh họa ; 27 cm. - 300000đ. - 5000b s623977

1834. Hóa học 11 / Cao Cự Giác (ch.b.), Đặng Thị Thuận An, Nguyễn Đình Độ... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 136 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 20000đ. - 129000b s624731

1835. Hóa học nâng cao - Bồi dưỡng học sinh khá, giỏi các lớp 8 - 9 : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Ngô Ngọc An. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 144 tr. : bảng ; 24 cm. - 65000đ. - 1000b s626362

1836. Hoàng Nhâm. Hóa học vô cơ nâng cao / Hoàng Nhâm. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 280000đ. - 500b

T.1: Lý thuyết đại cương về Hóa học. - 2025. - 615 tr. : hình vẽ, bảng. - Thư mục: tr. 597-598 s624291

1837. Hoàng Nhâm. Hóa học vô cơ nâng cao / Hoàng Nhâm. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 275000đ. - 500b

T.3: Các nguyên tố chuyển tiếp. - 2025. - 607 tr. : hình vẽ, bảng. - Thư mục: tr. 579-581 s624292

1838. Hướng dẫn ôn thi tốt nghiệp Trung học phổ thông môn Hóa học năm học 2025 - 2026 / Nguyễn Văn Hải (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Chi, Lê Trọng Huyền... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 168 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 80000đ. - 3000b s624669

1839. Le Couteur, Penny. Chiếc nút áo của Napoleon : 17 phân tử thay đổi lịch sử / Penny Le Couteur, Jay Burreson ; Nguyễn Vĩnh Khanh dịch. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 489 tr. : hình vẽ, ảnh ; 20 cm. - 220000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Napoleon's buttons. - Thư mục: tr. 467-474 s624220

1840. 50 đề minh họa môn Hóa học : Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông 2026 / Nguyễn Anh Phong. - H. : Dân trí, 2025. - 410 tr. : minh họa ; 27 cm. - 250000đ. - 10000b s624003

1841. Ngân hàng câu hỏi lý thuyết trọng tâm Hóa 12 / Team TYHH b.s. - H. : Dân trí, 2025. - 193 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Tôi yêu Hóa học). - 300000đ. - 10000b s623995

1842. Nguyễn Điền Trung. Thực tập Hóa cơ sở / Nguyễn Điền Trung, Hoàng Hải Yến. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 90 tr. : minh họa ; 24 cm. - 70000đ. - 300b

Thư mục: tr. 90 s625500

1843. Nguyễn Ngọc Hoài Thương. Giáo trình Hóa học : Ngành: Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Hộ sinh, Kỹ thuật phục hồi chức năng. Trình độ: Cao đẳng / B.s.: Nguyễn Ngọc Hoài Thương (ch.b.), Châu Thị Thúy Hằng, Bùi Thị Huyền Trân. - H. : Nông nghiệp, 2025. - 89 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 100000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp. - Thư mục: tr. 89 s625466

1844. 60 đề minh họa tốt nghiệp THPT 2026 môn Hóa học / Trần Công Minh, Lê Quỳnh Trang, Phạm Kim Oanh... - H. : Dân trí, 2025. - 447 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Sách ID - Một cuộc cách mạng Sách). - 200000đ. - 15000b s626514

1845. Siêu phẩm 10 câu cuối - 30 đề trắc nghiệm đúng/sai - Trắc nghiệm trả lời ngắn / Phạm Thắng. - H. : Dân trí, 2025. - 118 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Tôi yêu Hóa học). - 300000đ. - 10000b s623994

1846. Trần Thị Đà. Cơ sở lý thuyết các phản ứng hóa học / Trần Thị Đà, Đặng Trần Phách. - Tái bản lần thứ 12. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 503 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 178000đ. - 500b

Thư mục: tr. 503 s624564

1847. Trọng tâm Hóa 12 / Phạm Đình Thắng (ch.b.), Nguyễn Ngọc Anh, Trần Trọng Tuyền, Nguyễn Thanh Minh. - H. : Dân trí. - 27 cm. - (Tôi yêu Hóa học). - 300000đ. - 7000b

T.1: Hữu cơ. - 2025. - 263 tr. : minh họa s623992

1848. Trọng tâm Hóa 12 / Phạm Đình Thắng (ch.b.), Nguyễn Ngọc Anh, Trần Trọng Tuyền, Nguyễn Thanh Minh. - H. : Dân trí. - 27 cm. - (Tôi yêu Hóa học). - 300000đ. - 7000b

T.2: Vô cơ. - 2025. - 239 tr. : minh họa s623993

1849. Trọng tâm Hóa học lớp 11 : Theo Chương trình KHTN mới / Phạm Thắng, Ngọc Anh. - H. : Dân trí, 2025. - 472 tr. : minh họa ; 27 cm. - 350000đ. - 4000b s624004

1850. Vũ Đăng Độ. Bài tập cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học / Vũ Đăng Độ (ch.b.), Trịnh Ngọc Châu, Nguyễn Văn Nội. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 171 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 56000đ. - 500b

Phụ lục: tr. 160-170 s624279

## KHOA HỌC VỀ TRÁI ĐẤT

1851. Minh Hạnh. 10 vạn câu hỏi vì sao? - Bí ẩn đại dương / Minh Hạnh. - H. : Văn học, 2025. - 71 tr. : hình vẽ, ảnh ; 24 cm. - 54000đ. - 600b s623723

1852. Thùy Trang. 10 vạn câu hỏi vì sao - Thiên nhiên diệu kỳ / S.t., b.s.: Thùy Trang, Thanh Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 79 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Những điều bí ẩn trẻ em thích khám phá nhất). - 55000đ. - 7000b s626164

1853. Tò mò muốn biết... trên sa mạc : 3 - 6 tuổi / Helena Haraštová ; Tranh: Justyna Hołubowska-Chrzyszczak ; Phương Chi dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 13 tr. : tranh màu ; 21x25 cm. - 66000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: Desert s624321

1854. York, Penelope. Trái Đất = Earth : Dành cho trẻ em từ 6 tuổi trở lên / Penelope York b.s. ; Thu Phong dịch. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 56 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức. Bách khoa tri thức về khám phá thế giới cho trẻ em). - 55000đ. - 1000b s625726

## SINH VẬT HOÁ THẠCH VÀ ĐỜI SỐNG TIỀN SỬ

1855. Minh Hạnh. 10 vạn câu hỏi vì sao? - Vương quốc khủng long / Minh Hạnh. - H. : Văn học, 2025. - 71 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 54000đ. - 1300b s623717

1856. Thế giới khủng long : Dành cho độ tuổi 6+ / Jolly Kids ; Triều An dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 24 tr. : minh họa ; 21 cm. - (Khám phá thế giới kỳ diệu). - 20000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Factopedia of dinosaur s624209

## KHOA HỌC VỀ SỰ SỐNG, SINH VẬT HỌC

1857. Bài tập Sinh học 10 / Phạm Văn Lập (ch.b.), Bùi Thị Việt Hà, Nguyễn Thị Quyên. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 92 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 14000đ. - 21000b s624372

1858. Bài tập Sinh học 12 / Phạm Văn Lập (ch.b.), Đào Thị Minh Châu, Trần Văn Kiên... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 111 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 16000đ. - 19000b s624373

1859. Chuyên đề học tập Sinh học 10 / Phạm Văn Lập (tổng ch.b.), Phạm Thị Hương, Dương Minh Lam. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 75 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 11000đ. - 41073b s624729

1860. Chuyên đề học tập Sinh học 11 / Tống Xuân Tám (ch.b.), Trần Hoàng Dương, Nguyễn Thị Thanh Huyền... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 11000đ. - 31000b s624730

1861. Đặng Thanh Lệ. Tập bài giảng Vi sinh vật ứng dụng : Dành cho đào tạo trình độ đại học, ngành Hậu cần Công an nhân dân / B.s.: Đặng Thanh Lệ (ch.b.), Đặng Anh Ngọc. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 183 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 55b

ĐTTS ghi: Bộ Công an. Học viện Kỹ thuật và Công nghệ an ninh. - Lưu hành nội bộ. - Thư mục: tr. 179 s626265

1862. Đỗ Thị Hoàng Diễm. Giáo trình Sinh học và di truyền : Ngành: Điều dưỡng - Hộ sinh - Kỹ thuật xét nghiệm y học - Kỹ thuật Phục hồi chức năng. Trình độ: Cao đẳng / B.s.: Đỗ

Thị Hoàng Diễm (ch.b.), Nguyễn Thị Tố Uyên, Đặng Bảo Ngọc. - H. : Nông nghiệp, 2025. - 135 tr. : minh họa ; 24 cm. - 110000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp. - Thư mục: tr. 135 s625461

1863. Hướng dẫn ôn thi tốt nghiệp Trung học phổ thông môn Sinh học năm học 2025 - 2026 / Trần Mạnh Hùng, Nguyễn Thùy Linh, Nguyễn Thị Hằng Nga, Lê Anh Quyết. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 203 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 95000đ. - 2000b s624666

1864. Ôn tập, kiểm tra Sinh học 12 : Theo cấu trúc, định dạng đề thi mới / Phạm Xuân Bằng, Võ Đạo Hiền, Lê Đình Hưng... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 231 tr. : minh họa ; 24 cm. - 79000đ. - 2000b s624395

1865. Sinh học 10 / Phạm Văn Lập (tổng ch.b.), Bùi Thị Việt Hà, Đinh Đoàn Long... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 159 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 22000đ. - 136975b s624728

1866. Sổ tay nhập môn Sinh học : Khóa livestream toàn diện / Nguyễn Vũ Trà My. - H. : Dân trí, 2025. - 82 tr. : minh họa ; 24 cm. - 250000đ. - 3000b s625240

1867. Tổng Duy Thanh. Tuyệt chủng : Bí ẩn trong lịch sử Trái đất : Một ẩn phẩm của Bảo tàng Hóa thạch Hà Nội / Tổng Duy Thanh, Tạ Hòa Phương. - H. : Tri thức, 2025. - 397 tr. : minh họa ; 22 cm. - 390000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 391-393 s625801

1868. Weavers of life : Sustaining harmony in Viet Nam's biosphere reserves / UNESCO. - H. : Dân trí, 2025. - 104 p. : ill. ; 28 cm. - 55 copies s625205

## THỰC VẬT

1869. Minh Hạnh. 10 vạn câu hỏi vì sao? - Thế giới cỏ cây / Minh Hạnh. - H. : Văn học, 2025. - 71 tr. : ảnh ; 24 cm. - 54000đ. - 1500b s623718

1870. Thùy Trang. 10 vạn câu hỏi vì sao - Thế giới thực vật / S.t., b.s.: Thùy Trang, Thanh Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 79 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Những điều bí ẩn trẻ em thích khám phá nhất). - 55000đ. - 7000b s626162

## ĐỘNG VẬT

1871. Bách khoa bằng hình đầu tiên cho bé theo chủ đề = My first picture encyclopedia : Song ngữ Anh - Việt. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 108000đ. - 3000b  
T.2: Thế giới động vật = Animals. - 2025. - 29 tr. : ảnh s625970

1872. Mina T. Ai ở sau đó đây? - Những người bạn biển cả = Who is behind me? - Ocean friends : Ehon phong cách Nhật Bản : Dành cho trẻ từ 0 - 6 tuổi / Mina T. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Nuôi dưỡng tâm hồn cho bé). - 29000đ. - 3000b s625655

1873. Mina T. Ai ở sau đó đây? - Những người bạn rừng xanh = Who is behind me? - Forest friends : Ehon phong cách Nhật Bản : Dành cho trẻ từ 0 - 6 tuổi / Mina T. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Nuôi dưỡng tâm hồn cho bé). - 29000đ. - 3000b s625654

1874. Minh Hạnh. 10 vạn câu hỏi vì sao? - Động vật hoang dã / Minh Hạnh. - H. : Văn học, 2025. - 71 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 24 cm. - 54000đ. - 1200b s623720

1875. Minh Hạnh. 10 vạn câu hỏi vì sao? - Động vật quanh ta / Minh Hạnh. - H. : Văn học, 2025. - 71 tr. : ảnh ; 24 cm. - 54000đ. - 1100b s623722

1876. Phạm Văn Anh. Đa dạng các loài bò sát ở tỉnh Sơn La / Phạm Văn Anh (ch.b.), Nguyễn Quảng Trường, Lê Đức Minh. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 207 tr. : minh họa ; 27 cm. - 180000đ. - 200b

Thư mục: tr. 189-202. - Phụ lục: tr. 203-207 s626567

1877. Siêu nhĩ khám phá đại dương : 100 bí ẩn thú vị về các quái vật dưới đáy đại dương / Lindsay Leigh ; 1980 Edu dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 93 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 250000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: The deep! : Wild life at the ocean's darkest depths s626534

1878. Thế giới côn trùng : Dành cho độ tuổi 6+ / Jolly Kids ; Triều An dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 24 tr. : minh họa ; 21 cm. - (Khám phá thế giới kỳ diệu). - 20000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Factopedia of bugs s624204

1879. Thế giới đại dương : Dành cho độ tuổi 6+ / Jolly Kids ; Triều An dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 203 tr. : minh họa ; 21 cm. - (Khám phá thế giới kỳ diệu). - 20000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Factopedia of ocean s624203

1880. Thế giới động vật hoang dã : Dành cho độ tuổi 6+ / Jolly Kids ; Triều An dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 24 tr. : minh họa ; 21 cm. - (Khám phá thế giới kỳ diệu). - 20000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Factopedia of wild animals s624208

1881. Thế giới loài chó : Dành cho độ tuổi 6+ / Jolly Kids ; Triều An dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 24 tr. : minh họa ; 21 cm. - (Khám phá thế giới kỳ diệu). - 20000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Factopedia of dogs s624207

1882. Thế giới loài mèo : Dành cho độ tuổi 6+ / Jolly Kids ; Triều An dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 24 tr. : minh họa ; 21 cm. - (Khám phá thế giới kỳ diệu). - 20000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Factopedia of cats s624202

1883. Thùy Trang. 10 vạn câu hỏi vì sao - Thế giới động vật / S.t., b.s.: Thùy Trang, Thanh Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 79 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Những điều bí ẩn trẻ em thích khám phá nhất). - 55000đ. - 7000b s626163

1884. Tò mò muốn biết... trên thảo nguyên : 3 - 6 tuổi / Radka Píro ; Tranh: Justyna Hołubowska-Chrząszczak ; Phương Chi dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 13 tr. : tranh màu ; 21x25 cm. - 66000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: Savannah s624320

1885. Tò mò muốn biết... trong bóng đêm : 3 - 6 tuổi / Lenka Chytilová ; Tranh: Martin Šojdr ; Phương Chi dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 13 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 66000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: At night s624322

1886. Tò mò muốn biết... trong gốc cây : 3 - 6 tuổi / Magda Garguláková ; Tranh: Martin Šojdr ; Phương Chi dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 13 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 66000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: Stump s624323

## CÔNG NGHỆ

1887. Bài tập Công nghệ 8 / Bùi Văn Hồng, Nguyễn Thị Cẩm Vân (ch.b.), Nguyễn Thị Lương... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 12000đ. - 58000b s624331

1888. Bài tập Công nghệ 8 / Đặng Văn Nghĩa (ch.b.), Đặng Thị Thu Hà, Nguyễn Hồng Sơn... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 51 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9000đ. - 100779b s624336

1889. Bài tập Công nghệ 9 : Định hướng nghề nghiệp / Bùi Văn Hồng, Nguyễn Thị Cẩm Vân (ch.b.), Nguyễn Thị Lương... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : bảng, ảnh ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 5000đ. - 33000b s624333

1890. Giáo trình Lí luận và phương pháp dạy học Công nghệ / Nhữ Thị Việt Hoa (ch.b.), Nguyễn Trọng Khanh, Nguyễn Văn Khôi... - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 259 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 90000đ. - 500b

Thư mục: tr. 254-256 s625263

1891. Hướng dẫn ôn thi tốt nghiệp Trung học phổ thông môn Công nghệ - Định hướng Công nghiệp năm học 2025 - 2026 / Nguyễn Thị Thanh Huyền (ch.b.), Bùi Trung Ninh, Lê Hồng Phước... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 164 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 70000đ. - 2000b s624665

1892. Marr, Bernard. Tương lai không đợi ai : 20 kỹ năng giúp bạn thành công trong kỷ nguyên số / Bernard Marr ; Dịch: Tùng Anh... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 379 tr. ; 21 cm. - 170000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: Future skills s624196

1893. Trịnh Diên Tuệ. 10 vạn câu hỏi vì sao dành cho thiếu nhi - Con người và công nghệ / Trịnh Diên Tuệ ; Tuệ Văn dịch. - In lần 4. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 124 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 60000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Trung: 幼儿十万个为什么 s625956

1894. Tư tưởng Hồ Chí Minh về khoa học, kỹ thuật - Vận dụng trong đổi mới sáng tạo, thực hiện chuyển đổi số ở Bình Thuận hiện nay / Nguyễn Thị Toàn Thắng, Nguyễn Văn Tuấn, Nguyễn Thị Phương An... ; B.s.: Nguyễn Vĩnh Phúc (ch.b.)... - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 244 tr. ; 21 cm. - 100b s625452

## Y HỌC

1895. Biến chứng bệnh đa dây thần kinh ở người đái tháo đường type 2 / Nguyễn Tiên Dũng (ch.b.), Nguyễn Phương Sinh, Bùi Minh Thu... - Thái Nguyên : Đại học Thái Nguyên, 2025. - 267 tr. : minh họa ; 24 cm. - 580b

Thư mục cuối mỗi bài s624247

1896. Bikman, Benjamin T. Vì đâu mà ta bệnh? : Góc rẽ của hầu hết các bệnh mãn tính và cách chống lại bệnh / Benjamin Bikman ; Dịch: Nguyễn Cao Luân, Lê Thị Khuyên. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - xiii, 327 tr. ; 20 cm. - (Y học + Sức khỏe). - 155000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Why we get sick. - Phụ lục: tr. 281-292. - Thư mục: tr. 293-327 s624198

1897. Bùi Quốc Châu. Diện chẩn ABC : Phương pháp chữa bệnh của người Việt Nam / Bùi Quốc Châu ; Lệ Yến Zys dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 343 tr. : hình vẽ, ảnh ; 21 cm. - 150000đ. - 3000b

Nguyên tác: ABC Le Dien chan - Méthode originale Vietnamienne de multiréflexologie faciale s626092

1898. Can thiệp giảm đau dưới hướng dẫn siêu âm : Hướng dẫn quy trình có minh họa / Sherif Abbas, Philip Peng, Yasmine Hoydonckx... ; Biên dịch: Phạm Thị Thu Hà, Nguyễn Văn Tín ; H.đ.: Nguyễn Trung Anh... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 354 tr. : minh họa ; 24 cm. - 500000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Ultrasound for Interventional Pain Management : An Illustrated Procedural Guide. - Thư mục cuối mỗi bài s625298

1899. Cẩm nang chăm sóc sẹo / B.s.: Trần Đoàn Đạo (ch.b.), Nguyễn Đình Vân, Đỗ Thị Ngọc Diệp, Nguyễn Tấn Bảo Ân. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 197 tr. : minh họa ; 24 cm. - 500b s625520

1900. Chẩn đoán, điều trị và quản lý sa sút trí tuệ : Sách chuyên khảo / B.s.: Đồng Thị Thu Trang (ch.b.), Đinh Thị Hải Hà, Trần Thị Ngọc Trường... - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 159 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 1000b

Thư mục: tr. 150-157 s624102

1901. Chữa răng nội nha / B.s.: Trịnh Thị Thái Hà (ch.b.), Võ Trương Như Ngọc, Nguyễn Thị Châu... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 200000đ. - 700b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt

T.1. - 2025. - 199 tr. : minh họa. - Thư mục cuối mỗi bài s624567

1902. Chữa răng nội nha / B.s.: Trịnh Thị Thái Hà (ch.b.), Nguyễn Thị Châu, Phạm Thị Tuyết Nga... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 150000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt

T.2. - 2025. - 147 tr. : minh họa. - Thư mục cuối mỗi bài s624568

1903. Cơ thể con người : Dành cho độ tuổi 6+ / Jolly Kids ; Triều An dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 24 tr. : minh họa ; 21 cm. - (Khám phá thế giới kỳ diệu). - 20000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Factopedia of human body s624206

1904. Dương Thị Thu Trang. Giáo trình Điều dưỡng chuyên khoa mắt : Dùng cho đào tạo: Cao đẳng. Ngành: Điều dưỡng / Dương Thị Thu Trang ch.b., b.s. - H. : Y học, 2025. - 76 tr. : hình vẽ, ảnh ; 27 cm. - 410000đ. - 50b

ĐTTS ghi: UBND thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 75 s623835

1905. Đặng Hùng. Pranayama - Nghệ thuật kiểm soát hơi thở / Đặng Hùng, Võ Trang. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 195 tr. : ảnh ; 21 cm. - 250000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Học viện Yoga Việt Nam s625887

1906. Đặng Hùng. Yoga trị liệu - Bệnh lý hô hấp / Đặng Hùng, Võ Trang. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 179 tr. : minh họa ; 21 cm. - 260000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Học viện Yoga Việt Nam s625908

1907. Đặng Thái Mạnh. Sự sống trở lại : Nhật ký từ một ca ghép phổi / Đặng Thái Mạnh. - H. : Y học, 2026. - 243 tr. : ảnh ; 21 cm. - 299000đ. - 500b s626102

1908. Đoàn Chí Cường. Hỗ trợ điều trị một số bệnh nam khoa bằng phương pháp y học cổ truyền / Đoàn Chí Cường. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 259 tr. ; 21 cm. - 1000b

Thư mục: tr. 257 s624100

1909. Đỗ Hồng Ngọc. Chuyện hồi đó / Đỗ Hồng Ngọc. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 456 tr. ; 24 cm. - 315000đ. - 1000b s625940

1910. Đông Đông. Phụ nữ tỳ hư rất mau già / Đông Đông ; Mỹ Linh dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 397 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 165000đ. - 1000b  
 Tên sách tiếng Trung: 脾虚的女人老得快 s625892
1911. Emma Phạm. Eat clean - Ăn sạch sống khỏe : Hướng dẫn thiết lập chế độ ăn uống lành mạnh cho người mới bắt đầu / Emma Phạm ; Ảnh: Grace Medina, Emma Phạm. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 222 tr. : hình vẽ, ảnh ; 24 cm. - 199000đ. - 1000b s625960
1912. Emma Phạm. Nước ép trị liệu và chế độ ăn theo phương pháp cơ thể tự chữa lành : Bệnh ung thư, tiểu đường, tim mạch, gan, tuyến giáp, da liễu... / Emma Phạm. - In lần 11. - H. : Thế giới, 2025. - 339 tr. : ảnh ; 23 cm. - 229000đ. - 1500b s625670
1913. Farrimond, Stuart. Khoa học về lối sống : Hiểu cơ sở khoa học của các thói quen hằng ngày để sống khỏe hơn, hạnh phúc hơn / Stuart Farrimond ; Hà Dũng Minh dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 256 tr. : minh họa ; 22 cm. - 320000đ. - 1000b  
 Tên sách tiếng Anh: The science of living : 219 reasons to rethink your daily routine s625676
1914. Filonov, Sergey. Nhịn khô / Sergey Filonov ; Dịch: Trần Bích Hà, Trần Doãn Hưng. - In lần 4. - H. : Thế giới, 2025. - 295 tr. ; 24 cm. - 139000đ. - 1500b  
 Tên sách tiếng Anh: 20 questions and answers about dry fasting. - Thư mục: tr. 288-289 s625671
1915. Fitzgerald, Patrick. English for medicine in higher education studies : Course book / Patrick Fitzgerald, Marie McCullagh, Ros Wright ; Ed.: Nguyen Thi Thanh Loan. - Hue : Hue University, 2025. - 160 p. : ill. ; 28 cm. - 3000 copies s625089
1916. García, Héctor. Ikigai - Đi tìm lý do thức dậy mỗi sáng / Héctor García, Francesc Miralles ; Quốc Đạt dịch. - In lần 12. - H. : Công Thương, 2025. - 202 tr. : hình vẽ, bảng ; 20 cm. - 99000đ. - 1500b s626050
1917. Giáo trình Bảo trì trang thiết bị y tế : Dành cho sinh viên ngành Cử nhân Xét nghiệm Y học và Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh Y học / Nguyễn Hồng Phong (ch.b.), Trần Đỗ Hùng, Nguyễn Vũ Đăng... - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 147 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - 200000đ. - 100b  
 ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Xét nghiệm. - Thư mục: tr. 147 s624855
1918. Giáo trình Các nguyên tắc thực hành tốt trong ngành Dược (GPS) : Ngành: Dược. Trình độ: Cao đẳng / B.s.: Trần Hồng Châu (ch.b.), Tô Hoàng Thít, Đặng Bảo Ngọc... - H. : Nông nghiệp, 2025. - 153 tr. : bảng, sơ đồ ; 24 cm. - 115000đ. - 100b  
 ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp. - Thư mục cuối mỗi bài s625469
1919. Giáo trình Chấn thương chỉnh hình / B.s.: Võ Thành Toàn (ch.b.), Phan Ngọc Tuấn, Đỗ Võ Công Nguyên... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 26 cm. - 240000đ. - 300b  
 ĐTTS ghi: Trường Đại học Khoa học Sức khỏe. Bộ môn Chấn thương chỉnh hình T.3. - 2025. - viii, 324 tr. : minh họa. - Thư mục cuối mỗi bài s624066
1920. Giáo trình Chấn thương chỉnh hình / B.s.: Võ Thành Toàn (ch.b.), Phan Ngọc Tuấn, Đỗ Võ Công Nguyên... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 26 cm. - 250000đ. - 500b  
 ĐTTS ghi: Trường Đại học Khoa học Sức khỏe. Bộ môn Chấn thương chỉnh hình T.4. - 2025. - vi, 473 tr. : minh họa. - Thư mục cuối mỗi bài s624067
1921. Giáo trình Dược lý học đại cương : Cho sinh viên hệ bác sĩ chuyên ngành Răng Hàm Mặt / B.s.: Phạm Thị Vân Anh (ch.b.), Đậu Thùy Dương, Nguyễn Thị Thanh Hà... - Tái

bản lần thứ 1 có sửa chữa, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 163 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 85000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt. - Thư mục: tr. 160-161. - Phụ lục: tr. 162-163 s624571

1922. Giáo trình Dược lý lâm sàng / B.s.: Phạm Thị Vân Anh (ch.b.), Trần Thanh Tùng, Đậu Thùy Dương... - Tái bản lần thứ 1, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 215 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 95000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt. - Thư mục: tr. 215 s624566

1923. Giáo trình Sức khỏe và môi trường : Ngành: Điều dưỡng - KT. PHCN. Trình độ: Cao đẳng / B.s.: Lê Văn Sen (ch.b.), Nguyễn Tấn Hưng, Nguyễn Quang Vinh... - H. : Nông nghiệp, 2025. - 113 tr. : minh họa ; 24 cm. - 105000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp. - Thư mục: tr. 113 s625468

1924. Giáo trình Thực vật dược : Ngành: Dược. Trình độ: Cao đẳng / B.s.: Đặng Bảo Ngọc (ch.b.), Đường Thị Diệu Hiền, Trần Hồng Châu... - H. : Nông nghiệp, 2025. - 151 tr. : minh họa ; 24 cm. - 115000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp. - Thư mục: tr. 151 s625465

1925. Giáo trình Xác suất và thống kê y học : Ngành: Điều dưỡng - Hộ sinh - Kỹ thuật Phục hồi chức năng. Trình độ: Cao đẳng / B.s.: Nguyễn Huỳnh Nhân (ch.b.), Nguyễn Tấn Hưng, Lê Văn Sen... - H. : Nông nghiệp, 2025. - 131 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 110000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp. - Thư mục: tr. 131 s625462

1926. Hajime Nishio. Sự trung thực của xác chết : Ghi chép của một nhà pháp y / Hajime Nishio ; Như Nữ dịch. - In lần 6. - H. : Thế giới, 2025. - 239 tr. ; 20 cm. - 99000đ. - 1500b s625666

1927. Hành trình khám phá dinh dưỡng cùng Guru : Dành cho trẻ từ 3 - 10 tuổi / B.s.: Đặng Ngọc Hùng, Nguyễn Thị Kim Hải (ch.b.), Lê Thị Thu Huyền... ; Minh họa: Hsiao Ngọc Hà, Phạm Thị Ngọc Được. - Tái bản lần 2. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 20 cm. - 32000đ. - 2000b  
T.1: Trứng - Siêu thực phẩm dinh dưỡng cho con. - 2025. - 23 tr. : tranh màu s626021

1928. Hành trình khám phá dinh dưỡng cùng Guru : Dành cho trẻ từ 3 - 10 tuổi / B.s.: Đặng Ngọc Hùng, Nguyễn Thị Kim Hải (ch.b.), Lê Thị Thu Huyền... ; Minh họa: Hsiao Ngọc Hà, Phạm Thị Ngọc Được. - Tái bản lần 2. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 20 cm. - 32000đ. - 2000b  
T.2: Rau củ - Thế giới sắc màu của con. - 2025. - 27 tr. s626022

1929. Hành trình khám phá dinh dưỡng cùng Guru : Dành cho trẻ từ 3 - 10 tuổi / B.s.: Đặng Ngọc Hùng, Nguyễn Thị Kim Hải (ch.b.), Lê Thị Thu Huyền... ; Minh họa: Hsiao Ngọc Hà, Phạm Thị Ngọc Được. - Tái bản lần 2. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 20 cm. - 32000đ. - 2000b  
T.4: Nước ngọt - Kẻ hủy diệt thầm lặng. - 2025. - 27 tr. : tranh màu s626023

1930. Hành trình khám phá dinh dưỡng cùng Guru : Dành cho trẻ từ 3 - 10 tuổi / B.s.: Đặng Ngọc Hùng, Nguyễn Thị Kim Hải (ch.b.), Lê Thị Thu Huyền... ; Minh họa: Hsiao Ngọc Hà, Phạm Thị Ngọc Được. - Tái bản lần 2. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 20 cm. - 32000đ. - 2000b  
T.5: Trà sữa và gà rán - Quái vật gây béo phì. - 2025. - 27 tr. : tranh màu s626024

1931. Hiromi Shinya. Nhân tố enzyme / Hiromi Shinya ; Như Nữ dịch. - In lần 30. - H. : Thế giới. - 21 cm. - 109000đ. - 2000b

T.1: Phương thức sống lành mạnh. - 2025. - 223 tr. s625668

1932. Hoàng Anh Lân. Giáo trình Lý thuyết giải phẫu chức năng hệ vận động và hệ thần kinh : Dùng cho đào tạo: Cao đẳng. Ngành: Kỹ thuật Phục hồi chức năng / Hoàng Anh Lân ch.b., b.s. - H. : Y học, 2026. - 127 tr. : minh họa ; 27 cm. - 580000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. - Thư mục: tr. 127 s623834

1933. Hoàng Văn Hùng. Cây thuốc dân tộc có hoạt tính kháng ung thư : Chuyên khảo / Ch.b.: Hoàng Văn Hùng, Nguyễn Phú Hùng. - Thái Nguyên : Đại học Thái Nguyên, 2025. - 380 tr. ; 24 cm. - 580b

Thư mục cuối mỗi chương s624244

1934. Hướng dẫn truyền thông trực tiếp về chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên : Ban hành kèm theo Quyết định số 2885/QĐ-BYT ngày 22 tháng 10 năm 2022 / B.s.: Đinh Anh Tuấn (ch.b.), Trần Đăng Khoa, Tống Trần Hà... - H. : Công Thương, 2025. - 131 tr. : bảng ; 24 cm. - 8000b

ĐTTS ghi: Bộ Y tế. Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em. - Thư mục: tr. 125. - Phụ lục: tr. 126-131 s626060

1935. Khi bạn gái dậy thì : Cẩm nang giáo dục giới tính mở rộng qua truyện tranh / Terue Yamagata ; Ngọc Hân dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 171 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 129000đ. - 1500b

Dịch từ nguyên tác tiếng Nhật: 15歳までの女の子に伝えたい自分の体と心の守り方 s625913

1936. Kỹ năng cơ bản của người dược sĩ cộng đồng : Dành cho sinh viên và học viên sau đại học / B.s.: Nguyễn Phục Hưng, Phạm Thành Suôi (ch.b.), Trần Bá Kiên, Võ Thị Mỹ Hương. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 221 tr. : bảng ; 27 cm. - 300000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Quản lý dược. - Thư mục: tr. 218-221 s624021

1937. Liệu pháp ăn kiêng cho các loại bệnh : Tổng hợp từ 500 bài thuốc dân gian ai cũng có thể làm được / Tuyển chọn: Trí Đức. - H. : Hồng Đức, 2025. - 216 tr. : ảnh màu ; 24 cm. - 299000đ. - 5000b s624186

1938. Lộ thuốc thần cho cơ thể khỏe mạnh - Đánh bại yêu quái cong vẹo : Dành cho trẻ em từ 6 - 9 tuổi / Dong Dong Ya ; Thu Ngân dịch. - H. : Tri thức, 2026. - 39 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 39000đ. - 2000b s626333

1939. Lộ thuốc thần cho cơ thể khỏe mạnh - Hóa giải lời nguyền béo phì : Dành cho trẻ em từ 6 - 9 tuổi / Dong Dong Ya ; Thu Ngân dịch. - H. : Tri thức, 2026. - 39 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 39000đ. - 2000b s626332

1940. Lộ thuốc thần cho cơ thể khỏe mạnh - Tớ không muốn trở thành "nấm lùn" : Dành cho trẻ em từ 6 - 9 tuổi / Dong Dong Ya ; Thu Ngân dịch. - H. : Tri thức, 2026. - 39 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 39000đ. - 2000b s626334

1941. Minh Hạnh. 10 vạn câu hỏi vì sao? - Bí mật cơ thể người / Minh Hạnh. - H. : Văn học, 2025. - 71 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 54000đ. - 800b s623721

1942. Mol, Hans. Moving into Healthcare & Nursing : Course book : A2 - B1 / Hans Mol ; Ed.: Vo Thi Lien Huong. - Hue : Hue University, 2025. - 231 p. : ill. ; 28 cm. - (Garnet education). - 3000 copies s625095

1943. Mol, Hans. Moving into Healthcare & Nursing : Workbook : A2 - B1 / Hans Mol ; Ed.: Vo Thi Lien Huong. - Hue : Hue University, 2025. - 79 p. : ill. ; 28 cm. - (Garnet education). - 3000 copies s625189

1944. Moritz, Andreas. Ung thư không phải là bệnh mà là cơ chế chữa lành / Andreas Moritz ; Quế Chi dịch. - In lần 8. - H. : Thế giới, 2025. - 463 tr. ; 24 cm. - 189000đ. - 1500b  
Tên sách tiếng Anh: Cancer is not a disease s625672
1945. Ngô Đức Vượng. Minh triết trong ăn uống của phương Đông / Ngô Đức Vượng. - Tái bản lần thứ 32. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 407 tr. : minh họa ; 21 cm. - 168000đ. - 5000b  
Phụ lục: tr. 335-406 s625548
1946. Nguyễn Lê. Ung thư không bỏ cuộc : Hành trình của một bác sĩ - bệnh nhân đã vượt qua căn bệnh ung thư / Nguyễn Lê. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 211 tr. ; 21 cm. - 289000đ. - 3000b s625851
1947. Nguyễn Quang Bảy. Hiểu biết để điều trị thành công bệnh đái tháo đường : 110 câu hỏi - đáp với chuyên gia / Nguyễn Quang Bảy. - In lần thứ 4. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 248 tr. : minh họa ; 24 cm. - 94000đ. - 2000b  
Phụ lục: tr. 225-236 s625927
1948. Nguyễn Tiến Dũng. Kỹ thuật ELISpot và ứng dụng / Nguyễn Tiến Dũng (ch.b.), Hồ Cẩm Tú. - Thái Nguyên : Đại học Thái Nguyên, 2025. - 255 tr. : minh họa ; 24 cm. - 580b  
Thư mục cuối mỗi bài. - Phụ lục: tr. 247-255 s624245
1949. Nguyễn Văn Sơn. Siêu âm cơ bản : Dùng cho chương trình đại học / Ch.b.: Nguyễn Văn Sơn, Hồ Xuân Tuấn. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 358 tr. : minh họa ; 24 cm. - 280000đ. - 200b  
ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Y Dược s626346
1950. Những điều giáo viên cần biết để giáo dục kỹ năng sống và sức khỏe sinh sản vị thành niên. - H. : Công Thương, 2025. - 101 tr. : minh họa ; 21 cm. - 18000b  
ĐTTS ghi: Sở Y tế Hà Nội. Chi cục Dân số, Trẻ em và Phòng chống tệ nạn xã hội s626053
1951. Nishi Katsuzo. Những phương thức phục hồi sức khỏe theo tự nhiên / Nishi Katsuzo ; Trương Thị Thảo dịch. - In lần 18. - H. : Công Thương, 2025. - 273 tr. ; 21 cm. - 139000đ. - 1500b s626047
1952. Phạm Hùng Vượng. Xử lý bề mặt titan ứng dụng trong cấy ghép xương và răng : Sách chuyên khảo / Phạm Hùng Vượng (ch.b.), Lê Văn Toán, Phạm Hồng Trang. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 253 tr. : minh họa ; 24 cm. - 300000đ. - 100b  
Thư mục: tr. 223-235. - Phụ lục: tr. 236-253 s624138
1953. Phan Lê Kiệt. Cẩm nang con gái : Quà tặng của cha mẹ dành cho con gái. Sách gối đầu giường cho con gái tuổi dậy thì / Phan Lê Kiệt ; Snow dịch. - H. : Tri Thức, 2026. - 196 tr. ; 24 cm. - 128000đ. - 5000b s625800
1954. Phương pháp nghiên cứu trong khoa học sức khỏe = Research methodology in health sciences / B.s.: Tăng Kim Hồng, Kim Văn Thành (ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Trinh... - H. : Hồng Đức, 2025. - 231 tr. : minh họa ; 29 cm. - 150000đ. - 1000b  
Đầu bìa sách ghi: Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch. Khoa Y tế cộng đồng - Bộ môn Dịch tễ học. - Phụ lục trong chính văn. - Thư mục cuối mỗi chương s623843
1955. Răng trẻ em : Sách dùng cho sinh viên Răng Hàm Mặt / B.s.: Võ Trương Như Ngọc (ch.b.), Trần Thị Mỹ Hạnh, Đào Thị Hằng Nga... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 375 tr. : minh họa ; 27 cm. - 250000đ. - 700b  
ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt. - Thư mục: tr. 374-375 s624565

1956. Schwartz, Richard C. Ứng dụng liệu pháp hệ thống gia đình nội tâm trong tình yêu / Richard C. Schwartz ; Nguyễn Văn Anh dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 259 tr. ; 23 cm. - 149000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: You are the one you've been waiting for: Applying internal family systems to intimate relationships. - Thư mục: tr. 250-258 s625646

1957. Sổ tay Hướng dẫn bài tập phòng chống stress nghề nghiệp cho người lao động / B.s.: Lê Thanh Hải (ch.b.), Lê Thu Hà, Nguyễn Duy Bảo... - H. : Công Thương, 2024. - 49 tr. : minh họa ; 21 cm. - 150b

ĐTTS ghi: Bộ Y tế. Viện Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường. - Thư mục cuối chính văn s625338

1958. Sổ tay Hướng dẫn phòng chống stress nghề nghiệp cho cán bộ y tế tại cơ sở / B.s.: Lê Thanh Hải (ch.b.), Nguyễn Thu Hà, Nguyễn Duy Bảo... - H. : Công Thương, 2024. - 37 tr. : minh họa ; 21 cm. - 150b

ĐTTS ghi: Bộ Y tế. Viện Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường. - Thư mục cuối chính văn s625339

1959. Sổ tay Hướng dẫn phòng chống stress nghề nghiệp cho người sử dụng lao động / B.s.: Lê Thanh Hải (ch.b.), Nguyễn Thu Hà, Nguyễn Duy Bảo... - H. : Công Thương, 2024. - 29 tr. : minh họa ; 21 cm. - 150b

ĐTTS ghi: Bộ Y tế. Viện Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường. - Thư mục cuối chính văn s625344

1960. Sổ tay Hướng dẫn thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động và phòng chống bệnh nghề nghiệp cho các cơ sở y tế dự phòng / B.s.: Lê Thanh Hải (ch.b.), Nguyễn Khắc Hải, Phan Thị Thúy Chinh... - H. : Công Thương, 2024. - 98 tr. : hình vẽ, ảnh ; 21 cm. - 150b

ĐTTS ghi: Bộ Y tế. Viện Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường. - Thư mục: tr. 91-95. - Phụ lục: tr. 96-97 s625343

1961. Sức khỏe tinh thần - Phương pháp chẩn đoán và điều trị / Lưu Huệ Anh b.s. ; Phạm Thị Anh Đào biên dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 219 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - (Tủ sách Bác sĩ y khoa). - 121000đ. - 800b s625762

1962. Tạ Chí Đông. Cẩm nang con trai : Quà tặng của cha mẹ dành cho con trai. Sách gối đầu giường cho con trai tuổi dậy thì / Tạ Chí Đông ; Snow dịch. - H. : Tri Thức, 2026. - 183 tr. : minh họa ; 24 cm. - 128000đ. - 5000b s625799

1963. Thấu hiểu điều trị một số thuốc tác dụng tại đích trong ung thư đường tiêu hóa. - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Y học, 2025. - 16 tr. : minh họa ; 21 cm. - 2000b

Đầu bìa sách ghi: Trung tâm Y học hạt nhân và Ung bướu - Bệnh viện Bạch Mai. - Thư mục cuối chính văn s626097

1964. Thùy Trang. 10 vạn câu hỏi vì sao - Cơ thể con người / S.t., b.s.: Thùy Trang, Thanh Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 79 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Những điều bí ẩn trẻ em thích khám phá nhất). - 55000đ. - 7000b s626160

1965. Trạch Quế Vinh. Thai giáo theo chuyên gia 280 ngày - Mỗi ngày đọc 1 trang / Trạch Quế Vinh ; Hà Giang dịch. - Tái bản lần thứ 24. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 255 tr. : minh họa ; 23 cm. - 115000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Trung: 成功胎教一天一页. - Phụ lục: tr. 248-255 s625957

1966. Trần Kim Anh. 13 hạt giống Anavira : Tản văn : Sách dành cho bệnh nhân ung thư muốn sống sót - hồi phục - tái sinh / Trần Kim Anh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 123 tr. ; 21 cm. - 240000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 119-123 s624268

1967. Trần Văn Ngọc. Sổ tay bệnh nhân bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính : Tài liệu giáo dục bệnh nhân / Trần Văn Ngọc (ch.b.), Nguyễn Đình Duy. - H. : Y học, 2025. - 54 tr. : hình vẽ ; 20 cm. - 8000b

ĐTTS ghi: Văn phòng đại diện Hội Phổi Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 54 s626079

1968. Ung bứu học cơ quan / Lê Tuấn Anh (ch.b.), Huỳnh Quang Khánh, Nguyễn Duy Sinh... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 351 tr. : minh họa ; 24 cm. - 250000đ. - 200b  
Thư mục trong chính văn s625305

1969. Ung bứu học đại cương / Lê Tuấn Anh (ch.b.), Huỳnh Quang Khánh, Nguyễn Duy Sinh... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 269 tr. : minh họa ; 24 cm. - 250000đ. - 200b  
Thư mục trong chính văn s625306

1970. Urbánková, Marie. Răng: Tớ chỉ mọc 2 lần thôi / Marie Urbánková, Magda Garguláková ; Bình Slavická dịch. - H. : Văn học, 2025. - 48 tr. : tranh vẽ ; 26 cm. - 90000đ. - 1000b s623709

1971. Van der Kolk, Bessel. Sang chấn tâm lý - Hiểu để chữa lành = The body keeps the score: Brain, mind, and body in the healing of trauma / Bessel van der Kolk ; Lê Phan Như Quỳnh dịch ; Lâm Hiếu Minh h.đ., giới thiệu. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Thế giới, 2025. - 569 tr. : minh họa ; 24 cm. - 350000đ. - 1500b

Phụ lục: tr. 493-496. - Thư mục: tr. 497-569 s625669

1972. Vì Thị Lan Phương. Y học cổ truyền của người Thái ở Sơn La / Vì Thị Lan Phương, Trần Quốc Hùng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 199 tr. : bảng ; 21 cm. - 800b

Phụ lục: tr. 123-195. - Thư mục: tr. 197-199 s624077

1973. Zimberoff, Larissa. Công nghệ thực phẩm nhân tạo : Silicon sẽ quyết định chúng ta ăn gì / Larissa Zimberoff ; Minh Ngọc dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 310 tr. ; 24 cm. - (Quy trình - Công nghệ). - 189000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: Technically food : Inside silicon valley's mission to change what we eat s625357

## KỸ THUẬT

1974. Bài tập Công nghệ 9 : Trải nghiệm nghề nghiệp - Mô đun lắp đặt mạng điện trong nhà / Bùi Văn Hồng, Nguyễn Thị Cẩm Vân (ch.b.), Nguyễn Thị Lương... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 44 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 11000đ. - 22000b s624332

1975. Bài tập lý thuyết ô tô : Sách hướng dẫn / Vũ Hải Quân (ch.b.), Nguyễn Ngọc Anh, Thân Quốc Việt, Chu Đức Hùng. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 139 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 51000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. - Thư mục: tr. 119. - Phụ lục: 120-139 s624399

1976. Cẩm nang Hướng dẫn kỹ thuật về hệ thống bơm công nghiệp nhằm tối ưu hóa sử dụng hiệu quả năng lượng trong các ngành công nghiệp. - H. : Công Thương, 2025. - 127 tr. : minh họa ; 30 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Bộ Công Thương. - Phụ lục: tr. 103-127 s623943

1977. Cẩm nang Hướng dẫn kỹ thuật về hệ thống động cơ công nghiệp nhằm tối ưu hóa sử dụng hiệu quả năng lượng trong các ngành công nghiệp. - H. : Công Thương, 2025. - 99 tr. : minh họa ; 30 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Bộ Công Thương s623941

1978. Cẩm nang Hướng dẫn kỹ thuật về hệ thống làm lạnh và làm mát công nghiệp nhằm tối ưu hóa sử dụng hiệu quả năng lượng trong các ngành công nghiệp. - H. : Công Thương, 2025. - 139 tr. : minh họa ; 30 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Bộ Công Thương. - Thư mục: tr. 139 s623944

1979. Chuyên đề học tập Công nghệ 11 - Công nghệ cơ khí / Lê Huy Hoàng (tổng ch.b.), Thái Thế Hùng (ch.b.), Phùng Xuân Lan, Trương Đức Phúc. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 59 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 9000b s624799

1980. Diễn đàn sinh viên nghiên cứu khoa học các trường đại học kỹ thuật / Nguyen Huynh Duc, Hoang Trung Kien, Nguyen Tien Nam... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 651 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 50b

Tên sách tiếng Anh: Student forum 2024: Engineering and technologies toward carbon neutrality. - ĐTTS ghi: Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội... - Thư mục cuối mỗi bài s624054

1981. Đặng Văn Đào. Kỹ thuật điện - Lý thuyết, bài tập giải sẵn, bài tập cho đáp số và bài tập trắc nghiệm / Đặng Văn Đào, Lê Văn Doanh. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 321 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 238000đ. - 300b s624053

1982. Đặng Việt Phúc. Cung cấp điện giao thông đường sắt / Đặng Việt Phúc (ch.b.), Nguyễn Tuấn Phường, Nguyễn Văn Hải. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 175 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 50000đ. - 520b

Thư mục: tr. 172 s623896

1983. Đỗ Xuân Đức. Quản lý sử dụng bền vững hồ thủy điện Sơn La : Sách chuyên khảo : Sách dùng cho sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh ngành/chuyên ngành: Môi trường, quản lý tài nguyên và môi trường... / Đỗ Xuân Đức. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 175 tr. : minh họa ; 24 cm. - 88000đ. - 150b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật. - Thư mục: tr. 157-175 s626356

1984. Giáo trình Kỹ thuật mạng truyền thông / Nguyễn Tiến Ban. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 518 tr. : minh họa ; 24 cm. - 270000đ. - 520b

ĐTTS ghi: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông. - Thư mục: tr. 509-510 s626306

1985. The international workshop on advances in surface mining for environmental protection and sustainable development - 2025 (ASMES - 2025) / Xuan Nam Bui, Tran Quang Hieu, Nguyen Anh Tuan... - H. : Transport, 2025. - 564 p. : ill. ; 30 cm. - 500 copies

At head of title: Hanoi University of Mining and Geology (HUMG). - Bibliogr. at the end of the paper s625195

1986. Kỹ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Bảo đảm an toàn điện góp phần phòng cháy, chữa cháy ở Việt Nam hiện nay / Lê Quốc Hùng, Trần Minh Hương, Đinh Văn Châu... - H. : Công Thương, 2025. - 1638 tr. : minh họa ; 29 cm. - 80b

ĐTTS ghi: Đại học Điện lực... - Thư mục cuối mỗi bài s623946

1987. Lane, Rose Wilder. Đùng bao giờ trì hoãn / Rose Wilder Lane ; Khánh Phương biên dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 259 tr. : ảnh ; 21 cm. - 118000đ. - 20000b

Tên sách tiếng Anh: Henry Ford's own story s623756

1988. Lê Thanh Lâm. Điều khiển hệ thống AC và DC / Lê Thanh Lâm. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 237 tr. : minh họa ; 29 cm. - 200000đ. - 300b  
Thư mục cuối mỗi chương s626456
1989. Lưu Thị Huệ. Thiết bị điều khiển khả trình / Lưu Thị Huệ, Nguyễn Ngọc Văn. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 240 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 100000đ. - 300b  
Thư mục: tr. 239 s624282
1990. Mẹo chinh phục 600 câu lý thuyết : Dựa theo tài liệu Cục Cảnh sát giao thông - Bộ Công an Việt Nam / Trung tâm Đào tạo lái xe Bình Dương tổng hợp, b.s. - H. : Hồng Đức, 2025. - 35 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 20000b s625551
1991. Nguyen Danh Truong. Core concepts and problems in strength of materials / Nguyen Danh Truong. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 245 p. : ill. ; 24 cm. - 186000đ. - 300 copies s625017
1992. Nguyễn Đức Lợi. Tính toán thiết kế hệ thống lạnh / Nguyễn Đức Lợi. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 251 tr. : minh họa ; 24 cm. - 84000đ. - 500b  
Phụ lục: tr. 206-243. - Thư mục: tr. 244 s624287
1993. Nguyễn Huy Hoàng. Phương tiện bay không người lái và vai trò của tác chiến điện tử - Tác chiến không gian mạng : Sách chuyên khảo / Nguyễn Huy Hoàng. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 260 tr. : minh họa ; 21 cm. - 1000b  
Thư mục: tr. 257 s624078
1994. Nguyễn Phan Anh. Vật liệu composite trong tăng cường khả năng chịu lực của kết cấu / Nguyễn Phan Anh. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 212 tr. : minh họa ; 24 cm. - 145000đ. - 30b  
Thư mục: tr. 208-212 s624123
1995. Nguyễn Văn Khang. Cơ học kỹ thuật = Engineering mechanics : Dùng cho sinh viên đại học và cao đẳng kỹ thuật / Nguyễn Văn Khang. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 427 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 130000đ. - 500b  
Thư mục: tr. 423-427 s624283
1996. Nguyễn Văn Khang. Cơ sở robot công nghiệp = Fundamentals of Industrial robots : Dùng cho sinh viên đại học và cao đẳng kỹ thuật / Nguyễn Văn Khang, Chu Anh Mỹ. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 307 tr. : minh họa ; 24 cm. - 105000đ. - 500b  
Thư mục: tr. 302-307 s624281
1997. Phạm Duy Hiền. An toàn điện hạt nhân / Phạm Duy Hiền. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Khoa học - Công nghệ - Truyền thông, 2025. - 455 tr. : minh họa ; 24 cm. - 415000đ. - 300b  
ĐTTS ghi: Viện Năng lượng Nguyên tử Việt Nam. - Thư mục cuối mỗi chương. - Phụ lục: tr. 449-455 s626307
1998. Phạm Văn Chiến. Giáo trình Nhiệt kỹ thuật : Dành cho ngành Kỹ thuật Cơ khí Động lực / Phạm Văn Chiến (ch.b.), Vũ Minh Thái. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 192 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 220000đ. - 500b  
Phụ lục: tr. 173-190. - Thư mục: tr. 191 s623899
1999. Trần Bảo Việt. Hệ thống kỹ thuật trong công trình xây dựng / Trần Bảo Việt (ch.b.), Nguyễn Thị Hồng, Vũ Việt Hưng. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 311 tr. : minh họa ; 27 cm. - 65000đ. - 1020b  
Thư mục: tr. 305-307 s623893
2000. Trần Hữu Quế. Vẽ kỹ thuật cơ khí / Trần Hữu Quế (ch.b.), Đặng Văn Cừ, Nguyễn Văn Tuấn. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 80000đ. - 800b

- T.1. - 2025. - 227 tr. : minh họa. - Phụ lục: tr. 202-223. - Thư mục: tr. 224-225 s624572
2001. Trần Tấn Tài. Sách hướng dẫn Thí nghiệm mạch điện / Trần Tấn Tài (ch.b.), Nguyễn Huy Khiêm, Phạm Thị Lệ Diễm. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 106 tr. : hình vẽ, bảng ; 28 cm. - 50000đ. - 2000b  
Thư mục: tr. 106 s624024
2002. Trương Quang Trúc. Thí nghiệm truyền nhiệt và thiết bị trao đổi nhiệt / Trương Quang Trúc (ch.b.), Nguyễn Văn Dũng, Hồ Thị Khánh Phượng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 145 tr. : minh họa ; 28 cm. - 40000đ. - 1000b  
Thư mục: tr. 145 s624022
2003. Trương Thị Hồng Nhung. Tập bài giảng Tiếng Anh chuyên ngành : Dành cho đào tạo trình độ đại học, ngành Kỹ thuật điện tử - Viễn thông và ngành Trinh sát kỹ thuật... / Trương Thị Hồng Nhung. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 223 tr. : bảng ; 24 cm. - 55b  
ĐTTS ghi: Bộ Công an. Học viện Kỹ thuật và Công nghệ An ninh. - Lưu hành nội bộ. - Thư mục: tr. 217-218 s626268
2004. Vũ Phương Thảo. Kỹ thuật chiếu sáng đô thị / Vũ Phương Thảo (ch.b.), Nguyễn Huy Hùng, Tô Nam Toàn. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 191 tr. : minh họa ; 27 cm. - 50000đ. - 320b s623894
2005. Xã hội hóa thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt nông thôn: Hiện trạng và giải pháp : Sách chuyên khảo / Nguyễn Song Tùng (ch.b.), Nguyễn Đình Đáp, Nguyễn Thị Bích Nguyệt... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 449 tr. : minh họa ; 24 cm. - 100b  
ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Địa lí nhân văn. - Thư mục: tr. 439-449 s625382

## NÔNG NGHIỆP

2006. Cây sen (*Nelumbo nucifera* Gaertn) và phát triển làng nghề sen ở Việt Nam / Nguyễn Thị Ngọc Huệ (ch.b.), Hoàng Thị Nga, Nguyễn Duy Chuyên, Nguyễn Thị Thúy Hằng. - H. : Nông nghiệp, 2025. - 247 tr. ; 25 cm. - 300000đ. - 500b  
Thư mục: tr. 219-232. - Phụ lục: tr. 233-247 s625460
2007. Chuyên đề học tập Công nghệ 10 - Công nghệ trồng trọt / Lê Huy Hoàng (tổng ch.b.), Đồng Huy Giới (ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Đình... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 11000đ. - 13000b s624797
2008. Chuyên đề học tập Công nghệ 11 - Công nghệ chăn nuôi / Lê Huy Hoàng (tổng ch.b.), Đồng Huy Giới (ch.b.), Nguyễn Xuân Bả... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 63 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 6000b s624798
2009. Chuyên đề học tập Công nghệ 12: Lâm nghiệp - Thủy sản / Lê Huy Hoàng (tổng ch.b.), Đồng Huy Giới, Kim Văn Vạn (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 51 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9000đ. - 12000b s624800
2010. Công nghệ 9 - Trải nghiệm nghề nghiệp: Mô đun Trồng cây ăn quả / Lê Huy Hoàng (tổng ch.b.), Đồng Huy Giới (ch.b.), Bùi Thị Thu Hương, Đào Quang Nghị. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 67 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 107134b s624793
2011. Công nghệ 10 - Công nghệ trồng trọt / Lê Huy Hoàng (tổng ch.b.), Đồng Huy Giới (ch.b.), Lê Ngọc Anh... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 144 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 21000đ. - 50079b s624794

2012. Công nghệ 11 - Công nghệ chăn nuôi / Lê Huy Hoàng (tổng ch.b.), Đồng Huy Giới (ch.b.), Nguyễn Xuân Bà... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 119 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18000đ. - 62378b s624795

2013. Công nghệ 12 - Lâm nghiệp - Thủy sản / Lê Huy Hoàng (tổng ch.b.), Đồng Huy Giới (ch.b.), Nguyễn Xuân Cảnh... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 144 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 20000đ. - 64828b s624796

2014. Huỳnh Kim Hùng. Giáo trình Kỹ thuật sản xuất giống cá / Huỳnh Kim Hùng, Nguyễn Văn Kiểm (ch.b.), Phan Thị Thanh Trúc. - H. : Nông nghiệp, 2025. - 241 tr. : minh họa ; 24 cm. - 125000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Trà Vinh. Khoa Nông nghiệp - Thủy sản. - Thư mục: tr. 232-241 s625464

2015. Hướng dẫn kỹ thuật nuôi ngao hai cù thích ứng với biến đổi khí hậu / B.s.: Hoàng Văn Hồng, Đặng Xuân Trường, Nguyễn Thị Quỳnh, Lê Bá Vấn. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 12 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 4000b

ĐTTS ghi: Khuyến nông Việt Nam; Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia. - Thư mục: tr. 12 s625952

2016. Hướng dẫn ôn thi tốt nghiệp Trung học phổ thông môn Công nghệ - Định hướng Nông nghiệp năm học 2025 - 2026 / Nguyễn Thị Hằng Nga (ch.b.), Nguyễn Thị Hương, Vũ Thị Thương, Nguyễn Thị Tường Vi. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 116 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 55000đ. - 2000b s624664

2017. Lý Ngọc Tuyên. Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt khu vực Tây Nguyên / Lý Ngọc Tuyên. - H. : Nông nghiệp, 2025. - 203 tr. : minh họa ; 24 cm. - 200000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Tây Nguyên. - Thư mục: tr. 202-203 s625467

2018. Môi trường, kỹ thuật và tài chính mô hình sản xuất tôm sú - lúa vùng Đồng bằng sông Cửu Long / B.s.: Huỳnh Trường Giang, Ngô Tiến Chương (ch.b.), Nguyễn Thị Kim Liên... - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 135 tr. : minh họa ; 24 cm. - 600b

Phụ lục: tr. 128-135. - Thư mục cuối chính văn s625691

2019. Nguyễn Duy Hoan. Kỹ thuật nuôi ong mật cho mọi nhà / Nguyễn Duy Hoan. - Thái Nguyên : Đại học Thái Nguyên, 2025. - 233 tr. : minh họa ; 21 cm. - 580b

Thư mục: tr. 229-233 s624243

2020. Nguyễn Ngọc Hải. Kiểm soát giảm thiệt hại do bệnh dịch tả heo châu Phi / Nguyễn Ngọc Hải. - H. : Nông nghiệp, 2025. - 104 tr. : minh họa ; 21 cm. - 1000b

Thư mục: tr. 102-103 s625961

2021. Ôn luyện thi tốt nghiệp THPT môn Công nghệ nông nghiệp : Theo Chương trình GDPT mới / Nguyễn Quỳnh Vân, Trần Lan Anh, Nguyễn Tùng Lâm. - H. : Dân trí, 2025. - 151 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - 120000đ. - 5000b s626518

2022. Sổ tay Kỹ thuật nhân giống và trồng thâm canh giống ăn hạt (*Michelia tonkinensis* A. Chev) tại tỉnh Lai Châu / Phan Văn Mùi (ch.b.), Hoàng Văn Thắng, Cao Văn Lạng, Nguyễn Anh Duy. - H. : Nông nghiệp, 2025. - 23 tr. : minh họa ; 21 cm. - 200b

Thư mục: tr. 22-23 s625458

2023. Sổ tay Nhận biết đặc điểm đặc trưng về hình thái và ADN của 80 giống cây lâm nghiệp đã được công nhận. - H. : Nông nghiệp, 2025. - 191 tr. : minh họa ; 21 cm. - 205b

ĐTTS ghi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam. Viện Nghiên cứu Giống và Công nghệ sinh học Lâm nghiệp. - Thư mục: tr. 189-191 s625457

2024. Tài liệu hướng dẫn hợp tác xã tổ chức thực hiện cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất lúa chất lượng cao, phát thải thấp / Lê Quyết Tiến (ch.b.), Nguyễn Văn Hiệu, Nguyễn Xuân Biên... - H. : Nông nghiệp, 2025. - 116 tr. : minh họa ; 24 cm. - 340b

ĐTTS ghi: Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch. Trung tâm Nghiên cứu Máy nông nghiệp và Thủy khí. - Thư mục: tr. 113 s625459

2025. Thanh Sang. Cẩm nang nuôi tôm hiệu quả (hiệu để thành công) / Thanh Sang. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 420 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 420b s624086

2026. Ứng dụng sinh học phân tử phát triển bộ kit chẩn đoán virus lùn sọc đen phương Nam / Nguyễn Duy Phương, Đỗ Thị Hạnh, Phạm Thu Hằng, Phạm Xuân Hội. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 250 tr. : minh họa ; 21 cm. - 800b

Thư mục cuối mỗi chương s626340

2027. Võ Tấn Đại. Sinh sản và bệnh sinh sản trên chó mèo / Võ Tấn Đại. - Tái bản lần 1, có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Nông nghiệp, 2026. - 176 tr. : hình vẽ, ảnh màu ; 24 cm. - 15000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 172-173 s625973

2028. Vũ Trung. Nông nghiệp hữu cơ - Các phương pháp canh tác không hóa chất / Vũ Trung s.t., b.s. - H. : Tri thức, 2025. - 131 tr. : bảng ; 21 cm. - 66000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 126-128 s625747

2029. Vũ Trung. Nông nghiệp hữu cơ - Canh tác tiết kiệm và xử lý nước thải / Vũ Trung s.t., b.s. - H. : Tri thức, 2025. - 147 tr. : bảng ; 21 cm. - 74000đ. - 1000b

Tên sách ngoài bìa: Nông nghiệp hữu cơ - Canh tác tiết kiệm nước và xử lý nước thải. - Thư mục: tr. 143-144 s625745

2030. Vũ Trung. Nông nghiệp hữu cơ - Chăn nuôi không kháng sinh / Vũ trung s.t., b.s. - H. : Tri thức, 2026. - 136 tr. : bảng ; 21 cm. - 68000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 133 s625744

2031. Vũ Trung. Nông nghiệp hữu cơ - Chọn giống hữu cơ / Vũ Trung s.t., b.s. - H. : Tri thức, 2026. - 115 tr. : bảng ; 21 cm. - 58000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 106-111. - Thư mục: tr. 112-113 s625753

2032. Vũ Trung. Nông nghiệp hữu cơ - Kỹ thuật cải tạo đất, làm đất hữu cơ / Vũ Trung s.t., b.s. - H. : Tri thức, 2025. - 126 tr. : bảng ; 21 cm. - 64000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 112-123. - Thư mục: tr. 124 s625746

2033. Vũ Trung. Nông nghiệp hữu cơ - Kỹ thuật trồng rau sạch / Vũ Trung s.t., b.s. - H. : Tri thức, 2026. - 131 tr. : bảng ; 21 cm. - 66000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 128 s625751

2034. Vũ Trung. Nông nghiệp hữu cơ - Làm phân hữu cơ, vi sinh ủ từ phụ phẩm nông nghiệp / Vũ Trung s.t., b.s. - H. : Tri thức, 2026. - 135 tr. : bảng ; 21 cm. - 70000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 122-131. - Thư mục: tr. 132-133 s625750

2035. Vũ Trung. Nông nghiệp hữu cơ - Phòng trừ sinh học, cân bằng sinh thái / Vũ Trung s.t., b.s. - H. : Tri thức, 2026. - 138 tr. : bảng ; 21 cm. - 70000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 135-136 s625752

2036. Vũ Trung. Nông nghiệp hữu cơ - Tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP / Vũ Trung s.t., b.s. - H. : Tri thức, 2025. - 127 tr. : bảng ; 23 cm. - 64000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 114-122. - Thư mục: tr. 123-125 s625748

2037. Vũ Trung. Nuôi gà thả vườn sinh thái / Vũ Trung s.t., b.s. - H. : Tri thức, 2026. - 103 tr. : bảng ; 21 cm. - (Làm nông kiểu mới Xanh - Sạch - Bền vững). - 53000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 99-100 s625738

2038. Vũ Trung. Nuôi heo thảo mộc / Vũ Trung s.t., b.s. - H. : Tri thức, 2026. - 91 tr. : bảng ; 21 cm. - (Làm nông kiểu mới Xanh - Sạch - Bền vững). - 47000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 78-83. - Thư mục: tr. 87-89 s625736

2039. Vũ Trung. Nuôi vịt trời, vịt cỏ tại ao nhà / Vũ Trung s.t., b.s. - H. : Tri thức, 2026. - 91 tr. : bảng ; 21 cm. - (Làm nông kiểu mới Xanh - Sạch - Bền vững). - 47000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 72-81. - Thư mục: tr. 87-88 s625740

2040. Vũ Trung. Ủ cám tự nhiên cho vật nuôi / Vũ Trung s.t., b.s. - H. : Tri thức, 2026. - 107 tr. : bảng ; 21 cm. - (Làm nông kiểu mới Xanh - Sạch - Bền vững). - 55000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 105 s625737

2041. Vũ Trung. Vừa chăn nuôi vừa làm du lịch / Vũ Trung s.t., b.s. - H. : Tri thức, 2026. - 103 tr. : bảng ; 21 cm. - (Làm nông kiểu mới Xanh - Sạch - Bền vững). - 55000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 102 s625741

2042. Vũ Trung. Vườn - Ao - Chuồng sinh thái / Vũ Trung s.t., b.s. - H. : Tri thức, 2026. - 87 tr. : bảng ; 21 cm. - (Làm nông kiểu mới Xanh - Sạch - Bền vững). - 47000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 78-80. - Thư mục: tr. 84-85 s625739

## QUẢN LÝ NHÀ CỬA VÀ GIA ĐÌNH

2043. Ai ở phía trên, ai ở phía dưới? = Who's above, who's below? : Ehon song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 0 - 3 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Cùng con học Toán). - 39000đ. - 10000b s626148

2044. Ai ở phía trước, ai ở phía sau? = Who's at the front, who's at the back? : Ehon song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 0 - 3 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Cùng con học Toán). - 39000đ. - 10000b s626146

2045. Bài tập Công nghệ 6 / Lê Huy Hoàng (ch.b.), Trương Thị Hồng Huệ, Lê Xuân Quang... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 51 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 102449b s624335

2046. Bạn nào cao, bạn nào thấp? = Who's tall, who's short? : Ehon song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 0 - 3 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Cùng con học Toán). - 39000đ. - 10000b s626147

2047. Bạn nào to, bạn nào nhỏ? = Who's big, who's small? : Ehon song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 0 - 3 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Cùng con học Toán). - 39000đ. - 10000b s626149

2048. Bảo Đạt. Lớn lên thông minh: Kỹ năng sống cho tuổi học trò / Bảo Đạt. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 142 tr. : hình vẽ ; 20 cm. - 95000đ. - 1000b s625534

2049. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Công nghệ 8 / Đặng Minh Đức, Vũ Thị Ngọc Thúy. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 92 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 45000đ. - 5000b s624329

2050. Bùi Thị Thuần. Cha mẹ tinh thức dẫn dắt con trong hạnh phúc / Bùi Thị Thuần. - H. : Công Thương, 2026. - 247 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 189000đ. - 500b s626040

2051. Bước vào đời - Con vững vàng : Chuẩn bị cho con tự tin vào lớp 1: trí tuệ, cảm xúc, kỹ năng. Cẩm nang thực chiến - Áp dụng ngay : Dành cho cha mẹ có con 3 - 6 tuổi / Nhóm

Sách Tinh Hoa. - H. : Tri Thức, 2025. - 233 tr. : minh họa ; 21 cm. - (Cầm nang 360. Ba mẹ bận rộn dạy con nhàn tênh). - 175000đ. - 1000b s625784

2052. Cái gì bên trái, cái gì bên phải? = What's left, what's right? : Ehon song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 0 - 3 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Cùng con học Toán). - 39000đ. - 10000b s626145

2053. Cái nào có ít, cái nào có nhiều? = What has few, what has many? : Ehon song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 0 - 3 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. ; 20 cm. - (Cùng con học Toán). - 39000đ. - 10000b s626142

2054. Cái nào ngắn, cái nào dài? = What is short, what is long? : Ehon song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 0 - 3 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Cùng con học Toán). - 39000đ. - 10000b s626143

2055. Công nghệ 6 / Lê Huy Hoàng (tổng ch.b.), Trương Thị Hồng Huệ, Lê Xuân Quang... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 75 tr. ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 215000b s624792

2056. Đếm xem có bao nhiêu? = Count how many? : Ehon song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 0 - 3 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Cùng con học Toán). - 39000đ. - 10000b s626144

2057. Emma Phạm. Green smoothies : Giảm cân, làm đẹp da, tăng cường sức đề kháng với 7 ngày uống sinh tố xanh / Emma Phạm ; Ảnh: Grace Medina, Emma Phạm. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 166 tr. : hình vẽ, ảnh ; 24 cm. - 159000đ. - 1000b s626036

2058. Giáo trình Quản trị buồng / Mai Thị Kiều Lan (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Ngân, Trương Thị Lan Hương... - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 254 tr. : minh họa ; 24 cm. - 178000đ. - 300b

Thư mục: tr. 251-254 s624154

2059. Hogg, Tracy. Đọc vị mọi vấn đề của trẻ : Giải mã mọi vấn đề về nuôi con nhỏ: Ăn - Ngủ - Kỹ luật hành vi / Tracy Hogg, Melinda Blau ; Dịch: Hachun Lyonnet... - In lần 27. - H. : Công Thương, 2025. - 509 tr. ; 24 cm. - 239000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: The baby whisperer solves all your problems s626062

2060. Lê Văn Thịnh. Nuôi con trong hạnh phúc bằng NLP coaching : Mỗi cha mẹ là một nhà giáo dục / Lê Văn Thịnh, Nguyễn Thị Mận, Lê Nữ Thái Thụy. - H. : Văn hóa dân tộc, 2025. - 230 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 499000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 229-230 s625710

2061. Lý Tĩnh. Chuyện trò cùng con : Giao yêu thương, gặt niềm tin / Lý Tĩnh ; Nguyễn Hạnh dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 199 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 80000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 父母话术训练 s625881

2062. Mẹ đã sẵn sàng! = Welcome baby!. - H. : Công Thương, 2025. - 98 tr. : minh họa ; 21 cm. - 2000b

Phụ lục: tr. 94-97. - Thư mục: tr. 98 s625336

2063. Naoko Narita. Bệnh của phụ huynh có học vấn cao / Naoko Narita ; Tama Duy Ngọc dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 166 tr. : hình vẽ ; 20 cm. - 160000đ. - 2000b s625850

2064. Năm đầu tiên - Nền móng vững chắc : Xử lý ngay tình huống khiến mẹ stress nhất năm đầu đời. Cầm nang thực chiến - Áp dụng ngay : Dành cho cha mẹ có con 0 - 1 tuổi / Nhóm

Sách Tinh Hoa. - H. : Tri Thức, 2025. - 220 tr. : minh họa ; 21 cm. - (Cẩm nang 360. Ba mẹ bận rộn dạy con nhàn tênh). - 165000đ. - 1000b s625785

2065. Ngan Kitchen. Ngòn ngọt thanh thanh : 31 món tráng miệng ngọt mát tan chảy!. Ăn một lần, nhớ mãi cả mùa hè / Ngan Kitchen. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 239 tr. ; 24 cm. - 215000đ. - 1500b s625959

2066. Ngoc Tran. Easy to cook 40 delicious Vietnamese dishes : As listed by CNN / Ngoc Tran ; Transl.: Nguyen Vu Mai Anh. - H. : Thế giới, 2025. - 147 p. : phot. ; 21 cm. - 249000đ. - 1000 copies s625073

2067. Ngô Quang Tri. Nuôi con chuẩn Nhi khoa dành cho trẻ 0 - 3 tuổi : Những sai lầm phổ biến và các vấn đề thường gặp trong việc chăm sóc trẻ. Hướng dẫn khoa học từ chuyên gia Nhi khoa và Dinh dưỡng / Ngô Quang Tri ; Đặng Hồng Quân dịch. - H. : Tri thức, 2026. - 272 tr. : minh họa ; 24 cm. - 186000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Trung: 0-3岁宝宝科学养护百科全书 s625808

2068. Nguyễn Danh Khoa. Rèn luyện kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp cho học sinh, sinh viên / Nguyễn Danh Khoa b.s. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 235 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 250000đ. - 9500b

ĐTTS ghi: Viện Khoa học an toàn Việt Nam s626303

2069. Nguyễn Thị Bắc Thái. Cùng con bước qua tuổi dậy thì - Bí mật con gái / Nguyễn Thị Bắc Thái. - H. : Văn học, 2025. - 198 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 86000đ. - 3000b s623643

2070. Nguyễn Thị Bắc Thái. Cùng con bước qua tuổi dậy thì - Bí mật con trai / Nguyễn Thị Bắc Thái. - H. : Văn học, 2025. - 203 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 86000đ. - 3000b s623644

2071. Nguyễn Thu Hương. Những món ngon Việt Nam = Delicious dishes from Vietnam / Nguyễn Thu Hương. - H. : Hồng Đức, 2026. - 127 tr. : ảnh ; 28 cm. - 178000đ. - 2000b s626495

2072. Những lá thư cha gửi con : 42 lời khuyên về giá trị sống cha dành cho con giúp nuôi dưỡng trí tuệ và phát triển bản thân / George Tenet, Peter Hill, Rick Barton... ; Craig Kessler tuyển tập ; Dương Bùi dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 259 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 179000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: The dad advice project : Words of wisdom from guys who love being dads s625243

2073. Seo Jeong Ho. Tập làm mẹ : Chăm con từ 0 - 12 tháng bằng hình ảnh / Seo Jeong Ho ; Kim Chi dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 127 tr. : ảnh ; 27 cm. - 168000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Hàn: 나는 초보 엄마입니다 s626499

2074. Sư Lỗ Bối Nhĩ. Con gái à! Tự bảo vệ bản thân mình là tốt nhất : Cẩm nang an toàn tự bảo vệ dành cho bé gái / Sư Lỗ Bối Nhĩ ; Hà Linh dịch. - H. : Dân trí, 2026. - 117 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 68000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Trung: 趣味漫画女孩,你该如何保护自己 s625242

2075. Sư Lỗ Bối Nhĩ. Con trai à! Tự bảo vệ bản thân mình là tốt nhất : Cẩm nang an toàn tự bảo vệ dành cho bé trai / Sư Lỗ Bối Nhĩ ; Hà Linh dịch. - H. : Dân trí, 2026. - 117 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 68000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Trung: 趣味漫画男孩,你该如何保护自己 s625241

2076. Tẩy xanh trong kinh doanh lưu trú : Sách chuyên khảo / Vũ Hương Giang (ch.b.), Nguyễn Thị Thu Mai, Trần Thu Phương... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 194 tr. : bảng ; 21 cm. - 96000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Mở Hà Nội s625835

2077. Tuổi khủng hoảng - Cha mẹ bản lĩnh : Giải pháp thực chiến cho giai đoạn con bắt đầu có "ý kiến riêng". Cẩm nang thực chiến - áp dụng ngay : Dành cho cha mẹ có con 1 - 3 tuổi / Nhóm Sách Tinh Hoa. - H. : Tri thức, 2025. - 237 tr. : minh họa ; 21 cm. - (Cẩm nang 360. Ba mẹ bận rộn dạy con nhân lành). - 175000đ. - 1000b s625783

2078. Văn Châu. How to cook Vietnamese cuisine / Văn Châu. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 131 p. : phot. ; 21 cm. - 180000đ. - 1000 copies s625072

2079. Văn Châu. Recettes Vietnamiennes / Văn Châu. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 131 p. : phot. ; 21 cm. - 180000đ. - 1000 copies s625071

2080. Vở thực hành Công nghệ 6 / Lê Huy Hoàng (ch.b.), Trương Thị Hồng Huệ, Lê Xuân Quang... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 28000đ. - 7000b s624801

2081. Vũ An. Tâm sự cùng con, những điều cha mẹ nên biết / Vũ An s.t., b.s. - H. : Tri thức, 2026. - 247 tr. ; 23 cm. - 137000đ. - 600b

Tên sách ngoài bìa: Tâm sự của con, những điều cha mẹ nên biết. - Thư mục: tr. 243 s625756

2082. Walker, Norman W. Ăn xanh để khỏe / Norman W. Walker ; Hoàng Lan dịch. - In lần 11. - H. : Công Thương, 2025. - 262 tr., 2 tr. ảnh màu : bìa ; 21 cm. - 95000đ. - 1500b  
Tên sách tiếng Anh: Fresh vegetable and fruit juices. - Phụ lục đầu chính vẫn s626045

2083. Yanny Đặng. Đãi tiệc tại nhà : 30 công thức nấu ăn của Yanny / Yanny Đặng. - H. : Hồng Đức, 2025. - 63 tr. : ảnh ; 21 cm. - 62000đ. - 2000b  
Tên thật tác giả: Đặng Thị Kiều Diễm s626088

2084. Yanny Đặng. Món ăn đường phố : 30 công thức nấu ăn của Yanny / Yanny Đặng. - H. : Hồng Đức, 2025. - 63 tr. : ảnh ; 21 cm. - 62000đ. - 2000b  
Tên thật tác giả: Đặng Thị Kiều Diễm s626089

2085. Yanny Đặng. Món ăn gia đình : 30 công thức nấu ăn của Yanny / Yanny Đặng. - H. : Hồng Đức, 2025. - 63 tr. : ảnh ; 21 cm. - 62000đ. - 2000b  
Tên thật tác giả: Đặng Thị Kiều Diễm s626090

2086. Yanny Đặng. Những món chay ngon và dinh dưỡng : 30 công thức nấu ăn của Yanny / Yanny Đặng. - H. : Hồng Đức, 2025. - 63 tr. : ảnh ; 21 cm. - 62000đ. - 2000b  
Tên thật tác giả: Đặng Thị Kiều Diễm s626091

2087. Лицеу Тхи Хонг Фук. Учебное Пособие рки: Русский Язык в сфере Туризма = Giáo trình Tiếng Nga du lịch : Уровень Б2-С1 / Лицеу Тхи Хонг Фук, Буй Тхи Тху Нга. - Хошимин : Национальн Университет Г. Хошимин. - 24 см. - 109000đ. - 300 copies

Над. глав.: Вьетнамский Национальный Университет Г. Хошимина. Институт Социальных и Гуманитарных Наук

Часть 1: Гостеприимство. - 2025. - 234 с. : илл.. - Библиогр.: с. 203-206 s624985

## QUẢN LÝ VÀ QUAN HỆ CÔNG CỘNG

2088. The A - Z instructions for using AI tools to automate content creation - X3 productivity / Weupbook. - H. : Thế giới, 2025. - 142 p. : ill. ; 21 cm. - 250000đ. - 2000 copies s625003

2089. 40 ngày trở thành lãnh đạo xuất chúng : Những tư duy cốt lõi giúp lãnh đạo trao quyền, dùng người và ra quyết định hiệu quả. - H. : Công Thương, 2026. - 239 tr. ; 21 cm. - 360000đ. - 5000b s626049

2090. Bùi Thị Hằng. Kế toán sáp nhập và mua lại doanh nghiệp : Sách chuyên khảo / Bùi Thị Hằng. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 112 tr. : bảng ; 24 cm. - 66000đ. - 200b  
ĐTTS ghi: Học viện Tài chính. - Thư mục: tr. 109-110 s624162

2091. Butler-Bowdon, Tom. 50 cuốn sách kinh điển về kinh doanh : Những bài học về chiến lược, đổi mới và marketing / Tom Butler-Bowdon ; Đức Chiến dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 487 tr. ; 24 cm. - 259000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: 50 bussiness classics : Your shortcut to the most important ideas on innovation, management and strategy s625351

2092. Cẩm nang Hướng dẫn kỹ thuật về xây dựng và vận hành hệ thống quản lý năng lượng trong các ngành công nghiệp. - H. : Công Thương, 2025. - 83 tr. : minh họa ; 30 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Bộ Công Thương. - Phụ lục: tr. 70-82. - Thư mục: tr. 83 s623942

2093. Clark, Tim. Tạo lập mô hình kinh doanh cá nhân = Business model you : Phương pháp một-trang-giấy giúp tái sáng tạo sự nghiệp của bạn / Tim Clark, Alexander Osterwalder, Yves Pigneur ; Bùi Thị Thu Trang dịch. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Công Thương, 2026. - 255 tr. : minh họa ; 24x19 cm. - 299000đ. - 3000b s626054

2094. Comprender los 10 indicadores decisivos para el destino de tu empresa que todos los jefes deben dominar / Weupbook. - H. : Thế giới, 2025. - 145 p. : ill. ; 21 cm. - 500000đ. - 2000 copies s625004

2095. Cô Đào Live Stream. Từ điển biến hóa ngôn từ Livestream & Video : Học nhanh - Dùng liền - Bán hàng đơn giản / Cô Đào Live Stream. - H. : Công Thương, 2025. - 299 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 368000đ. - 5000b s625358

2096. Đồng Đại Lộc. Hành trình trở thành nhà quản lý hiện đại / Đồng Đại Lộc. - H. : Văn học, 2025. - 315 tr. ; 21 cm. - 286000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 309-310 s623673

2097. La fórmula para clasificar - reclutar - capacitar - evaluar al personal para encontrar al talento correcto / Weupbook. - H. : Thế giới, 2025. - 143 p. : ill. ; 21 cm. - 500000đ. - 2000 copies s625009

2098. Formula sumber daya manusia 3 tingkat: Bisnis ramping, bos tanpa pusing / Weupbook. - H. : Thế giới, 2025. - 143 p. : ill. ; 21 cm. - 250000đ. - 5000 copies s624999

2099. Gallo, Paolo. 7 trò chơi lãnh đạo : Định hướng hành trình nội tâm nhà lãnh đạo = The seven games of leadership : Navigating the inner journey of leaders / Paolo Gallo ; Phụng Linh dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 295 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 198000đ. - 1000b s626067

2100. Gell, Anthony. The book of leadership: Dẫn dắt bản thân, đội nhóm và tổ chức vươn xa / Anthony Gell ; Thảo Trần dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 397 tr. ; 21 cm. - 250000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: The book of leadership: How to get yourself, your team and your organisation further than you ever thought possible s626081

2101. George, Bill. Chính Bắc - Lãnh đạo đích thực = True north : Khám phá ra chiếc "La bàn nội tâm" của chính mình để dẫn dắt bản thân và trở thành nhà lãnh đạo đích thực / Bill George ; Võ Kiều Linh dịch. - Tái bản lần thứ 4. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 340 tr. : bảng ; 23 cm. - (Tủ sách Doanh Trí). - 225000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 330-336 s625524

2102. Giáo trình Kế toán quản trị và chi phí / Lê Quỳnh Anh, Nguyễn Thị Kim Chi (đồng ch.b.), Trần Xuân Giao... - H. : Công Thương, 2025. - 259 tr. : bảng ; 24 cm. - 96000đ. - 500b  
ĐTTS ghi: Trường Đại học Điện lực. Khoa Kế toán - Tài chính. - Phụ lục: tr. 248-256. -  
Thư mục: tr. 257-259 s625360

2103. Giáo trình Kiểm toán căn bản và đạo đức nghề nghiệp / Nguyễn Tố Tâm, Ngô Thị Ngân (ch.b.), Nguyễn Đức Quang... - H. : Công Thương, 2025. - 279 tr. : bảng, sơ đồ ; 24 cm. - 108000đ. - 500b  
ĐTTS ghi: Trường Đại học Điện lực. Khoa Kế toán - Tài chính. - Thư mục: tr. 276-278 s625355

2104. Giáo trình Kỹ năng quản trị / B.s.: Đặng Thị Kim Thoa, Ngô Kim Thanh, Nguyễn Thị Hoài Dung (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2, có sửa đổi, bổ sung. - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - xxvi, 578 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 226000đ. - 300b  
ĐTTS ghi: Đại học Kinh tế Quốc dân. Trường Kinh doanh. Khoa Quản trị Kinh doanh. -  
Thư mục cuối mỗi chương s625325

2105. Giáo trình Quản lý năng suất và chất lượng : Dành cho khối ngành Kinh tế vận tải / B.s.: Nguyễn Thanh Sơn, Trần Quang Phú, Nguyễn Thị Thanh Nhân (ch.b.) ... - Tái bản lần thứ 1. - Hải Phòng : Nxb. Hàng hải, 2025. - 311 tr. : hình vẽ, bảng ; 25 cm. - 166000đ. - 350b  
Thư mục: tr. 305-311 s625688

2106. Giáo trình Quản trị doanh nghiệp / B.s.: Nguyễn Thị Thanh Quý (ch.b.), Tạ Minh Hà, Trần Thanh Huyền... - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2026. - 524 tr. : minh họa ; 24 cm. - 89000đ. - 1000b  
ĐTTS ghi: Trường Đại học Công đoàn. - Thư mục cuối mỗi chương s625324

2107. Giáo trình Tổ chức và thực hành kế toán trong doanh nghiệp / Nguyễn Tố Tâm, Đinh Thị Lan (ch.b.), Nguyễn Ngọc Hiền... - H. : Công Thương, 2025. - 283 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 108000đ. - 500b  
ĐTTS ghi: Trường Đại học Điện lực. Khoa Kế toán - Tài chính. - Thư mục: tr. 282-283 s625352

2108. Guide to 3P salary and bonus formulas Position - Capability - Performance / Weupbook. - H. : Thế giới, 2025. - 143 p. : ill. ; 21 cm. - 250000đ. - 2000 copies s625007

2109. Hà Thúy Quỳnh. Đọc vị tài chính SMEs : Đọc thật, làm thật, thành công thật / Hà Thúy Quỳnh. - Tái bản lần 3. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 439 tr. : minh họa ; 24 cm. - 699000đ. - 1000b s626120

2110. Hill, Napoleon. 13 nguyên tắc nghĩ giàu, làm giàu = Think and grow rich / Napoleon Hill ; Thảo Triều dịch ; Thanh Minh h.đ. - In lần 49. - H. : Công Thương, 2025. - 398 tr. ; 24 cm. - 139000đ. - 3000b  
Bản gốc được phục hồi và chỉnh sửa. - Phụ lục: tr. 379-395 s626057

2111. Hoà Nhân. Tứ thư lãnh đạo : Thuật lãnh đạo / Hoà Nhân ; Dịch: Nguyễn Thị Thanh... - In lần 20. - H. : Công Thương, 2025. - 421 tr. ; 24 cm. - 219000đ. - 1500b  
Tên sách tiếng Trung: 领导四书 s626056

2112. Hồ Uyên. Live to relive - Hành trình từ giáo viên đến chuyên gia đối ngoại / Hồ Uyên. - H. : Thông tấn, 2026. - 363 tr. : ảnh ; 24 cm. - 259000đ. - 1500b  
Phụ lục: tr. 315-360 s625685

2113. Kapferer, J. N. Chiến lược xa xỉ : Phá vỡ quy luật tiếp thị để xây dựng thương hiệu xa xỉ / J. N. Kapferer, V. Bastien ; Quang Thiệu dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Công Thương, 2025. - 639 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 349000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: The luxury strategy: break the rules of marketing to build luxury brands s625350

2114. Keller, Julia. Từ bỏ để tự do : Chiến lược rút lui để tiến xa hơn trong cuộc sống = Quitting : A life strategy / Julia Keller ; Nguyễn Đức Quang dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 295 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 1500b s624195

2115. Kodai Ando. Lãnh đạo bằng hệ thống : Khi hệ thống thay bạn điều hành mọi thứ / Kodai Ando ; Unibooks dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 254 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 2000b s626075

2116. Kodai Ando. Mặt nạ quản lý : Giữ cảm xúc để giữ quyền lực giữ bình tĩnh để giữ lòng người / Kodai Ando ; Diễm Hương dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 207 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 2000b s626076

2117. Lâm Công Tử. Biến nỗ lực thành vàng ròng / Lâm Công Tử ; Phạm Hồng Yến dịch. - Tái bản lần 1. - H. : Văn học, 2025. - 287 tr. ; 21 cm. - 102000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Trung: 你缺的不是努力,而是变现的能力 s623663

2118. Lê Thanh Dung. Kế toán quản trị chi phí tại các bệnh viện công lập ở Việt Nam : Sách chuyên khảo / Lê Thanh Dung. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 167 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 66000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Học viện Tài chính. - Thư mục: tr. 161-165 s624151

2119. Lê Văn Liên. Nghiên cứu vận dụng hệ thống chuẩn mực kế toán công Việt Nam đợt 1 trong lĩnh vực y tế : Sách chuyên khảo / Lê Văn Liên, Phạm Thu Huyền. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 256 tr. : bảng ; 24 cm. - 66000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Học viện Tài chính. - Thư mục: tr. 253-255 s624155

2120. Lương Vịnh Phong. AI trong quản lý nhân sự / Lương Vịnh Phong ; Vu Vũ dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 434 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - (Tủ sách AI). - 239000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: AI+人力资源管理:HR进阶实践 s625330

2121. Manual exhaustivo de la administración operacional y el cálculo de ganancias/pérdidas para negocios familiares de 10 personas / Weupbook. - H. : Thế giới, 2025. - 147 p. : ill. ; 21 cm. - 500000đ. - 2000 copies s625012

2122. 15 process setup templates for each department, according to functional tasks, 20 report templates for each department / Weupbook. - H. : Thế giới, 2025. - 143 p. : tab. ; 21 cm. - 250000đ. - 2000 copies s625008

2123. 15 แบบตัวอย่างสำหรับการจัดทำกระบวนการทำงานของแต่ละแผนกตามหน้าที่และความรับผิดชอบ 20 แบบฟอร์มรายงานสำหรับแต่ละแผนก / Weupbook. - H. : สำนักพิมพ์วิทยาศาสตร์ - เทคโนโลยี - สื่อสารมวลชน, 2025. - 126 p. : tab. ; 30 cm. - 250000đ. - 5000 copies s625196

2124. Ngô Mưu Tiến. Chiến lược sản phẩm : 4 cấp tư duy để tạo sản phẩm kinh doanh hiệu quả và có lợi nhuận bền vững / Ngô Mưu Tiến. - H. : Thế giới, 2026. - 250 tr. ; 21 cm. - 199000đ. - 5000b s623778

2125. Nguyễn Gia Ninh. Giáo trình Quản trị chuỗi cung ứng / B.s.: Nguyễn Gia Ninh, Nguyễn Phi Hoàng, Tiêu Vân Trang. - H. : Tài chính, 2025. - 330 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 199000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Bộ Tài chính. Trường Đại học Tài chính - Marketing. - Thư mục cuối mỗi chương s624153

2126. Nguyễn Hải Quang. Kỹ năng kêu gọi vốn đối với doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo / Nguyễn Hải Quang. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 168 tr. : bảng ; 24 cm. - 10000đ. - 100b

Thư mục cuối chính văn s624148

2127. Nguyễn Hữu Tân. Sử dụng công cụ phân tích tài chính phát hiện gian lận báo cáo tài chính doanh nghiệp : Sách chuyên khảo / Nguyễn Hữu Tân. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 223 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 66000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Học viện Tài chính. - Thư mục: tr. 221-222 s624149

2128. Nguyễn Thị Thanh. Đọc và phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp bảo hiểm : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Thanh. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 255 tr. : bảng ; 24 cm. - 66000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Học viện Tài chính. - Thư mục: tr. 251-253 s624161

2129. Panduan A-Z operasi bisnis + hitung untung rugi untuk umkm 10 orang / Weupbook. - H. : Thế giới, 2025. - 143 p. : ill. ; 21 cm. - 250. - 5000 copies s625013

2130. Panduan formula bayaran gaji + bonus 3P: Kedudukan - Keupayaan - Prestasi / Weupbook. - H. : Thế giới, 2025. - 155 p. : ill. ; 21 cm. - 300000đ. - 2000 copies s625011

2131. Phạm Thu Hương. Giáo trình Nguyên lý kiểm toán / Phạm Thu Hương, Lê Thị Vân Dung (ch.b.), Lê Thị Thu. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 331 tr. : bảng ; 24 cm. - 138000đ. - 820b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Ngoại thương. - Thư mục: tr. 330-331 s626304

2132. Phan Thị Anh Đào. Kế toán thuế thu nhập trong các doanh nghiệp Việt Nam : Sách chuyên khảo / B.s.: Phan Thị Anh Đào (ch.b.), Đỗ Ngọc Trâm, Phạm Thị Thanh Thủy. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 367 tr. : minh họa ; 21 cm. - 55b

Thư mục: tr. 348-353 s625297

2133. Phillips, Anna. Moving into Business studies : Course book : A2 - B1 / Anna Phillips, Terry Phillips ; Ed.: Nguyen Bui Thuy Minh. - Hue : Hue University, 2025. - 225 p. : ill. ; 28 cm. - (Garnet education). - 3000 copies s625094

2134. Phillips, Anna. Moving into Business studies : Workbook : A2 - B1 / Anna Phillips, Terry Phillips ; Ed.: Nguyen Bui Thuy Minh. - Hue : Hue University, 2025. - 76 p. : ill. ; 28 cm. - (Garnet education). - 3000 copies s625093

2135. The practical guide to making money on YouTube across borders / Weupbook. - H. : Thế giới, 2025. - 143 p. : ill. ; 21 cm. - 250000đ. - 2000 copies s625001

2136. Reglas de liderazgo: Recompensa advertencia : Cómo aplicar para que el Jefe esté relajado, el personal trabaje de forma autónoma / Weupbook. - H. : Thế giới, 2025. - 146 p. : ill. ; 21 cm. - 500000đ. - 2000 copies s625005

2137. Ries, Eric. Khởi nghiệp tinh gọn = The lean startup / Eric Ries ; Dịch: Nguyễn Dương Hiếu... - Tái bản lần thứ 12. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 332 tr. : hình vẽ, bảng ; 23 cm. - (Tủ sách Doanh trí). - 165000đ. - 2000b s625523

2138. Rumus klasifikasi - perekrutan - pelatihan - evaluasi SDM untuk menemukan talenta yang tepat / Weupbook. - H. : Thế giới, 2025. - 147 p. : ill. ; 21 cm. - 250000đ. - 5000 copies s625010

2139. Scott, Roger. English for accountancy in higher education studies : Course book / Roger Scott, John Adams ; Ed.: Terry Phillips, Nguyen Thi Thanh Loan. - Hue : Hue University, 2025. - 133 p. : ill. ; 28 cm. - 3000 copies s625085

2140. Seni kepemimpinan "tongkat dan wortel" cara membuat pemimpin lebih santai dan tim bekerja Dengan tanggung jawab sendiri / Weupbook. - H. : Thế giới, 2025. - 139 p. : ill. ; 21 cm. - 250000đ. - 5000 copies s625014

2141. The "standout" short video & livestream formula attract viewers, convert big! / Weupbook. - H. : Thế giới, 2025. - 143 p. : ill. ; 21 cm. - 250000đ. - 2000 copies s625000

2142. Sugerman, Jeffrey. Giải mã hành vi DISC : Bạn thuộc kiểu lãnh đạo nào trong 8 nhóm hành vi? / Jeffrey Sugerman, Mark Scullard, Emma Wilhelm ; Quế Chi dịch. - H. : Hồng Đức, 2026. - 295 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 179000đ. - 2000b

Phụ lục: tr. 272-289. - Thư mục: tr. 290-291 s626069

2143. Sun Ke Liu. KPI - Chỉ số đo lường hiệu suất và quản lý nhân sự chuyên nghiệp / Sun Ke Liu ; Tuyết Anh dịch. - Tái bản. - H. : Công Thương, 2025. - 322 tr. : minh họa ; 21 cm. - 195000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 生产绩效管理实操手册 s625334

2144. Tip công sở 1 - Khả năng sắp xếp công việc : Năm bắt siêu tốc 49 kỹ năng sắp xếp công việc / Instant Research Institute ; Thanh Loan dịch. - In lần 5. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 218 tr. : minh họa ; 21 cm. - 90000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 图解整理力:快速学会49种整理技能 s625883

2145. Trang Trang. Sổ kế hoạch cá nhân / Trang Trang. - H. : Tri thức, 2026. - 160 tr. : minh họa ; 21 cm. - 79000đ. - 2000b s625814

2146. Trần Minh Tuấn. Crowd trước Fund sau / Trần Minh Tuấn. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 247 tr. : hình vẽ, ảnh ; 24 cm. - 269000đ. - 1000b s625951

2147. Trần Quốc Việt. Quản trị chiến lược thực chiến : Bạn không chỉ nhìn thấy cây mà phải nhìn thấy rừng / Trần Quốc Việt. - Tái bản lần thứ 3, bổ sung nội dung ứng dụng AI trong xây dựng chiến lược. - H. : Công Thương, 2025. - 579 tr. : minh họa ; 23 cm. - 480000đ. - 2000b s625326

2148. Trần Văn Tuấn. Lãnh đạo 6.0 : Tương lai đổi mới tổ chức và ngân hàng / Trần Văn Tuấn, Trần Trọng Thùy. - H. : Công Thương, 2025. - 208 tr. : bảng ; 21 cm. - 420000đ. - 1000b s625329

2149. Triệu Vũ Thanh. Xây dựng hệ thống bán hàng đa kênh / Triệu Vũ Thanh, Thích Thái. - H. : Công Thương, 2025. - 442 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 249000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 私域社群运营从入门到精通 s625333

2150. Trump, Donald J. Nghĩ lớn để thành công = Think big and kick ass in business and life / Donald J. Trump, Bill Zanker ; Dịch: Hồng Vân... - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 349 tr. ; 21 cm. - 142000đ. - 2000b s625522

2151. Tư duy & phương pháp bán hàng đột phá = Strikingly different selling / Dale Merrill, Scott Savage, Jennifer Colosimo, Randy Illig ; Dịch: Võ Kiều Linh, Lương Ngọc Phương Anh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 241 tr. : ảnh, hình vẽ ; 20 cm. - (Tủ sách Doanh trí). - 200000đ. - 1000b s624174

2152. Ứng dụng thẻ điểm cân bằng trong quản trị ngành Sợi / Lê Tiến Trường (ch.b.), Nguyễn Văn Đức, Tạ Văn Cảnh... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - xvi, 239 tr. : minh họa ; 24 cm. - 400000đ. - 500b

Thư mục: tr. 200-202. - Phụ lục: tr. 203-239 s624135

2153. Võ Đan Mạch. Cẩm nang Bán hàng trực tiếp - Hình thức bán hàng đa cấp / Võ Đan Mạch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 151 tr. : minh họa ; 21 cm. - 198000đ. - 3000b

Thư mục: tr. 147-151 s625869

2154. Vũ Bá Linh. Bộ bài tập Lý thuyết mật mã và an toàn thông tin : Dùng cho đào tạo trình độ đại học ngành Trinh sát kỹ thuật... / Vũ Bá Linh. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 295 tr. : bảng ; 24 cm. - 5500b

ĐTTS ghi: Bộ Công an. Học viện Kỹ thuật và Công nghệ an ninh. - Lưu hành nội bộ. - Thư mục: tr. 293 s626273

2155. Walker, Carolyn. English for business studies in higher education studies : Course book / Carolyn Walker ; Ed.: Nguyen Thi Thanh Loan. - Hue : Hue University, 2025. - 158 p. : ill. ; 28 cm. - 3000 copies s625088

2156. Zaffron, Steve. Ba quy luật của hiệu quả = The three laws of performance : Làm chủ hiệu suất của cá nhân và doanh nghiệp / Steve Zaffron, Dave Logan ; Lê Uyên Thảo dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Thế giới, 2026. - 347 tr. ; 21 cm. - 179000đ. - 3000b

Phụ lục: tr. 336 s623850

2157. กระชับและทรงพลัง: สร้างระบบธุรกิจที่มีทีม 10 คน แต่สร้างรายได้เทียบเท่า 100 คน / Weupbook. - H. : Thế giới, 2026. - 155 p. : ill. ; 21 cm. - 250000đ. - 2000 copies s625027

2158. การขายระดับโลก - ชำมพรมแดน คู่มือพารธุรกิจของคุณออกสู่มหาสมุทรกว้าง / Weupbook. - H. : Thế giới, 2025. - 155 p. : ill. ; 21 cm. - 250000đ. - 2000 copies s624997

2159. คู่มือสูตรการจ่ายเงินเดือน + โบนัส 3P ตำแหน่ง - ความสามารถ - ผลการทำงาน / Weupbook. - H. : Thế giới, 2025. - 155 p. : ill. ; 21 cm. - 250000đ. - 2000 copies s624996

## KỸ THUẬT HOÁ HỌC

2160. Nguyễn Duy Thịnh. Cẩm nang Hướng dẫn áp dụng kỹ thuật trong chế biến nông sản - thực phẩm / Nguyễn Duy Thịnh, Đặng Thị Thanh Quyên. - H. : Văn hóa dân tộc ; Nông nghiệp. - 21 cm. - 3450b

T.1. - 2025. - 291 tr. : minh họa. - Thư mục: tr. 287-291 s625712

2161. Nguyễn Duy Thịnh. Cẩm nang Hướng dẫn áp dụng kỹ thuật trong chế biến nông sản - thực phẩm / Nguyễn Duy Thịnh, Đặng Thị Thanh Quyên. - H. : Văn hóa dân tộc ; Nông nghiệp. - 21 cm. - 3450b

T.2. - 2025. - 291 tr. : minh họa. - Thư mục: tr. 288-291 s625703

2162. Nguyễn Hồng Xuân. Giáo trình Phân tích thực phẩm = Food analysis / Nguyễn Hồng Xuân (ch.b.), Lê Thị Mỹ Tiên, Nguyễn Thị Yến Nhi. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 199 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 67000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ. - Thư mục: tr. 196-199 s624140

2163. Nguyễn Văn Lợi. Công nghệ chế biến một số sản phẩm từ quả mắc ca / Nguyễn Văn Lợi (ch.b.), Lê Anh Tuấn, Phạm Hoàng Nam. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 159 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 200000đ. - 200b

Thư mục: tr. 156-159 s624139

2164. Nguyễn Văn Lợi. Tinh dầu và ứng dụng tinh dầu trong công nghệ thực phẩm : Sách chuyên khảo / Nguyễn Văn Lợi. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 307 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Tủ sách Khoa học). - 150000đ. - 200b  
Thư mục: tr. 297-307 s626347

### SẢN XUẤT CHUYÊN DỤNG

2165. Lửa đỏ Phúc Sen - Nghề rèn của người Nùng An. - S.l. : S.n., 2025. - 38 tr. : ảnh màu ; 30 cm. - 1000b  
Đầu bìa sách ghi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng s623852

### NHÀ VÀ XÂY DỰNG

2166. Huỳnh Trọng Phước. Giáo trình Vật liệu xây dựng tiên tiến / Huỳnh Trọng Phước (ch.b.), Bùi Lê Anh Tuấn. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2026. - 188 tr. : minh họa ; 27 cm. - 195000đ. - 100b  
Thư mục cuối mỗi chương s623849

2167. Nguyễn Đức Lợi. Tính toán thiết kế hệ thống điều hòa không khí / Nguyễn Đức Lợi. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 347 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 110000đ. - 300b  
Phụ lục: tr. 341-342. - Thư mục: tr. 343 s624293

### NGHỆ THUẬT, MỸ THUẬT VÀ NGHỆ THUẬT TRANG TRÍ

2168. Âm nhạc 10 / Phạm Phương Hoa (tổng ch.b.), Phạm Xuân Cung, Trần Thị Thu Hà... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 92 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 16000đ. - 12000b s624742

2169. Âm nhạc 11 / Phạm Phương Hoa (tổng ch.b.), Phạm Xuân Cung, Trần Thị Thu Hà... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 87 tr. : ảnh ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 15000đ. - 5000b s624743

2170. Âm nhạc 12 / Phạm Phương Hoa (tổng ch.b.), Tống Đức Cường, Trần Thị Thu Hà... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : ảnh ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13000đ. - 7000b s624744

2171. Bách Tùng. Cách tạo video triệu view : Quy trình toàn diện biên kịch video ngắn / Bách Tùng ; Đặng Hồng Quân dịch. - H. : Thông tấn, 2026. - 318 tr. : minh họa ; 24 cm. - 268000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 短视频编剧全流程: 选题构思+脚本制作+剧本策划+镜头拍摄+AI创作.. - Phụ lục: tr. 308-318 s625686

2172. Bài tập Âm nhạc 6 / Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (tổng ch.b.), Vũ Mai Lan (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 35 tr. : hình vẽ, ảnh ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 8000đ. - 71419b s624325

2173. Bài tập Âm nhạc 9 / Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai (ch.b.), Lương Diệu Ánh... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 36 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 7000đ. - 24000b s624326

2174. Bài tập Mĩ thuật 6 / Đoàn Thị Mỹ Hương, Đinh Gia Lê (đồng ch.b.), Phạm Duy Anh... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 63 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 12000đ. - 42024b s624354

2175. Bài tập Mĩ thuật 6 / Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiên (tổng ch.b.), Nguyễn Tuấn Cường (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 39 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 9000đ. - 62000b s624346

2176. Bài tập Mĩ thuật 7 / Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc, Nguyễn Thị Nhung (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 39 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo; 1). - 11000đ. - 34000b s624347

2177. Bài tập Mĩ thuật 7 / Nguyễn Xuân Nghị (ch.b.), Phạm Duy Anh, Đoàn Thị Mỹ Hương, Vũ Thị Thanh Hương. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 63 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 12000đ. - 26000b s624355

2178. Bài tập Mĩ thuật 8 / Nguyễn Thị May (ch.b.), Hoàng Minh Phúc, Nguyễn Văn Bình... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 52 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo; 2). - 11000đ. - 15000b s624348

2179. Bài tập Mĩ thuật 9 / Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Thị Nhung (đồng ch.b.), Nguyễn Dương Hải Đăng... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 39 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo; 1). - 8000đ. - 20000b s624349

2180. Bé dán dán đón Tết rộn ràng - Bữa tiệc sum vầy / Khánh Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 8 tr., 2 tờ đề can : tranh màu ; 20 cm. - (Sticker Tết nhộn nhịp). - 39000đ. - 5000b s623740

2181. Bé dán dán đón Tết rộn ràng - Du xuân nhộn nhịp / Khánh Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 8 tr., 2 tờ đề can : tranh màu ; 20 cm. - (Sticker Tết nhộn nhịp). - 39000đ. - 5000b s623742

2182. Bé dán dán đón Tết rộn ràng - Ngôi nhà lộng lẫy / Khánh Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 8 tr., 2 tờ đề can : tranh màu ; 20 cm. - (Sticker Tết nhộn nhịp). - 39000đ. - 5000b s623741

2183. Bé tô màu / Thiện Nhân. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa. - 24 cm. - (Bé tập làm họa sĩ). - 12000đ. - 5000b

T.1: Động vật dưới nước. - 2025. - 16 tr. : tranh vẽ s625512

2184. Bé tô màu / Thiện Nhân. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa. - 24 cm. - (Bé tập làm họa sĩ). - 12000đ. - 5000b

T.2: Động vật bé nuôi. - 2025. - 15 tr. : tranh vẽ s625510

2185. Bé tô màu / Thiện Nhân. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa. - 24 cm. - (Bé tập làm họa sĩ). - 12000đ. - 5000b

T.3: Hoa quả bé yêu. - 2025. - 16 tr. : tranh vẽ s625508

2186. Bé tô màu / Thiện Nhân. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa. - 24 cm. - (Bé tập làm họa sĩ). - 12000đ. - 5000b

T.5: Rau củ quanh bé. - 2025. - 16 tr. : tranh vẽ s625509

2187. Bé tô màu / Thiện Nhân. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa. - 24 cm. - (Bé tập làm họa sĩ). - 12000đ. - 5000b

T.6: Thế giới côn trùng. - 2025. - 16 tr. : tranh vẽ s625513

2188. Bé tô màu / Thiện Nhân. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa. - 24 cm. - (Bé tập làm họa sĩ). - 12000đ. - 5000b

- T.7: Thế giới các loài chim. - 2025. - 16 tr. : tranh vẽ s625514
2189. Bé tô màu / Thiện Nhân. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa. - 24 cm. - (Bé tập làm họa sĩ). - 12000đ. - 5000b
- T.8: Váy áo cho bé. - 2025. - 16 tr. : tranh vẽ s625504
2190. Bé tô màu / Thiện Nhân. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa. - 24 cm. - (Bé tập làm họa sĩ). - 12000đ. - 5000b
- T.10: Các loài hoa. - 2025. - 16 tr. : tranh vẽ s625511
2191. Bé tô màu / Thiện Nhân. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa. - 24 cm. - (Bé tập làm họa sĩ). - 12000đ. - 5000b
- T.11: Động vật. - 2025. - 16 tr. : tranh vẽ s625507
2192. Bé tô màu - Paw Patrol / ABBooks. - Tái bản lần 1. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa. - 27 cm. - 12000đ. - 10000b
- Q.2. - 2025. - 16 tr. : tranh vẽ s624017
2193. Bé tô màu Doraemon - Chuyến du lịch hè vui vẻ / Nam Thuận. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 15000đ. - 3000b s624877
2194. Bé tô màu Doraemon - Ngôi làng bí ẩn / Nam Thuận. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 15000đ. - 3000b s624878
2195. Chuyên đề học tập Âm nhạc 10 / Phạm Phương Hoa (tổng ch.b.), Phạm Xuân Cung, Nguyễn Đỗ Hiệp. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 55 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9000đ. - 6000b s624745
2196. Chuyên đề học tập Âm nhạc 11 / Phạm Phương Hoa (tổng ch.b.), Trần Thị Thu Hà, Phạm Hoàng Trung, Nguyễn Quang Tùng. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 47 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9000đ. - 6000b s624746
2197. Chuyên đề học tập Âm nhạc 12 / Phạm Phương Hoa (tổng ch.b.), Tống Đức Cường. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 40 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 8000đ. - 1000b s624747
2198. Chuyên đề học tập Mĩ thuật 11 / Đinh Gia Lê (tổng ch.b.), Hoàng Minh Phúc (ch.b.), Đào Thị Hà, Nguyễn Thị May. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 64 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 4000b s624774
2199. Chuyên đề học tập Mĩ thuật 12 / Đinh Gia Lê (tổng ch.b.), Hoàng Minh Phúc (ch.b.), Đào Thị Hà, Nguyễn Thị May. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 11000đ. - 4000b s624782
2200. Con tô màu - Thám hiểm Amazon. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 32000đ. - 1400b s626465
2201. Con tô màu - Thám hiểm Châu Phi. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 32000đ. - 1500b s626462
2202. Con tô màu - Thám hiểm động vật cổ đại. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 32000đ. - 1400b s626463
2203. Con tô màu - Thám hiểm thế giới khủng long. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 32000đ. - 2800b s626464
2204. Dán hình sáng tạo - Trang phục công chúa : Buổi dạ hội xinh đẹp / Minh Phương b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 42000đ. - 5000b s626396

2205. Dán hình sáng tạo - Trang phục công chúa : Lễ hội hóa trang / Minh Phương b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 42000đ. - 5000b s626398

2206. Dán hình sáng tạo - Trang phục công chúa : Mùa đông ấm áp / Minh Phương b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 42000đ. - 5000b s626400

2207. Dán hình sáng tạo - Trang phục công chúa : Thể thao năng động / Minh Phương b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 42000đ. - 5000b s626399

2208. Dán hình sáng tạo - Trang phục công chúa : Trang phục biển / Minh Phương b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 42000đ. - 5000b s626401

2209. Dán hình sáng tạo - Trang phục công chúa : Xứ sở thần tiên / Minh Phương b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 42000đ. - 5000b s626397

2210. Denis, Maurice. Lịch sử nghệ thuật tôn giáo / Maurice Denis ; Phong Chi dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 363 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 32 cm. - 329000đ. - 1000b s626550

2211. Em tập tô màu - Chủ đề Động vật biển / Chính Bình. - Tái bản lần 1. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 12000đ. - 10000b s624018

2212. Hạt mầm phiêu lưu ký : Vừa tô màu vừa kể chuyện : Sticker đáng yêu, tranh màu đa dạng, trò chơi thú vị / Dương Kiều Oanh, Lưu Như Ngọc Thảo. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 37 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 68000đ. - 2000b s626019

2213. Hạt mầm vui hội bốn mùa : Vừa tô màu vừa kể chuyện : Sticker đáng yêu, tranh màu đa dạng, trò chơi thú vị / Dương Kiều Oanh, Lưu Như Ngọc Thảo. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 37 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 68000đ. - 2000b s626020

2214. Hay vẽ thì vẽ hay : Sách hướng dẫn từng bước, từng bước vẽ. - H. : Văn học. - 27 cm. - 25000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Công ty TNHH Truyền thông - Giáo dục & Giải trí Phan Thị  
T.7: Bộ cục tranh hấp dẫn thị giác. - 2025. - 23 tr. : hình vẽ s623926

2215. Hay vẽ thì vẽ hay : Sách hướng dẫn từng bước, từng bước vẽ. - H. : Văn học. - 27 cm. - 25000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Công ty TNHH Truyền thông - Giáo dục & Giải trí Phan Thị  
T.8: Những sắc màu biết nói. - 2025. - 23 tr. : hình vẽ s623927

2216. Họa sĩ nhí - Bé làm siêu nhân / Minh Tâm. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 24 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 130000đ. - 5000b s625613

2217. Hudson, Jennifer. Kiến trúc nội thất - Tất tần tật về dự án / Jennifer Hudson ; Dịch: Võ Ngọc Lĩnh... - H. : Thế giới, 2025. - 240 tr. : ảnh màu, tranh vẽ ; 28 cm. - 500000đ. - 1500b  
Tên sách tiếng Anh: Interior architecture: From brief to build s626538

2218. Kulzsc. Thích một mình nhưng chẳng thể quá lâu / Kulzsc. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 96 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 119000đ. - 5000b s626018

2219. Mĩ thuật 6 / Đoàn Thị Mỹ Hương, Đinh Gia Lê (tổng ch.b.), Phạm Thị Chinh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9000đ. - 201016b s624761

2220. Mĩ thuật 10 - Đồ họa (tranh in) / Nguyễn Xuân Nghị (tổng ch.b.), Phạm Duy Anh (ch.b.), Nguyễn Thị May, Hoàng Minh Phúc. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 6000đ. - 5000b s624763
2221. Mĩ thuật 10 - Hội họa / Nguyễn Xuân Nghị (tổng ch.b.), Phạm Duy Anh (ch.b.), Lê Trần Hậu Anh. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 6000đ. - 15500b s624764
2222. Mĩ thuật 10 - Lí luận và lịch sử mĩ thuật / Nguyễn Xuân Nghị (tổng ch.b.), Phạm Duy Anh (ch.b.), Đào Thị Thúy Anh, Trịnh Sinh. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 36 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 6000đ. - 5000b s624762
2223. Mĩ thuật 10 - Thiết kế đồ họa / Nguyễn Xuân Nghị (tổng ch.b.), Phạm Duy Anh (ch.b.), Vương Quốc Chính. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 6000đ. - 7000b s624765
2224. Mĩ thuật 10 - Thiết kế thời trang / Nguyễn Xuân Nghị (tổng ch.b.), Phạm Duy Anh (ch.b.), Lê Thị Hà, Lê Nguyễn Kiều Trang. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 6000đ. - 13000b s624766
2225. Mĩ thuật 11 - Điều khắc / Đinh Gia Lê (tổng ch.b.), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (ch.b.), Trần Trọng Tri. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 6000đ. - 4000b s624773
2226. Mĩ thuật 11 - Hội họa / Đinh Gia Lê (tổng ch.b.), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 6000đ. - 13000b s624769
2227. Mĩ thuật 11 - Kiến trúc / Đinh Gia Lê (tổng ch.b.), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 6000đ. - 5000b s624770
2228. Mĩ thuật 11 - Lí luận và lịch sử mĩ thuật / Đinh Gia Lê (tổng ch.b.), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (ch.b.), Đào Thị Thúy Anh. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 6000đ. - 6000b s624771
2229. Mĩ thuật 11 - Thiết kế công nghiệp / Đinh Gia Lê (tổng ch.b.), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 6000đ. - 4000b s624767
2230. Mĩ thuật 11 - Thiết kế thời trang / Đinh Gia Lê (tổng ch.b.), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 40 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 7000đ. - 6000b s624772
2231. Mĩ thuật 12 - Điều khắc / Đinh Gia Lê (tổng ch.b.), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (ch.b.), Quách Hiền Hòa. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 6000đ. - 5000b s624776
2232. Mĩ thuật 12 - Hội họa / Đinh Gia Lê (tổng ch.b.), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 6000đ. - 11000b s624777
2233. Mĩ thuật 12 - Kiến trúc / Đinh Gia Lê (tổng ch.b.), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 6000đ. - 10000b s624778

2234. Mĩ thuật 12 - Thiết kế công nghiệp / Đinh Gia Lê (tổng ch.b.), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 6000đ. - 10000b s624779

2235. Mĩ thuật 12 - Thiết kế thời trang / Đinh Gia Lê (tổng ch.b.), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 6000đ. - 12000b s624781

2236. Nguyễn Thị Bích Liễu. Đồ nội thất ngự dụng hoàng cung triều Nguyễn: Nghệ thuật và di sản / Nguyễn Thị Bích Liễu ch.b. - H. : Thế giới, 2025. - 163 tr. : bảng, ảnh ; 30 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Mở Hà Nội. - Thư mục trong chính văn. - Phụ lục: tr. 115-163 s626552

2237. Nhật ký công chúa - Lâu đài biển xanh : Bóc dán stickers thời trang / Little Rainbow. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 40000đ. - 3700b s626013

2238. Nhật ký công chúa - Lễ hội hóa trang : Bóc dán stickers thời trang / Little Rainbow. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 40000đ. - 3700b s626016

2239. Nhật ký công chúa - Thế giới hoạt hình : Bóc dán stickers thời trang / Little Rainbow. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 40000đ. - 3700b s626014

2240. Nhật ký công chúa - Xứ sở thần tiên : Bóc dán stickers thời trang / Little Rainbow. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 40000đ. - 3700b s626015

2241. Phạm Dũng. Hữu duyên cùng gốm cổ / Phạm Dũng. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 215 tr. : ảnh ; 25 cm. - 500000đ. - 220b  
Thư mục: tr. 206-211 s624307

2242. Quỳnh Hương. Kỹ thuật móc len sợi căn bản / Quỳnh Hương. - H. : Hồng Đức, 2025. - 63 tr. : hình vẽ, ảnh ; 27 cm. - 58000đ. - 2000b s623816

2243. Quỳnh Hương. Kỹ thuật móc len sợi: Tắm lót, thảm, hoa trang trí, giày, nón, giỏ sách... / Quỳnh Hương. - H. : Hồng Đức, 2025. - 47 tr. : hình vẽ, ảnh ; 27 cm. - 52000đ. - 2000b s623815

2244. Rasmus Hoài Nam. Leonardo da Vinci - Thiên tài toàn năng / Rasmus Hoài Nam b.s. - H. : Văn học, 2026. - 174 tr. ; 21 cm. - (Kể chuyện cuộc đời các thiên tài). - 60000đ. - 1000b s623712

2245. Sách sáng tạo thời trang - Thời trang đám cưới : Dành cho bé gái năng động... / Little Rainbow ; Vũ Trang Nhung dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 25 cm. - 48000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Trung: 公主时尚设计师贴纸游戏书 s626035

2246. Sách thời trang - Công chúa Daisy : Bé gái tỏa sức sáng tạo thiết kế : 90 sticker bóc dán năng động / Little Rainbow. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 19 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 48000đ. - 5500b s626028

2247. Sách thời trang - Công chúa Jenny : Bé gái tỏa sức sáng tạo thiết kế : 90 sticker bóc dán năng động / Little Rainbow. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 19 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 48000đ. - 5700b s626030

2248. Sách thời trang - Công chúa Mía : Bé gái tỏa sức sáng tạo thiết kế : 90 sticker bóc dán năng động / Little Rainbow. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 19 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 48000đ. - 5800b s626031

2249. Sách thời trang - Công chúa Rosy : Bé gái tỏa sức sáng tạo thiết kế : 90 sticker bóc dán năng động / Little Rainbow. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 19 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 48000đ. - 5800b s626029

2250. Sách trang điểm - Công chúa Hàn Quốc / Little Rainbow. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 20 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 45000đ. - 3500b s625353

2251. Sách trang điểm - Công chúa Quả Cara. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 24 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 45000đ. - 3800b s626489

2252. Sách trang điểm công chúa Hàn Quốc - Sunny : 100+ stickers bóc dán trong suốt : Phát triển tư duy màu sắc, tỏa sức sáng tạo! / Little Rainbow. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 20 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 45000đ. - 3800b s625365

2253. Sticker & tô màu : Sticker hình dán trang sức / Huyền Linh. - H. : Văn học. - 27 cm. - (Tủ sách Trang điểm. Thần tượng K-Pop). - 45000đ. - 3000b  
T.1. - 2025. - 20 tr. : tranh vẽ s623869

2254. Sticker & tô màu : Sticker hình dán trang sức / Huyền Linh. - H. : Văn học. - 27 cm. - (Tủ sách Trang điểm. Thần tượng K-Pop). - 45000đ. - 3000b  
T.2. - 2025. - 20 tr. : tranh vẽ s623870

2255. Sticker & tô màu : Sticker hình dán trang sức / Huyền Linh. - H. : Văn học. - 27 cm. - (Tủ sách Trang điểm. Thần tượng K-Pop). - 45000đ. - 3000b  
T.3. - 2025. - 20 tr. : tranh vẽ s623871

2256. Sticker & tô màu : Sticker hình dán trang sức / Huyền Linh. - H. : Văn học. - 27 cm. - (Tủ sách Trang điểm. Thần tượng K-Pop). - 45000đ. - 3000b  
T.4. - 2025. - 20 tr. : tranh vẽ s623872

2257. Sticker & tô màu : Sticker hình dán trang sức / Huyền Linh. - H. : Văn học. - 27 cm. - (Tủ sách Trang điểm. Thần tượng K-Pop). - 45000đ. - 3000b  
T.5. - 2025. - 20 tr. : tranh vẽ s623873

2258. Sticker & tô màu : Sticker hình dán trang sức / Huyền Linh. - H. : Văn học. - 27 cm. - (Tủ sách Trang điểm. Thần tượng K-Pop). - 45000đ. - 3000b  
T.6. - 2025. - 20 tr. : tranh vẽ s623874

2259. Tập vẽ theo nét - Vật nuôi đáng yêu : Sách luyện vẽ và tô màu vui nhộn / Little Rainbow. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 24 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 32000đ. - 2700b s626473

2260. Thanh Phong. Thư pháp Việt dành cho người mới bắt đầu / Thanh Phong. - H. : Nxb. Hà Nội. - 30 cm. - 38000đ. - 1000b  
Tên thật tác giả: Bùi Khắc Sáng  
Q.1. - 2026. - 139 tr. : ảnh, hình vẽ s626394

2261. Thích Thanh Giác. Chùa Long Hoa (Long Hoa đại thiền tự) : Thôn Chi Lai, xã An Trường, thành phố Hải Phòng / Thích Thanh Giác ch.b. ; Nguyễn Văn Phương s.t.,b.s. ; Ảnh: Nguyễn Ngọc Sơn. - H. : Hồng Đức, 2025. - 109 tr. : ảnh ; 21 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Hải Phòng. - Thư mục: tr. 107-109  
s626074

2262. Thời trang Anime - Công chúa dâu tây : Sách bóc dán : 100 + stickers mix & match / Little Rainbow. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 21 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 48000đ. - 3700b  
s626025

2263. Thời trang Anime - Công chúa gấu bông : Sách bóc dán : 100 + stickers mix & match / Little Rainbow. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 21 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 48000đ. - 3700b s626026

2264. Thời trang Anime - Công chúa Hime : Sticker bóc dán lấp lánh / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 20 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 48000đ. - 5000b s623745

2265. Thời trang Anime - Công chúa Mei : Sticker bóc dán lấp lánh / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 20 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 48000đ. - 5000b s623746

2266. Thời trang Anime - Công chúa nơ hồng : Sách bóc dán : 100 + stickers mix & match / Little Rainbow. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 48000đ. - 3700b s626027

2267. Thời trang Anime - Công chúa San : Sticker bóc dán lấp lánh / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 20 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 48000đ. - 5000b s623747

2268. Tô màu - Baby Three dễ thương / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 23 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 32000đ. - 5000b s623748

2269. Tô màu - Baby Three ngọt ngào / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 23 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 32000đ. - 5000b s623749

2270. Tô màu diệu kỳ - Cô tiên xinh : Dành cho bé gái năng động : 24 sticker siêu đáng yêu / Little Rainbow. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 24 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 32000đ. - 1800b s626486

2271. Tô màu diệu kỳ - Nàng tiên cá : Dành cho bé gái năng động : 24 sticker siêu đáng yêu / Little Rainbow. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 24 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 32000đ. - 2200b s626487

2272. Tô màu khám phá - Nông trại vui vẻ / Little Rainbow. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 24 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 29000đ. - 2100b s626482

2273. Tô màu khám phá - Thành phố nhộn nhịp / Little Rainbow. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 24 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 29000đ. - 2200b s626485

2274. Tô màu khám phá - Thủy cung bí ẩn / Little Rainbow. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 24 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 29000đ. - 2300b s626484

2275. Tô màu khám phá - Vườn thú ngộ nghĩnh / Little Rainbow. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 24 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 29000đ. - 1700b s626483

2276. Tô màu Kuromi và những người bạn / Huyền Linh. - H. : Văn học. - 27 cm. - 31000đ. - 5000b  
T.1. - 2025. - 19 tr. : tranh vẽ s623875

2277. Tô màu Kuromi và những người bạn / Huyền Linh. - H. : Văn học. - 27 cm. - 31000đ. - 5000b  
T.2. - 2025. - 19 tr. : tranh vẽ s623876

2278. Tô màu Kuromi và những người bạn / Huyền Linh. - H. : Văn học. - 27 cm. - 31000đ. - 5000b  
T.3. - 2025. - 19 tr. : tranh vẽ s623877

2279. Tô màu Kuromi và những người bạn / Huyền Linh. - H. : Văn học. - 27 cm. - 31000đ. - 5000b  
T.4. - 2025. - 19 tr. : tranh vẽ s623878

2280. Tô màu Kuromi và những người bạn / Huyền Linh. - H. : Văn học. - 27 cm. - 31000đ. - 5000b  
T.5. - 2025. - 19 tr. : tranh vẽ s623879
2281. Tô màu phát triển não bộ cho bé 1 - 5 tuổi : Làm quen với từ vựng song ngữ Việt - Anh... / Minh họa: Phạm Ngọc Điệp. - H. : Dân trí. - 26 cm. - 16000đ. - 5000b  
T.11: Sinh nhật rộn ràng. - 2025. - 20 tr. : tranh vẽ s625253
2282. Tô màu phát triển não bộ cho bé 1 - 5 tuổi : Làm quen với từ vựng song ngữ Việt - Anh... / Minh họa: Phạm Ngọc Điệp. - H. : Dân trí. - 26 cm. - 16000đ. - 5000b  
T.12: Khủng long kỳ thú. - 2025. - 20 tr. : tranh vẽ s625254
2283. Tô màu phát triển não bộ cho bé 1 - 5 tuổi : Làm quen với từ vựng song ngữ Việt - Anh... / Minh họa: Phạm Ngọc Điệp. - H. : Dân trí. - 26 cm. - 16000đ. - 5000b  
T.13: Phương tiện di chuyển. - 2025. - 20 tr. : tranh vẽ s625255
2284. Tô màu phát triển não bộ cho bé 1 - 5 tuổi : Làm quen với từ vựng song ngữ Việt - Anh... / Minh họa: Phạm Ngọc Điệp. - H. : Dân trí. - 26 cm. - 16000đ. - 5000b  
T.14: Thế giới động vật. - 2025. - 20 tr. : tranh vẽ s625256
2285. Tô màu phát triển não bộ cho bé 1 - 5 tuổi : Làm quen với từ vựng song ngữ Việt - Anh... / Minh họa: Hải An. - H. : Dân trí. - 26 cm. - 16000đ. - 5000b  
T.15: Đại dương diệu kỳ. - 2025. - 20 tr. : tranh vẽ s625257
2286. Tô màu phát triển não bộ cho bé 1 - 5 tuổi : Làm quen với từ vựng song ngữ Việt - Anh... / Minh họa: Hải An. - H. : Dân trí. - 26 cm. - 16000đ. - 5000b  
T.16: Thiên nhiên muôn màu. - 2025. - 20 tr. : tranh vẽ s625258
2287. Tô màu phát triển não bộ cho bé 1 - 5 tuổi : Làm quen với từ vựng song ngữ Việt - Anh... / Minh họa: Hải An. - H. : Dân trí. - 26 cm. - 16000đ. - 5000b  
T.17: Gia đình yêu dấu. - 2025. - 20 tr. : tranh vẽ s625259
2288. Tô màu phát triển não bộ cho bé 1 - 5 tuổi : Làm quen với từ vựng song ngữ Việt - Anh... / Minh họa: Hải An. - H. : Dân trí. - 26 cm. - 16000đ. - 5000b  
T.18: Hội hè lễ tết. - 2025. - 20 tr. : tranh vẽ s625260
2289. Tô màu phát triển não bộ cho bé 1 - 5 tuổi : Làm quen với từ vựng song ngữ Việt - Anh... / Minh họa: Hải An. - H. : Dân trí. - 26 cm. - 16000đ. - 5000b  
T.19: Trường lớp thân yêu. - 2025. - 20 tr. : tranh vẽ s625261
2290. Tô màu phát triển não bộ cho bé 1 - 5 tuổi : Làm quen với từ vựng song ngữ Việt - Anh... / Minh họa: Hải An. - H. : Dân trí. - 26 cm. - 16000đ. - 5000b  
T.20: Đất nước quê hương. - 2025. - 20 tr. : tranh vẽ s625262
2291. Tô màu xứ sở diệu kỳ - Âm thực thú vị / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 34000đ. - 5000b s623885
2292. Tô màu xứ sở diệu kỳ - Chibi ngọt ngào / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 34000đ. - 5000b s623883
2293. Tô màu xứ sở diệu kỳ - Cô tiên phép thuật / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 34000đ. - 5000b s623881
2294. Tô màu xứ sở diệu kỳ - Công chúa bông tuyết / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 34000đ. - 5000b s623888
2295. Tô màu xứ sở diệu kỳ - Động vật đáng yêu / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 34000đ. - 5000b s623880

2296. Tô màu xứ sở diệu kỳ - Giáng sinh lung linh / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 34000đ. - 5000b s623886
2297. Tô màu xứ sở diệu kỳ - Halloween sắc màu / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 34000đ. - 5000b s623884
2298. Tô màu xứ sở diệu kỳ - Kỳ lân ánh bạc / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 34000đ. - 5000b s623887
2299. Tô màu xứ sở diệu kỳ - Tiên cá lấp lánh / Huyền Linh. - H. : Văn học, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 34000đ. - 5000b s623882
2300. Trần Quốc Bình. Ba hình vuông, tròn, tam giác trong thiết kế truyện tranh / Trần Quốc Bình. - H. : Thế giới, 2025. - 123 tr. : minh họa ; 30 cm. - 100b  
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Mở Hà Nội. - Thư mục: tr. 120-122 s626553
2301. Triệu Phong. NSND Ngô Mạnh Lân - Người họa sĩ Điện Biên năm ấy / Triệu Phong. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 107 tr., 68 tr. ảnh ; 23 cm. - 176000đ. - 832b s624104
2302. Võ Thị Xuân Trang. 101 bức thư gửi cho con gái / Võ Thị Xuân Trang. - H. : Công Thương, 2025. - 379 tr. ; 21 cm. - 139000đ. - 2000b s625331
2303. Vũ Thúy Hà. Dẫn xướng dân gian / Vũ Thúy Hà s.t., b.s. - H. : Tri thức, 2025. - 194 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Văn hóa Việt Nam). - 110000đ. - 700b  
Thư mục: tr. 189-190 s625759

#### THỂ THAO, NGHỆ THUẬT VUI CHƠI GIẢI TRÍ VÀ BIỂU DIỄN

2304. 365 ngày cùng con phát triển trí tuệ : 3 - 6 tuổi / Huyền Linh. - H. : Văn học. - 24 cm. - (Năng lực tư duy IQ). - 36000đ. - 5000b  
T.1. - 2025. - 32 tr., 2 tờ đề can : tranh vẽ s623725
2305. 365 ngày cùng con phát triển trí tuệ : 3 - 6 tuổi / Huyền Linh. - H. : Văn học. - 24 cm. - (Năng lực tư duy IQ). - 36000đ. - 5000b  
T.2. - 2025. - 32 tr., 2 tờ đề can : tranh vẽ s623726
2306. 365 ngày cùng con phát triển trí tuệ : 3 - 6 tuổi / Huyền Linh. - H. : Văn học. - 24 cm. - (Năng lực tư duy IQ). - 36000đ. - 5000b  
T.3. - 2025. - 32 tr., 2 tờ đề can : tranh vẽ s623727
2307. 365 ngày cùng con phát triển trí tuệ : 3 - 6 tuổi / Huyền Linh. - H. : Văn học. - 24 cm. - (Năng lực tư duy IQ). - 36000đ. - 5000b  
T.4. - 2025. - 32 tr., 2 tờ đề can : hình vẽ, tranh vẽ s623728
2308. 365 ngày cùng con phát triển trí tuệ : 3 - 6 tuổi / Huyền Linh. - H. : Văn học. - 24 cm. - (Năng lực tư duy IQ). - 36000đ. - 5000b  
T.5. - 2025. - 32 tr., 2 tờ đề can : tranh vẽ s623729
2309. 365 ngày siêu trí tuệ nhí : Phát triển tư duy logic IQ cho trẻ em : Dành cho trẻ em từ 3 - 6 tuổi / StarKids. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - (Tủ sách Cùng con vui học mỗi ngày). - 35000đ. - 1800b  
T.1. - 2025. - 32 tr. : tranh màu s626037
2310. Bùi Ngọc. Rèn luyện kỹ năng chiếu hết : Sách tham khảo dùng cho giảng dạy, huấn luyện và nâng cao trình độ môn cờ vua các lứa tuổi / Bùi Ngọc. - Tái bản lần thứ 1 có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Thể thao và Du lịch. - 27 cm. - 100000đ. - 1000b

- T.1: Chiều hết trong 1 nước. - 2025. - 156 tr. : hình vẽ s623951
2311. Bùi Ngọc. Rèn luyện kỹ năng chiếu hết : Sách tham khảo dùng cho giảng dạy, huấn luyện và nâng cao trình độ môn cờ vua các lứa tuổi / Bùi Ngọc. - Tái bản lần thứ 1 có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Thể thao và Du lịch. - 27 cm. - 100000đ. - 1000b
- T.2: Chiều hết trong 2 nước. - 2025. - 154 tr. : hình vẽ s623952
2312. Bùi Ngọc. Rèn luyện kỹ năng chiếu hết : Sách tham khảo dùng cho giảng dạy, huấn luyện và nâng cao trình độ môn cờ vua các lứa tuổi / Bùi Ngọc. - Tái bản lần thứ 1 có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Thể thao và Du lịch. - 27 cm. - 100000đ. - 1000b
- T.3: Chiều hết trong 3 nước. - 2025. - 144 tr. : hình vẽ s623953
2313. Bùi Ngọc. Rèn luyện kỹ năng chiếu hết : Sách tham khảo dùng cho giảng dạy, huấn luyện và nâng cao trình độ môn cờ vua các lứa tuổi / Bùi Ngọc b.s. - H. : Thể dục Thể thao. - 27 cm. - 100000đ. - 1000b
- T.4: Chiều hết trong 4 nước đi. - 2025. - 160 tr. : hình vẽ s623954
2314. Bùi Ngọc. Rèn luyện kỹ năng chiếu hết : Sách tham khảo dùng cho giảng dạy, huấn luyện và nâng cao trình độ môn cờ vua các lứa tuổi / Bùi Ngọc b.s. - H. : Thể dục Thể thao. - 27 cm. - 100000đ. - 1000b
- T.5: Chiều hết từ 5 nước đi. - 2025. - 140 tr. : hình vẽ s623955
2315. Câu đố : Tập nói, tập đọc cho bé 0 - 6 tuổi / Tiên Phong Books b.s. - H. : Tri thức, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Bộ sách Tranh Tư duy, phát triển ngôn ngữ). - 25000đ. - 10000b s625812
2316. Đàm Tuấn Anh. Những kỹ thuật cơ bản trong môn Golf / Đàm Tuấn Anh. - H. : Kinh tế - Tài chính, 2025. - 216 tr. : minh họa ; 24 cm. - 66000đ. - 200b  
ĐTTS ghi: Học viện Tài chính. - Thư mục: tr. 214-215 s624160
2317. Đinh Hữu Dung. 365 câu đố rèn luyện tư duy mỗi ngày : Dành cho trẻ từ 6 tuổi trở lên / Đinh Hữu Dung. - H. : Tri thức. - 21 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 99000đ. - 1500b
- T.1. - 2025. - 178 tr. : tranh vẽ s625780
2318. Đinh Hữu Dung. 365 câu đố rèn luyện tư duy mỗi ngày : Dành cho trẻ từ 6 tuổi trở lên / Đinh Hữu Dung. - H. : Tri thức. - 21 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 99000đ. - 1500b
- T.2. - 2025. - 195 tr. : hình vẽ s625779
2319. Giáo dục thể chất 10 - Bóng rổ / Trịnh Hữu Lộc (tổng ch.b.), Nguyễn Văn Hùng (ch.b.), Phạm Thị Lệ Hằng... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 56 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 25000b s624752
2320. Giáo dục thể chất 10 - Cầu lông / Nguyễn Duy Quyết (tổng ch.b.), Ngô Việt Hoàn (ch.b.), Nguyễn Hữu Bính... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 75 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 12100đ. - 59297b s624753
2321. Giáo dục thể chất 11 - Bóng đá / Nguyễn Duy Quyết (tổng ch.b.), Hồ Đắc Sơn (ch.b.), Nguyễn Thị Hà... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 75 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13000đ. - 30000b s624754
2322. Giáo dục thể chất 11 - Cầu lông / Nguyễn Duy Quyết (tổng ch.b.), Hồ Đắc Sơn (ch.b.), Nguyễn Hữu Bính... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13000đ. - 51077b s624755

2323. Giáo dục thể chất 12 - Bóng đá / Nguyễn Duy Quyết (tổng ch.b.), Hồ Đắc Sơn (ch.b.), Lê Trường Sơn Chấn Hải... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 87 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 15000đ. - 20000b s624756

2324. Giáo trình Cầu mây : Sách dùng cho sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội / Nguyễn Trần Hải (ch.b.), Phạm Kiên Cường, Trịnh Kiên, Nguyễn Anh Tuấn. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2026. - 186 tr. : minh họa ; 24 cm. - 86000đ. - 200b

Thư mục: tr. 185-186 s626349

2325. Giáo trình Đo lường thể dục thể thao / Lê Bá Tường (ch.b.), Nguyễn Văn Hòa, Đặng Thị Kim Quyên... - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 79 tr. : minh họa ; 24 cm. - 100000đ. - 100b

Thư mục: tr. 79 s625694

2326. Giáo trình Pickleball cơ bản / Nguyễn Trường Giang, Hàng Quang Thái, Nguyễn Văn Thạch (ch.b.)... - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 112 tr. : minh họa ; 24 cm. - 98000đ. - 100b s626204

2327. Giáo trình Toán thống kê trong thể dục thể thao / Lê Bá Tường (ch.b.), Nguyễn Văn Hòa, Đặng Thị Kim Quyên... - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 73 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 100000đ. - 100b

Thư mục: tr. 73 s625692

2328. Hâm Âm. 250++ câu đố phát triển trí não toàn diện : Rèn luyện khả năng ngôn ngữ và tư duy logic cơ bản : Dành cho trẻ em từ 3 - 6 tuổi / Hâm Âm, Lộ Lâm ; Hà Giang dịch. - H. : Tri thức, 2026. - 80 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 79000đ. - 2000b s624818

2329. Hâm Âm. 250++ câu đố phát triển trí não toàn diện : Rèn luyện khả năng ngôn ngữ và tư duy logic nâng cao : Dành cho trẻ em từ 3 - 6 tuổi / Hâm Âm, Lộ Lâm ; Hà Giang dịch. - H. : Tri thức, 2026. - 80 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 79000đ. - 2000b s624841

2330. Hâm Âm. 250++ câu đố phát triển trí não toàn diện : Rèn luyện khả năng quan sát cơ bản : Dành cho trẻ em từ 3 - 6 tuổi / Hâm Âm, Lộ Lâm ; Hà Giang dịch. - H. : Tri thức, 2026. - 80 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 79000đ. - 2000b s624819

2331. Hâm Âm. 250++ câu đố phát triển trí não toàn diện : Rèn luyện khả năng quan sát nâng cao : Dành cho trẻ em từ 3 - 6 tuổi / Hâm Âm, Lộ Lâm ; Hà Giang dịch. - H. : Tri thức, 2026. - 80 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 79000đ. - 2000b s624817

2332. Hâm Âm. 250++ câu đố phát triển trí não toàn diện : Rèn luyện tư duy toán học cơ bản : Dành cho trẻ em từ 3 - 6 tuổi / Hâm Âm, Lộ Lâm ; Hà Giang dịch. - H. : Tri thức, 2026. - 80 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 79000đ. - 2000b s624820

2333. Hâm Âm. 250++ câu đố phát triển trí não toàn diện : Rèn luyện tư duy toán học nâng cao : Dành cho trẻ em từ 3 - 6 tuổi / Hâm Âm, Lộ Lâm ; Hà Giang dịch. - H. : Tri thức, 2026. - 80 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 79000đ. - 2000b s624842

2334. Hoàng Duẩn. Kịch nói Thành phố Hồ Chí Minh - Lý luận và thực tiễn / Hoàng Duẩn. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 243, 24 tr. ảnh màu ; 24 cm. - 350000đ. - 500b

Thư mục: tr. 225-243 s625545

2335. Lê Tiến Thọ. Ánh đèn sân khấu / Lê Tiến Thọ. - H. : Văn học, 2025. - 443 tr. ; 21 cm. - 1000b s623645

2336. Mĩ thuật 11 - Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh / Đinh Gia Lê (tổng ch.b.), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 35 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 6000đ. - 2000b s624768

2337. Mĩ thuật 12 - Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh / Đinh Gia Lê (tổng ch.b.), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : minh họa ; 27 cm. - 6000đ. - 6000b s624775

2338. Nguyễn Danh Khoa. Kỹ năng dạy bơi cho trẻ em và những biện pháp phòng tránh đuối nước / Nguyễn Danh Khoa b.s. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 275 tr. : ảnh ; 24 cm. - 250000đ. - 9500b

ĐTTS ghi: Viện Khoa học An toàn Việt Nam. - Thư mục: tr. 267 s626299

2339. Nguyễn Hữu Huân. Cờ vua học đường / Nguyễn Hữu Huân ch.b. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 50000đ. - 2000b

T.8. - 2025. - 59 tr. s626404

2340. Nguyễn Ngọc Ký. 420 câu đố vui thông minh : Tuyển chọn câu đố đặc sắc dành cho học sinh : Dành cho độc giả dưới 16 tuổi / Nguyễn Ngọc Ký. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2026. - 175 tr. : ảnh ; 17 cm. - 78000đ. - 2000b s625731

2341. Nguyễn Thúy Nga. Nghệ thuật múa cổ điển Ấn Độ - Bharata Natyam : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thúy Nga (ch.b.), Bùi Tuấn Anh, Bùi Thúy Huyền. - H. : Văn hóa dân tộc, 2026. - 143 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 300b

Thư mục: tr. 142-143 s626242

2342. Sân chơi trí tuệ - Phát triển trí thông minh IQ và EQ : Cho bé 4 - 6 tuổi / Thanh Hương, Minh Phương. - H. : Nxb. Hà Nội. - 25 cm. - 75000đ. - 5000b

Q.1. - 2025. - 72 tr. : bảng, tranh vẽ s624262

2343. Sân chơi trí tuệ - Phát triển trí thông minh IQ và EQ : Cho bé 4 - 6 tuổi / Thanh Hương, Minh Phương. - H. : Nxb. Hà Nội. - 25 cm. - 75000đ. - 5000b

Q.2. - 2025. - 72 tr. : bảng, tranh vẽ s624263

2344. Tài liệu huấn luyện võ thuật Công an nhân dân : Ban hành kèm theo Quyết định số 1058/X03-P8 ngày 18/2/2022. - Tái bản lần 1. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 520 tr. : ảnh ; 29 cm. - 3475b

ĐTTS ghi: Bộ Công an. - Lưu hành nội bộ. - Thư mục: tr. 507 s626388

2345. Vũ Gia Luyện. Siêu cò bóng đá : Những bí mật ẩn giấu / Vũ Gia Luyện, Vũ Hoàng. - H. : Thế giới, 2025. - 332 tr. : ảnh ; 24 cm. - 289000đ. - 1000b s625650

## VĂN HỌC, TU TỪ HỌC VÀ PHÊ BÌNH VĂN HỌC

2346. Ai ăn cà rốt của tớ? : 1 - 3 tuổi. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 7 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Hành trình đầu đời). - 600b s625991

2347. Ai cũng có một mùa xuân để nhớ : Truyện tranh : Dành cho độ tuổi 6+ / Đoàn Quách Tùng Hương. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 31 tr. ; 21 cm. - (Kể chuyện lễ hội). - 32000đ. - 2000b s625478

2348. Ái Quê. Thu về : Thơ - Nhạc / Ái Quê. - H. : Văn học, 2025. - 171 tr. ; 21 cm. - 95000đ. - 500b

Tên thật tác giả: Nguyễn Thị Ái s623624

2349. Anh Tuấn. Hương sắc thời gian : Thơ / Anh Tuấn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2026. - 299 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 189000đ. - 1000b

- Tên thật tác giả: Phan Anh Tuấn s625431
2350. Ánh sao bên tôi : Truyện tranh / Khuyển Nhất ; Nguyễn Thảo Nguyên dịch. - H. : Văn học. - 21 cm. - 175000đ. - 3000b  
 Tên sách tiếng Trung: 星辰于我  
 T.4. - 2025. - 210 tr. : tranh vẽ s623670
2351. Ánh Tuyết Triều Dương. Thiên hạ kỳ duyên : Tiểu thuyết / Ánh Tuyết Triều Dương. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 178000đ. - 1000b  
 T.1: Ngược dòng quá khứ. - 2025. - 345 tr. s625942
2352. Ánh Tuyết Triều Dương. Thiên hạ kỳ duyên : Tiểu thuyết / Ánh Tuyết Triều Dương. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 178000đ. - 1000b  
 T.2: Xuôi dòng nhân duyên. - 2025. - 330 tr. s625943
2353. Áo của bạn nào đây nhỉ? = Whose shirt is this? : Ehon song ngữ Việt - Anh : 0 - 6 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Cùng con khám phá thế giới động vật). - 39000đ. - 10000b s626153
2354. 30 đề luyện thi đánh giá năng lực theo cấu trúc của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội môn Ngữ văn / Nguyễn Thị Hiền, Đường Mai. - H. : Dân trí, 2025. - 292 tr. ; 27 cm. - (Sách ID - Một cuộc cách mạng Sách). - 250000đ. - 5000b  
 Thư mục: tr. 292 s623969
2355. Bác gấu ốm rồi! : Truyện tranh : Dành cho trẻ 3 - 7 tuổi / Steve Smallman ; Thu Nga dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Storytime - Truyện hay rèn luyện kỹ năng). - 31000đ. - 2000b  
 Tên sách tiếng Anh: Kind Mr Bear s624312
2356. Backman, Fredrik. Bà ngoại tôi gửi lời xin lỗi : Tiểu thuyết / Fredrik Backman ; Hoàng Anh dịch. - In lần thứ 7. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 512 tr. ; 20 cm. - 190000đ. - 1500b s623764
2357. Backman, Fredrik. Beartown 2 - Chúng tôi đấu với các bạn : Tiểu thuyết / Fredrik Backman ; Hoàng Anh dịch. - In lần thứ 4. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 675 tr. ; 20 cm. - 225000đ. - 1000b  
 Tên sách tiếng Anh: US against you s624226
2358. Backman, Fredrik. Beartown 3 - Những người chiến thắng : Tiểu thuyết / Fredrik Backman ; Hoàng Anh dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 822 tr. ; 20 cm. - 360000đ. - 1500b  
 Tên sách tiếng Anh: The winners s625474
2359. Bài tập Ngữ văn 6 / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Nguyễn Linh Chi, Nguyễn Thị Ngân Hoa... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13000đ. - 263319b  
 T.1. - 2025. - 80 tr. : bảng, sơ đồ s624512
2360. Bài tập Ngữ văn 6 / Nguyễn Thị Hồng Nam (ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Diệp, Nguyễn Thành Thi, Nguyễn Thị Ngọc Thúy. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 12000đ. - 114000b  
 T.1. - 2025. - 68 tr. : bảng, sơ đồ s624510
2361. Bài tập Ngữ văn 8 / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 15000đ. - 234849b  
 T.2. - 2025. - 95 tr. : bảng s624513

2362. Bài tập Ngữ văn 9 / Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (ch.b.), Nguyễn Thành Ngọc Bảo... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 16000đ. - 52000b

T.1. - 2025. - 104 tr. : minh họa s624511

2363. Bài tập Ngữ văn 9 / Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13000đ. - 173449b

T.2. - 2025. - 95 tr. : bảng s624514

2364. Bài tập Ngữ văn 10 / Phan Huy Dũng, Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Hà Văn Minh... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13000đ. - 61859b

T.1. - 2025. - 83 tr. : bảng s624515

2365. Bài tập Ngữ văn 10 / Phan Huy Dũng, Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Đặng Lưu... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 12000đ. - 55459b

T.2. - 2025. - 71 tr. : minh họa s624516

2366. Bài tập Ngữ văn 11 / Phan Huy Dũng, Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Đặng Lưu... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13000đ. - 49049b

T.1. - 2025. - 79 tr. s624517

2367. Bài tập Ngữ văn 11 / Phan Huy Dũng, Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Đặng Lưu... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13000đ. - 49049b

T.2. - 2025. - 79 tr. : bảng s624518

2368. Bài tập Ngữ văn 12 / Phan Huy Dũng, Bùi Mạnh Hùng (ch.b.), Nguyễn Thị Diệu Linh... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 11000đ. - 40849b

T.2. - 2025. - 71 tr. : bảng, sơ đồ s624519

2369. Bạn có biết nhảy như mình không? = Can you jump like me? : Ehon song ngữ Việt - Anh : 0 - 6 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Cùng con khám phá thế giới động vật). - 39000đ. - 10000b s626152

2370. Bạn có màu gì? = What color are you? : Ehon song ngữ Việt - Anh : 0 - 6 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Cùng con khám phá thế giới động vật). - 39000đ. - 10000b s626156

2371. Bạn gà cúc áo đi đâu rồi nhỉ? = Where did the little button chick go? : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ 0 - 6 tuổi / Mina T. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Nuôi dưỡng tâm hồn cho bé - Ehon phong cách Nhật Bản). - 29000đ. - 3000b s626136

2372. Bạn khủng long đi đâu rồi nhỉ? = Where did the little dinosaur go? : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ 0 - 6 tuổi / Mina T. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Nuôi dưỡng tâm hồn cho bé - Ehon phong cách Nhật Bản). - 39000đ. - 3000b s626137

2373. Bạn mây nhỏ : Truyện tranh : 1 - 3 tuổi. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 7 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Hành trình đầu đời). - 6000b s625990

2374. Bạn nào thế nhỉ? = Who is that? : Ehon song ngữ Việt - Anh : 0 - 6 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Cùng con khám phá thế giới động vật). - 39000đ. - 10000b s626150

2375. Bạn sinh ra từ đâu? = Where were you born? : Ehon song ngữ Việt - Anh : 0 - 6 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Cùng con khám phá thế giới động vật). - 39000đ. - 10000b s626151

2376. Bạn sống ở đâu? = Where do you live? : Ehon song ngữ Việt - Anh : 0 - 6 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Cùng con khám phá thế giới động vật). - 39000đ. - 10000b s626154

2377. Bạn thích ăn gì? = What do you like to eat? : Ehon song ngữ Việt - Anh : 0 - 6 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Cùng con khám phá thế giới động vật). - 39000đ. - 10000b s626157

2378. Bảo Ninh. Nỗi buồn chiến tranh : Tiểu thuyết / Bảo Ninh. - In lần thứ 30. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 347 tr. ; 20 cm. - 130000đ. - 5000b  
Tên thật tác giả: Hoàng Ấu Phương s624218

2379. Bé phát huy trí tuệ qua những bài thơ : Phát triển ngôn ngữ. Luyện đọc - Rèn tính cách / Hoàng Sơn s.t. - Thanh Hóa : NXB. Thanh Hóa, 2026. - 32 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 38000đ. - 5000b s624934

2380. Bé trứng : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 3 - 6 tuổi / Lời: Kanzawa Joshiko ; Tranh: Yagyū Genichiro ; Trần Bảo Ngọc dịch. - Tái bản, in lần 12. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 23 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - (Ehon Nhật Bản). - 29000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Anh: What appears from inside the eggs? s625984

2381. Bình Ca. Đi trốn : Tiểu thuyết / Bình Ca. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 270 tr. ; 21 cm. - 1450b s626217

2382. Borges, Jorge Luis. Aleph / Jorge Luis Borges ; Nguyễn An Lý dịch, chú giải. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2023. - 270 tr. ; 21 cm. - 286000đ. - 800b  
Nguyên tác: El aleph s623795

2383. Bỏ dấu con đi = Footsteps : Truyện tranh / Obada Takla ; Minh họa: Laia Carera ; Lê Hồ Lan Anh dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 35 tr. : tranh màu ; 28 cm. - 58000đ. - 3000b s626541

2384. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Ngữ văn 7 / Lê Thị Minh Nguyệt (ch.b.), Nguyễn Đức Tâm An, Nguyễn Thị Anh Đào... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 127 tr. ; 24 cm. - 50000đ. - 5000b s624388

2385. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Ngữ văn 9 / Lê Thị Minh Nguyệt (ch.b.), Nguyễn Đức Tâm An, Nguyễn Thế Hưng... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 136 tr. ; 24 cm. - 55000đ. - 5000b s624389

2386. Bồi dưỡng và nâng cao kỹ năng đọc hiểu Ngữ văn 6 : Sách tham khảo cho 3 bộ sách giáo khoa hiện hành... / Trần Bằng Cư. - H. : Văn học, 2025. - 138 tr. : bìa ; 27 cm. - 79000đ. - 3100b s623854

2387. Bồi dưỡng và nâng cao kỹ năng đọc hiểu Ngữ văn 7 : Sách tham khảo cho 3 bộ sách giáo khoa hiện hành... / Trần Bằng Cư, Đoàn Thị Như Ý. - H. : Văn học, 2025. - 195 tr. : minh họa ; 27 cm. - 109000đ. - 2300b s623855

2388. Bông tuyết bé nhỏ : Truyện tranh : Cùng khám phá câu chuyện tuyệt vời về thế giới tự nhiên / Suzanne Fossey ; Minh họa: Gina Maldonado ; Huyền Linh dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 21 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Câu chuyện tự nhiên). - 35000đ. - 2000b s625998

2389. Bùi Thanh Thảo. Truyện ngắn trong dòng văn học yêu nước ở đô thị miền Nam 1965 - 1975 : Sách chuyên khảo / Bùi Thanh Thảo. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 164 tr. ; 24 cm. - 150000đ. - 100b

Thư mục: tr. 148-150. - Phụ lục: tr. 151-164 s625501

2390. Bùi Thị Nhài. Hát ở bến Mơ : Thơ lục bát / Bùi Thị Nhài. - H. : Văn học, 2025. - 91 tr. ; 19 cm. - 100000đ. - 1000b s623770

2391. Bùi Văn Minh. Thủ thi cùng con : Hồi ký của bố Bùi Văn Minh và mẹ Nguyễn Thị Mùi / Bùi Văn Minh, Nguyễn Thị Mùi. - H. : Văn học, 2025. - 312 tr. ; 24 cm. - 168000đ. - 300b s623716

2392. Bứt phá trong kỳ thi vào lớp 10 môn Ngữ Văn : Hệ thống kiến thức rành mạch - khoa học... / Trần Thị Huyền Trang. - H. : Văn học, 2025. - 338 tr. : bảng ; 24 cm. - 220000đ. - 1000b s623694

2393. Bữa ăn xanh : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 3 - 6 tuổi / Lê Thị Hoài An. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 15 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Những truyện hay cho bé - Để Trái Đất mãi tươi xanh). - 8000đ. - 1000b s624563

2394. Cá vàng trốn ở đâu rồi nhỉ? : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 0 - 3 tuổi / Taro Gomi ; Trần Bảo Ngọc dịch. - Tái bản, in lần 12. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon Nhật Bản). - 29000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Find out the goldfish s625985

2395. Cái miệng biết chạy : 3 - 5 tuổi. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 13 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Hành trình đầu đời). - 600b s625994

2396. Cái ôm của mẹ / Melanie Joyce ; Minh họa: Daniel Howarth ; Yên Thu dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Ehon Châu Âu). - 35000đ. - 2000b s626000

2397. Cái ôm kỳ diệu : 3 - 5 tuổi. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 13 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Hành trình đầu đời). - 600b s625995

2398. Cánh diều theo gió : Truyện tranh : Dành cho nhi đồng / Eriko Ishikawa ; Tiểu Tuệ dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 29 cm. - 55000đ. - 2000b s624815

2399. Cao Đức Tiến. Thơ và Văn : Tuyển tập thơ và văn từ 1965 - 2025 / Cao Đức Tiến. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 372 tr. : ảnh ; 24 cm. - 290000đ. - 100b

Thư mục cuối chính văn s625440

2400. Câu chuyện dưới ánh sao = A twinkling star : Truyện tranh / Shaikha Alzeyara ; Minh họa: Hector Borlasece ; Lê Hồ Lan Anh dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 28 cm. - 58000đ. - 3000b s626544

2401. Cây cầu tình bạn : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 3 - 6 tuổi / Ngô Như Quỳnh. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 15 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Những truyện hay cho bé - Nào mình cùng đi!). - 8000đ. - 1000b s623818

2402. Cây thông giáng sinh bé nhỏ : Truyện tranh : Cùng khám phá câu chuyện tuyệt vời về thế giới tự nhiên / Willow Green ; Minh họa: Gisela Bohórquez ; Huyền Linh dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 21 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Câu chuyện tự nhiên). - 35000đ. - 2000b s626002

2403. Chàng băng giá và nàng lạnh lùng : Truyện tranh : 13+ / Tonogaya Miyuki ; Hina dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 55000đ. - 5000b  
T.11. - 2025. - 126 tr. : tranh vẽ s626115
2404. Chanh. Giã đúng đắn / Chanh. - H. : Văn học. - 21 cm. - 185000đ. - 2000b  
T.2. - 2025. - 318 tr. s623648
2405. Chào Mặt Trăng! : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 0 - 3 tuổi / Hayashi Akiko ; Trần Bảo Ngọc dịch. - Tái bản, in lần 12. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 14 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon Nhật Bản). - 29000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Anh: Hello, Moon! s625980
2406. Chế Lan Viên. Ánh sáng và phù sa. Đối thoại mới. Di cảo : Thơ / Chế Lan Viên. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 535 tr. ; 21 cm. - 1450b  
Tên thật tác giả: Phan Ngọc Hoan s625418
2407. Chiếc giày diệu kỳ : 3 - 5 tuổi. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 7 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Hành trình đầu đời). - 600b s625992
2408. Chiếc gối hoàn hảo của khi con : Truyện tranh : Dành cho trẻ 3 - 7 tuổi / Donna David, Laura Watkins ; Thu Nga dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Storytime - Truyện hay rèn luyện kỹ năng). - 31000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Anh: Oh, no, Bobo! s624310
2409. Chiếc hộp ký ức = A memory for sale : Truyện tranh / Sarah Abdulah ; Minh họa: Nour Haidar ; Lê Hồ Lan Anh dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 28 cm. - 58000đ. - 3000b s626542
2410. Chiếc xe không chịu chia sẻ : 3 - 5 tuổi. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 13 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Hành trình đầu đời). - 600b s625993
2411. Chim cánh cụt dũng cảm : Truyện tranh : Dành cho trẻ 3 - 7 tuổi / Steve Smallman ; Thu Nga dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Storytime - Truyện hay rèn luyện kỹ năng). - 31000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Anh: The not-so-brave penguin s624311
2412. Chinh phục 8+ luyện thi vào lớp 10 môn Ngữ văn theo chủ đề / Đỗ Thị Thu Hà. - H. : Tri thức, 2025. - 227 tr. : bảng ; 30 cm. - 159000đ. - 3500b s623958
2413. Chinh phục Ngữ văn 6 : Kỹ năng đọc hiểu viết theo các thể loại / Đỗ Thị Thu Hà. - H. : Văn học. - 30 cm. - 109000đ. - 2200b  
T.1. - 2025. - 195 tr. : minh họa s623868
2414. Cho Chang In. Người bố cá gai của tôi : Phần tiếp theo của Bố con cá gai / Cho Chang In ; Nguyễn Thị Thu Vân dịch. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 318 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 5000b  
Tên sách tiếng Hàn: 가시고기 우리 아빠 s625407
2415. Chó mắc mưu sư tử : Truyện tranh : Dành cho trẻ 3 - 7 tuổi / Steve Smallman ; Thu Nga dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Storytime - Truyện hay rèn luyện kỹ năng). - 31000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Anh: The special guest s624314
2416. Christie, Agatha. Án mạng trên chuyến tàu tốc hành Phương Đông = Murder on the Orient express / Agatha Christie ; Tuấn Việt dịch. - In lần thứ 13. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 305 tr. ; 20 cm. - 120000đ. - 1500b  
Tên thật tác giả: Agatha Mary Clarissa Miller s625495

2417. Christie, Agatha. Và rồi chẳng còn ai = And then there were none / Agatha Christie ; Việt Hà dịch. - In lần thứ 7. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 295 tr. ; 20 cm. - 110000đ. - 2000b  
 Tên thật tác giả: Agatha Mary Clarissa Miller. - Truyện còn có tên là: Mười người da đen nhỏ s624228
2418. Chu Ngọc. Đạo tình : Tiểu thuyết / Chu Ngọc ; Greenrosetq dịch. - Tái bản, in lần 11. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 350000đ. - 550b  
 Tên sách tiếng Trung: 盜情  
 T.1. - 2025. - 479 tr. s625948
2419. Chu Ngọc. Đạo tình : Tiểu thuyết / Chu Ngọc ; Greenrosetq dịch. - Tái bản, in lần 11. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 349000đ. - 550b  
 Tên sách tiếng Trung: 盜情  
 T.2. - 2025. - 463 tr. s625949
2420. Chu Phương Thảo. Chạm một nhịp tim : Thơ / Chu Phương Thảo. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 99 tr. ; 21 cm. - 200b s625432
2421. Chú chồn bữa bộn nhưng tốt bụng : Truyện tranh : Dành cho độ tuổi 3+ / Noodle Juice ; Nhã Nam dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Em học những điều hay). - 20000đ. - 2000b s624214
2422. Chú cừ xanh lá ở đâu rồi nhỉ? = Where is the green sheep? : Sách tranh song ngữ : Dành cho trẻ từ 0 - 6 tuổi / Lời: Mem Fox ; Minh họa: Judy Horacek ; Lê Thúy dịch. - Tái bản, in lần 8. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 29 tr. : tranh màu ; 22 cm. - 59000đ. - 2000b s625996
2423. Chú mèo hiệu sách : Truyện tranh : Dành cho nhi đồng / Eriko Ishikawa ; Tiểu Tuệ dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 29 cm. - 55000đ. - 2000b s624816
2424. Chú voi Falfoush đãng trí = Falfoush lost his memory : Truyện tranh / Rai Abdulal ; Minh họa: Gustavo Aimar ; Lê Hồ Lan Anh dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 28 cm. - 58000đ. - 3000b s626539
2425. Chúc các bạn ngủ ngon = Good night everyone : Ehon song ngữ Việt - Anh : 0 - 6 tuổi / Suzuki Mika. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Cùng con khám phá thế giới động vật). - 39000đ. - 10000b s626155
2426. Chuyên đề nâng cao môn Ngữ văn THCS và THPT : Dành cho giáo viên và học sinh THCS, THPT / Lê Thanh Nga, Hoàng Thị Hiền Lương (ch.b.), Hoàng Nhan... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 294 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - 175000đ. - 502000b s624040
2427. Chuyến phiêu lưu kì diệu của bé cánh cụt / James Phoenix ; Minh họa: Gareth Llewellyn ; Yến Thu dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 21 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Ehon Châu Âu). - 35000đ. - 2000b s626005
2428. Chuyện người Hà Nội / Đinh Văn Đức, Nguyễn Tuấn Khoa, Dương Trung Quốc... - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 291 tr. : ảnh ; 24 cm. - 256000đ. - 2000b  
 ĐTTS ghi: Nhóm Hà Nội tri thức s626134
2429. Công thức chinh phục Nghị luận xã hội : Dành cho giáo viên, học sinh THCS & THPT tham khảo / Lê Trần Diệu Thu. - H. : Văn học, 2025. - 180 tr. : bảng ; 24 cm. - (Học Văn bằng công thức). - 349000đ. - 5000b s623804

2430. Cùng lau cho sạch nào! : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 0 - 3 tuổi / Hayashi Akiko ; Trần Bảo Ngọc dịch. - Tái bản, in lần 12. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 14 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon Nhật Bản). - 29000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: I'll wipe it off! s625982

2431. Cuộc phiêu lưu cảm xúc = The Feeling adventure : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 0 - 6 tuổi / Mina T. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Nuôi dưỡng tâm hồn cho bé - Ehon phong cách Nhật Bản). - 39000đ. - 3000b s626138

2432. Daudet, Alphonse. Những vì sao / Alphonse Daudet ; Dịch: Nguyễn Xuân Hiếu, Trần Mộng Chu. - H. : Văn học, 2025. - 167 tr. ; 21 cm. - 85000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Pháp: Lettres de mon moulin s623656

2433. De Amicis, Edmondo. Những tấm lòng cao cả / Edmondo De Amicis ; Bùi Thị Thái Dương dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 447 tr. ; 21 cm. - 138000đ. - 5000b

Bản dịch đầy đủ nhất từ nguyên bản tiếng Ý s623765

2434. De Amicis, Edmondo. Những tấm lòng cao cả / Edmondo De Amicis ; Hoàng Thiệu Sơn dịch, giới thiệu. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Văn học, 2025. - 335 tr. ; 21 cm. - 85000đ. - 2000b s623753

2435. De Amicis, Edmondo. Những tấm lòng cao cả / Edmondo De Amicis ; Phương Nhung dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Văn học, 2025. - 143 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Danh tác trong nhà trường). - 108000đ. - 2000b s623808

2436. Deo Ca paths through stone : Building roads, shaping future / Phan Thanh, Tran Quoi, Dao Tan Loc... - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 263 p. : ill. ; 21 cm. - 2000 copies s625015

2437. Deo Ca 足迹 / Phan Thanh, Tran Quoi, Dao Tan Loc... - H. : 交通运输出版社, 2025. - 210 页 ; 21 cm. - 1000 copies s624986

2438. Diêm Liên Khoa. Tạc liệt chí : Tiểu thuyết / Diêm Liên Khoa ; Minh Thương dịch. - H. : Văn học, 2025. - 487 tr. ; 24 cm. - 380000đ. - 1000b

Dịch từ nguyên tác tiếng Trung: 炸裂志 s623683

2439. Diệp Lạc Vô Tâm. Nụ hôn của sói : Tiểu thuyết / Diệp Lạc Vô Tâm ; Nguyễn Thị Hà dịch. - Tái bản lần thứ 12. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 393 tr. ; 21 cm. - 119000đ. - 1000b s625866

2440. Dino Buzzati - Tuyển tập tác phẩm : Hoang mạc Tartar. Chân dung phóng đại. Truyện ngắn / Đoàn Tử Huyền giới thiệu và tuyển chọn ; Dịch: Đoàn Tử Huyền... - H. : Văn học, 2025. - 477 tr. ; 23 cm. - 336000đ. - 1000b s623677

2441. Dostoevsky, Fyodor. Tội ác và hình phạt / Fyodor Dostoevsky ; Cao Xuân Hạo dịch. - Tái bản lần 6. - H. : Văn học, 2025. - 725 tr. ; 24 cm. - 399000đ. - 2000b s623802

2442. Doyle, Arthur Conan. Sherlock Holmes toàn tập / Arthur Conan Doyle ; Dịch: Lê Khánh... - Tái bản lần thứ 7. - H. : Văn học. - 21 cm. - 150000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 542 tr. s623783

2443. Doyle, Arthur Conan. Sherlock Holmes toàn tập / Arthur Conan Doyle ; Dịch: Lê Khánh... - Tái bản lần thứ 7. - H. : Văn học. - 21 cm. - 150000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 554 tr. s623784

2444. Doyle, Arthur Conan. Sherlock Holmes toàn tập / Arthur Conan Doyle ; Dịch: Bùi Liên Thảo... - Tái bản. - H. : Văn học. - 21 cm. - 140000đ. - 1500b

- T.3. - 2025. - 547 tr. s623796
2445. Doyle, Arthur Conan. Sherlock Holmes toàn tập / Arthur Conan Doyle ; Dịch: Bùi Liên Thảo... - Tái bản. - H. : Văn học. - 21 cm. - 120000đ. - 2000b  
T.3. - 2025. - 547 tr. : ảnh s623776
2446. Doyle, Arthur Conan. Sherlock Holmes toàn tập / Arthur Conan Doyle ; Dịch: Lê Khánh... - Tái bản lần thứ 7. - H. : Văn học. - 21 cm. - 150000đ. - 2000b  
T.3. - 2025. - 554 tr. s623785
2447. Driscoll, Teresa. Bám đuôi / Teresa Driscoll ; Mai Nguyễn dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 380 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 158000đ. - 2000b s625641
2448. Duy Hiên. Chảy trọn đời sông : Bút ký / Duy Hiên. - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2026. - 276 tr. ; 21 cm. - 200b s625822
2449. Dương Bình Nguyên. Gió vẫn thổi qua rừng nhiệt đới : Tiểu thuyết / Dương Bình Nguyên. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 223 tr. ; 21 cm. - 1000b s625289
2450. Dương Đình Thủy. Góc vườn hồn tôi : Thơ / Dương Đình Thủy. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2026. - 39 tr. : ảnh màu ; 19 cm. - 100b s623779
2451. Dương Hạnh. Đêm đã tàn, sao buồn còn chưa tan? = 天已亮,为何悲伤仍未晾 / Dương Hạnh, Dịch tiếng Trung đạo. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 207 tr. ; 21 cm. - 115000đ. - 2000b s625909
2452. Đã đến Halloween chưa nhỉ? / Hannah Campling ; Minh họa: Jo Byatt ; Yến Thu dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 22 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Ehon Châu Âu). - 35000đ. - 2000b s626007
2453. Đan Thanh Thủ. Là họa không thể tránh / Đan Thanh Thủ ; Thanh Ninh dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 21 cm. - 185000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Trung: 是祸躲不过  
T.1. - 2025. - 478 tr. s625921
2454. Đan Thanh Thủ. Là họa không thể tránh / Đan Thanh Thủ ; Thanh Ninh dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 21 cm. - 165000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Trung: 是祸躲不过  
T.2. - 2025. - 407 tr. s625922
2455. Đào Phong Lan. Giữa hai lần tìm đập : Tiểu thuyết / Đào Phong Lan. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 143 tr. ; 21 cm. - 1000b s626231
2456. Đào Sỹ Quang. Ánh sáng trong đêm : Tiểu thuyết / Đào Sỹ Quang. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 259 tr. ; 21 cm. - 1000b s625526
2457. Đào Sỹ Quang. Bên kia lời hứa : Tiểu thuyết / Đào Sỹ Quang. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 334 tr. ; 21 cm. - 250000đ. - 300b s625868
2458. Đặng Thế Hoà. Hạnh phúc một đại gia / Đặng Thế Hoà. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Thế giới, 2025. - 358 tr. ; 21 cm. - 119000đ. - 500b s625663
2459. Đặng Văn Hương. Mật danh 503 : Tiểu thuyết / Đặng Văn Hương. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 399 tr. ; 21 cm. - 1000b s625281
2460. Đề kiểm tra Ngữ văn 8 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới... / Kiều Bắc, Nguyễn Quốc Khánh, Nguyễn Thị Hoa. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 236 tr. : bảng ; 24 cm. - 98000đ. - 1500b s626368

2461. Đề ôn luyện môn Ngữ văn - Thi vào lớp 10 trung học phổ thông : Theo Chương trình GDPT 2018 / Hồ Thị Giang (ch.b.), Nguyễn Thị Hải Hậu, Đinh Thùy Linh... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 96000đ. - 800b  
Q.2. - 2025. - 272 tr. s625310
2462. Đề học tốt Ngữ văn 6 / Đặng Lưu, Nguyễn Thị Nương (ch.b.), Nguyễn Linh Chi... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 42000đ. - 10000b  
T.1. - 2025. - 100 tr. : bảng s624922
2463. Đề học tốt Ngữ văn 7 / Đặng Lưu, Nguyễn Thị Nương (ch.b.), Nguyễn Thị Mai Liên... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 41000đ. - 7000b  
T.1. - 2025. - 96 tr. : bảng s624975
2464. Đêm trước giảng sinh / Stephanie Moss ; Minh họa: James Newman Gray ; Yên Thu dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 21 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Ehon Châu Âu). - 35000đ. - 2000b s626003
2465. Điều ước của chuột chũi : Truyện tranh : Dành cho trẻ 3 - 7 tuổi / Steve Smallman ; Thu Nga dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Storytime - Truyện hay rèn luyện kỹ năng). - 31000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Anh: Monty the hero s624316
2466. Đinh Nho Tuấn. Khói, bụi và cỏ : Thơ / Đinh Nho Tuấn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 164 tr. ; 21 cm. - 170000đ. - 1000b s625428
2467. Đỉnh cao công thức nghị luận văn học : Theo đặc trưng thể loại: Thơ, Truyện, Kịch, Ký : Dành cho giáo viên, học sinh THCS, THPT tham khảo theo Chương trình mới / Lê Trần Diệu Thu. - H. : Văn học, 2025. - 187 tr. ; 24 cm. - 368000đ. - 4000b s623696
2468. Đoàn Minh Phượng. Mưa ở kiếp sau : Tiểu thuyết / Đoàn Minh Phượng. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 252 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 1000b s625888
2469. Đoàn Minh Phượng. Và khi tro bụi : Tiểu thuyết / Đoàn Minh Phượng. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 183 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 2000b s625889
2470. Đoàn Minh Tiến. Tất cả vì dân : Tiểu thuyết / Đoàn Minh Tiến. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 223 tr. ; 21 cm. - 1000b s625283
2471. Đoàn Ngọc Minh. Đá cháy : Tiểu thuyết / Đoàn Ngọc Minh. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 263 tr. ; 21 cm. - 1000b  
Tên thật tác giả: Đoàn Thị Lê Minh s625282
2472. Đồ Dạng Tiên Sâm. Cô ấy và vị trí đứng đầu là của tôi! / Đồ Dạng Tiên Sâm ; Tô Ngọc Hà dịch. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa. - 24 cm. - 218000đ. - 3000b  
Tên sách tiếng Trung: 她和年级第一我都要  
T.3. - 2025. - 468 tr. s625831
2473. Đỗ Chu. Mảnh vườn xưa hoang vắng & các truyện khác : Truyện ngắn / Đỗ Chu. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 294 tr. ; 21 cm. - 1450b s626216
2474. Đỗ Hải Phong. Văn học Nga / Đỗ Hải Phong (ch.b.), Hà Thị Hòa. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 251 tr. : ảnh ; 24 cm. - 80000đ. - 500b  
Thư mục cuối mỗi chương s624288
2475. Đỗ Quảng. Những lời nói thật : Thơ / Đỗ Quảng. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 151 tr. ; 23 cm. - 150000đ. - 1000b s625410

2476. Đỗ Toàn Diện. Tứ tuyệt rủ nhau về : Thơ / Đỗ Toàn Diện. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 113 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 500b s625854

2477. Đỗ Trọng Khôi. Bình luận văn chương : Tiểu luận - Phê bình / Đỗ Trọng Khôi. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 343 tr. : ảnh ; 21 cm. - 1450b s625423

2478. Đỗ Vũ Chung. Đòi & câu thơ / Đỗ Vũ Chung. - H. : Văn học, 2025. - 115 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 1000b s623629

2479. Đứng động vào Cún con : Truyện tranh : 18+ / Marin Code ; Minh họa: Akeo Studio ; Huyền Linh dịch. - H. : Dân trí. - 21 cm. - 179000đ. - 2500b

Tên sách tiếng Hàn: 강아지는 건드리지 마라

T.1. - 2025. - 244 tr. : tranh vẽ s625233

2480. Edogawa Ranpo. Địa ngục gương / Edogawa Ranpo ; Dịch: Rei, Thư Trúc. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 222 tr. ; 21 cm. - 175000đ. - 500b

Tên thật tác giả: Hirai Taro s623792

2481. Ehon - 10 kỹ năng đầu đời cho bé: Bé tự mang giày nhé : Truyện tranh / Nhóm Tủ sách Tinh hoa ; Minh họa: Yên Thanh. - H. : Khoa học - Công nghệ - Truyền thông, 2025. - 25 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Tinh hoa)(Cộng đồng Sống tử tế). - 45000đ. - 3000b s626320

2482. Ehon - 10 kỹ năng đầu đời cho bé: Bé tự mặc quần áo nhé : Truyện tranh / Nhóm Tủ sách Tinh hoa ; Minh họa: Lai Mỹ Ngọc. - H. : Khoa học - Công nghệ - Truyền thông, 2025. - 25 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Tinh hoa)(Cộng đồng Sống tử tế). - 45000đ. - 3000b s626318

2483. Ehon - 10 kỹ năng đầu đời cho bé: Bé tự xúc ăn nhé : Truyện tranh / Nhóm Tủ sách Tinh hoa ; Minh họa: An Ngọc. - H. : Khoa học - Công nghệ - Truyền thông, 2025. - 25 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Tinh hoa)(Cộng đồng Sống tử tế). - 45000đ. - 3000b s626317

2484. Ehon - 10 kỹ năng đầu đời cho bé: Dọn dẹp đồ chơi nhé : Truyện tranh / Nhóm Tủ sách Tinh hoa ; Minh họa: Thùy Trang. - H. : Khoa học - Công nghệ - Truyền thông, 2025. - 25 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Tinh hoa)(Cộng đồng Sống tử tế). - 45000đ. - 3000b s626319

2485. Ehon - 10 kỹ năng đầu đời cho bé: Lau bàn cho sạch nhé : Truyện tranh / Nhóm Tủ sách Tinh hoa ; Minh họa: Thùy Trang. - H. : Khoa học - Công nghệ - Truyền thông, 2025. - 25 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Tinh hoa)(Cộng đồng Sống tử tế). - 45000đ. - 3000b s626321

2486. Emma Hạ My. Tổng đài kể chuyện lúc 0h : Truyện kinh dị / Emma Hạ My. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 331 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 168000đ. - 2000b s626011

2487. Fosse, Jon. Buổi sáng và buổi tối / Jon Fosse ; Bùi An Bình dịch ; Nguyễn Hùng Huy h.đ. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 167 tr. ; 21 cm. - 98000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Morning and evening s625852

2488. Gari Nguyễn. Chúng ta rục rờ từ những vụn vỡ / Gari Nguyễn. - H. : Văn học, 2025. - 278 tr. ; 20 cm. - 186000đ. - 2000b s625442

2489. Gấu lớn và Chuột Núi nhỏ - Bữa tiệc mùa thu : Truyện tranh : 3+ / Yumiko Fukazawa ; Phạm Anh Tuấn dịch ; H.đ.: Hanna, Tazaki Hirono. - H. : Thế giới, 2025. - 40 tr. : tranh màu ; 30 cm. - (Tranh truyện Ehon Nhật Bản). - 199000đ. - 2000b s626548

2490. Gấu lớn và Chuột Núi nhỏ - Cửa tiệm mùa đông : Truyện tranh : 3+ / Yumiko Fukazawa ; Phạm Anh Tuấn dịch ; H.đ.: Hanna, Tazaki Hirono. - H. : Thế giới, 2025. - 40 tr. : tranh màu ; 30 cm. - (Tranh truyện Ehon Nhật Bản). - 199000đ. - 2000b s626547
2491. Gấu lớn và Chuột Núi nhỏ - Đánh thức mùa xuân : Truyện tranh : 3+ / Yumiko Fukazawa ; Phạm Anh Tuấn dịch ; H.đ.: Hanna, Tazaki Hirono. - H. : Thế giới, 2025. - 40 tr. : tranh màu ; 30 cm. - (Tranh truyện Ehon Nhật Bản). - 199000đ. - 2000b s626546
2492. Gấu lớn và Chuột Núi nhỏ - Món quà sau cơn mưa mùa hạ : Truyện tranh : 3+ / Yumiko Fukazawa ; Phạm Anh Tuấn dịch ; H.đ.: Hanna, Tazaki Hirono. - H. : Thế giới, 2025. - 40 tr. : tranh màu ; 30 cm. - (Tranh truyện Ehon Nhật Bản). - 199000đ. - 2000b s626549
2493. Giày nhỏ đi thôi! : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 0 - 3 tuổi / Hayashi Akiko ; Trần Bảo Ngọc dịch. - Tái bản, in lần 12. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 14 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon Nhật Bản). - 29000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Anh: Toddle, my shoes! s625981
2494. Gieo mầm yêu thương - Chuyến ghé thăm của cô Chim : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / Nick Butterworth ; Linh Chi dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 30 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện). - 55000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Anh: A flying visit s625656
2495. Gieo mầm yêu thương - Chuyến xe kỳ thú của bác Percy : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / Nick Butterworth ; Linh Chi dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện). - 55000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Anh: Percy's bumpy ride s625658
2496. Gieo mầm yêu thương - Cuộc săn tìm báu vật : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / Nick Butterworth ; Linh Chi dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện). - 55000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Anh: The treasure hunt s625657
2497. Gieo mầm yêu thương - Một ngày mùa Xuân : Truyện tranh : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / Nick Butterworth ; Linh Chi dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 25 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện). - 55000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Anh: One spring day s625659
2498. Giúp em viết đoạn và bài văn hay Ngữ văn 8 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo... / Nguyễn Phước Lợi (ch.b.), Tiêu Thị Lan, Nguyễn Thị Diễm My... - H. : Văn học, 2025. - 94 tr. ; 27 cm. - (Tủ sách Em yêu Ngữ văn). - 69000đ. - 3800b s623856
2499. Giúp em viết đoạn và bài văn hay Ngữ văn 9 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo... / Nguyễn Phước Lợi (ch.b.), Vũ Thị Hồng Chuyên, Nguyễn Thị Phương Dung... - H. : Văn học, 2025. - 127 tr. : ảnh ; 27 cm. - 79000đ. - 2500b s623857
2500. Góc nhỏ của Han. Biết đâu ngày mai có cầu vồng / Góc nhỏ của Han. - H. : Văn học, 2025. - 227 tr. ; 21 cm. - 109000đ. - 2000b s623622
2501. Gọi gió đất hiền : Những câu chuyện về người phụ nữ Việt Nam / Phan Văn Trường (ch.b.), Nhóm thực hiện Cây Nền Tổ Ong, Nguyễn Thị Thanh Loan... - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 266 tr. ; 21 cm. - (Gọi gió trở về). - 105000đ. - 2000b s624234
2502. GreenStar. Tuổi trẻ không chờ ta sẵn sàng : Hành trình dám từ bỏ, dám đi để chinh phục tiếng Anh nơi đất khách / GreenStar. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 178 tr. : ảnh ; 15 cm. - 65000đ. - 1000b

- Tên thật tác giả: Nguyễn Thị Thanh Xuân s625733
2503. Hà Kim Ngân. Dưới lớp da người : Chuyện kỳ bí nửa đêm / Hà Kim Ngân ; Lục Bích dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 412 tr. ; 21 cm. - 215000đ. - 2000b  
 Tên sách tiếng Trung: 道听途说 s626116
2504. Hà Nhi. Truyện hay cho bé : Những truyện kể thú vị là món điểm tâm ngọt ngào trong thời thơ ấu : 0 - 6 tuổi / Hà Nhi ; An Lạc Group dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 21 cm. - 118000đ. - 1000b  
 T.1. - 2025. - 139 tr. : tranh màu s625986
2505. 2025 - Tác phẩm trong năm / Nguyễn Văn Hùng, Hồ Thế Hà, Nguyễn Phước Hải Trung... ; B.s.: Lê Tấn Quỳnh... - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2025. - 391 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 300b  
 ĐTTS ghi: Hội Nhà văn thành phố Huế s624255
2506. Hải Châu. Những chuyến bay tìm về miền ký ức / Hải Châu. - H. : Công Thương, 2025. - 335 tr. ; 21 cm. - 159000đ. - 1600b s625337
2507. Hải trình 9+ Văn : Lướt sóng đê - Cập bến "đồ" / Sương Mai. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 240000đ. - 5000b  
 Tên thật tác giả: Hoàng Thị Kim Hậu Phúc  
 T.1. - 2025. - 371 tr. : hình vẽ, bảng s626126
2508. Hải trình 9+ Văn : Lướt sóng đê - Cập bến "đồ" / Sương Mai. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 240000đ. - 5000b  
 Tên thật tác giả: Hoàng Thị Kim Hậu Phúc  
 T.2. - 2025. - 375 tr. : hình vẽ, bảng s626127
2509. Hạt mưa bé nhỏ : Truyện tranh : Cùng khám phá câu chuyện tuyệt vời về thế giới tự nhiên / Melanie Joyce ; Dịch: Gina Maldonado ; Huyền Linh dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 21 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Câu chuyện tự nhiên). - 35000đ. - 2000b s625999
2510. Hemingway, Ernest. Ông già và biển cả : Tiểu thuyết / Ernest Hemingway ; Lê Huy Bắc dịch. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Văn học, 2025. - 123 tr. ; 21 cm. - 45000đ. - 1000b  
 Dịch theo nguyên bản tiếng Anh: The old man and the sea s623762
2511. Hesse, Hermann. Siddhartha / Hermann Hesse ; Lê Chu Cầu dịch. - H. : Văn học, 2025. - 218 tr. ; 21 cm. - 72000đ. - 1500b  
 Dịch từ nguyên bản tiếng Đức: Siddhartha s623760
2512. Higashino Keigo. Chuyện tình ở thế giới song song = Parallel world love story / Higashino Keigo ; Bảo Lam Anh dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 402 tr. ; 21 cm. - 215000đ. - 3000b  
 Tên sách tiếng Nhật: パラレルワールド・ラブストーリー s626114
2513. Hisashi Kashiwai. Thám tử ẩm thực Kamogawa = 鴨川食堂 / Hisashi Kashiwai ; Ái Tiên dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 214 tr. ; 20 cm. - 110000đ. - 1500b s625473
2514. Hisashi Kashiwai. Thám tử ẩm thực Kamogawa = 鴨川食堂おかわり / Hisashi Kashiwai ; Lê Thùy Giang dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 20 cm. - 110000đ. - 1500b  
 T.2: Tiệm ăn hoài niệm. - 2026. - 238 tr. s625472
2515. Hòe Tự Thanh Đường. Hạ đấng / Hòe Tự Thanh Đường ; Thu Giao dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 556 tr. ; 24 cm. - 280000đ. - 1000b  
 Tên sách tiếng Trung: 苦夏 s625950

2516. Hoa Tuệ Linh. Anh em song sinh và cô gái tâm thần : Tiểu thuyết / Hoa Tuệ Linh.  
- H. : Công an nhân dân, 2025. - 215 tr. ; 21 cm. - 1000b  
Tên thật tác giả: Lê Thị Bích Hồng s625279
2517. Hoàng Dục. Những giọt sương thơ : Tiểu luận phê bình / Hoàng Dục. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 217 tr. : ảnh ; 21 cm. - 200000đ. - 500b s625433
2518. Hoàng Kim Dung. Cầm chưởng chắn = Lời nói thật : Thơ song ngữ Tày - Việt / Hoàng Kim Dung. - H. : Văn hóa dân tộc, 2025. - 151 tr. ; 20 cm. - 300b  
ĐTTS ghi: Hội Văn học nghệ thuật và Nhà báo tỉnh Lạng Sơn s626244
2519. Hoàng Kim Ngọc. Duyên khởi đến cõi văn : Tiểu luận phê bình / Hoàng Kim Ngọc.  
- H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 190 tr. ; 21 cm. - 1450b s626218
2520. Hoàng Minh Tường. Chữ và người 400 năm... : Tiểu thuyết lịch sử / Hoàng Minh Tường. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 419 tr. ; 23 cm. - 319000đ. - 1515b s625926
2521. Hoàng Minh Tường. Chữ và người 400 năm... : Tiểu thuyết lịch sử / Hoàng Minh Tường. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 419 tr. ; 23 cm. - 249000đ. - 1515b s625925
2522. Hoàng Minh Vượng. Hồn quê : Thơ / Hoàng Minh Vượng. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 183 tr. : ảnh màu ; 21 cm. - 200b s623793
2523. Hoàng Quốc Hải. Bão táp triều Trần : Tiểu thuyết lịch sử / Hoàng Quốc Hải. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 1450b  
T.4: Huyết chiến Bạch Đằng. - 2025. - 503 tr. s626232
2524. Hoàng Quốc Hải. Bão táp triều Trần : Tiểu thuyết lịch sử / Hoàng Quốc Hải. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 1450b  
T.5: Huyền Trân công chúa. - 2025. - 295 tr. s626223
2525. Hoàng Quốc Hải. Bão táp triều Trần : Tiểu thuyết lịch sử / Hoàng Quốc Hải. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 1450b  
T.6: Vương triều sụp đổ. - 2025. - 479 tr. s626224
2526. Học sinh giỏi Ngữ văn học gì? / Lê Huy Bắc. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 252 tr. ; 24 cm. - 189000đ. - 1000b s625928
2527. Hồ Anh Thái. Bản thảo để lại trong sảnh lễ tân : Tiểu thuyết / Hồ Anh Thái. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 471 tr. ; 21 cm. - 245000đ. - 2700b s626119
2528. Hồ Chí Minh. Nhật ký trong tù / Hồ Chí Minh ; Viện Văn học dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 199 tr. ; 18 cm. - 55000đ. - 3000b s623750
2529. Hồ Lô Xanh. Truyện kể trước giờ đi ngủ - Mùa Đông / Hồ Lô Xanh ; Đỗ Lan Phương dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2026. - 79 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 63000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Trung: 365 夜睡前故事 经典故事 s623809
2530. Hồ Quế Hậu. Những dòng kẻ cuộc đời : Tuyển tập truyện ngắn / Hồ Quế Hậu. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 328 tr. ; 21 cm. - 189000đ. - 300b s625430
2531. Hồ Thế Hà. Thế giới thơ - Đa thanh và tương hợp : Phê bình văn học / Hồ Thế Hà. - H. : Văn học, 2025. - 339 tr. ; 21 cm. - 200000đ. - 500b s623664
2532. Hugo, Victor. Những người khốn khổ = Les misérables / Victor Hugo. - H. : Văn học. - 21 cm. - 181000đ. - 1000b  
T.1. - 2025. - 646 tr. s623766

2533. Hugo, Victor. Những người khốn khổ = Les misérables / Victor Hugo. - H. : Văn học. - 21 cm. - 182000đ. - 1000b  
T.2. - 2025. - 670 tr. s623767
2534. Hugo, Victor. Những người khốn khổ = Les misérables / Victor Hugo. - H. : Văn học. - 21 cm. - 182000đ. - 1000b  
T.3. - 2025. - 645 tr. s623768
2535. Huỳnh Mai Liên. Bay qua Hồ Gươm / Huỳnh Mai Liên ; Minh họa: Mai Khuê. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 126 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 92000đ. - 2000b s625438
2536. Huỳnh Tú Uyên. Viết cho những ngày không dám khóc : Một cuốn sách cho những ai từng thấy mình nhỏ bé giữa xứ người / Huỳnh Tú Uyên. - H. : Văn học, 2025. - 270 tr. ; 21 cm. - 169000đ. - 1000b s623628
2537. Huỳnh Viết Lệnh. Tình : Tập truyện ngắn / Huỳnh Viết Lệnh. - In lần thứ 5. - H. : Văn học, 2025. - 210 tr. ; 20 cm. - 120000đ. - 2000b s623755
2538. Hương Bình. Hương đời : Thơ & nhạc / Hương Bình, Mai Đình Sơn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 35 tr. ; 21 cm. - 100b s625404
2539. Hương Lê. Hoa trái đầu mùa : Thơ Đường / Hương Lê. - H. : Văn học, 2025. - 131 tr. ; 21 cm. - 136000đ. - 200b  
Tên thật tác giả: Lê Thị Hương s623707
2540. Hương lúa Yên Thành / Thái Minh Chung, Hà Danh Côn, Ngô Xuân Cung... - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 167 tr. : ảnh ; 21 cm. - 50b  
ĐTTS ghi: Câu lạc bộ Thơ Việt Nam huyện Yên Thành s625734
2541. Hướng dẫn luyện thi vào 10 môn Ngữ văn : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018... / Nguyễn Thị Thuý Hồng (ch.b.), Trần Thị Thành, Bùi Thị Trang. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 174 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 75000đ. - 2000b s624042
2542. Hướng dẫn ôn thi tốt nghiệp Trung học phổ thông môn Ngữ văn năm học 2025 - 2026 / Nguyễn Thị Hào (ch.b.), Nguyễn Thị Bích, Nguyễn Tuệ Tâm, Nguyễn Thị Hương Thủy. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 195 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - 90000đ. - 6000b s624674
2543. Hướng Dương. Tuyển tập truyện ngắn = Selected short stories: An anthology / Hướng Dương ; Nguyễn Quỳnh dịch. - H. : Văn học, 2025. - 341 tr. ; 21 cm. - 500b  
Tên thật tác giả: Trần Thanh Hà s623674
2544. Hươu cao cổ và bài học lễ phép : Truyện tranh : Dành cho độ tuổi 3+ / Noodle Juice ; Nhã Nam dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Em học những điều hay). - 20000đ. - 2000b s624215
2545. Hữu Mai. Ông cố vấn : Tiểu thuyết lịch sử / Hữu Mai. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 1450b  
Q.1: Hoàng hôn của các thiên thần. - 2025. - 471 tr. s626225
2546. Hữu Mai. Ông cố vấn : Tiểu thuyết lịch sử / Hữu Mai. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 1450b  
Q.2: Con kỳ nhông. - 2025. - 447 tr. s626226
2547. Hyun Jin Geon. Một ngày may mắn : Tập truyện ngắn / Hyun Jin Geon ; Trần Ngọc Tùng dịch. - H. : Văn học, 2025. - 356 tr. : ảnh ; 23 cm. - 189000đ. - 500b  
Phụ lục: tr. 355-356 s623679
2548. Inako. Tokyo, hoa, nắng, và anh / Inako. - H. : Văn học, 2025. - 390 tr. ; 21 cm. - 199000đ. - 300b s623711

2549. Jungeun Yun. Tiêm giặt là tâm hồn Marigold / Jungeun Yun ; Vương Thúy Quỳnh Anh dịch. - H. : Văn học, 2025. - 282 tr. ; 21 cm. - 168000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Hàn: 메리골드 마음 세탁소 s623676

2550. Khu vườn xanh : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 3 - 6 tuổi / Ngô Như Quỳnh. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 15 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Những truyện hay cho bé - Để Trái Đất mãi tươi xanh). - 8000đ. - 1000b s624049

2551. Khúc hát ru đêm trăng / Stephanie Moss ; Minh họa: Yenna Mariana ; Yến Thu dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 21 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Ehon Châu Âu). - 35000đ. - 2000b s626006

2552. Khủng long tập viết sách : Truyện tranh : Dành cho trẻ 3 - 7 tuổi / Greg Gormley, Dean Gray ; Thu Nga dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Storytime - Truyện hay rèn luyện kỹ năng). - 31000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: All about allosaurus s624315

2553. Ki Ju Lee. Sự dung dị của ngôn từ / Ki Ju Lee ; Phan Ngân Hà dịch. - H. : Văn học, 2025. - 214 tr. ; 21 cm. - 109000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Hàn: 보편의 단어 s623668

2554. Kỹ năng tự học viết nghị luận văn học về tác phẩm ngoài SGK : Dành cho lớp 6, 7, 8, 9 và luyện thi vào lớp 10 - Chương trình GDPT 2018 / Đào Phương Huệ. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 198000đ. - 2000b

Q.1. - 2025. - 367 tr. : bảng s626573

2555. Kỹ năng tự học viết nghị luận văn học về tác phẩm ngoài SGK : Dành cho lớp 10, 11, 12 và thi tốt nghiệp THPT - Chương trình GDPT 2018... / Đào Phương Huệ. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 210000đ. - 2000b

Q.1: Truyện, tiểu thuyết, phóng sự. - 2025. - 403 tr. : bảng s624038

2556. Kỹ năng tự học viết nghị luận văn học về tác phẩm ngoài SGK : Dành cho lớp 6, 7, 8, 9 và luyện thi vào lớp 10 - Chương trình GDPT 2018 / Đào Phương Huệ. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 198000đ. - 2000b

Q.2: Tác phẩm thơ. - 2025. - 364 tr. : bảng s626574

2557. Kỹ năng tự học viết nghị luận văn học về tác phẩm ngoài SGK : Dành cho lớp 10, 11, 12 và thi tốt nghiệp THPT - Chương trình GDPT 2018... / Đào Phương Huệ. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 240000đ. - 2000b

Q.2: Thơ, kí, kịch. - 2025. - 455 tr. : bảng s624039

2558. Kim Lân. Vợ nhặt : Tập truyện ngắn / Kim Lân. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Văn học, 2025. - 231 tr. ; 18 cm. - 60000đ. - 2000b

Tên thật tác giả: Nguyễn Văn Tài s623752

2559. King, Stephen. Trò chơi tình ái / Stephen King ; Đinh Trọng Nhân dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 410 tr. ; 24 cm. - 208000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Gerald's game s625939

2560. Kuhlmann, Torben. Armstrong - Hành trình phiêu lưu lên mặt trăng của Tí Nị : Dành cho trẻ 6 tuổi + / Sáng tác, minh họa: Torben Kuhlmann ; Kim Ngân biên dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 96 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Hội Chuột thiên tài). - 199000đ. - 1000b s626183

2561. Kuhlmann, Torben. Edison - Tí Hìn và bí ẩn kho báu mất tích : Dành cho trẻ 6 tuổi + / Sáng tác, minh họa: Torben Kuhlmann ; Kim Ngân biên dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 96 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Hội Chuột thiên tài). - 199000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Đức: Edison - Das Rätsel des verschollenen Mausestschatzes s626181

2562. Kuhlmann, Torben. Einstein - Hành trình kì diệu của Tí Hon vượt không gian và thời gian : Dành cho trẻ 6 tuổi + / Sáng tác, minh họa: Torben Kuhlmann ; Kim Ngân biên dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 96 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Hội Chuột thiên tài). - 199000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Đức: Einstein - Die fantastische Reise einer Maus durch Raum und Zeit s626182

2563. Kuhlmann, Torben. Lindbergh - Chuyện bay vào không trung của chàng Tí Xiu : Dành cho trẻ 6 tuổi + / Sáng tác, minh họa: Torben Kuhlmann ; Kim Ngân biên dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 96 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Hội Chuột thiên tài). - 199000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Đức: Lindbergh - Die abenteuerliche Geschichte einer fliegenden Maus s626180

2564. Kukafka, Danya. Ghi chép về một vụ hành quyết / Danya KuKafka ; Kuro dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 381 tr. ; 24 cm. - 229000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Notes on an execution s626122

2565. Kỳ Sơn. Như gió thoảng bên sông : Tuyển tập thơ / Kỳ Sơn. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 94 tr. ; 20 cm. - 50000đ. - 500b s625537

2566. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương : Danh nhân - Thi hào - Giá trị di sản / Biện Minh Điền, Nghiêm Thị Hằng, Nguyễn Quang Hồng... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 543 tr. ; 27 cm. - 600000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Viện Nghiên cứu Danh nhân... s626568

2567. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Văn học với đời sống đương đại / Dương Tuấn Anh, Phùng Minh Châu, Vũ Công Hào... - H. : Thế giới, 2025. - 895 tr. ; 27 cm. - 120b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủ đô Hà Nội ; Viện Văn học. - Thư mục cuối mỗi bài s623904

2568. Ký ức rừng xanh - Hồi ký ông Chuột Chũi / Mickaël Brun-Arnaud ; Minh họa: Sanoë ; Đinh Diệu Anh dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 288 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 180000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Pháp: Mémoires de la forêt – Les souvenirs de Ferdinand Taupe s626112

2569. Lã Nhâm Thìn. Phân tích tác phẩm văn học trung đại Việt Nam từ góc nhìn thể loại / Lã Nhâm Thìn. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 287 tr. ; 24 cm. - 150000đ. - 500b s624300

2570. Lã Nhâm Thìn. Văn học trung đại Việt Nam / Lã Nhâm Thìn (ch.b.), Đinh Thị Khang, Vũ Thanh. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 78000đ. - 700b

T.1. - 2025. - 223 tr. - Thư mục cuối mỗi chương s624284

2571. Lạc Lâm Lang. Người tìm xác / Lạc Lâm Lang ; Thú Lạ dịch. - H. : Dân trí. - 24 cm. - 199000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 寻尸人

T.8. - 2025. - 481 tr. s625238

2572. Lâm My. Khúc tình thu : Thơ / Lâm My. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 124 tr. ; 21 cm. - 105000đ. - 300b s625832

2573. Lâu Vũ Tình. Thất tịch không mưa : Tiểu thuyết / Lâu Vũ Tình ; Cẩm Ninh dịch. - In lần thứ 13. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 319 tr. ; 21 cm. - 86000đ. - 1000b

- Tên sách tiếng Trung: 七月七日晴 s625861
2574. Lê Chí Thanh. Một thời để nhớ : Truyện ký / Lê Chí Thanh. - H. : Văn hóa dân tộc, 2025. - 174 tr. ; 20 cm. - 200000đ. - 100b s625804
2575. Lê Lựu. Sóng ở đáy sông : Tiểu thuyết / Lê Lựu. - H. : Văn học, 2025. - 387 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 1000b s623647
2576. Lê Lựu. Thời xa vắng : Tiểu thuyết / Lê Lựu. - H. : Văn học, 2025. - 535 tr. ; 21 cm. - 125000đ. - 1000b s623667
2577. Lê Minh Khuê. Những người đàn bà : Truyện ngắn / Lê Minh Khuê. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 511 tr. ; 21 cm. - 1450b s626230
2578. Lê Minh Khuê. Sống chậm : Truyện ngắn / Lê Minh Khuê. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 527 tr. ; 21 cm. - 1450b s626245
2579. Lê Phương Liên. Nữ sĩ thời gió bụi : Tiểu thuyết dã sử / Lê Phương Liên. - In lần thứ 3. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 279 tr. ; 21 cm. - 89000đ. - 1500b s625890
2580. Lê Quốc Việt. Thương lắm lúa mùa oi / Lê Quốc Việt. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 162 tr. : ảnh ; 21 cm. - 90000đ. - 1000b s625862
2581. Lê Thanh Kỳ. Miền đất hứa : Tiểu thuyết / Lê Thanh Kỳ. - H. : Văn học, 2025. - 518 tr. ; 21 cm. - 250000đ. - 1000b s623654
2582. Lê Thị Kim Sơn. Mang Yang - Cổng trời bình yên : Truyện ký / Lê Thị Kim Sơn. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 207 tr. ; 21 cm. - 1000b s625290
2583. Lê Xuân Quỳnh. Nhà giáo đồng quê : Thơ tuyển chọn / Lê Xuân Quỳnh. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2026. - 260 tr. ; 21 cm. - 110b s625833
2584. Li Phan. Đáy sâu : Tiểu thuyết / Li Phan. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 215 tr. ; 21 cm. - 1000b  
Tên thật tác giả: Phan Thúy Quỳnh s625275
2585. Linh Đan. Thường thức sự sống / Linh Đan. - H. : Thế giới, 2026. - 271 tr. ; 19 cm. - 268000đ. - 1000b s623777
2586. London, Jack. Nanh trắng / Jack London ; Trần Mai Loan dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Văn học, 2025. - 339 tr. ; 21 cm. - 78000đ. - 1000b  
Tên sách tiếng Anh: White fang s623789
2587. Lòng tự hào xiết bao! / Quỳnh Tuyền, Thảo Lam, Ngọc Tĩnh... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 149 tr. : ảnh ; 20 cm. - 600b s624199
2588. Lộc Linh. Thính Hạ / Lộc Linh ; Thu Giao dịch. - In lần 3. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 390 tr. ; 21 cm. - 199000đ. - 1000b  
Tên sách tiếng Trung: 听夏 s625923
2589. Lớp học xả stress - Cánh cổng xuyên không gian : Truyện tranh / Xiao Pin ; Bích Ngọc dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 160 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 58000đ. - 2300b  
Tên sách tiếng Trung: 女生不好惹; Tên sách tiếng Anh: If the world had a portal s625903
2590. Lớp học xả stress - Con gái không dễ bắt nạt đâu : Truyện tranh / Xiao Pin ; Bích Ngọc dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 160 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 58000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Trung: 女生不好惹; Tên sách tiếng Anh: Don't mess with girls s625904

2591. Lốp học xả stress - Khi mẹ tớ là đặc vụ ngầm : Truyện tranh / Xiao Pin ; Bích Ngọc dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 160 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 58000đ. - 1900b  
 Tên sách tiếng Trung: 女生不好惹; Tên sách tiếng Anh: Agent mom s625902
2592. Lustig, Arnošt. Lời nguyện cầu cho Katerina : Tiểu thuyết / Arnošt Lustig ; Bình Slavická dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 239 tr. ; 21 cm. - 91000đ. - 2000b  
 Dịch từ nguyên bản tiếng Séc: Modlitba pro Kateřinu Horovitzovou s625863
2593. Lương Thị Đậm. Bước thời gian : Thơ Đường luật Xương họa / Lương Thị Đậm. - H. : Văn học, 2025. - 175 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 500b s623627
2594. Lương Thị Đậm. Tiếng rừng đêm : Thơ / Lương Thị Đậm. - H. : Văn học, 2025. - 167 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 500b s623626
2595. Lưu Nguyễn Đào Nguyên. Thời của nước : Truyện thơ - Thơ - Trường ca / Lưu Nguyễn Đào Nguyên. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 126 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 70000đ. - 1000b s625879
2596. Lưu Từ Hân. Kỷ nguyên siêu tân tinh / Lưu Từ Hân ; Phạm Tố Uyên dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 445 tr. ; 24 cm. - 298000đ. - 1000b  
 Tên sách tiếng Trung: 超新星纪元 s625955
2597. Lý Tế Xuyên. Việt điện u linh tập / Lý Tế Xuyên ; Đào Phương Chi dịch ; Nguyễn Hữu Sơn s.t., tuyển soạn. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 450 tr. ; 20 cm. - (Cảo thơm). - 310000đ. - 1000b s625479
2598. Mã Bá Dung. Lũng Tây nổi gió : Tiểu thuyết / Mã Bá Dung ; Mai Dung dịch. - H. : Văn học, 2025. - 533 tr. ; 24 cm. - 249000đ. - 2000b  
 Tên sách tiếng Trung: 风起陕西 s623689
2599. Mã Bá Dung. Tam quốc cơ mật / Mã Bá Dung ; Tô Hình dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 265000đ. - 2000b  
 Dịch từ nguyên tác tiếng Trung: 三国机密  
 T.1: Ngày rồng gặp nạn. - 2026. - 514 tr. s626123
2600. Mã Bá Dung. Tam quốc cơ mật / Mã Bá Dung ; Tô Hình dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 335000đ. - 2000b  
 Dịch từ nguyên tác tiếng Trung: 三国机密  
 T.2: Rồng nấu vục sâu. - 2026. - 657 tr. s626124
2601. Mã Duy Anh. Mặt trận ngầm : Tiểu thuyết / Mã Duy Anh. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 375 tr. ; 21 cm. - 1000b s625285
2602. Mã Hộ Từ Quân. Thần thật là yếu đuối : 18+ / Mã Hộ Từ Quân ; Cao Bá Phù dịch. - H. : Dân trí. - 21 cm. - 208000đ. - 2500b  
 Tên sách tiếng Trung: 臣好柔弱啊  
 T.1. - 2025. - 492 tr. s625237
2603. Mạc Ngôn. Báu vật của đời : Một hiện tượng của văn học Trung Quốc / Mạc Ngôn ; Trần Đình Hiến dịch. - H. : Văn học, 2025. - 775 tr. ; 24 cm. - 390000đ. - 2000b  
 Tên sách tiếng Trung: 丰乳肥臀 s623703
2604. Mạc Ngôn. Đàn hương hình : Một khúc bi ca trắng lệ / Mạc Ngôn ; Trần Đình Hiến dịch. - H. : Văn học, 2025. - 502 tr. ; 24 cm. - 260000đ. - 2000b  
 Tên sách tiếng Trung: 檀香刑 s623704

2605. Made in Abyss : Truyện tranh : 17+ / Akihito Tsukushi ; Miro dịch. - H. : Văn học. - 21 cm. - 50000đ. - 5000b  
T.11. - 2025. - 144 tr. : tranh vẽ s623669
2606. Mai Ngữ. Dòng sông phía trước : Tiểu thuyết / Mai Ngữ. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 423 tr. ; 21 cm. - 1450b s626229
2607. Mai Thanh Hải. Đen vỏ đồ lòng : Truyện tình báo / Mai Thanh Hải. - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2025. - 411 tr. ; 24 cm. - 245000đ. - 500b s624249
2608. Malot, Hector. Không gia đình = Sans famille / Hector Malot ; Như Phong dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Văn học, 2025. - 613 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 175000đ. - 2000b s623797
2609. Malot, Hector. Trong gia đình / Hector Malot ; Mai Hương dịch ; Huỳnh Lý h.đ. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Văn học, 2025. - 363 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 2000b s623754
2610. Malot, Hector. Trong gia đình : Tiểu thuyết / Hector Malot ; Thành Đạt dịch. - H. : Văn học, 2025. - 435 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 1500b  
Tên sách tiếng Pháp: En famille s623666
2611. Maupassant, Guy de. Những Chủ nhật của một thị dân Paris / Guy de Maupassant ; Ái Kim dịch. - H. : Văn học, 2025. - 299 tr. ; 21 cm. - 129000đ. - 2000b s623657
2612. Mẫn Nhiên. Loạn nhịp vì người / Mẫn Nhiên ; Giang Hạ dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 24 cm. - 205000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Trung: 怦然为你  
T.1. - 2026. - 477 tr. s626212
2613. Minh Huệ. Đêm nay bác không ngủ & các tập thơ khác : Thơ / Minh Huệ. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 207 tr. ; 21 cm. - 1450b s626220
2614. Minh Minh. Thuốc bao đường : Nước nổi rồi chìm - Triều hạ rồi lên / Minh Minh. - H. : Văn học, 2025. - 415 tr. ; 21 cm. - 246000đ. - 1000b s623652
2615. Minh Thứ. Những mảnh đời phiêu bạt / Minh Thứ. - H. : Văn học, 2025. - 247 tr. ; 24 cm. - 175000đ. - 2000b s623680
2616. Mniszek, Helena. Con hủi / Helena Mniszek ; Nguyễn Hữu Dũng dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Văn học, 2025. - 611 tr. ; 21 cm. - 245000đ. - 1500b  
Dịch từ nguyên bản tiếng Ba Lan: Trędownata s623794
2617. Món quà dành tặng thỏ con : Truyện tranh : Dành cho trẻ 3 - 7 tuổi / Lucy Barnard ; Thu Nga dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Storytime - Truyện hay rèn luyện kỹ năng). - 31000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Anh: Hurry home, Harriet! s624318
2618. Món quà vô giá = A present for me : Truyện tranh / Abir Ballan ; Minh họa: Tarek Kamal ; Lê Hồ Lan Anh dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 35 tr. : tranh màu ; 28 cm. - 58000đ. - 3000b s626543
2619. Mộc Qua Hoàng. Đuổi theo mùa hạ : Dành cho 18+ / Mộc Qua Hoàng ; Lycoris Ruan dịch. - H. : Dân trí. - 21 cm. - 174500đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Trung: 逐夏  
T.1. - 2025. - 438 tr. s625235
2620. Mộc Qua Hoàng. Đuổi theo mùa hạ : Dành cho 18+ / Mộc Qua Hoàng ; Lycoris Ruan dịch. - H. : Dân trí. - 21 cm. - 174500đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Trung: 逐夏

- T.2. - 2025. - 438 tr. s625236
2621. Mộc Tô Lý. Ai đó : 18+ / Mộc Tô Lý ; Payu dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 189000đ. - 2000b  
 Tên sách tiếng Trung: 某某  
 T.2. - 2026. - 448 tr. : tranh vẽ s626118
2622. Một ngày đi công viên : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 3 - 6 tuổi / Bùi Thị Ánh Tuyết. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 15 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 8000đ. - 1000b s624035
2623. 100 đề minh họa tốt nghiệp THPT 2026 môn Ngữ văn : Chuẩn định dạng, cấu trúc, ma trận bài thi Ngữ văn Kỳ thi Tốt nghiệp Trung học phổ thông theo Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018... / Dung Vũ (ch.b.), Khánh Huyền. - H. : Dân trí, 2025. - 270 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Sách ID - Một cuộc cách mạng Sách). - 200000đ. - 10000b s624013
2624. 100 đề thực chiến ôn thi "chuyên cấp" vào 10 môn Ngữ văn : Dùng tham khảo cho giáo viên, phụ huynh, học sinh lớp 9 ôn thi Ngữ văn vào lớp 10. - H. : Văn học, 2025. - 363 tr. : bảng ; 24 cm. - (Học Văn bằng công thức). - 359000đ. - 2000b s623697
2625. 125 đoạn văn nghị luận xã hội chọn lọc : Dành cho học sinh THCS và THPT / Lê Mai Phương. - Tái bản lần 3, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 310 tr. : bảng ; 24 cm. - 196000đ. - 500b s625313
2626. 180 câu chuyện trí tuệ dành cho thiếu nhi : Truyện kể / Vũ Bội Tuyền s.t., kể. - H. : Tri thức, 2026. - 279 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện). - 108000đ. - 1500b s625781
2627. Mục đồng : Tuyển tập thơ văn / Mạc Tường, Châu Sơn, Trần Thị Tuyết Trinh... ; B.s.: Lê Quang Thạch (ch.b.)... - H. : Hồng Đức. - 24 cm. - 35000đ. - 2000b  
 T.36: Tình yêu đáp lại tình yêu. - 2025. - 116 tr. : ảnh s626094
2628. Naipaul, V. S. Bí ẩn của sự đến / V. S. Naipaul ; Đức Anh dịch. - H. : Văn học, 2025. - 586 tr. ; 21 cm. - 316000đ. - 1500b  
 Tên thật tác giả: Vidiadhar Surajprasad Naipaul. - Tên sách tiếng Anh: The enigma of arrival s623653
2629. Nào cùng rung rinh = Let's all wiggle! : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho trẻ từ 0 - 6 tuổi / Mina T. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Nuôi dưỡng tâm hồn cho bé - Ehon phong cách Nhật Bản). - 39000đ. - 3000b s626139
2630. 50 đề minh họa thi vào 10 môn Ngữ văn : Theo cấu trúc đề của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội / Phạm Thu Trang, Nguyễn Thị Minh Dương, Nguyễn Thị Phương Lan. - H. : Dân trí, 2025. - 243 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Sách ID - Một cuộc cách mạng Sách). - 200000đ. - 5000b s624701
2631. 50 năm nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn (1975 - 2025) / Bùi Minh Đức, Lê Thị Thu Hiền, Đỗ Thị Thu Hương... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 527 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 219b  
 ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Khoa Ngữ văn. - Thư mục cuối mỗi bài s624573
2632. Nâng cao tư duy phản biện trong văn nghị luận xã hội : Hỗ trợ ôn thi học sinh giỏi môn Ngữ văn cấp tỉnh/ thành phố/ quốc gia; Olympic và tuyển sinh THPT / Nguyễn Phương Uyên. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 242 tr. ; 20 cm. - 105000đ. - 2000b s625893
2633. Ngân Giang. Lấp lánh sông Ngân : Thơ / Ngân Giang. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 239 tr. ; 21 cm. - 1450b s626215

2634. Nghiêm Tuyết Giới. Chuyến tàu đêm ý mộng : Tiểu thuyết / Nghiêm Tuyết Giới ; Hana Nguyễn dịch. - H. : Văn học. - 24 cm. - 258000đ. - 2000b  
 Tên sách tiếng Trung: 梦河夜航  
 T.1. - 2025. - 555 tr. s623692
2635. Nghiêm Tuyết Giới. Chuyến tàu đêm ý mộng : Tiểu thuyết / Nghiêm Tuyết Giới ; Hana Nguyễn dịch. - H. : Văn học. - 24 cm. - 248000đ. - 2000b  
 Tên sách tiếng Trung: 梦河夜航  
 T.2. - 2025. - 531 tr. s623693
2636. Ngô Bình. Gió trắng đêm sông / Ngô Bình, Nghiêm Thành. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 109 tr. : ảnh ; 21 cm. - 499000đ. - 300b s626159
2637. Ngô Hoài Chung. Đồng vọng : Thơ / Ngô Hoài Chung. - H. : Văn học, 2025. - 151 tr. : hình vẽ ; 23 cm. - 100000đ. - 1000b s623678
2638. Ngô Huy Cận. Nhìn lại những thu xanh : Hồi ký / Ngô Huy Cận, Trần Lưu Vân Hiền. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 207 tr. : ảnh ; 21 cm. - 100000đ. - 3000b  
 Phụ lục: tr. 199-207 s625894
2639. Ngô Tất Tố. Tắt đèn / Ngô Tất Tố. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 155 tr. ; 21 cm. - (Danh tác Việt Nam). - 45000đ. - 1000b s623618
2640. Ngô Thảo. Bốn nhà văn nhà số 4: Nguyễn Thi, Nguyễn Khải, Nguyễn Minh Châu, Thu Bồn : Tư liệu văn học / Ngô Thảo. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 407 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 21 cm. - 1450b s625424
2641. Ngô Trí Dũng. Phụ tử chung vắn : Thơ / Ngô Trí Dũng, Ngô Trí Hồng. - H. : Văn học, 2026. - 119 tr. ; 21 cm. - 90000đ. - 200b s623710
2642. Ngôi nhà mặt trời mọc : Truyện tranh : Dành cho 18+ / Jeong Seokchan ; Haneul dịch. - H. : Dân trí. - 21 cm. - 179000đ. - 2000b  
 Tên sách tiếng Hàn: 해뜨는 집  
 T.1. - 2025. - 233 tr. : tranh vẽ s625223
2643. Nguyên Hà. Soi vào mắt cò : Thơ / Nguyên Hà. - H. : Văn học, 2025. - 143 tr. ; 21 cm. - 75000đ. - 1000b  
 Tên thật tác giả: Hà Nguyên Cát s623625
2644. Nguyễn Bảo. Thượng Đức : Tiểu thuyết / Nguyễn Bảo. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 518 tr. ; 21 cm. - 1450b  
 Tên thật tác giả: Nguyễn Ngọc Bảo s625417
2645. Nguyễn Bảo. Tuyển tập thơ chữ Hán Nguyễn Bảo / Nguyễn Diệu Huyền. - H. : Văn học, 2025. - 318 tr. ; 24 cm. - 180000đ. - 100b  
 Thư mục: tr. 312-318 s623715
2646. Nguyễn Bích Lan. Không gục ngã : Tự truyện / Nguyễn Bích Lan. - Tái bản lần thứ 13. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 299 tr. ; 21 cm. - 128000đ. - 2000b s626010
2647. Nguyễn Diệu Linh. Giáo trình Văn học đương đại Việt Nam từ góc nhìn tương tác thể loại / Nguyễn Diệu Linh (ch.b.), Bùi Linh Huệ, Vũ Thị Lanh. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 226 tr. ; 24 cm. - 159000đ. - 200b  
 Thư mục: tr. 222-226 s625840

2648. Nguyễn Du. Truyện Kiều hội bản / Nguyễn Du ; B.s.: Dương Trung Dũng, Nguyễn Tài Linh ; Phiên âm, dịch chú: Hoàng Ngọc Cương, Nguyễn Đức Bá. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 321 tr. : hình vẽ, bảng ; 25 cm. - 299000đ. - 1500b s626135
2649. Nguyễn Duy. Ánh trăng cát trắng - Mẹ và em : Thơ / Nguyễn Duy. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 207 tr. ; 21 cm. - 1450b s626219
2650. Nguyễn Duy Ngọc. Máu cô vật : Tiểu thuyết trinh thám / Nguyễn Duy Ngọc. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 263 tr. ; 21 cm. - 1000b s625287
2651. Nguyễn Đức Bá. Gió từ dòng sông lặng lẽ : Thơ / Nguyễn Đức Bá. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 103 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 1000b s625426
2652. Nguyễn Đức Hạnh. Sóng dưới đáy sâu : Truyện ngắn - Trường ca / Nguyễn Đức Hạnh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 382 tr. ; 21 cm. - 1450b s625421
2653. Nguyễn Đức Tùng. Dẫn con... : Thơ / Nguyễn Đức Tùng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2026. - 311 tr. : ảnh ; 21 cm. - 215000đ. - 1000b s625408
2654. Nguyễn Hồng Vinh. Hoa nắng : Thơ / Nguyễn Hồng Vinh. - H. : Hội Nhà văn, 2025. - 295 tr. : ảnh ; 20 cm. - 1450b  
Tên thật tác giả: Nguyễn Duy Lự s625221
2655. Nguyễn Hữu Đích. Vạt nắng cuối chiều : Thơ / Nguyễn Hữu Đích. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 186 tr. ; 21 cm. - 95000đ. - 500b s625409
2656. Nguyễn Hữu Quý. Hạ thủy những giấc mơ : Thơ - Trường ca / Nguyễn Hữu Quý. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 639 tr. ; 21 cm. - 1450b s625415
2657. Nguyễn Hữu Tiến. Quê tôi : Thơ / Nguyễn Hữu Tiến. - H. : Văn hóa dân tộc, 2025. - 68 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 21 cm. - 72000đ. - 300b s625695
2658. Nguyễn Khánh Toàn. Con Hồng cháu lạc : Truyện thơ lịch sử / Nguyễn Khánh Toàn. - H. : Văn học. - 21 cm. - 250000đ. - 1000b  
Ph.6. - 2025. - 280 tr. - Thư mục cuối chính văn s623675
2659. Nguyễn Khắc Ngân Vi. Đàn ba hư ảo : Tiểu thuyết / Nguyễn Khắc Ngân Vi. - Tái bản có bổ sung. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 301 tr. ; 21 cm. - 155000đ. - 2000b s625877
2660. Nguyễn Khắc Phê. Cây đời mãi xanh trên trang sách : Tập bình văn & ghi chép (Tuyển tập các bài viết 2023 - 2025) / Nguyễn Khắc Phê. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 319 tr., 8 tr. ảnh màu : ảnh ; 21 cm. - 180000đ. - 300b s625437
2661. Nguyễn Linh Giang. Miền Ô Châu : Tản văn / Nguyễn Linh Giang. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 213 tr. ; 20 cm. - 95000đ. - 1000b s625864
2662. Nguyễn Long. Đất nước là quê hương : Thơ / Nguyễn Long. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 236 tr. ; 21 cm. - 105000đ. - 300b s625402
2663. Nguyễn Minh Khiêm. Công làng : Bút ký / Nguyễn Minh Khiêm. - H. : Văn học, 2025. - 303 tr. ; 21 cm. - 199000đ. - 1000b s623650
2664. Nguyễn Ngọc Thuần. Vẻ đẹp của kẻ chán chường : Bán tự truyện / Nguyễn Ngọc Thuần. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 163 tr. ; 21 cm. - 152000đ. - 1000b s625429
2665. Nguyễn Nhật Ánh. Bỏ câu không đưa thư : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 58. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 178 tr. ; 20 cm. - 95000đ. - 3000b s624231

2666. Nguyễn Nhật Ánh. Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ : Truyện / Nguyễn Nhật Ánh ; Minh họa: Đỗ Hoàng Tường. - In lần thứ 83. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 207 tr. ; 20 cm. - 90000đ. - 5000b s625488

2667. Nguyễn Nhật Ánh. Chúc một ngày tốt lành : Truyện / Nguyễn Nhật Ánh ; Minh họa: Đỗ Hoàng Tường. - In lần thứ 27. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 282 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 125000đ. - 3000b s625487

2668. Nguyễn Nhật Ánh. Có hai con mèo ngồi bên cửa sổ / Nguyễn Nhật Ánh ; Minh họa: Đỗ Hoàng Tường. - In lần thứ 51. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 208 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 100000đ. - 3000b s625494

2669. Nguyễn Nhật Ánh. Con chó nhỏ mang giỏ hoa hồng : Truyện / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 23. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 251 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 95000đ. - 3000b s624232

2670. Nguyễn Nhật Ánh. Còn chút gì để nhớ : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 67. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 219 tr. ; 15 cm. - 43000đ. - 3000b s625480

2671. Nguyễn Nhật Ánh. Cô gái đến từ hôm qua : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 70. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 221 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 85000đ. - 3000b s623812

2672. Nguyễn Nhật Ánh. Crying in trees / Nguyễn Nhật Ánh ; Transl.: Nhã Thuyên, Kaitlin Rees ; Ill.: Đỗ Hoàng Tường. - 3rd ed. - Ho Chi Minh City : Tre Publ., 2025. - 350 p. : pic. ; 20 cm. - 210000đ. - 1000 copies

Title in Vietnamese: Ngồi khóc trên cây s625069

2673. Nguyễn Nhật Ánh. Đảo mộng mơ : Truyện / Nguyễn Nhật Ánh ; Minh họa: Đỗ Hoàng Tường. - Tái bản lần thứ 38. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 254 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 75000đ. - 3000b s625493

2674. Nguyễn Nhật Ánh. Đi qua hoa cúc : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 52. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 236 tr. ; 15 cm. - 40000đ. - 3000b s625482

2675. Nguyễn Nhật Ánh. Hạ đỏ : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 67. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 181 tr. ; 15 cm. - 38000đ. - 3000b s625481

2676. Nguyễn Nhật Ánh. Hạ đỏ : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 68. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 183 tr. ; 20 cm. - 95000đ. - 3000b s625489

2677. Nguyễn Nhật Ánh. Have a good day / Nguyễn Nhật Ánh ; Transl.: Nhã Thuyên, Kaitlin Rees ; Ill.: Đỗ Hoàng Tường. - 3rd ed. - Ho Chi Minh City : Tre Publ., 2025. - 275 p. : pic. ; 20 cm. - 190000đ. - 1000 copies

Title in Vietnamese: Chúc một ngày tốt lành s625068

2678. Nguyễn Nhật Ánh. I see yellow flowers in the green grass / Nguyễn Nhật Ánh ; Transl.: Nhã Thuyên, Kaitlin Rees ; Ill.: Đỗ Hoàng Tường. - 6th ed. - Ho Chi Minh City : Tre Publ., 2026. - 375 p. : pic. ; 20 cm. - 270000đ. - 1000 copies

Title in Vietnamese: Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh s625070

2679. Nguyễn Nhật Ánh. Ngồi khóc trên cây : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh ; Minh họa: Đỗ Hoàng Tường. - In lần thứ 38. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 341 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 130000đ. - 3000b s625491

2680. Nguyễn Nhật Ánh. Nữ sinh : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 54. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 163 tr. ; 20 cm. - 85000đ. - 3000b s625490

2681. Nguyễn Nhật Ánh. Thiên thần nhỏ của tôi : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 59. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 134 tr. ; 20 cm. - 80000đ. - 3000b s624230
2682. Nguyễn Nhật Ánh. Thương nhớ Trà Long : Tập văn / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 23. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 211 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 78000đ. - 3000b s623801
2683. Nguyễn Nhật Ánh. Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 56. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 375 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 150000đ. - 5000b s625492
2684. Nguyễn Phát. Đòi hoa - Đòi cây - Đòi người / Nguyễn Phát. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2026. - 60 tr. ; 21 cm. - 520b s625828
2685. Nguyễn Phát. Viết tiếp vần thơ / Nguyễn Phát. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2026. - 72 tr. : ảnh ; 21 cm. - 420b s625230
2686. Nguyễn Quang Lập. Chuyện sót lại ở thung lũng Chóp Ri : Truyện ngắn / Nguyễn Quang Lập. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 575 tr. ; 21 cm. - 1450b s625414
2687. Nguyễn Thị Bích Nga. Các vị thần tiên và hoa trái / Nguyễn Thị Bích Nga ; Vẽ: Khánh Thiện. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 85 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - (Những câu chuyện thần tiên bốn mùa). - 65000đ. - 1500b s625476
2688. Nguyễn Thị Bích Nga. Các vị thần tiên và vạn vật / Nguyễn Thị Bích Nga ; Vẽ: Khánh Thiện. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 93 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - (Những câu chuyện thần tiên bốn mùa). - 65000đ. - 1500b s625475
2689. Nguyễn Thị Kim Hòa. Bầy người cười khòì : Tập truyện ngắn / Nguyễn Thị Kim Hòa. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 207 tr. ; 21 cm. - 92000đ. - 1200b s625873
2690. Nguyễn Thị Mỹ Dung. Duyên cầm bút : Cảm nhận của độc giả về văn & thơ Nguyễn Thị Mỹ Dung (1965 - 2025) / Nguyễn Thị Mỹ Dung. - H. : Văn học, 2025. - 365 tr. : ảnh ; 21 cm. - 235000đ. - 500b s623630
2691. Nguyễn Thị Ngọc Hà. Ranh giới : Tiểu thuyết / Nguyễn Thị Ngọc Hà. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 143 tr. ; 21 cm. - 1000b s626234
2692. Nguyễn Thị Phương Anh. Ngàn sao lấp lánh : Thơ Haiku Việt / Nguyễn Thị Phương Anh. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 74 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 86000đ. - 1000b s625855
2693. Nguyễn Thị Thanh Tâm. Cảm quan thời gian - không gian trong thơ Nôm Nguyễn Khuyến / Nguyễn Thị Thanh Tâm. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 112 tr. ; 24 cm. - 85000đ. - 299b s626205
2694. Nguyễn Tiến Nền. Những gương mặt chữ : Chân dung văn học / Nguyễn Tiến Nền. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 213 tr. : ảnh ; 21 cm. - 180000đ. - 500b s625434
2695. Nguyễn Trần Bạt. Nguyễn Trần Bạt - Tác phẩm chọn lọc : Đối thoại - Tản văn - Tiểu luận. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 1450b  
T.1. - 2025. - 782 tr. s626246
2696. Nguyễn Trần Bạt. Nguyễn Trần Bạt - Tác phẩm chọn lọc : Đối thoại - Tản văn - Tiểu luận. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 1450b  
T.2. - 2025. - 822 tr. s626247
2697. Nguyễn Trần Bạt. Nguyễn Trần Bạt - Tác phẩm chọn lọc : Đối thoại - Tản văn - Tiểu luận. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 1450b  
T.3. - 2025. - 775 tr. s626248

2698. Nguyễn TrầnBAT. Nguyễn TrầnBAT - Tác phẩm chọn lọc : Đối thoại - Tản văn - Tiểu luận. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 1450b  
T.4. - 2025. - 791 tr. s626249
2699. Nguyễn Trần Thiết. Ông tướng tình báo và hai bà vợ / Nguyễn Trần Thiết. - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2025. - 276 tr. ; 24 cm. - 195000đ. - 500b s624250
2700. Nguyễn Văn Hiên. Tuổi thần tiên : Truyện ký / Nguyễn Văn Hiên. - H. : Văn học, 2025. - 110 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 1000b s623655
2701. Nguyễn Việt Chiến. Tổ quốc là tiếng mẹ : Thơ - Trường ca / Nguyễn Việt Chiến. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 671 tr. : ảnh ; 21 cm. - 1450b s626238
2702. Ngữ liệu đọc hiểu mở rộng Ngữ văn 7 / Bùi Thị Đào, Trương Thị Trang. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 282 tr. : bảng ; 24 cm. - 186000đ. - 1000b s626344
2703. Ngữ văn 6 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ngân Hoa (ch.b.), Nguyễn Linh Chi... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 19000đ. - 205000b  
T.1. - 2025. - 135 tr. : minh họa s624978
2704. Ngữ văn 6 - Đề ôn luyện và kiểm tra : Theo CT 2018 - Dùng chung cho 3 bộ SGK : Dùng ngữ liệu ngoài SGK / Đào Phương Huệ (ch.b.), Trần Thị Thành, Nguyễn Thị Thúy Hồng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 199 tr. : minh họa ; 27 cm. - 116000đ. - 2000b s624044
2705. Ngữ văn 7 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18400đ. - 205000b  
T.1. - 2025. - 139 tr. : minh họa s624979
2706. Ngữ văn 9 - Ngữ liệu đọc hiểu mở rộng : Dùng cho HS, GV dạy - học 3 bộ SGK Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Đào Phương Huệ (ch.b.), Trần Thị Thành, Nguyễn Thị Thúy Hồng, Bùi Thị Trang. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 207 tr. : minh họa ; 27 cm. - 116000đ. - 2000b s624045
2707. Ngữ văn 10 / Nguyễn Thành Thi (ch.b.), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 16900đ. - 234000b  
T.2. - 2025. - 124 tr. : minh họa s624940
2708. Ngữ văn 11 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Phan Huy Dũng (ch.b.), Trần Ngọc Hiếu... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 22000đ. - 140000b  
T.1. - 2025. - 163 tr. : minh họa s624980
2709. Ngữ văn 12 / Bùi Mạnh Hùng (tổng ch.b.), Phan Huy Dũng (ch.b.), Nguyễn Thị Diệu Linh... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 22000đ. - 155000b  
T.1. - 2025. - 167 tr. : minh họa s624981
2710. Ngữ văn 12 - Ôn luyện đề và kiểm tra : Dùng ngữ liệu ngoài SGK : Theo Chương trình 2018 : Dùng chung cho 3 bộ SGK... / Đào Phương Huệ (ch.b.), Nguyễn Thị Thúy Hồng, Trần Thị Kim Hạnh. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 203 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 116000đ. - 2000b s624037
2711. Ngữ văn 12 - Phương pháp đọc hiểu và viết dùng ngữ liệu ngoài SGK : Theo Chương trình 2018 : Dùng chung cho 3 bộ SGK... / Đào Phương Huệ (ch.b.), Nguyễn Thị Thúy

Hồng, Trần Thị Kim Hạnh. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 279 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 146000đ. - 3000b s624036

2712. Ngựa vằn học yêu điều khác biệt : Truyện tranh : Dành cho độ tuổi 3+ / Noodle Juice ; Nhã Nam dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Em học những điều hay). - 20000đ. - 2000b s624216

2713. Nhím con đi siêu thị : Truyện tranh : 1 - 3 tuổi. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 7 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Hành trình đầu đời). - 600b s625989

2714. Nhím con vào lớp một : Truyện tranh : Dành cho trẻ 3 - 7 tuổi / Heidi Howarth, Daniel Howarth ; Thu Nga dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Storytime - Truyện hay rèn luyện kỹ năng). - 31000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Anh: Little hedgehog's big day s624317

2715. Nhỏ củ cải : Truyện tranh / Minh Long b.s. - Tái bản lần thứ 13. - H. : Văn học, 2025. - 16 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Truyện tranh tuổi thần tiên). - 15000đ. - 3000b s623889

2716. Những cái ôm dành cho gấu con / Stephanie Moss ; Minh họa: Claudia Ranucci ; Yên Thu dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 21 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Ehon Châu Âu). - 35000đ. - 2000b s626008

2717. Những câu chuyện về dòng sông : Truyện tranh / Sáng tác, minh họa: Trọng Hiếu, Hoàng Long. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 29 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Những câu chuyện kể hoài không hết). - 59000đ. - 1000b s625997

2718. Những câu chuyện về rồng và phù thủy : Truyện tranh / Sáng tác, minh họa: Hoàng Phúc, Lê Khanh. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 52 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Những câu chuyện kể hoài không hết). - 69000đ. - 1000b s626017

2719. NMH. Một ngày là một đời : Ghi chép / NMH. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 272 tr. ; 23 cm. - 166b s624236

2720. Ôn tập thi vào lớp 10 môn Ngữ văn năm học 2026 - 2027 : Theo Chương trình GDPT 2018 / Nguyễn Thị Nương, Doãn Thị Đông, Nguyễn Thị Tuyết Mai. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 148 tr. : bảng ; 24 cm. - 45000đ. - 3000b s624397

2721. Ôn thi vào lớp 10 trung học phổ thông môn Ngữ văn : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Thị Bích Thủy, Phạm Thị Lệ Mỹ, Hà Thị Liên... - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 247 tr. ; 27 cm. - 69000đ. - 5000b s626532

2722. Park Hannah. Mỗi ngày 10 phút thì thầm với con / Park Hannah ; Minh họa: Darin ; Hà Hương dịch. - H. : Văn học, 2025. - 205 tr. : tranh màu ; 22 cm. - (Những câu chuyện thai giáo hay nhất thế giới). - 145000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Hàn: 하루 10분, 아가랑 소곤소곤; Tên sách tiếng Anh: 10 minutes a day, whispering with the baby s623805

2723. Phạm Ngọc Tiến. Đợi mặt trời - Kho báu của người điên : Truyện dài / Phạm Ngọc Tiến. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 230 tr. ; 21 cm. - 1450b s626221

2724. Phạm Ngọc Tiến. Tàn đen đóm đỏ. Về thời nguyên quán : Tiểu thuyết - Truyện ngắn / Phạm Ngọc Tiến. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 599 tr. ; 21 cm. - 1450b s626235

2725. Phạm Quang Long. Trưởng tộc : Tiểu thuyết / Phạm Quang Long. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 452 tr. ; 24 cm. - 209000đ. - 1200b s625946

2726. Phạm Thị Hải Yến. Hoa miền đá : Truyện thiếu nhi / Phạm Thị Hải Yến. - H. : Văn hóa dân tộc, 2025. - 88 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 99000đ. - 300b

Bút danh tác giả: Yên Thanh s625711

2727. Phạm Thị Như Thúy. Những vật liệu kiến tạo thể giới tượng trưng trong thơ Bích Khê : Chuyên luận / Phạm Thị Như Thúy. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 239 tr. ; 24 cm. - 199000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 133-135. Phụ lục: tr. 136-239 s625376

2728. Phạm Thị Thật. Tiếng Pháp và tôi : Kí ức một lương duyên / Phạm Thị Thật. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 222 tr. : ảnh ; 21 cm. - 150000đ. - 200b s625874

2729. Phạm Văn Tự. Khoảng lặng : Thơ / Phạm Văn Tự. - H. : Văn học, 2025. - 131 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 500b s623658

2730. Phạm Xuân Hiếu. Viên phi công và chiếc bát cổ : Truyện ngắn / Phạm Xuân Hiếu. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 358 tr. ; 21 cm. - 1450b s625422

2731. Phan. Biết ra sao ngày sau : Tự truyện chân thật của một họa sĩ truyện tranh / Phan. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 169 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 135000đ. - 2000b s625875

2732. Phan Đức Nhận. Xa và gần : Bút ký / Phan Đức Nhận. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 215 tr. ; 21 cm. - 1450b s626213

2733. Phan Hoàng. Theo dấu bụi vàng tích Việt : Ký / Phan Hoàng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 495 tr. : ảnh ; 21 cm. - 1450b

Tên thật tác giả: Phan Tấn Hùng s625419

2734. Phan Thị Thanh Nhân. Nhẫn cỏ : Thơ - Truyện ngắn / Phan Thị Thanh Nhân. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 191 tr. ; 21 cm. - 1450b s626214

2735. Phan Trung Nghĩa. Công tử Bạc Liêu - Sự thật và giai thoại / Phan Trung Nghĩa. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 141 tr. ; 20 cm. - 80000đ. - 2000b  
Thư mục: tr. 141 s625535

2736. Phan Văn Hào. Cánh rừng tuổi hai mươi : Bút ký / Phan Văn Hào. - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2026. - 290 tr. ; 21 cm. - 200b s625821

2737. Phan Văn Khoa. Mùa thu thương nhớ : Tiểu thuyết ngôn tình / Phan Văn Khoa. - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2025. - 322 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 300b s624248

2738. Phương Kazuki. Hồi ký kẻ ngoại lai - Ngai vàng trên vực thẳm / Phương Kazuki. - H. : Văn học, 2025. - 233 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 210000đ. - 500b s623633

2739. Phương Trà. Linh Sơn : Tiểu thuyết / Phương Trà. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 231 tr. ; 21 cm. - 1000b

Tên thật tác giả: Trịnh Thị Phương Trà s625278

2740. Quả bí ngô bé nhỏ / Suzanne Fossey ; Minh họa: Gisela Bohórquez ; Huyền Linh dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 19 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Câu chuyện tự nhiên). - 35000đ. - 2000b s626004

2741. Quán cơm tỳ hưu - Chỉ có vào không có ra : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Nguyên tác: Hải Kinh Lạc ; Minh họa: Cửu Ngao Ngao ; Đinh Thị Phất Lộc dịch. - H. : Dân trí. - 21 cm. - 262000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Trung: 捡到男鬼后脱单了

T.2. - 2025. - 238 tr. : tranh màu s625224

2742. Quỳnh Hương. Xuân gọi bầu trời nhuộm nắng / Quỳnh Hương ; Minh họa: Mía Studio. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 40 tr. ; 30 cm. - 189000đ. - 3000b s626395

2743. Quỳnh Lê. Hẹn mùa Tết ngọt / Quỳnh Lê ; Minh họa: Quyên Thái. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 120 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Bốn mùa lễ hội). - 139000đ. - 1000b s626185
2744. Remarque, Erich Maria. Ba người bạn : Tiểu thuyết / Erich Maria Remarque ; Vũ Hương Giang dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 527 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 1500b  
Dịch từ nguyên bản tiếng Đức: Drei kameraden s623790
2745. Rice, Craig. Đứng án / Craig Rice ; Hiếu Văn dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 333 tr. ; 21 cm. - 158000đ. - 1000b s625871
2746. Rice, Craig. Nhầm án / Craig Rice ; Hiếu Văn dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 335 tr. ; 21 cm. - 158000đ. - 1000b s625867
2747. Ridzén, Lisa. Khi đàn sếu bay về phương Nam / Lisa Ridzén ; Minh Khôi dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 343 tr. ; 21 cm. - 169000đ. - 2000b  
Giải thưởng Sách của năm - Thụy Điển s625880
2748. Rowell, Rainbow. Simon Snow 2 - Kẻ nổi loạn / Rainbow Rowell ; Thảo Hương dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 439 tr. ; 24 cm. - 279000đ. - 2000b s626125
2749. Rowling, J. K. Harry Potter và bảo bối tử thần 7 = Harry Potter and the deathly hallows / J. K. Rowling ; Dịch: Lý Lan, Hương Lan. - In lần thứ 41. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 846 tr. ; 20 cm. - (Harry Potter; T.7). - 285000đ. - 2000b s625498
2750. Rubik đa chiều - Chiến tranh trong văn học và điện ảnh Việt Nam : Chuyên khảo / Trịnh Đăng Nguyên Hương, Nguyễn Thị Năm Hoàng (ch.b.), Đỗ Hải Ninh... - H. : Văn học, 2025. - 335 tr. : ảnh ; 24 cm. - 198000đ. - 1000b  
Thư mục: tr. 315-325 s623684
2751. 60 đề minh họa thi vào 10 môn Ngữ văn / Hà Linh. - H. : Dân trí, 2025. - 207 tr. ; 27 cm. - (Sách ID - Một cuộc cách mạng Sách). - 200000đ. - 10000b s623973
2752. Sawako Natori. Tiệm sách thứ sáu: Vị mochi mùa xuân : 金曜日の本屋さん / Sawako Natori ; Tama Duy Ngọc dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 329 tr. ; 20 cm. - 155000đ. - 1500b s624197
2753. Sâu bướm bé nhỏ : Truyện tranh : Cùng khám phá câu chuyện tuyệt vời về thế giới tự nhiên / Suzanne Fossey ; Minh họa: Gisela Bohórquez ; Huyền Linh dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 21 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Câu chuyện tự nhiên). - 35000đ. - 2000b s626001
2754. Shaw, Bernard. Pygmalion / George Bernard Shaw ; Trần Tiến Cao Đăng dịch ; Minh họa: Đông Phong. - H. : Văn học, 2025. - 166 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Trăm năm Nobel). - 600000đ. - 599b  
Dịch từ bản tiếng Anh: Pygmalion s623706
2755. Shichiri Nakayama. Khúc ca chuộc tội / Shichiri Nakayama ; Ngọc Châu dịch. - H. : Dân trí, 2026. - 319 tr. ; 21 cm. - 159000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Nhật: 贖罪の奏鳴曲 s626314
2756. Shichiri Nakayama. Người ếch - Kẻ giết người hàng loạt : 18+ / Shichiri Nakayama ; Thùy Vân dịch. - Tái bản. - H. : Dân trí, 2026. - 333 tr. ; 21 cm. - 157000đ. - 2000b  
Dịch từ nguyên bản tiếng Nhật: 連続殺人鬼 カエル男 s626315
2757. Shin Kyung Sook. Hãy chăm sóc mẹ / Shin Kyung Sook ; Dịch: Lê Hiệp Lâm, Lê Nguyễn Lê. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 323 tr. ; 21 cm. - 126000đ. - 2000b  
Dịch từ nguyên bản tiếng Hàn Quốc: 엄마를 부탁해, có đối chiếu bản tiếng Anh: Please look after mom s623788

2758. Sholokhov, Mikhail Aleksandrovich. Sông Đông êm đềm = Тихий Дон / M. A. Sholokhov ; Thụy Ứng dịch. - H. : Văn học. - 24 cm. - 550000đ. - 1000b  
T.1. - 2025. - 695 tr. s623798
2759. Sholokhov, Mikhail Aleksandrovich. Sông Đông êm đềm = Тихий Дон / M. A. Sholokhov ; Thụy Ứng dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Văn học. - 24 cm. - 550000đ. - 1000b  
T.2. - 2025. - 795 tr. : ảnh s623799
2760. Shute, Nevil. Trần thị như Alice / Nevil Shute ; Nguyễn Mai Phương dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 447 tr. ; 24 cm. - 250000đ. - 1000b s625947
2761. Sienkiewicz, Henryk. Lão Bộc - Hania - Selim Mirza / Henryk Sienkiewicz ; Nguyễn Hữu Dũng dịch ; Minh họa: Triệu Yến Vy. - H. : Văn học, 2025. - 310 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Trăm năm Nobel - Bộ ba nhỏ). - 900000đ. - 599b s623705
2762. Sói xám đã biết xem giờ : Truyện tranh : Dành cho trẻ 3 - 7 tuổi / Jessica Barraha, Steve Smallman ; Thu Nga dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Storytime - Truyện hay rèn luyện kỹ năng). - 31000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Anh: What 's time, Wilfred wolf s624313
2763. Sổ tay Ngữ văn / Hà Thùy Linh. - H. : Dân trí. - 21 cm. - 99000đ. - 5000b  
T.2: Tư duy nghị luận văn học và 60 tác giả Việt Nam. - 2025. - 147 tr. : tranh vẽ s625229
2764. Spyri, Johanna. Heidi : Cuốn sách dành cho trẻ em và những ai yêu trẻ em / Johanna Spyri ; Nguyễn Bích Lan dịch. - In lần thứ 4. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 335 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Tủ sách Thiếu nhi kinh điển). - 118000đ. - 3000b s625860
2765. Stockett, Kathryn. Người giúp việc = The help / Kathryn Stockett ; Kim Ngọc dịch. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 771 tr. ; 20 cm. - 255000đ. - 1000b s624225
2766. Stowe, Harriet Beecher. Túp lều Bác Tom = Uncle Tom's cabin / Harriet Beecher Stowe ; Đỗ Đức Hiểu dịch. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Văn học, 2025. - 507 tr. ; 21 cm. - 158000đ. - 1000b s623769
2767. Syd Metrix. Dự án 0% : Tiểu thuyết 18+ / Syd Metrix. - H. : Văn học, 2025. - 711 tr. ; 23 cm. - 272000đ. - 300b s623714
2768. Tạ Duy Anh. Cổ tích mới : Truyện ngắn / Tạ Duy Anh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 591 tr. ; 21 cm. - 1450b s626237
2769. Tạ Duy Anh. Lão khổ. Đi tìm nhân vật. Thiên thần sám hối. Giã biệt bóng tối : Tiểu thuyết / Tạ Duy Anh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 687 tr. ; 21 cm. - 1450b s626233
2770. Tay xinh đâu nhỉ? : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 0 - 3 tuổi / Hayashi Akiko ; Trần Bảo Ngọc dịch. - Tái bản, in lần 12. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 14 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Ehon Nhật Bản). - 29000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Anh: Where's my hand? s625983
2771. Tất Thọ. Người hùng không cầm súng / Tất Thọ. - H. : Văn học. - 24 cm. - 497000đ. - 1000b  
Tên thật tác giả: Nguyễn Tất Thọ  
T.1: Tuyển tập kịch bản sân khấu. - 2025. - 425 tr. : ảnh s623698
2772. Tất Thọ. Người hùng không cầm súng / Tất Thọ. - H. : Văn học. - 24 cm. - 289000đ. - 1000b  
Tên thật tác giả: Nguyễn Tất Thọ  
T.2: Bầy đóa phong lan (Nhật ký Trường Sơn). - 2025. - 259 tr. : tranh vẽ s623699

2773. Tất Thọ. Người hùng không cầm súng / Tất Thọ. - H. : Văn học. - 24 cm. - 45000đ.  
- 1000b  
Tên thật tác giả: Nguyễn Tất Thọ  
T.3: Tuyển tập kịch ngắn. - 2025. - 409 tr. s623700
2774. Tất Thọ. Người hùng không cầm súng / Tất Thọ. - H. : Văn học. - 24 cm. - 285000đ.  
- 1000b  
Tên thật tác giả: Nguyễn Tất Thọ  
T.4: Tiểu luận phê bình. - 2025. - 217 tr. : ảnh s623701
2775. TchyA. Kho vàng Sầm Sơn : Tiểu thuyết truyền kỳ / TchyA. - H. : Văn học, 2026.  
- 263 tr. ; 21 cm. - 85000đ. - 1000b  
Tên thật tác giả: Đái Đức Tuấn s623634
2776. Tên lửa du hành vũ trụ = My rocket to space : Truyện tranh / Rana Anani ; Minh họa: Hoda Hadani ; Lê Hồ Lan Anh dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 27 tr. : tranh màu ; 28 cm. - 58000đ. - 3000b s626540
2777. Tết - Mùa của yêu thương : Truyện tranh : Dành cho độ tuổi 6+ / Nguyễn Hạnh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 39 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Kể chuyện lễ hội). - 40000đ. - 2000b s625477
2778. Thạch Lam. Gió lạnh đầu mùa : Tập truyện ngắn / Thạch Lam. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Văn học, 2025. - 218 tr. ; 18 cm. - 56000đ. - 2000b  
Tên thật tác giả: Nguyễn Tường Lân s623751
2779. Thạch Lam. Thạch Lam tuyển tập. - H. : Văn học, 2025. - 502 tr. ; 21 cm. - (Danh tác Việt Nam). - 136000đ. - 1000b s623661
2780. Thái Bá Lợi. Bán đảo. Khê ma ma. Minh sư. Thung lũng thử thách : Truyện vừa - Tiểu thuyết / Thái Bá Lợi. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 718 tr. ; 21 cm. - 1450b s626236
2781. Thái Bá Lợi. Hai người trở lại trung đoàn : Truyện vừa - Bút ký / Thái Bá Lợi. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 455 tr. : ảnh ; 21 cm. - 1450b s626241
2782. Thái Bá Lợi. Họ cùng thời với những ai. Trùng tu. Thử thách còn lại : Tiểu thuyết / Thái Bá Lợi. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 591 tr. : ảnh ; 21 cm. - 1450b s626240
2783. Thái Hậu Quy Lai. Anh đứng giữa ngàn hoa hạ rực rỡ : Tiểu thuyết / Thái Hậu Quy Lai ; Celia Nguyễn dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 423 tr. ; 24 cm. - 198000đ. - 1000b  
Tên sách tiếng Trung: 他站在夏花绚烂里 s625954
2784. Thang Tố Lan. Chạy theo trái tim xanh : Truyện thiếu nhi 6 - 15 / Thang Tố Lan ; Hân Vũ dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2024. - 239 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 148000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Trung: 奔向绿心 s625907
2785. Thanh Tâm Tài Tử. Kim Vân Kiều : Tiểu thuyết chương hồi / Thanh Tâm Tài Tử ; Tô Nam Nguyễn Đình Diệm dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 451 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 238000đ. - 1500b s625653
2786. Thảo Nguyên. Thế giới bạo tàn của những giấc mơ / Thảo Nguyên. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 363 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 97000đ. - 500b  
Tên thật tác giả: Dương Thị Thảo Nguyên s625896
2787. Thế Bảo. Thơ phổ nhạc, nhạc phổ thơ / Thế Bảo. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 174 tr. : ảnh ; 21 cm. - 189000đ. - 300b

Thư mục: tr. 173-174 s624189

2788. Thiên Chương. Con gái địa chủ / Thiên Chương. - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2025. - 576 tr. ; 24 cm. - 219000đ. - 2000b s624252

2789. Thiên Hạ Bá Xương. Thôi Lão Đạo bắt yêu - Ban đêm xông vào mộ Đổng Phi / Thiên Hạ Bá Xương ; Jessica Lee dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 463 tr. ; 21 cm. - 270000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 崔老道捉妖 s625884

2790. Thiên Hạ Bá Xương. Thôi Lão Đạo truyền kỳ - Ba lần thăm Động Không Đáy / Thiên Hạ Bá Xương ; Jessica Lee dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 463 tr. ; 21 cm. - 269000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 崔老道传奇: 三探无底洞 s625885

2791. Thiên Mỹ. Ngẩng mặt thấy trời xanh : Tiểu thuyết / Thiên Mỹ. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 191 tr. ; 21 cm. - 159000đ. - 500b

Tên thật tác giả: Nguyễn Nga s625878

2792. Thiện Lạc. Ngộ : Thơ / Thiện Lạc. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2026. - 99 tr. ; 21 cm. - 68000đ. - 200b

Tên thật tác giả: Trần Quốc Thường s623780

2793. Thilliez, Franck. Hạt tử thần / Franck Thilliez ; Quế Lan dịch. - H. : Văn học, 2025. - 560 tr. ; 24 cm. - 295000đ. - 3000b s623688

2794. Thỏ Trắng (Minh Huỳnh). Tình yêu không cỏ tích : Truyện dài / Thỏ Trắng (Minh Huỳnh). - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 198 tr. : ảnh màu ; 21 cm. - 155000đ. - 1000b

Tên thật tác giả: Huỳnh Nguyễn Ngọc Minh s625924

2795. Thơ : Tập nói, tập đọc cho bé 0 - 6 tuổi / Tiên Phong Books b.s. - H. : Tri thức, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Bộ sách Tranh Tư duy, phát triển ngôn ngữ). - 25000đ. - 10000b s625810

2796. Thơ Đường luật Đà Nẵng VIII / Nguyễn Thị Bảy, Đỗ Thanh Bình, Phan Thanh Bón... - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 390 tr. : ảnh ; 21 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Chi hội Thơ Đường luật Đà Nẵng s625435

2797. Thơ Tết dành cho thiếu nhi / Tú Mỡ, Khánh Phương, Dạ Thế Nhân... ; Tuệ An b.s., tuyển chọn ; Minh họa: Thụy Lê. - H. : Văn học, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 52000đ. - 5000b s623743

2798. Thơ về miền Hương Ngự : Thơ / Hà Thị Thủy Ngân, Phạm Như Tý, Trần Đức Cường... - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 403 tr. : ảnh ; 21 cm. - 150000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Hội thơ xứ Huế s625436

2799. Thơ xuân Bình Ngô 2026 / Lê Đình Von, Tô Xuân Bằng, Đoàn Kiềm... - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2026. - 96 tr. ; 21 cm. - 300b s625829

2800. The three little pigs / Sophia Yang ; Ill.: Wing Hsu. - H. : Thế giới, 2025. - 47 p. : color pic. ; 22x23 cm. - (Live & learn series). - 310000đ. - 5000 copies s625047

2801. Thụy Anh. Mất trố : Truyện dài / Thụy Anh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 79 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - 67000đ. - 1500b s625471

2802. Thực chiến đề thi HSA định tính Văn học / Hà Thị Kim Phượng, Trần Thị Hoài Thanh. - H. : Tri thức, 2026. - 211 tr. ; 27 cm. - 3000b s626382

2803. Thương Thái Vi. Bến xe : Tiểu thuyết / Thương Thái Vi ; Greenrosetq dịch. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Văn học, 2025. - 283 tr. ; 21 cm. - 76000đ. - 1000b  
 Tên sách tiếng Trung: 车站 s623761
2804. Tô Nhuận Vỹ. Dòng sông phẳng lặng : Tiểu thuyết / Tô Nhuận Vỹ. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 1450b  
 T.1. - 2025. - 311 tr. s626227
2805. Tô Nhuận Vỹ. Dòng sông phẳng lặng : Tiểu thuyết / Tô Nhuận Vỹ. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 1450b  
 T.2. - 2025. - 383 tr. s626228
2806. Tôi hẹn gặp mình sau chuyến phiêu lưu : Sách rèn kỹ năng làm bài Nghị luận xã hội cho học sinh THCS - THPT / Sương Mai. - H. : Dân trí, 2025. - 269 tr. : minh họa ; 24 cm. - 400000đ. - 10000b  
 Tên thật tác giả: Hoàng Thị Kim Hậu Phúc s625239
2807. Tôn Thất Huyền. Vượt cạn : Truyện thơ lục bát / Tôn Thất Huyền. - H. : Tri thức, 2026. - 125 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 21 cm. - 120000đ. - 1000b s625790
2808. Tống Ngọc. Gương kia ngự ở trên tường / Tống Ngọc. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 279 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 175000đ. - 1500b s625910
2809. Tống Ngọc Hân. Người lạ cùng huyết thống : Tiểu thuyết / Tống Ngọc Hân. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 375 tr. ; 21 cm. - 1000b s625292
2810. Trái cây đại chiến Zombie - Thế giới khủng long : Truyện tranh : 3+ / Truyện, tranh: Tiểu Giang Nam ; Hương Hương dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 89000đ. - 1000b  
 T.3: Trận chiến xuyên thời gian. - 2025. - 173 tr. : tranh màu s625962
2811. Trái cây đại chiến Zombie - Thế giới khủng long : Truyện tranh : 3+ / Truyện, tranh: Tiểu Giang Nam ; Hương Hương dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 89000đ. - 1000b  
 T.4: Bay về kỷ Jura. - 2025. - 173 tr. : tranh màu s625963
2812. Trái cây đại chiến Zombie - Thế giới khủng long : Truyện tranh : 3+ / Truyện, tranh: Tiểu Giang Nam ; Hương Hương dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 89000đ. - 1000b  
 T.5: Khủng long và tòa thành vàng. - 2025. - 173 tr. : tranh màu s625964
2813. Trái cây đại chiến Zombie - Thế giới khủng long : Truyện tranh : 3+ / Truyện, tranh: Tiểu Giang Nam ; Minh Thúy dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 89000đ. - 1000b  
 T.11: Thợ săn đáy biển. - 2025. - 173 tr. : tranh màu s625965
2814. Trái cây đại chiến Zombie - Thế giới khủng long : Truyện tranh : 3+ / Truyện, tranh: Tiểu Giang Nam ; Hương Hương dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 89000đ. - 1000b  
 T.12: Quả khủng long thần kỳ. - 2025. - 173 tr. : tranh màu s625966
2815. Trái cây đại chiến Zombie - Thế giới robot : Truyện tranh : 3+ / Truyện, tranh: Tiểu Giang Nam ; Minh Thúy dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 95000đ. - 1000b  
 Tên sách tiếng Anh: Plants vs Zombies  
 T.3: Trận chiến siêu cấp. - 2025. - 153 tr. : tranh màu s625967
2816. Trái cây đại chiến Zombie - Thế giới robot : Truyện tranh : 3+ / Truyện, tranh: Tiểu Giang Nam ; Minh Thúy dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 95000đ. - 1000b  
 Tên sách tiếng Anh: Plants vs Zombies  
 T.4: Chiến tranh giữa các vì sao. - 2025. - 155 tr. : tranh màu s625968
2817. Trái cây đại chiến Zombie - Thế giới robot : Truyện tranh : 3+ / Truyện, tranh: Tiểu Giang Nam ; Minh Thúy dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 95000đ. - 1000b

- Tên sách tiếng Anh: Plants vs Zombies  
T.6: Thảm hiểm đảo thần bếp. - 2025. - 155 tr. : tranh màu s625969
2818. Trần Anh Thái. Đổ bóng xuống mặt trời & các trường ca khác : Trường ca / Trần Anh Thái. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 214 tr. : ảnh ; 21 cm. - 1450b s625425
2819. Trần Bảo Định. Nhịp thời gian / Trần Bảo Định ; Giới thiệu: Phùng Quang Thuận. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 243 tr. ; 20 cm. - 250000đ. - 500b s624187
2820. Trần Đại. Một thời để nhớ / Trần Đại. - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2025. - 555 tr. ; 21 cm. - 195000đ. - 200b s624254
2821. Trần Đắc Túc. Trần Đắc Túc: Truyện ngắn - Ký - Tản văn. - H. : Văn học, 2025. - 269 tr. ; 24 cm. - 150000đ. - 1000b s623695
2822. Trần Đình Nhân. Nhật nắng cuối chiều : Thơ / Trần Đình Nhân. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 106 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 1000b s625400
2823. Trần Đình Sử. Thi pháp Truyện Kiều / Trần Đình Sử. - H. : Đại học Sư phạm, 2026. - 469 tr. ; 24 cm. - 250000đ. - 500b  
Phụ lục: tr. 371-463 s625266
2824. Trần Khánh Toàn. Ngày mai trời lại sáng : Tiểu thuyết tư liệu / Trần Khánh Toàn. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 287 tr. ; 21 cm. - 1000b s625284
2825. Trần Lê Khánh. Lối vào cửa nắng : Tuyển tập thơ / Trần Lê Khánh. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 128 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 59000đ. - 2000b s624267
2826. Trần Nhật Lam. Đất tôi yêu : Thơ / Trần Nhật Lam. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 191 tr. ; 21 cm. - 1450b s626222
2827. Trần Thị Thắng. Những bức ký họa. Tháng không ngày. Cội rễ : Truyện ngắn - Tiểu thuyết / Trần Thị Thắng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 622 tr. ; 21 cm. - 1450b  
Các bút danh tác giả: Hoa Ngàn, Củ Chi s625413
2828. Trần Thùy Linh. Chuyện cây, chuyện đời : Tản văn về thiên nhiên / Trần Thùy Linh. - H. : Văn học, 2025. - 182 tr. ; 21 cm. - 98000đ. - 1000b s623623
2829. Trần Văn Trần. Một người rừng thông thái / Trần Văn Trần. - H. : Văn học, 2025. - 278 tr. ; 21 cm. - 119000đ. - 1000b s623662
2830. Trần Xuân Lộc. Cái gì đến thì nó đến : Tự truyện / Trần Xuân Lộc. - H. : Văn học, 2025. - 398 tr. ; 24 cm. - 300b s623685
2831. Trình Quang Phú. Người đi muôn trùng non nước : Truyện ký / Trình Quang Phú. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 615 tr. ; 21 cm. - 1000b  
Phụ lục: tr. 513-614 s624107
2832. Trịnh Lữ. Trịnh Lữ ghi chép. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 331 tr. : ảnh, tranh màu ; 23 cm. - 199000đ. - 1500b s626121
2833. Trịnh Ngọc Chính. Không đơn độc : Tiểu thuyết / Trịnh Ngọc Chính. - H. : Văn hóa dân tộc, 2025. - 168 tr. ; 20 cm. - 300b  
ĐTTS ghi: Hội Văn học nghệ thuật và Nhà báo tỉnh Lạng Sơn s625696
2834. Trúc Phương. Mẹ & đất nước và lưu dân : Trường ca / Trúc Phương. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 991 tr. ; 21 cm. - 1450b  
Tên thật tác giả: Nguyễn Minh Nghiệp s625412

2835. Truyện : Tập nói, tập đọc cho bé 0 - 6 tuổi / Tiên Phong Books b.s. - H. : Tri thức, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Bộ sách Tranh Tư duy, phát triển ngôn ngữ). - 25000đ. - 10000b s625811
2836. Truyện cho bé tập đọc : 5+ / Hải Minh b.s. ; Minh họa: T-Books. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 36 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 98000đ. - 3000b s625971
2837. Truyện tư duy hình ảnh cho bé : Những câu chuyện về yêu thương, chia sẻ : 3+ / Mai Hương b.s. ; Minh họa: T-Books. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 133 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 98000đ. - 3000b s625972
2838. Trước khi chúng ta ngộ lòng yêu nhau : Truyện tranh / Phan. - H. : Dân trí, 2025. - 132 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 139000đ. - 2500b s625245
2839. Trương Vân Ngọc. Phăng đờ / Trương Vân Ngọc. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 271 tr. ; 21 cm. - 1000b s625291
2840. Tuyển tập đề kiểm tra môn Ngữ văn 7 : Bồi dưỡng học sinh giỏi : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Kiều Bắc s.t., b.s. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 214 tr. : bảng ; 24 cm. - 98000đ. - 1500b s626366
2841. Tuyển tập văn thơ quê hương & bạn hữu : 2024 - 2025 / Vĩnh Anh, Phan Xuân Thiện, Vĩnh Hữu Tâm Không... - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2026. - 292 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 20 cm. - 200b s625823
2842. Tử Kim Trần. Đêm trường tăm tối / Tử Kim Trần ; Vũ Thị Hà dịch. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Văn học, 2025. - 431 tr. ; 21 cm. - 185000đ. - 1300b s623786
2843. Tự sự học - Từ kinh điển đến hậu kinh điển / Trần Đình Sử (ch.b.), Trần Ngọc Hiếu, Đỗ Văn Hiếu... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 527 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 285000đ. - 500b  
Thư mục: tr. 504-527 s624286
2844. Twain, Mark. Những cuộc phiêu lưu của Tom Sawyer : Tiểu thuyết / Mark Twain ; Ngụy Thanh Tuyên dịch. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Văn học, 2026. - 375 tr. ; 21 cm. - 89000đ. - 1500b  
Tên sách tiếng Anh: The adventures of Tom Sawyer s623782
2845. Văn học trào phúng Việt Nam (Từ thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XX) : Chuyên luận / Vũ Thanh (ch.b.), Đặng Thị Thái Hà, Mai Thị Thu Huyền, Nguyễn Trường Sinh. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 347 tr. ; 24 cm. - 150000đ. - 200b  
ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Văn học. - Thư mục: tr. 334-347 s625387
2846. Văn học trung đại Việt Nam / Lã Nhâm Thìn, Vũ Thanh (ch.b.), Đinh Thị Khang... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 24 cm. - 125000đ. - 700b  
T.2. - 2025. - 399 tr. - Thư mục cuối mỗi chương s624285
2847. Văn thơ Hán - Nôm về Thanh Hóa của các nho sĩ Việt Nam người tỉnh ngoài / Quốc Chấn b.s. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa. - 27 cm. - 922b  
T.1. - 2025. - 864 tr. s624020
2848. Vân Trạ. Anh đào hồ phách / Vân Trạ ; Giang Hạ dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 24 cm. - 275000đ. - 1000b  
Tên sách tiếng Trung: 櫻桃琥珀  
T.2. - 2025. - 554 tr. s625941

2849. Veeraporn Nitiprapha. Giun đất mù giữa mê cung / Veeraporn Nitiprapha ; Minh Quân dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 287 tr. ; 21 cm. - 159000đ. - 2000b  
Giải thưởng Văn học Đông Nam Á. - Tên sách tiếng Anh: The blind earthworm in the labyrinth s625886
2850. Vercel, Roger. Tàu cứu hộ / Roger Vercel ; Trần Thụy Hân dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 310 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 150000đ. - 1000b s625905
2851. Verne, Jules. Hai vạn dặm dưới biển / Jules Verne ; Đỗ Ca Sơn dịch. - H. : Văn học, 2025. - 463 tr. ; 19 cm. - (Sách kinh điển). - 169000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Pháp: Vingt mille lieues sous les mers s623763
2852. Verne, Jules. Hai vạn dặm dưới đáy biển / Jules Verne ; Đỗ Ca Sơn dịch. - Tái bản. - H. : Văn học, 2025. - 455 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 2000b s623774
2853. Vì sao nước suối bị ô nhiễm? : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 3 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Thanh Hoa. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 15 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Những truyện hay cho bé - Đề Trái Đất mãi tươi xanh). - 8000đ. - 1000b s623824
2854. Vĩ Ngự. Cú rời đất xanh / Vĩ Ngự ; Hạ Lan dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 320000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Trung: 泉起青壤  
T.1: Người nhà chó. - 2026. - 632 tr. s626117
2855. Vĩ Ngự. Xương rồng đốt rương / Vĩ Ngự ; Huyền Khur dịch. - H. : Văn học. - 21 cm. - 288000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Trung: 龙骨焚箱  
T.4. - 2025. - 538 tr. s623665
2856. Vịt con thoát nạn : Truyện tranh : Dành cho trẻ 3 - 7 tuổi / Malachy Doyle, Janet Samuel ; Thu Nga dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Storytime - Truyện hay rèn luyện kỹ năng). - 31000đ. - 2000b  
Tên sách tiếng Anh: Danny, the duck with no quack s624319
2857. Võ Chí Mỹ. Tản mạn với bạn bè / Võ Chí Mỹ. - H. : Văn học, 2025. - 313 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 500b s623646
2858. Võ Đăng Khoa. Tan vỡ ở La Vu : Tiểu thuyết / Võ Đăng Khoa. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 215 tr. ; 21 cm. - 1000b s625277
2859. Võ Thị Xuân Hà. Đoạn trường thảo : Truyện ngắn / Võ Thị Xuân Hà. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 527 tr. ; 21 cm. - 1450b  
Tên thật tác giả: Võ Xuân Hà s625416
2860. Voi con học cách thơm tho : Truyện tranh : Dành cho độ tuổi 3+ / Noodle Juice ; Nhã Nam dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Em học những điều hay). - 20000đ. - 2000b s624213
2861. Voi con và đôi giày bí ẩn : Truyện tranh : 1 - 3 tuổi. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 7 tr. : tranh màu ; 20 cm. - (Hành trình đầu đời). - 600b s625988
2862. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Ngữ văn 8 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Dương Tuấn Anh, Nguyễn Văn Thư (ch.b.), Đặng Thị Thu Hiền... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 49000đ. - 5000b  
T.2. - 2025. - 123 tr. : hình vẽ, bảng s624952

2863. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Ngữ văn 9 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Dương Tuấn Anh, Nguyễn Văn Thư (ch.b.), Đặng Thị Thu Hiền... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 49000đ. - 5000b  
T.2. - 2025. - 111 tr. : bìa s624953
2864. Vở thực hành Ngữ văn 9 / Nguyễn Thị Hồng Nam (ch.b.), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 41000đ. - 1000b  
T.1. - 2025. - 108 tr. : bìa, sơ đồ s624949
2865. Vũ Duy Chu. Mái nhà tuổi thơ : Thơ / Vũ Duy Chu. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 91 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 500b s625912
2866. Vũ Đình Thi. Thơ hồi ký: Số phận và cuộc đời / Vũ Đình Thi. - H. : Thông tấn, 2025. - 229 tr. : ảnh ; 21 cm. - 400b  
Tên sách ngoài bìa: Hồi ký thơ s625683
2867. Vũ Lập. Hương quê mùa hoa nhãn : Thơ / Vũ Lập. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 86 tr. ; 21 cm. - 500b s625403
2868. Vũ Liêm. Tội ác sau khe cửa : Tiểu thuyết / Vũ Liêm. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 311 tr. ; 21 cm. - 1000b s625286
2869. Vũ Thảo Ngọc. Miền cửa sông : Tiểu thuyết / Vũ Thảo Ngọc. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 287 tr. ; 21 cm. - 1000b s625280
2870. Vũ Thị Thường. Hai chị em & các tập truyện khác : Truyện ngắn / Vũ Thị Thường. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 415 tr. ; 21 cm. - 1450b  
Tên thật tác giả: Lê Kim Nga s625420
2871. Vũ Toàn. Trong lòng hồ thủy điện : Thơ / Vũ Toàn. - Tái bản lần thứ 1, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 90 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 100000đ. - 1000b s625441
2872. Vương Diễm Nga. 101 truyện hay về trí thông minh / Vương Diễm Nga ; Tuệ Văn dịch. - Tái bản lần thứ 12. - H. : Văn học, 2025. - 207 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 90000đ. - 3000b  
Tên sách tiếng Trung: 红贝壳彩书坊 - 让孩子受益一生的101个经典智慧故事 s623806
2873. Vương Mỹ Anh. Sự thật thuộc về em : Kẽ lữ hành tuyệt vọng / Vương Mỹ Anh. - H. : Văn học, 2025. - 523 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 289000đ. - 1000b s623800
2874. Walker , Alice. Màu tím = The color purple / Alice Walker ; Trần Nguyên dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 346 tr. ; 21 cm. - 168000đ. - 1000b  
Giải Pulitzer 1983 s625872
2875. Walliams, David. Anh chàng không gian / David Walliams ; Minh họa: Adam Stower ; Trà Dương dịch. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2026. - 362 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 185000đ. - 2500b  
Tên sách tiếng Anh: Spaceboy s625405
2876. Wee talk! Wee play! : Red / Sophia Yang ; Ill.: Wing Hsu... - H. : Thế giới, 2025. - 88 p. : color pic. ; 22x23 cm. - (Live & learn series). - 360000đ. - 5000 copies s625046
2877. Wilde, Oscar. De Profundis & Bài ballad về nhà ngục Reading / Oscar Wilde ; Nguyễn Tuấn Linh dịch. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 237 tr. ; 21 cm. - 110000đ. - 2000b  
Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: De profundis & The ballad of Reading Gaol s625406

2878. Williams, Charles. Ác mộng giữa trùng khơi / Charles Williams ; Tất An dịch. - H. : Văn học, 2025. - 286 tr. ; 21 cm. - 130000đ. - 1000b s623659

2879. Xander, Iliana. Lời thì thầm từ quá khứ / Iliana Xander ; Quỳnh Anh dịch. - H. : Văn học, 2025. - 334 tr. ; 24 cm. - 179000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Love, mom s623687

2880. Xuân Cẩm Lệ - Bình Ngô 2026 / Võ Văn Thắng, Bùi Thị Ngọc Loan, Đỗ Thị Kiều... ; B.s.: Nguyễn Văn Thanh, Kiều Phan Tuấn, Nguyễn Đức Hạnh... - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2026. - 155 tr. : ảnh, tranh ; 24 cm. - 500b s624179

2881. Xuân Phong Lựu Hỏa. Trúc mã của tôi thật nham hiểm : Tiểu thuyết / Xuân Phong Lựu Hỏa ; Bình Nguyên dịch. - H. : Văn học. - 24 cm. - 239000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 我竹马十分凶险

T.1. - 2025. - 507 tr. s623690

2882. Xuân Phong Lựu Hỏa. Trúc mã của tôi thật nham hiểm : Tiểu thuyết / Xuân Phong Lựu Hỏa ; Bình Nguyên dịch. - H. : Văn học. - 24 cm. - 239000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 我竹马十分凶险

T.2. - 2025. - 487 tr. s623691

2883. Xuân treo trên bèo ghe hàng : Truyện tranh / Lê Phương Thảo, Quỳnh Hương, Hoàng Anh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2026. - 42 tr. : tranh màu ; 20x30 cm. - 189000đ. - 1000b s626330

2884. Xuân Trường. Lắng nghe xuân về : Thơ / Xuân Trường. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 100 tr. ; 21 cm. - 86000đ. - 300b

Tên thật tác giả: Nguyễn Xuân Trường s625401

## LỊCH SỬ

2885. 30 đề luyện thi tốt nghiệp THPT 2026 Lịch sử : 100% đề luyện thi đều có lời giải và video hướng dẫn đầy đủ, chi tiết... / Hồ Như Hiền (ch.b.), Trần Mơ. - H. : Dân trí, 2025. - 197 tr. ; 27 cm. - 189000đ. - 5000b s626510

2886. Bác Hồ trong trái tim những người bạn quốc tế / X. Agiendê, Ápdên Maléché, Báo Annát... ; Bùi Phúc Hải s.t., b.s. - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 215 tr. ; 21 cm. - 83000đ. - 1000b s625209

2887. Bác Hồ với Hưng Yên, Hưng Yên với Bác Hồ / B.s.: Đào Hồng Vận, Trần Quốc Việt, Nguyễn Thế Chuyên... - Xuất bản lần thứ 3, có hiệu chỉnh, bổ sung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2024. - 410 tr. : ảnh ; 24 cm. - 2500b

ĐTTS ghi: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Hưng Yên s625217

2888. Bài tập Lịch sử 10 / Phạm Hồng Tung, Nguyễn Quang Liệu (ch.b.), Trương Thị Bích Hạnh... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 100 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18000đ. - 20000b s624549

2889. Bài tập Lịch sử 12 / Trần Thị Vinh, Phạm Hồng Tung (ch.b.), Trương Thị Bích Hạnh... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 135 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18000đ. - 13000b s624550

2890. Bài tập Lịch sử và Địa lí 8 - Phần Lịch sử / Hà Bích Liên (ch.b.), Lê Phụng Hoàng, Nhữ Thị Phương Lan... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 12000đ. - 50000b s624546

2891. Bài tập Lịch sử và Địa lí 8 - Phần Lịch sử / Trịnh Đình Tùng (ch.b.), Nguyễn Ngọc Cơ, Đào Tuấn Thành, Hoàng Thanh Tú. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 108 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 16000đ. - 242618b s624543

2892. Bài tập Lịch sử và Địa lí 9 - Phần Lịch sử / Nguyễn Ngọc Cơ, Trịnh Đình Tùng (ch.b.), Hoàng Hải Hà... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 140 tr. : bảng ; 24 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 18000đ. - 179049b s624544

2893. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa thế giới đô thị cổ Hội An trong bối cảnh mới / Nguyễn Văn Kim, Phạm Thị Thanh Hương, Bùi Văn Tiếng... ; B.s.: Quảng Văn Quý... - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2025. - 239 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Thông tin Nghiên cứu bảo tồn di sản; T.1). - 300b

ĐTTS ghi: Trung tâm Bảo tồn Di sản văn hóa thế giới Hội An. - Thư mục cuối mỗi bài. - Phụ lục: tr. 235-239 s624047

2894. Bộ đề ôn luyện chuyên sâu môn Lịch sử : Kỳ thi tốt nghiệp THPT theo Chương trình GDPT mới... / Nguyễn Văn Ninh (ch.b.), Trần Anh Quý, Khổng Thị Thu Trang... - H. : Dân trí, 2025. - 179 tr. : bảng ; 27 cm. - 150000đ. - 10000b s623996

2895. Cách mạng Tháng Tám 1945 : Tuyển chọn từ Tạp chí Lịch sử quân sự / Trần Trọng Trung, Nguyễn Thành, Dương Đình Lập... ; B.s.: Phan Sỹ Phúc (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1, có sửa chữa. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 859 tr. ; 23 cm. - (Kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2 - 9). - 4613b

ĐTTS ghi: Viện Chiến lược và Lịch sử Quốc phòng Việt Nam s624109

2896. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 - Giá trị lý luận và thực tiễn đối với công cuộc xây dựng và phát triển tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn hiện nay / Đặng Thị Kim Oanh, Đỗ Tài, Lưu Ngọc Trung... ; Ch.b.: Nguyễn Thu Huyền, Đỗ Tài. - H. : Lý luận chính trị, 2025. - 372 tr. ; 21 cm. - 120b

ĐTTS ghi: Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên s625721

2897. Castro, Fidel. Một trăm giờ với Fidel - Những cuộc trò chuyện cùng Ignacio Ramonet : Bổ sung các bài viết của Ramonet "Hai giờ nữa với Fidel" và "Fidel Castro và cuộc đàn áp chống lại giới trí thức" / Fidel Castro, Ignacio Ramonet ; Dịch: Nguyễn Mai Anh, Nguyễn Phương Loan. - H. : Văn học, 2025. - 893 tr. : ảnh ; 23 cm. - 165b

Dịch và trình bày theo nguyên bản tiếng Tây Ban Nha: Cien horas con Fidel - Conversaciones con Ignacio Ramonet s623713

2898. Cẩm nang 126 xã/phường Hà Nội: Những thông tin cơ bản. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 798 tr. : bản đồ ; 27 cm. - 300b

Đầu bìa sách ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội... s626393

2899. Chu Đức Tính. Người Cộng sản kiên trung / Chu Đức Tính. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 460 tr. ; 21 cm. - 1000b s624105

2900. Chuyên đề học tập Lịch sử 11 / Hà Minh Hồng (ch.b.), Trần Thị Mai, Trần Nam Tiến, Trần Thị Thanh Vân. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 52 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 8000đ. - 41000b s624616

2901. Chuyên đề học tập Lịch sử 11 / Vũ Minh Giang, Phạm Hồng Tung (tổng ch.b.), Trần Thị Vinh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 55 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 8000đ. - 54941b s624621

2902. Chuyên đề học tập Lịch sử 12 / Vũ Minh Giang (tổng ch.b.), Trần Thị Vinh (ch.b.), Nguyễn Thị Mai Hoa... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 55 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 8000đ. - 51738b s624622

2903. Cù Chi - Đất thép thành đồng / Phan Văn Khải, Nguyễn Chí Thanh, Mai Chí Thọ... ; B.s.: Trần Hữu Phước... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh  
T.1. - 2025. - 468 tr. s625541

2904. Cù Chi - Đất thép thành đồng / Phạm Minh Hiền, Nguyễn Văn Phớ, Nguyễn Nhật Tiến... ; B.s.: Trần Hữu Phước... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh  
T.2. - 2025. - 807 tr. s625542

2905. Cù Chi - Đất thép thành đồng / B.s.: Trần Hữu Phước, Nguyễn Văn Đua, Lê Văn Minh... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh  
T.3. - 2025. - 534 tr. : minh họa s625543

2906. Di tích lịch sử Đền Tam Phủ - Bãi Nguyệt Bàn = Historical site Tam Phu temple - Nguyệt Bàn alluvial plain. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 8 tr. : ảnh ; 21 cm. - (Du lịch về miền Quan họ). - 4000b

ĐTTS ghi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bắc Ninh. Bảo tàng và xúc tiến du lịch s625394

2907. Di tích quốc gia - Đền Bà Chúa Kho = National monument - Ba Chua Kho temple. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 8 tr. ; 21 cm. - (Du lịch về miền Quan họ). - 4000b

ĐTTS ghi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bắc Ninh. Bảo tàng và xúc tiến du lịch s625391

2908. Di tích quốc gia - Đền thờ Thái sư Lê Văn Thịnh = National monument - Temple of grand chancellor Le Van Thinh. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 8 tr. : ảnh ; 21 cm. - (Du lịch về miền Quan họ). - 4000b

ĐTTS ghi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bắc Ninh. Bảo tàng và xúc tiến du lịch s625389

2909. Di tích quốc gia - Đình, đền, chùa Đông Ky = National monument - Communal house, temple, pagoda of Dong Ky. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 8 tr. : ảnh ; 21 cm. - (Du lịch về miền Quan họ). - 4000b

ĐTTS ghi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bắc Ninh. Bảo tàng và xúc tiến du lịch s625395

2910. Di tích quốc gia - Lăng và đền thờ Cao Lỗ Vương = National monument - Mausoleum and temple of Cao Lo Vuong. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 8 tr. : ảnh ; 21 cm. - (Du lịch về miền Quan họ). - 4000b

ĐTTS ghi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bắc Ninh. Bảo tàng và xúc tiến du lịch s625397

2911. Di tích quốc gia đặc biệt - Chùa Bút Tháp = Special national monument - But Thap Pagoda. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 8 tr. : ảnh ; 21 cm. - (Du lịch về miền Quan họ). - 4000b

ĐTTS ghi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bắc Ninh. Bảo tàng và xúc tiến du lịch s625390

2912. Di tích quốc gia đặc biệt - Chùa Dâu = Special national monument - Dau pagoda. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 8 tr. : ảnh ; 21 cm. - (Du lịch về miền Quan họ). - 4000b

ĐTTS ghi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bắc Ninh. Bảo tàng và xúc tiến du lịch s625398

2913. Di tích quốc gia đặc biệt - Chùa Phật Tích = Special national monument - Phat Tich pagoda. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 8 tr. : ảnh ; 21 cm. - (Du lịch về miền Quan họ). - 4000b

ĐTTS ghi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bắc Ninh. Bảo tàng và xúc tiến du lịch s625396

2914. Di tích quốc gia đặc biệt - Khu lăng mộ và đền thờ các vị vua triều Lý = Special national monument - Mausoleums and temples of the Ly dynasty kings. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 8 tr. : ảnh ; 21 cm. - (Du lịch về miền Quan họ). - 4000b

ĐTTS ghi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bắc Ninh. Bảo tàng và xúc tiến du lịch s625399

2915. Di tích quốc gia lăng và đền thờ Kinh Dương Vương = National monument mausoleum and temple of Kinh Duong Vuong. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 8 tr. : ảnh ; 21 cm. - (Du lịch về miền Quan họ). - 4000b

Ngoài bìa sách ghi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bắc Ninh. Bảo tàng và xúc tiến du lịch s625393

2916. Đặng Phong. 5 đường mòn Hồ Chí Minh / Đặng Phong. - H. : Tri thức, 2026. - 383 tr. : ảnh, bản đồ ; 24 cm. - 229000đ. - 500b

Thư mục: tr. 351-358 s625807

2917. Địa phương chí và Luật Đường bộ tỉnh Gò Công đầu thế kỷ XX / Võ Văn Hải biên dịch, chú giải. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 370 tr. : minh họa ; 21 cm. - 250000đ. - 1000b  
Phụ lục: tr. 346-366 s625876

2918. Đinh Biên Thùy. Ấn phẩm thông tin đối ngoại năm 2025 / B.s.: Đinh Biên Thùy, Nguyễn Thị Thu Trang ; Ảnh: Phạm Hoàng Sơn, Hoàng Văn Đông. - H. : Văn học, 2025. - 64 tr. : ảnh, bản đồ ; 27 cm. - 550b

ĐTTS ghi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa s623851

2919. Đinh Thần An Khánh: Di sản văn hóa và lịch sử của một vùng đất Nam Bộ / Hồ Văn Việt, Lâm Hoài Phương, Hội Di sản Văn hóa Tp. Hồ Chí Minh... - H. : Thế giới, 2025. - 279 tr. : ảnh ; 21 cm. - 1000b

Thư mục cuối mỗi bài s625631

2920. Đột phá tư duy kì thi tốt nghiệp THPT môn Lịch sử - C stage : Ôn luyện thi tốt nghiệp THPT và thi Đại học / Phạm Văn Khải, Nguyễn Hoàng Gia Phúc, Trần Đức Thắng, Đậu Đức Anh. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Dân trí, 2025. - 176 tr. : minh họa ; 28 cm. - 150000đ. - 5000b s626535

2921. Giáo sư Tôn Thất Dương Ky: Bản lĩnh yêu nước - Sự nghiệp khoa học / Tôn Nữ Quỳnh Trân, Mạc Đường (đồng ch.b.), Lê Văn Năm, Trương Hoàng Trương. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 275 tr. : ảnh ; 20 cm. - 500b

Thư mục: tr. 268-275 s624219

2922. Giáo trình Phương pháp luận sử học / Hoàng Hồng (ch.b.), Lê Văn Sinh, Phan Phương Thảo... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 237 tr. : biểu đồ ; 24 cm. - 250000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. - Thư mục: tr. 183-184. - Phụ lục: tr. 185-237 s626357

2923. Hà Lam Danh. Bác Hồ ở Thái Lan / Hà Lam Danh, Thawee Rungrotkajonkul, Soonthorn Phannarattana ; H.đ.: Phạm Văn Lam, Songpon Baolopet. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 195 tr. : tranh vẽ, ảnh ; 20 cm. - 1500b s624306

2924. Hà Nội học : Dành cho cán bộ quản lý giáo dục / Lê Thị Thu Hương, Nguyễn Quang Ngọc (ch.b.), Đỗ Thị Minh Đức... - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 319 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 50b

Thư mục: tr. 310-319 s625730

2925. Hà Nội học : Dành cho giáo viên trung học phổ thông / Bùi Văn Tuấn, Trương Quang Hải, Nguyễn Quang Ngọc (ch.b.)... - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 511 tr. : minh họa ; 24 cm. - 50b

Thư mục: tr. 510-511 s625728

2926. Hà Nội học : Dành cho sinh viên / Lê Thị Thu Hương, Nguyễn Quang Anh (ch.b.), Nguyễn Quang Ngọc... - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 511 tr. : minh họa ; 24 cm. - 50b

Thư mục: tr. 504-511 s625725

2927. Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử / B.s.: Đặng Xuân Kỳ (tổng ch.b.), Song Thành (phó tổng ch.b.), Trần Minh Trường (ch.b.)... - Xuất bản lần thứ 3, có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 339300đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng

T.5: 1951 - 1954. - 2025. - ix, 509 tr., 1 tr. ảnh màu s623580

2928. Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử / B.s.: Đặng Xuân Kỳ (tổng ch.b.), Song Thành (phó tổng ch.b.), Nguyễn Thế Thắng (ch.b.)... - Xuất bản lần thứ 3, có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 339300đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng

T.6: 1955 - 1957. - 2025. - viii, 507 tr., 1 ảnh màu s623581

2929. Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử / B.s.: Đặng Xuân Kỳ (tổng ch.b.), Song Thành (phó tổng ch.b.), Phạm Hồng Chương (ch.b.)... - Xuất bản lần thứ 3, có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 339300đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng

T.7: 1958 - 1960. - 2025. - viii, 511 tr., 1 tr. ảnh màu s623582

2930. Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử / B.s.: Đặng Xuân Kỳ (tổng ch.b.), Song Thành (phó tổng ch.b.), Lê Văn Tích (ch.b.)... - Xuất bản lần thứ 3, có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 339300đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng

T.8: 1961 - 1963. - 2025. - x, 441 tr., 1 tr. ảnh màu s623583

2931. Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử / B.s.: Đặng Xuân Kỳ (tổng ch.b.), Song Thành (phó tổng ch.b.), Phùng Đức Thắng (ch.b.)... - Xuất bản lần thứ 3, có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 339300đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng

T.9: 1964 - 1966. - 2025. - viii, 493 tr., 1 tr. ảnh màu s623584

2932. Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử / B.s.: Đặng Xuân Kỳ (tổng ch.b.), Song Thành (phó tổng ch.b.), Phạm Hồng Chương (ch.b.)... - Xuất bản lần thứ 3, có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 393300đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng

T.10: 1967 - 1969. - 2025. - viii, 411 tr., 1 tr. ảnh màu s623585

2933. Hướng dẫn ôn thi tốt nghiệp Trung học phổ thông môn Lịch sử năm học 2025 - 2026 / Trần Thị Vinh (ch.b.), Nguyễn Thị Mai Hoa, Hoàng Thị Hồng Nga... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 187 tr. : bìa ; 27 cm. - 85000đ. - 6000b s624673

2934. Joyaux, François. Nam Phương - Hoàng hậu cuối cùng của Việt Nam = Nam Phuong - La dernière impératrice du Vietnam / François Joyaux ; Quế Sơn dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 421 tr. ; 23 cm. - 250000đ. - 2000b s624191

2935. Khám phá Vườn Chuối (Hà Nội) qua mùa khai quật năm 2024 - 2025 = Exploring the Vườn Chuối site (Hanoi) through the 2024 - 2025 excavation seasons / Nguyễn Ngọc Quý, Lâm Thị Mỹ Dung, Nguyễn Tiến Đà (ch.b.)... ; Ảnh: Nguyễn Phúc Cẩn... ; Vẽ: Phạm Dư Toàn... ; Minh Văn biên dịch ; H.đ.: Lâm Thị Mỹ Dung, Philip Piper. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 255 tr. : ảnh màu ; 22x24 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Khảo cổ học... - Thư mục: tr. 250-255 s623617

2936. Khảo cổ học Đồng Nai - Thành tựu nghiên cứu mới / Bùi Văn Liêm, Nguyễn Hồng Ân, Trương Lê Thành Trung... ; Ch.b.: Nguyễn Hồng Ân, Bùi Văn Liêm. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 429 tr. : ảnh ; 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai ; Viện Khảo cổ học Việt Nam. - Thư mục cuối mỗi bài s625528

2937. Khi én đưa thoi : Con người, lịch sử và văn hóa Việt : Sách Xuân tuyển chọn từ Tạp chí Xưa và Nay năm 2025 / Nguyễn Hạnh tuyển chọn. - H. : Thế giới, 2025. - 398 tr. ; 24 cm. - 237000đ. - 1500b s625649

2938. Khôi Vũ Nguyễn Thái Hải. Trong dòng chảy Đồng Nai : Tập ký / Khôi Vũ Nguyễn Thái Hải. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 303 tr. : ảnh ; 24 cm. - 1000b

Phụ lục: tr. 289-300 s625531

2939. Kỷ vật người lính / Trần Thị Nga, Nguyễn Thị Thuận, Lưu Thị Nguyệt... - H. : Quân đội nhân dân. - 21 cm. - 589b

ĐTTS ghi: Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam. Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam

T.2. - 2025. - 180 tr., 20 tr. ảnh s624080

2940. Kỳ yếu Hội thảo khoa học Giáo dục Hà Nội qua các tiểu vùng văn hóa Thăng Long - Hà Nội / Đỗ Thị Minh Đức, Trần Thị Hồng Nhung, Nguyễn Thị Bích... - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 461 tr. : minh họa ; 27 cm. - 65b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. - Thư mục cuối mỗi bài s626455

2941. Làng quan họ cổ Viêm Xá = Viem Xa - The ancient village of quan ho folk songs. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 8 tr. ; 21 cm. - (Du lịch về miền Quan họ). - 4000b s625392

2942. Lemaire, Dominique. Les divinités dans les temples et les pagodes de la ville de Hanoi / Dominique Lemaire. - H. : Tri thức, 2025. - 493 p. : ill. ; 21x30 cm. - 110000đ. - 50 copies s624984

2943. Lịch sử 10 / Hà Minh Hồng (ch.b.), Phạm Thu Hà, Trần Thị Mai... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 116 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 17000đ. - 195000b s624615

2944. Lịch sử 11 / Vũ Minh Giang, Phạm Hồng Tung (tổng ch.b.), Trần Thị Vinh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 95 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 14000đ. - 178021b s624618

2945. Lịch sử 12 / Vũ Minh Giang (tổng ch.b.), Trần Thị Vinh (ch.b.), Trương Thị Bích Hạnh... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 111 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 15000đ. - 164790b s624619

2946. Lịch sử Việt Nam bằng tranh / B.s.: Trần Bạch Đằng (ch.b.), Lê Văn Năm ; Họa sĩ: Tô Hoài Đạt. - In lần thứ 7. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 20 cm. - 35000đ. - 1500b  
T.53: Đàng Trong suy tàn. - 2026. - 91 tr. : tranh vẽ. - Thư mục: tr. 78, 88 s625497

2947. Mai Sông Bé. Nước & nước mắt / Mai Sông Bé. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 210 tr. : minh họa ; 21 cm. - 1000b s625525

2948. Ngô Hoàng Nam. Cuộc tổng di chuyển - Bước chuẩn bị kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp (1946 - 1947) : Sách chuyên khảo / Ngô Hoàng Nam. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 208 tr. ; 21 cm. - 1000b

Phụ lục: tr. 159-188. - Thư mục: tr. 189-205 s624082

2949. Nguyễn Đình Chi. Ngược nguồn kí ức / Nguyễn Đình Chi. - H. : Hồng Đức. - 21 cm. - 200b

T.1: Cội nguồn. - 2025. - 207 tr. : ảnh, tranh vẽ s626080

2950. Nguyễn Minh Sơn. Quá trình mở rộng chiến tranh của Mỹ ra toàn Đông Dương (1969 - 1973) / Nguyễn Minh Sơn. - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2025. - 380 tr. ; 24 cm. - 200000đ. - 100b

Thư mục: tr. 352-376 s625827

2951. Nguyễn Ngọc Tuệ Minh. Đại Việt lược truyện - Từ kỷ Hồng Bàng đến nhà Lê Sơ / Nguyễn Ngọc Tuệ Minh. - H. : Văn học, 2025. - 199 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 100b s623759

2952. Nhữ Đình Văn. Tiến sĩ Nho học Nhữ Văn Lan = 儒學進士汝文蘭 / Nhữ Đình Văn biên khảo, dịch thuật. - H. : Văn học, 2025. - 103 tr. : ảnh ; 24 cm. - 200000đ. - 500b s623702

2953. Oliveira, Pedro de. Ho Chi Minh vida y carrera del líder de la liberación nacional de Vietnam / Pedro de Oliveira ; Trad.: Nguyen Thi Thanh, Nguyen Thi Thanh Huyen. - H. : Política Nacional, 2025. - 445 p. ; 24 cm. - 1000 copies s625037

2954. Phạm Thế Minh. Theo những triền sông / Phạm Thế Minh. - H. : Văn học. - 21 cm. - 150000đ. - 1000b

T.6. - 2025. - 511 tr. - Thư mục: tr. 501 s623631

2955. Phan Phương Thảo. Giáo trình Một số phương pháp nghiên cứu lịch sử / Phan Phương Thảo (ch.b.), Đinh Thị Thùy Hiền, Nguyễn Thị Bình. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 346 tr. : bảng ; 24 cm. - (Tủ sách Khoa học Xã hội và Nhân văn). - 350000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. - Thư mục: tr. 339-346 s626350

2956. Reed, John. Mười ngày rung chuyển thế giới : Tựa của Lenin và Nadazhda Kruskaya / John Reed ; Dịch: Đặng Thế Bình, Trương Đắc Vy. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 399 tr. ; 24 cm. - 149000đ. - 500b s625550

2957. Sắc phong triều Nguyễn tại một số di tích trên địa bàn thành phố Huế / B.s.: La Thiên Phương, Đặng Vĩnh Toại, Văn Thị Thanh Hải ; Dịch: Nguyễn Công Lập, Đỗ Minh Điền ; Trần Đại Vinh h.đ. - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2025. - 167 tr. : ảnh ; 24 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Huế. Bảo tàng Lịch sử s625826

2958. Song Thành. Hồ Chí Minh nhà yêu nước vĩ đại / Song Thành. - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 323 tr. ; 21 cm. - 126000đ. - 1000b s625214

2959. Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh An Giang - Lớp 10 / Trần Thị Ngọc Diễm, Trần Thị Kim Nhung (tổng ch.b.), Trần Tuấn Khanh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 100 tr. : minh họa ; 27 cm. - 35000đ. - 2030b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. Sở Giáo dục và Đào tạo s624806

2960. Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Khánh Hòa - Lớp 6 / Võ Hoàn Hải, Trần Thị Kim Nhung (tổng ch.b.), Trần Minh Hường (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 116 tr. : minh họa ; 27 cm. - 37000đ. - 4744b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Khánh Hòa s624807

2961. Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Khánh Hòa - Lớp 7 / Lê Đình Thuận, Trần Thị Kim Nhung (tổng ch.b.), Nguyễn Sinh Cung (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 96 tr. : minh họa ; 27 cm. - 31000đ. - 4879b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Khánh Hòa s624808

2962. Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Khánh Hòa - Lớp 8 / Lê Đình Thuận, Trần Thị Kim Nhung (tổng ch.b.), Nguyễn Sinh Cung (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 100 tr. : minh họa ; 27 cm. - 31000đ. - 4772b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Khánh Hòa s624809

2963. Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Thanh Hóa - Lớp 6 / Nguyễn Phú Tuấn (tổng ch.b.), Bùi Thị Oanh (ch.b.), Lưu Đức Hạnh, Lê Thị Bích Hồng. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 64 tr. : minh họa ; 27 cm. - 19000đ. - 20200b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Sở Giáo dục và Đào tạo s624804

2964. Tổng ôn lý thuyết trọng tâm - Khoa học xã hội : Theo định hướng đánh giá năng lực học sinh trung học phổ thông / Nguyễn Thị Lê Phương, Đặng Minh Xuân (đồng ch.b.), Triệu Thị Dung, Đặng Thị Thanh Tâm. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 344 tr. : bảng ; 27 cm. - 175000đ. - 1500b s623921

2965. Trần Giang San. Vương quốc Brunei - Vùng đất, văn hóa và con người / Trần Giang San. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 205 tr. ; 21 cm. - 195000đ. - 1500b s625853

2966. Trần Minh Hùng. Đất nước lời ru : Suu tầm - Biên soạn - Sáng tác / Trần Minh Hùng. - Huế : Nxb. Thuận Hóa, 2025. - 467 tr. : ảnh ; 24 cm. - 450000đ. - 300b

Phụ lục: tr. 435-467 s624251

2967. Trần Thị Nhung. Căn cứ địa miền Đông Nam Bộ trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước / Trần Thị Nhung. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 355 tr. ; 21 cm. - 1000b s624099

2968. Trần Văn Khuyên. Đồng chí Nguyễn Văn Linh - Cuộc đời và sự nghiệp / B.s.: Trần Văn Khuyên, Nguyễn Võ Cường, Vũ Hà My. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 175 tr. : ảnh ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 173-174 s625521

2969. Trui rền trong lửa đỏ : Tập ký sự truyền thống Thành Đoàn / Trần Bạch Đằng, Hoàng Lâm, Nguyễn Nguyên... - In lần thứ 2, có bổ sung hình ảnh minh họa. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2026. - 495 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 20 cm. - 90000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Câu lạc bộ Truyền thống Thành Đoàn s625496

2970. Trương Ngọc Thơi. Tìm hiểu kiến thức lịch sử Việt Nam qua các thời kì / Trương Ngọc Thơi b.s. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 224 tr. ; 24 cm. - 98000đ. - 1500b

Thư mục: tr. 222-224 s626352

2971. Trương Văn Ánh. Lịch sử Việt Nam bằng thơ : Vietnamese history in verse : Việt - Anh / Trương Văn Ánh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2026. - 95 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 500b s625427

2972. Tứ trấn Đoàn Thành Lạng Sơn / Vy Thị Quỳnh Ngọc, Hoàng Văn Páo (ch.b.), Âu Thị Nga Sơn... - H. : Văn hóa dân tộc, 2025. - 435 tr. : minh họa ; 21 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Hội Di sản Văn hóa tỉnh Lạng Sơn. - Phụ lục: tr. 321-427. - Thư mục: tr. 428-432 s625321

2973. Vivó, Raúl Valdés. Tối mật - Những người Cu Ba trên đường Hồ Chí Minh : Sách tham khảo / Raúl Valdés Vivó ; Dịch: Phạm Xuân Sinh, Hồ Quang Minh. - H. : Thông tấn, 2025. - 264 tr. : ảnh ; 21 cm. - 2500b s625682

2974. Võ Nguyên Giáp. Quyết tâm tiến lên! Biết tiến lên! / Võ Nguyên Giáp ; Nguyễn Văn Khoan s.t. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 183 tr. : ảnh ; 22 cm. - 130000đ. - 800b s625549

2975. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Lịch sử và Địa lí 6 - Phần Lịch sử : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Nguyễn Xuân Trường (ch.b.), Nguyễn Thị Bích, Lưu Hoa Sơn, Trịnh Thị Hoàng Yến. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 88 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống. Chân trời sáng tạo). - 42000đ. - 3000b s624607

2976. Vũ Thị Xu. Dặm dài vững bước tìm về cội nguồn tiên tổ : Hành trình điền dã khảo sát và cảm nhận / Vũ Thị Xu, Nguyễn Thị Giang. - H. : Hồng Đức, 2025. - 650 tr. ; 21 cm. - 299000đ. - 1000b s626093

## ĐỊA LÝ VÀ DU HÀNH

2977. Atlas địa lí Việt Nam : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, chỉnh sửa năm 2025 / Lê Huỳnh, Đặng Vũ Khắc (ch.b.), Đỗ Anh Dũng... - Tái bản lần thứ 1, có chỉnh lí, bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 32 tr. : minh họa ; 33 cm. - 34000đ. - 7000b s624627

2978. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Lịch sử và Địa lí 7 - Phần Địa lí / Nguyễn Phương Liên (ch.b.), Đỗ Anh, Đỗ Thị Thanh Nga, Tạ Quỳnh Trang. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 80 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 40000đ. - 5000b s624383

2979. Bộ đề kiểm tra, đánh giá Lịch sử và Địa lí 8 - Phần Địa lí / Nguyễn Phương Liên (ch.b.), Đỗ Anh, Đỗ Thị Thanh Nga, Tạ Quỳnh Trang. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 91 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 45000đ. - 5000b s624384

2980. Bùi Thị Thanh Hương. 旅游酒店汉语教程—导游篇 = Giáo trình Tiếng Trung Quốc du lịch khách sạn - Phần hướng dẫn viên / Bùi Thị Thanh Hương, Đinh Thị Hồng Thu. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 189 页 ; 肖像 ; 24 cm. - (Tủ sách Khoa học). - 120000đ. - 100 copies

书目在书后 s624989

2981. Cẩm nang Hướng dẫn viên du lịch nội địa / Ch.b.: Lê Văn Tấn, Chung Lê Khang, Đào Thanh Thủy... - H. : Văn hóa dân tộc, 2025. - 280 tr. : bìa ; 24 cm. - 189000đ. - 500b  
Thư mục: tr. 277-279 s625708

2982. Chuyên đề học tập Địa lí 10 / Lê Huỳnh (tổng ch.b.), Nguyễn Đình Cử, Đặng Tiên Dung, Đào Ngọc Hùng. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 35 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 6000đ. - 70445b s624620

2983. Địa lí 10 / Lê Huỳnh (tổng ch.b.), Nguyễn Việt Khôi (ch.b.), Nguyễn Đình Cử... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 115 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 16000đ. - 167282b s624611

2984. Lịch sử và Địa lí 8 / Vũ Minh Giang, Nghiêm Đình Vỳ (tổng ch.b.), Trịnh Đình Tùng (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 175 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 23000đ. - 156000b s624617

2985. Nghĩa Tran. Cuộc phiêu lưu ở quê hương của Phở / Nghĩa Tran. - H. : Thế giới, 2025. - 36 tr. : tranh màu ; 25 cm. - 139000đ. - 1000b  
Tên sách tiếng Anh: Phở - Nomenal adventures in Vietnam s625660

2986. Nguyễn Thị Minh Lý. Bà ngoại đi phượt / Nguyễn Thị Minh Lý. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 251 tr. ; 21 cm. - 139000đ. - 1000b s625865

2987. Tập bản đồ bài tập - Thực hành Lịch sử và Địa lí 9: Phần Địa lí : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Chu Bích Hạnh, Nguyễn Tú Linh, Nguyễn Thị Thảo. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 59 tr. : minh họa ; 27 cm. - 21000đ. - 3000b s624623

2988. Tập bản đồ bài tập - Thực hành Lịch sử và Địa lí 9: Phần Lịch sử : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Phan Ngọc Huyền, Nguyễn Hải Nam, Vũ Thị Phượng, Nguyễn Thị Huyền Sâm. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 60 tr. : minh họa ; 27 cm. - 21000đ. - 2000b s624624

2989. Tập bản đồ Lịch sử và Địa lí lớp 6 - Phần Địa lí : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Phí Công Việt, Trương Thị Thu Hiền, Phạm Văn Hải... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 39 tr. : minh họa ; 30 cm. - 39000đ. - 10000b s624625

2990. Tập bản đồ Lịch sử và Địa lí lớp 9 - Phần Lịch sử : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Trịnh Đình Tùng (ch.b.), Hoàng Hải Hà, Phạm Văn Hải... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : minh họa ; 30 cm. - 38000đ. - 10000b s624626

2991. Việt Nam nhìn từ biển = Viet Nam as viewed from the sea / B.s.: Nguyễn Thái Bình (ch.b.), Phạm Thị Ngọc Bích, Nguyễn Giao Linh, Nguyễn Thị Thúy ; Đinh Trọng Minh dịch ; H.đ.: Nguyễn Thái Phúc, Nguyễn Thị Thùy Dương. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 411 tr. : ảnh ; 29 cm. - 1000b s623908

2992. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Lịch sử và Địa lí 6 - Phần Địa lí : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Đỗ Anh Dũng (ch.b.), Nguyễn Thị Thu Hà, Trương Thị Thu Hiền, Nguyễn Phương Liên. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 88 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống. Chân trời sáng tạo). - 42000đ. - 3000b s624606

2993. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Lịch sử và Địa lí 8 - Phần Địa lí : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Đỗ Anh Dũng (ch.b.), Nguyễn Phương Liên, Nguyễn Thị Thanh Ngọc, Lê Anh Tuấn. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 80 tr.

: bảng, biểu đồ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống. Chân trời sáng tạo). - 39000đ. - 3000b  
s624608

2994. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Lịch sử và Địa lí 9 - Phần Địa lí : Sử dụng  
cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Đỗ Anh Dũng (ch.b.), Nguyễn  
Phương Liên, Đỗ Thị Mùi, Nguyễn Thị Thanh Ngọc. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 100 tr.  
: bảng, biểu đồ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống. Chân trời sáng tạo). - 45000đ. - 3000b  
s624609